## Tuần 1 – Bài 1

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Tiết 1** – Hướng dẫn đọc thêm – Văn bản:

## CON RỒNG, CHÁU TIÊN BÁNH CHƯNG, BÁNH GIẦY

**(Truyện truyền thuyết)**

1. **Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* HS biết khái niệm thể loại truyền thuyết.
* HS biết được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết giai đoạn đầu.
* HS thấy được bóng dáng lịch sử thời kì dựng nước của dân tộc ta trong một tác phẩm văn học dân gian thời kì dựng nước và trong 1 tác phẩm thuộc nhóm truyền thuyết thời kì Hùng Vương.
* HS hiểu được quan niệm của người Việt cổ về nòi giống dân tộc qua truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên;
* HS hiểu được cách giải thích của người Việt cổ về một phong tục và quan niệm đề cao lao động, đề cao nghề nông – một nét đẹp văn hóa của người Việt.

## Kỹ năng:

* HS đọc diễn cảm, đọc – hiểu được 1 văn bản truyền thuyết.
* HS nhận ra được những sự việc chính của truyện.
* HS nhận ra được những nét đẹp về các chi tiết tưởng tượng kỳ ảo tiêu biểu trong truyện.

## Thái độ:

* HS tự hào về nguồn gốc, trí tuệ dân tộc, biết tôn vinh nòi giống Rồng Tiên.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác
* Phẩm chất: tự lập, tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

* 1. **Giáo viên:** tranh ảnh liên quan đến bài học
  2. **Học sinh:** Sách ngữ văn 6 tập 1, vở viết, bài soạn theo câu hỏi sgk.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: hoạt động nhóm, thị phạm, luyện tập – thực hành, giảng bình, thuyết trình
* Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở soạn của học sinh

## Vào bài mới:

* Em biết gì về nguồn gốc dân tộc VN ta?
* HS chia sẻ.
* GV giới thiệu bài.

*Thời gian đằng đẵng Không gian mênh mông*

*Đất Nước là nơi dân mình đoàn tụ Đất là nơi Chim về*

*Nước là nơi Rồng ở LLQ và Âu Cơ*

*Đẻ ra đồng bào ta trong bọc trứng*

Mặc cho *thời gian đằng đẵng/Không gian mênh mông,* vượt qua những lựa lọc khắt khe của lịch sử, người Việt xưa và nay vẫn luôn tự hào kể về nguồn gốc con Rồng cháu Tiên của mình. Ngược thời gian, về với ngày xửa ngày xưa, cô trò chúng ta cùng khám phá vẻ đẹp của truyền thuyết CRCT để cảm nhận và tự hào về cội nguồn dân tộc.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu truyền thuyết Con Rồng cháu Tiên.**   * PP: thị phạm, vấn đáp, Hđ nhóm, giảng bình * KT: đặt câu hỏi, TL nhóm, động não   ? Cần đọc vb với giọng điệu ntn?  (rõ ràng, truyền cảm, phân biệt lời kể và lời nói các nhân vật)   * HS đọc - > nx -> GV nx, chỉnh sửa.   ? Qua phần đọc và tìm hiểu văn bản, em hãy tóm tắt truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên”?  HS tóm tắt, HS nx, GV nx.   * GV hướng dẫn HS tìm hiểu và giải nghĩa một số từ khó như: Ngư Tinh, Mộc Tinh, Hồ Tinh, thủy cung…   ? Qua tìm hiểu vb, cho biết vb này thuộc thể loại gì?  ? Em biết gì về thể loại truyện truyền thuyết? | **A. Truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên”** Đọc và tìm hiểu chung:  * 1. **Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích:** * Đọc. * Tóm tắt: *Lạc Long Quân nòi rồng và Âu Cơ dòng Tiên gặp nhau và nên duyên vợ chồng. Âu Cơ mang thai và sinh ra 1 bọc trăm trứng nở ra 100 người con trai hồng hào khoẻ manh. Lạc Long Quân không thể sống lâu trên cạn nên đành từ biệt vợ mang theo 50 người con xuống biển, 50 người con còn lại theo mẹ lên non. Người con cả được tôn lên làm vua, lấy hiệu là Hùng Vương, đặt tên nước là Văn Lang.* * Chú thích: (sgk)   **2. Tìm hiểu chung văn bản:**  - Thể loại: truyện truyền thuyết  Là loại truyện dân gian kể về các nhân vật và sự kiện có liên quan đến lịch sự thời quá khứ , thường có yếu tố tưởng tượng, kì ảo. Truyền thuyết thể hiện thái độ, cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể . |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | LLQ | Âu Cơ |
| Nguồn gốc | *Con trai thần Long Nữ* | *Dòng tiên* |
| Hình dáng | *Mình rồng* | *Xinh đẹp tuyệt trần* |
| Tài năng,  tính cách | *Sức khỏe vô địch, có nhiều phép lạ* | *Yêu hoa thơm cỏ lạ* |
| Công lao | * *Diệt trừ yêu quái* * *Dạy dân trồng trọt, chăn nuôi và ăn ở* |  |
|  | -> dòng dõi cao quý, tài năng, dũng cảm, nhân hậu, phi thường, thương dân sâu sắc | -> dòng dõi cao sang, sắc đẹp tuyệt trần, tâm hồn thánh thiện, trong sáng |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Em thấy văn bản này có những phương thức biểu đạt nào trong các ptbđ sau: tự sự (kể), miêu tả, biểu cảm?  ? Văn bản được chia làm mấy phần? Nêu giới hạn và nội dung từng phần ? | * Ptbđ: tự sự + miêu tả * Bố cục: 3 phần   + Phần 1: Từ đầu cung điện Long Trang:  -> Giới thiệu Lạc Long Quân và Âu Cơ  +Phần 2: Tiếp theorồi chia tay nhau lên đường  -> Chuyện sinh nở kì lạ của Âu Cơ và cuộc chia tay, chia con.  +Phần 3: Còn lại: Kết thúc truyện và ý nghĩa của nguồn gốc người Việt. |
| - Chia lớp thành 2 nhóm: thảo luận 3p  + Nhóm 1: tìm các chi tiết nói lên đặc điểm về nguồn gốc, ngoại hình, tài năng, công lao của nhân vật Lạc Long Quân  + Nhóm 2: tìm các chi tiết nói lên đặc điểm về nguồn gốc, ngoại hình, tính cách của nhân vật Âu Cơ  Đại diện nhóm báo cáo, HS nhận xét GV chốt bảng.  ? Qua lời giới thiệu nhân vật, em có nhận xét gì về đặc điểm nguồn gốc, hình dáng, và tài năng của 2 nhân vật ?  ? Những đặc điểm đó là chi tiết bình thường hay khác thường?  ? Em nhận ra NT gì được sử dụng?  ? Nxét về cách mở truyện, gthiệu n.vật?  GV giảng: sử dụng h/a tưởng tượng kì ảo là yếu tố NT đc dùng phổ biến trong nhiều thể loại truyện dân gian, trong đó có truyền thuyết.  ? Nhờ đó, em có cảm nhận ntn về 2 nv LLQ và Âu Cơ? | Phân tích:  * 1. **Mở truyện**: Giới thiệu nhân vật LLQ và ÂC   + NT: sử dụng yếu tố tưởng tượng kì ảo, thủ pháp liệt kê, lời văn ngắn gọn.  Lạc Long Quân và Âu Cơ đều có nguồn gốc là thần tiên kì lạ, phi thường. |

|  |  |
| --- | --- |
| GV bình: *Theo quan niệm phương Đông, Rồng và Tiên là biểu tượng cho vẻ đẹp cao sang, toàn bích. Rồng đứng đầu trong tứ linh biểu tượng cho sự hùng mạnh. Tiên là biểu tượng của người đàn bà đẹp, nhân từ, có phép lạ*. *Lời kể ngắn gọn, k chút khoa trương này vẫn k giấu nổi niềm tự hào của người xưa khi nói về tổ tiên, cha mẹ mình. Vẻ đẹp tuy là kì lạ, phi thường nhưng lại vô cùng gần gũi. Nét đẹp nhất của LLQ và ÂC chính là tấm lòng đối với dân, đc thể hiện ở những hành động dũng cảm và cao cả... Vẻ đẹp của bố Rồng mẹ Tiên chính là sự kết tinh cho vẻ đẹp của dân tộc Việt Nam. (bài phân tích của TĐS)* |  |
| ? Sự kiện tiếp theo trong phần 2 của truyện là sự việc gì?  ? Việc kết duyên của Lạc Long Quân và Âu Cơ có ý nghĩa gì?  GV: *rồng- tiên nên duyên chồng vợ. Những con người cao quý ấy dường như sinh ra là để dành cho nhau.*  ? Mối lương duyên đẹp đẽ ấy còn tạo ra điều gì kì lạ đẹp đẽ nữa? Hãy tìm những chi tiết miêu tả chuyện sinh nở của Âu Cơ ?  ? Chi tiết “cái bọc trăm trứng nở ra 100 người con” là chi tiết ntn ?  ? Ý nghĩa của chi tiết đó?  ? Các chi tiết trong phần diễn biến truyện cho em hiểu được tình cảm, thái độ gì của tác giả dân gian về nguồn gốc dân tộc ta?  ***GV bình:*** *niềm tự hòa dân tộc và trí* | **2. Diễn biến truyện:**   1. Kết duyên: Lạc Long Quân nòi **Rồng (vùng biển)** kết duyên Âu Cơ dòng **Thần Nông (vùng núi)**   -> Sự kết hợp tuyệt vời của hai giống nòi đẹp đẽ, tài giỏi và phi thường   1. Sinh nở: Âu Cơ *sinh bọc trăm trứng, nở ra trăm người con khoẻ đẹp…, không cần bú mớm, lớn nhanh như thổi, khỏe mạnh như thần*   + NT: Chi tiết tưởng tượng kì lạ, hoang đường, giàu ý nghĩa.  -> Mọi người Việt ta đều là anh em ruột thịt do cùng một cha mẹ sinh ra (*đồng bào*).  -> Chung dòng giống Rồng-tiên cao quý  **Thể hiện niềm tự hào, tôn kính về nòi giống cao quý của dân tộc Việt (con cháu của những vị thần đẹp nhất, những người anh hùng đã làm nên những kì tích phi thường nhất)** |

|  |  |
| --- | --- |
| *tưởng tượng bay bổng của người xưa đã sáng tạo ra 1 hình ảnh kì lạ, hoang đường nhưng rất giàu ý nghĩa . (Bài của TĐS)*  *Và các con ạ... trong những thời khắc thiêng liêng của tháng 8 lịch sử này, chúng ta lại nhớ tới Người, trong giờ phút thiêng liêng, giữa quảng trường Ba đình lịch sử cờ và hoa rỡ đã nhắc lại hai tiếng ”đồng bào”thiêng liêng ruột thịt từ câu chuyện bố Rồng, mẹ Tiên trong những ngày mở nước xa xưa.* |  |
| - GV chiếu tranh minh hoạ (sgk)  ? Bức tranh gợi nhắc chi tiết nào trong truyện?  ? Lạc Long Quân và Âu Cơ đã chia tay và chia con như thế nào?  ? Ý nghĩa chi tiết ấy?  *GV: Rồng quen ở dưới nước, không thể ở mãi trên cạn. Tiên quen sông trên cạn, không thể theo chồng ra chốn bể khơi. Xa nhau là tất yếu.*  *- Đàn con đông đúc tất nhiên cũng phải chia đôi: nửa khai phá rừng hoang cùng mẹ, nửa vùng vẫy chốn biển khơi cùng cha.*  *-> việc giải thích nguồn gốc các dân tộc Việt Nam sinh sống trên khắp đất nước, đất nước đc khai phá, mở mnagtheo cả hai hướng biển và rừng, tinh thần đoàn kết giữa các dân tộc đã được hình tượng hóa bằng câu chuyện đẹp về sự chia xa.*  ? Em hãy cho biết, truyện kết thúc bằng những sự việc nào?  ? Tên vua và tên kinh đô, tên địa danh có trong thực tế không? Em biết gì về những cái tên này?  ? Việc kết thúc câu chuyện như vậy có ý nghĩa gì?  GV: kết thúc câu chuyện là tên vua, tên | **3. Kết thúc truyện:** Cuộc chia tay và nguồn gốc con Rồng cháu tiên   * *”50 người con lên rừng, 50 người con xuống núi”*   -> Đất nước được mở mang về cả hai hướng: Biển và rừng, người Việt sinh sống trên mọi miền tổ quốc.   * *Khi có viện thì giúp đỡ nhau đừng quên lời hẹn*   => lời nhắc nhở về tinh thần đoàn kết, gắn bó lâu bền.  - Con trưởng lên ngôi vua, lấy hiệu Hùng Vương, lập kinh đô, đặt tên nước...  Cách kết thúc muốn khẳng định nguồn gốc con Rồng, cháu Tiên là có thật -> đề cao ý thức dân tộc, ngợi ca cội nguồn tổ tiên |

|  |  |
| --- | --- |
| địa danh có thực, tên nước Việt ta từ buổi sơ khai. Vì thế nên truyền thuyết ko chỉ có những chi tiết tưởng tượng kì ảo mà còn có cái lõi lịch sử khiến cho những câu chuyện truyền thuyết trở nên thật nhất. Như lời bác PVĐồng nói trong bài viết “Nhân ngày giỗ tổ Hùng Vương” gửi báo Nhân dân rằng: “Những truyền thuyết dân gian thường có 1 cái lõi là sự thật lịch sử mà nhân dân qua nhiều thế hệ đã lí tưởng hóa, gửi gắm vào đó tâm tình tha thiết của mình cùng với thơ và mộng, chắp đôi cánh của sức tưởng tượng và NT dân gian làm nên những tác phẩm văn hóa mà đời đời con người ưa thích.” Ta thấy vb tuy ngắn gọn nhưng đã thể hiện đc niềm tin, niềm tự hào về nguồn gốc giống nòi, dân tộc, đất nước, thể hiện khát vọng gắn bó, đoàn kết giữa các dân tộc anh em. Vượt qua bao thời gian, truyện luôn giáo dục con cháu Việt Nam ta niềm tự hào và tự tôn dân tộc. |  |
| GV cho học sinh phát hiện nhanh những NT tiêu biểu của truyện.  ? Em hiểu thế nào là chi tiết tưởng tượng kỳ ảo? Dẫn chứng?  ? Hãy nói rõ vai trò của các chi tiết này trong truyện?  ? Vậy hãy nêu ý nghĩa của truyện Con Rồng Cháu Tiên?  - HS đọc phần ghi nhớ. | **III. Tổng kết:**  **a) Nghệ thuật:**  - Truyện có nhiều chi tiết tưởng tượng, kỳ ảo đẹp đẽ, và giàu ý nghĩa :  + Tô đậm tính chất kỳ lạ, lớn lao, đẹp đẽ của nhân vật – sự kiện.  + Thần kỳ hoá, thiêng liêng hoá nguồn gốc, nòi giống dân tộc.  + Làm tăng sức hấp dẫn của tác phẩm.  **b) Nội dung:**   * Giải thích, suy tôn nguồn gốc cao quý của người Việt. * Đề cao nguồn gốc chung, ý nguyện đoàn kết, thống nhất của nhân dân ta trong mọi miền đất nước.   **=> Ghi nhớ (SGK/8)** |
| **HĐ 2: Tìm hiểu truyện ”Bánh trưng, bánh giày”**  - PP: vấn đáp, Hđ nhóm, giảng bình | **B. Truyền thuyết “Bánh chưng, bánh giầy”** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | * KT: đặt câu hỏi, TL nhóm, động não   ? Hãy tóm tắt văn bản “Bánh chưng, bánh giầy” ?   * GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số từ khó .   ? Xác định thể loại truyện? Ptbđ?  ? Văn bản có thể chia làm mấy phần? Nêu giới hạn và nội dung của từng phần?   * GV hướng dẫn hs tìm hiểu ptbđ và bố cục văn bản. | Đọc và tìm hiểu chung:  * 1. **Đọc, tóm tắt, hiểu chú thích:**      1. Đọc và tóm tắt   *Hùng Vương về già muốn truyền ngôi cho con nào làm vừa ý, nối chí nhà vua. Các ông lang đua nhau làm cỗ thật hậu, riêng Lang Liêu được thần mách bảo, dùng gạo làm hai thứ bánh để dâng vua. Vua cha chọn bánh của Lang Liêu để tế trời đất cùng Tiên Vương và nhường ngôi cho chàng. Từ đó nước ta có tục làm bánh chưng, bánh giầy vào ngày Tết.*   * + 1. Chú thích (sgk)   **2. Tìm hiểu chung văn bản:**   * Thể loại: Truyện truyền thuyết * Ptbđ: tự sự + miêu tả * Bố cục: 3 phần   Đoạn 1: từ đầu đến “…chứng giám” (Hùng Vương chọn người nối ngôi)   * Đoạn 2: tiếp đến “..hình tròn” (Việc chuẩn bị của các Lang)   Đoạn 3: còn lại (Sự lựa chọn của vua Hùng) |
|  | HS đọc từ đầu đến “*chứng giám”*  ? Hùng Vương chọn người nối ngôi trong hoàn cảnh nào?  ? Trong hoàn cảnh ấy, Vua Hùng có ý định gì?  ? Em hiểu ý định đó của vua ntn?  (muốn chọn người tài, giúp cho dân ấm no, ngai vàng giữ vững)  GV giảng: Trong h.cảnh giặc Ân nhiều lần xâm lấn bờ cõi, nhờ phúc ấm tiên vương mà vua Hùng đã đều đánh đuổi được, thiên hạ thái bình, thì rõ ràng người nối ngôi vua là phải nối đc chí vua – tiếp tục giữ đc cho đất nc thái bình, nd no ấm. | **II) Phân tích**  **1) Hùng Vương chọn người nối ngôi**   * Hoàn cảnh: giặc giã đã yên, vua đã già, muốn truyền ngôi. * Ý định: người nối ngôi ta phải nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng. |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Nhận xét gì về ý tưởng chọn người nối ngôi của Vua Hùng?  HS thảo luận cặp đôi phát biểu.  ? Vua Hùng đặt ra những yêu cầu gì để chọn người nối ngôi ?  TL: Nhà vua đặt ra 2 yêu cầu:  + “Ai nối được chí ta, không nhất thiết phải là con trưởng”  + “Nhân lễ Tiên vương...có Tiên vương chứng giám”  ? Nhận xét gì về hình thức và điều kiện nối ngôi của Hùng Vương so với tục lệ truyền ngôi trước?  ? Qua đây em có nhận xét ntn về vua Hùng?  ? Theo em, chi tiết vua Hùng mở cuộc thi chọn người nối dõi có vai trò như thế nào trong sự phát triển của mạch truyện ?  TL:  *+ Đây là kiểu tình huống mang tính chất những câu đố, thường gặp trong các truyện cổ dân gian nước ta cũng như nhiều nước trên thế giới*  *+ Chi tiết này góp phần làm tăng tính hấp dẫn, tạo ra sự hồi hộp, kích thích người đọc phải theo dõi.*  GV: Em hãy kể tên 1 vài truyện dân gian có mô típ giải đố mà em biết?  VD: *Cây tre trăm đốt Sơn Tinh, TT*  *Tấm (thử thách bắt đầy giỏ tép)*  GV dẫn chuyển | -> là quan niệm đúng đắn, phù hợp với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đât nước.  - Hình thức: “Nhân lễ Tiên vương...có Tiên vương chứng giám” -> cuộc thi  -> Thể hiện quan điểm rất tiến bộ (ko quan trọng trưởng thứ - như quy định cũ của các đời vua trước)  (\*) Hùng Vương là vị vua anh minh, sáng suốt, tiến bộ. |
| ? Các lang chuẩn bị lễ Tiên vương ntn?  ? Lang Liêu gặp khó khăn ra sao?  ? Ai đã giúp đỡ LL ? | **2) Việc chuẩn bị của các lang:**   * Các lang: đua nhau làm cỗ thật hậu...đi tìm của quý trên rừng, dưới biển...ai cũng muốn ngôi báu về mình. * Lang Liêu:   + mồ côi, nghèo, chỉ có khoai lúa (thiệt thòi hơn các lang khác -> thử thách với chàng)  + LL được thần báo mộng |

GV cho HS thảo luận nhóm (2 bàn/ nhóm):

## ? Tại sao thần không giúp các lang khác mà lại giúp LL?

Vì:

+ Chàng mồ côi mẹ, là người gặp khó khăn nhiều nhất.

+ Chỉ có chàng mới thực hiện được việc mà thần muốn (quanh năm với đồng ruộng...)

*GV: và điều kì diệu ấy đã xảy ra, không chỉ với Lang Liêu mà đối với cả câu chuyện. Ý thần là lòng dân. Người dân có tư tưởng trọng nông, yêu quý lao động. Trồng trọt chăn nuôi là nghề chính của nước ta lúc bấy giờ. 20 người con của vua Hùng, thần không báo mộng cho ai mà chỉ tìm đến một người duy nhất: Lang Liêu bởi chỉ có chàng mới thực hiện được việc mà thần muốn. 20 Lang chỉ có chàng là luôn chăm lo việc đồng áng, trồng lúa trồng khoai, gần gũi nhân dân. Người nối ngôi, nối chí vua chăm lo việc cầy cấy k thể là ai khác ngoài chàng.*

? Trước lời báo mộng của thần, Lang Liêu đã bắt tay vào quá trình chuẩn bị lễ vật như thế nào?

? Nhận xét về việc làm bánh của LL?

? Đọc kĩ chi tiết này người đọc thấy thần đã không chỉ dẫn cụ thể cho LL hoặc làm giúp lễ vật cho chàng. ?Vì sao vậy?

( HS trao đổi, thảo luận)

* Thần không chỉ dẫn cụ thể cũng k làm thay -> tạo đk cho LL đoán ra ý vua cha, thể hiện sự thông minh, tháo vát, bộc lộ trí tuệ, khả năng và việc giành được quyền kế vị vua cha là xứng đáng.
* yếu tố thần kì giúp cho tài năng con người phát triển, đức độ tỏa sáng chứ k làm họ nhỏ bé đi trước uy lực của thần

+ LL tự tay làm bánh.

* *Chàng chọn gạo... dùng lá dong gói hình vuông- bánh chưng.*

*-... đồ lên giã nhuyễn nặn hình tròn- bánh giầy.*

=> nhiều nguyên liệu, nhiều công đoạn

|  |  |
| --- | --- |
| (LL chính là người sáng tạo văn hóa)  ? Qua đó, giúp em hiểu gì về phẩm chất của nhân vật này.  GV bình. | -> Lang Liêu thông minh, tài giỏi, sáng tạo, là người sáng tạo văn hóa. |
| ? Kết quả của cuộc thi tài giữa các lang  ? Vì sao trong muôn ngàn lễ vật quý vua chọn 2 thứ bánh của LL để tế Trời, Đất và Tiên vương? (thảo luận cặp).  - Vì: Lễ vật dâng Tiên vương là lễ vật quý  + Trời tròn, đất vuông có cầm thú muôn loài đùm bọc hàm chứa bao ý nghĩa sâu xa  + Có bàn tay lao động của con người tạo nên hạt gạo một sương hai nắng (sự quý trọng nghề nông, coi trọng hạt gạo)  + chứng tỏ tài, đức cảu LL  + thể hiện được lòng hiếu thảo, tôn kính với tổ tiên (Đem cái cao quý nhất trong trời đất, do chính tay mình làm ra mà tế cúng tiên vương, dâng lên cha mẹ )  ? Lễ vật chứng tỏ điều gì về LL?  ? Nhận xét về sự lựa chọn của vua Hùng ?  ? Theo TT này phong tục làm BC, BG có từ bao giờ? Phong tục này có ý nghĩa gì?  \* Phong tục làm bánh chưng, bánh giầy:   * Có từ khi LL lên ngôi * Đề cao vai trò của sx nông nghiệp, sản phẩm nn | **3) Sự lựa chọn của vua Hùng và tục làm bánh chưng bánh giày:**  - Lễ vật được chọn, LL trở thành thành người nối ngôi  -Vì: Lễ vật dâng Tiên vương là lễ vật quý, tượng trưng cho trời đất; được tạo ra do bàn tay, khối óc của con người; được LL làm bằng cả tấm lòng thành kính)  LL hiểu được ý vua, xứng đáng nối ngôi cha  Vua Hùng lựa chọn đúng đắn, là vị vua anh minh |
| ? Khái quát nghệ thuật của t/p? | **III) Tổng kết:**  **1) NT:**   * Truyện có nhiều chi tiết thần kì (LL nằm mộng…) được sd nhằm tăng sức hấp dẫn cho truyện. * Sd 1 số chi tiết thú vị, đặc sắc: trong các lang chỉ có LL được thần giúp… -> nêu bật gí trị của hạt goạ, tiếp nối truyền thống đoàn |

? Ý nghĩa của truyền thuyết ”Bánh chưng bánh giầy”?

GV: Việc nd ta gói bánh chưng ngày Tết còn có ý nghĩa giữ gìn những truyền thống văn hoá đậm đà bản sắc dt và làm sống lại câu chuyện BCBG trong kho tàng truyện DGVN.

* GV liên hệ Tết ngày nay…

- HS đọc ghi nhớ

## Hoạt động luyện tập:

kết từ truyện CRCT, thể hiện đọa lí uống nước nhớ nguồn.

* Lời bình của vua về 2 loại bánh thể hiện nét đẹp trong việc thưởng thức SP văn hoá, trí tuệ.

## 2) ND:

* Truyện đã giải thích nguồn gốc của bánh chưng, bánh giầy 1 cách thi vị và đầy ý nghĩa. Trong 2 thứ bánh có cả vũ trụ, đất trời, cầm thú cỏ cây và tình người đùm bọc nhau.
* Đồng thời thể hiện sự đề cao lao động và những thành tựu của nền văn minh nông nghiệp .
* Thể hiện những đạo lí truyền thống ttruyền thống tốt đẹp của dt VN: yêu lao động, đoàn kết, tôn kính tôt tiên, uống nước nhớ nguồn.

**Bài 1:** (sgk/ 5): Em biết những truyện nào của các dt khác ở VN cũng giảo thích nguồn gốc dt tương tự như truyện “Con Rồng, cháu Tiên” ? Sự giống nhau đó khẳng định điều gì?

Gợi ý:

* Người Mường có truyện “Quả trứng to nở ra con người”. Người Khơ mú có truyện “Quả bầu mẹ”
* Khẳng định sự gần gũi về cội nguồn và sự giao lưu văn hoá giữa các dt trên đất nước ta.

## Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ về nguồn gốc dân tộc VN.
* Viết đoạn văn giới thiệu về tục lệ làm bánh chưng, bánh giày của dân tộc ta.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm truyện “Quả bầu mẹ”, “Quả trứng to nở ra con người”. Chia sẻ và kể chuyện cho gia đình, bạn bè.
* Đọc và kể tóm tắt. Học ghi nhớ
* Soạn: *Từ và cấu tạo từ của TV.*

|  |  |
| --- | --- |
| * Phương pháp : luyện tập - thực hành, thị phạm, hoạt động nhóm, trò chơi * Kĩ thuật : thảo luận nhóm, chia nhóm, vấn đáp | |
| GV tổ chức cho HS thảo luận cặp đôi làm BT1 sgk.   * GV hướng dẫn * HS làm BT.   ? Các từ ghép chỉ quan hệ họ hàng thân thuộc trong gia đình người VN có những cách ghép chính nào?   * HS phát biểu, GV chốt 3 cách chính. GV chia 3 nhóm, tham gia trò chơi ”Ai nhanh hơn” để đi tìm các từ ghép chỉ quan hệ họ hàng thân thuộc trong gđ.   + GV phổ biến luật chơi: 3 đội thi trong 1 phút, mỗi thành viên của 1 đội đc viết 1 từ. Sau 1p đội nào viết đc nhiều từ đúng là đội thắng cuộc.  + HS các đội thi. GV n.x, chốt đáp án. | **III) Luyện tập**:  Bài tập 1   1. *nguồn gốc, con cháu ->* từ ghép. 2. Từ đồng nghĩa với *nguồn gốc*: Cội nguồn, gốc gác... 3. Từ ghép chỉ quan hệ thân thuộc: Cậu mợ, anh em, chú cháu ...   Bài tập 2  Khả năng sắp xếp:   * Theo giới tính (Nam/nữ): ông bà; cha mẹ; anh chị, cô cậu, cô chú, chú thím, cậu mợ,... * Theo quan hệ thứ bậc trên dưới: Bác cháu, chị em, cha con, cháu chắt,... * Theo quan hệ nội ngoại: cô cậu, chú dì, ...   Bài 3:   * Cách chế biến: bánh rán, bánh nướng, bánh hấp, bánh nhúng… |

## Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn giới thiệu về bản thân (khoảng 7 – 10 câu) rồi chia sẻ với bạn cùng bàn.
* Lập bảng phân loại từ đơn, từ ghép, từ láy có trong đoạn văn trên.
* Vẽ sơ đồ tư duy về : Cấu tạo từ tiếng Việt.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng :

* Tiếp tục tìm và sưu tầm các từ dễ nhầm lẫn giữa từ ghép và từ láy.
* Hoàn thiện BT phần LT.
* Soạn: Giao tiếp VB và phương thức biểu đạt.

## Tuần 1 – Bài 1

Ngày soạn: /8/2017 Ngày dạy: /8/2017

## Tiết 3

**GIAO TIẾP, VĂN BẢN VÀ PHƯƠNG THỨC BIỂU ĐẠT**

1. **MỤC TIÊU:**

**Qua bài hoc, HS cần:**

* 1. **Kiến thức:**
* HS biết:

+ Sơ giản về hoạt động truyền đạt, tiếp nhận tư tưởng tình cảm bằng phương diện ngôn từ: Giao tiếp, văn bản và phương thức biểu đạt, kiểu văn bản.

+ Sự chi phối của mục đích giao tiếp trong việc lựa chọn phương thức biểu đạt để tạo lập văn bản.

+ Các kiểu văn bản tự sự, miêu tả biểu cảm, lập luận, thuyết minh và hành chính công vụ

## Kỹ năng:

* HS lựa chọn được phương thức biểu đạt phù hợp với mục đích giao tiếp.
* HS nhận ra: kiểu văn bản ở một văn bản cho trước căn cứ vào phương thức biểu đạt,
* HS nhận ra được: tác dụng cuả việc lựa chọn phương thức biểu đạt ở một đoạn văn cụ thể.
  1. **Thái độ:** HS tự giác, tích cực học tập.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác
* Phẩm chất: tự lập, tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

* 1. **Giáo viên:** Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, sgk.
  2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập – thực hành, trực quan
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, chia nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:** Kiểm tra vở soạn của học sinh

## Vào bài mới:

* GV chiếu mẫu 1 bài thơ, 1 bài văn, 1 câu văn.
* GV thảo luận trao đổi cho HS nhận diện văn bản.
* GV giới thiệu bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu chung về văn bản và phương thức biểu đạt.**   * Phương pháp: vấn đáp * KT: đặt câu hỏi.   ? Trong đời sống, khi có 1 tư tưởng, t.c, nguyện vọng (muốn khuyên nhủ, bày tỏ t.c quý mến,...) cần biểu đạt cho mọi người hay thì em làm thế nào?  ? Khi muốn biểu đạt 1 cách đầy đủ, trọn vẹn thì phải làm thế nào?   * HS trả lời.   - GV giảng: Các em nói và viết như vậy là các em đã dùng phương tiện ngôn từ để biểu đạt điều mình muốn nói. Nhờ phương tiện ngôn từ mà mẹ hiểu được điều em muốn nói, bạn nhận được những tình cảm mà em gưỉ gắm. Đó chính là giao tiếp.   * GV chốt: đó là mối quan hệ hai chiều giữa người truyền đạt và người tiếp nhận.   ? Đọc báo và xem truyền hình có phải là giao tiếp không? Vì sao?  TL: Có vì có người truyền đạt và người tiếp nhận.  ? Trên cơ sở những điều vừa tìm hiểu, em hiểu | Tìm hiểu chung về văn bản và phương thức biểu đạt  * 1. **Văn bản và mục đich giao tiếp:**  *Giao tiếp:* \* Tìm hiểu ví dụ:  -Ví dụ a, b: SGK/ 15   * Khi muốn biểu đạt 1 tư tưởng, t/c, nguyện vọng cho người khác biết, ta cần sử dụng ngôn ngữ để tạo lập 1 vb (kể, nói, viết thư,...) * Khi muốn biểu đạt 1 cách đầy đủ, trọn vẹn thì phải xác định rõ mục đích giao tiếp.   \* Nhận xét: |

|  |  |
| --- | --- |
| thế nào là giao tiếp? | * Hình thức: hoạt động * Mục đích: *truyền đạt, tiếp nhận* một tư tưởng, tình cảm, nguyện vọng * Phương tiện: ngôn từ |
| * Quan sát bài ca dao trong SGK (c) * GV tổ chức thảo luận nhóm lớn:   **? Bài ca dao có nội dung gì?**  **? Bài ca dao được làm theo thể thơ gì? Hai câu lục và bát liên kết với nhau ntn?**   * HS thảo luận, đại diện báo cáo, các nhóm nx, bổ sung.   -GV chốt: Bài ca dao đc gọi là vb. Nó có chủ đề thống nhất, có liên kết mạch lạc và diễn đạt trọn vẹn ý.  ? Cho biết lời phát biểu của thầy cô hiệu trưởng trong buổi lễ khai giảng năm học có phải là là văn bản không? Vì sao?  TL: *+ Đây là một văn bản vì đó là chuỗi lời nói có chủ đề, có sự liên kết về nội dung: báo cáo thành tích năm học trước, phương hướng năm học mới.*  *Lời phát biểu của thầy cô hiệu trưởng là một dạng văn bản nói.*  ? Bức thư em viết cho bạn có phải là văn bản không? Vì sao?  *TL: Bức thư: Là một văn bản vì có chủ đề, có nội dung thống nhất tạo sự liên kết.đó là dạng văn bản viết*  ? Vậy em hiểu thế nào là văn bản?   * GV treo bảng phụ * GV giới thiệu 6 kiểu văn bản và phương thức biểu đạt. * Chia lớp thành 3 nhóm và yêu cầu lấy ví dụ | **b. Văn bản**:  \* Tìm hiểu ví dụ: SGK/T16  +Ví dụ c   * Nội dung: *Khuyên chúng ta phải có lập trường kiên định* * Hình thức: *Bài cd làm theo thể thơ lục bát, có liên kết chặt chẽ:*   *. Về hình thức: Vần ên*  *. Về nội dung, ý nghĩa: Câu sau giải thích rõ ý câu trước.*  *Bài ca dao là 1 vb: nó có chủ đề thống nhất, có liên kết mạch lạc và diễn đạt một ý trọn vẹn*  + Ví dụ d  + Ví dụ e  \* Nhận xét:  - Văn bản là một chuỗi lời nói miệng hay bài viết có chủ đề thống nhất, có liên kết mạch lạc, vận dụng phương thức biểu đạt phù hợp để thực hiện mục đích giao tiếp. Kiểu văn bản và phương thức biểu đạt của văn bản:*Tìm hiểu ví dụ:* |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| cho từng kiểu văn bản và phương thức biểu đạt. | | | |  | |
| **STT** | **Kiểu văn bản, ptbđ** | **Mục đích giao tiếp** | | | **Ví dụ** |
| 1 | Tự sự | Trình bày diễn biến sự việc | | | Truyện: Tấm Cám |
| 2 | Miêu tả | Tái hiện trạng thái sự vật, con người | | | + Miêu tả cảnh  + Cảnh sinh hoạt |
| 3 | Biểu cảm | Bày tỏ tình cảm, cảm xúc. | | |  |
| 4 | Nghị luận | Bàn luận: Nêu ý kiến đánh giá. | | | + Tục ngữ: Tay làm hàm nhai, tay quai miệng trễ...  + Làm ý nghị luận |
| 5 | Thuyết minh | Giới thiệu đặc điểm, tính chất, phương pháp. | | | Từ đơn thuốc chữa bệnh, thuyết minh thí nghiệm |
| 6 | Hành chính công vụ | Trình bày ý mới quyết định thể hiện, quyền hạn trách nhiệm giữa người và người . | | | Đơn từ, báo cáo, thông báo, giấy mời... |
| ? Như vậy, dựa trên cơ sở mục đích giao tiếp cụ thể, người ta chia ra các kiểu văn bản và phương thức biểu đạt nào ?  ? Theo dõi vào các tình huống giao tiếp trong SGK, hãy xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt phù hợp ?  ( Gợi ý: dựa vào mục đích giao tiếp của từng tình huống để xác định kiểu văn bản và phương thức biểu đạt phù hợp ) | | | ***b. Nhận xét:***  - Có 6 kiểu văn bản thường gặp với các phương thức biểu đạt tương ứng: tự sự, miêu tả, biểu cảm, nghị luận, thuyết minh, hành chính-công vụ. Mỗi kiểu văn bản có mục đích giao tiếp riêng.  **b. Ghi nhớ: SGK-trang 17**  ***c. Bài tập nhanh: SGK-trang 17***   * Hành chính – công vụ * Tự sự * Miêu tả * Thuyết minh * Biểu cảm * Nghị luận | | |
|  | | |  | | |

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| * Phương pháp: luyện tập thực hành, vấn đáp – gợi mở, hoạt động nhóm * Kĩ thuật: thảo luận nhóm, chia nhóm, đặt câu hỏi | | | |
| GV chiếu mẫu đoạn văn, đoạn thơ trong bài.  ? Các đoạn văn, thơ dưới đây thuộc phương thức biểu đạt nào ? Dựa trên cơ sở nào để em đưa ra kết luận đó ?  ( Gợi ý: Dựa vào nội dung và mục đích |  | **II. Luyện tập:**  **Bài tập 1-SGK trang 17**  a. Phương thức biểu đạt: Tự sự ( vì đoạn văn trình bày diễn biến của chuỗi sự việc: Tấm và Cám được sai đi bắt tôm tép và Cám đã trút hết giỏ tôm tép của Tấm) |  |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| giao tiếp của các đoạn văn, thơ làm cơ sở để xác định )  GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, phát biểu -> nhận xét  GV chữa bài  ? Truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” thuộc kiểu văn bản nào ? Vì sao em biết như vậy ?  HS thảo luận cặp đôi làm BT 2. |  | 1. Phương thức biểu đạt: Miêu tả (vì đoạn văn tả lại cảnh thiên nhiên sông nước vào buổi tối) 2. Phương thức biểu đạt: Nghị luận (Vì đoạn văn bao gồm 1 chuỗi lời nói với 2 câu, có mục đích bàn luận về mối quan hệ giữa việc xây dựng đất nước và việc rèn luyện của học sinh 3. Phương thức biểu đạt: Biểu cảm (vì thể hiện thái độ ngợi khen trước vẻ đẹp của cô gái   đ. Phương thức biểu đạt: Thuyết minh (vì đoạn văn giới thiệu về phương pháp khi đẩy quả địa cầu quay quanh trục từ tây sang đông)  **Bài tập 2: SGK-trang 18**  - Kiểu văn bản tự sự vì: Truyền thuyết này kể lại diễn biến các sự việc kì lạ liên quan đến nguồn gốc thiêng liêng và cao quí của dân tộc ta . |  |
|  | | |

## Hoạt động vận dụng:

* + Tập tự tin nói trước mọi người về bản thân.
  + GV chiếu bài thơ “Cánh cam lạc mẹ”.

? Bài thơ có sử dụng phương thức tự sự không? Vì sao?

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Đọc và xác định các ptbđ chính của các truyện từ B1 đến B4.
  + Học ghi nhớ, hoàn thành các BT.
  + Vận dụng bài học vào nói, viết.
  + Soạn “ *Thánh Gióng*”: đọc và tóm tắt truyện. Tìm hiểu từ khó. Trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

## Tuần 1

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 4

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
   1. **Kiến thức:**

**THÁNH GIÓNG ( tiết 1)**

* HS hiểu được: nội dung chính và đặc điểm nổi bật về nghệ thuật của truyền thuyết “ Thánh Gióng”; Nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước.
* HS biết: Những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh giữ nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.

## Kỹ năng:

* HS thực hiện được: Đọc – hiểu văn bản truyền thuyết theo đặc trưng thể loại
* HS thực hiện được thao tác phân tích một vài chi tiết nghệ thuật kì ảo trong văn bản. Nắm bắt tác phẩm thông qua hệ thống các sự việc được kể theo trình tự thời gian.

## Thái độ:

* Bồi đắp niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ đất nước ngoan cường của dân tộc
* Hình thành ở HS thói quen: nhớ đến công ơn của những người anh hùng có công với Tổ quốc.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.
* Phẩm chất: tự lập, tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cồng đồng, đất nước.

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:**
* Phương tiện: Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng. Video về lễ hội đền Gióng. <https://www.youtube.com/watch?v=QbHiEVCT5dM>
* Học sinh : Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: hoạt động nhóm, đặt và giải quyết vấn đề, đàm thoại, thuyết trình, thị phạm.
* Kĩ thuật: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, động não.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:**

* Kể tóm tắt và nêu ý nghĩa của truyền thuyết bánh chưng, bánh giầy?

## Vào bài mới:

* GV chiếu video lễ hội làng Gióng.

? Xem video này, em biết thêm được điều gì?

* GV và HS trò chuyện, GV dẫn vào bài mới.

Chủ đề đánh giặc cứu nước là nội dung bao trùm, xuyên suốt lịch văn học Việt Nam nói chung, văn học dân gian Việt Nam nói riêng. “Thánh Gióng” là truyện dân gian thể hiện tiêu biểu và độc đáo chủ đề này. Đây là một câu chuyện hay và hấp dẫn, lôi

cuốn biết bao thế hệ người Việt Nam. Điều gì đã làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của câu chuyện như vậy ? Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung văn bản:**   * PP: thị phạm, đàm thoại * KT: đặt câu hỏi   ? VB nên đọc với giọng ntn?  + Giọng ngạc nhiên, hồi hộp: đoạn Gióng ra đời.  + Giọng đĩnh đạc trang nghiêm: đoạn Gióng trả lời sứ giả.  + Giọng háo hức, phấn khởi: đoạn cả làng nuôi Gióng.  + Đoạn Gióng đánh giặc: khẩn trương mạnh mẽ.  ? Nêu 1 số sự việc chính của truyện để tóm tắt?  GV đọc mẫu, HS đọc. GV nx.  - GV hướng dẫn HS tìm hiểu và giải nghĩa một số từ khó: 3, 5, 10, 11, 17 – Hình thức cặp đôi theo bàn  ? Văn bản được viết với thể loại nào? Ptbđ chính?  ? Văn bản được chia làm mấy phần ? Nêu giới hạn và nội dung từng phần ?  HS thảo luận cặp đôi tìm bố cục và nội dung từng phần của vb. | Đọc và tìm hiểu chung  * 1. **Đọc, tóm tắt, hiểu chú thích**   \* Đọc, tóm tắt:  *+ Sự ra đời kì lạ của Thánh Gióng*  *+ Nghe tiềng rao của sứ giả Gióng cất tiếng nói đòi ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt để đánh giặc*  *+ Gióng lớn nhanh như thổi, cả làng góp gạo nuôi Gióng*  *+ Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt đi đánh tan giặc và về trời*  *+ Vua phong Thánh Gióng là Phù Đổng Thiên Vương và những dấu tích còn lại của Thánh Gióng*  \* Chú thích (sgk)  **2. Tìm hiểu chung văn bản:**   * Thể loại: truyện truyền thuyết * Phương thức biểu đạt chính: tự sự * Bố cục: 3 phần * Phần 1: Từ đầu đến “*nằm đấy*”: sự ra đời của Gióng. * Phần 2: Tiếp đến “*giết giặc cứu nước”:*   Gióng lớn lên và nhận nhiệm vụ cứu nước   * Phần 3: tiếp đến *“lên trời”*: Gióng đánh giặc cứu nước * Phần 4: đoạn còn lại : Di tích làng Gióng |
| HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:  - PP: đàm thoại, hoạt động nhóm, đặt và giải quyết vấn đề, thuyết trình | **II. Phân tích:** |

* KT: đặt câu hỏi, chia nhóm, TL nhóm
* GV tổ chức TL nhóm lớn:

## ? Tìm chi tiết kể về sự ra đời của Gióng?

**? Em có nhận xét gì về các chi tiết này?**

**? Em có nhận xét gì về nguồn gốc ra đời của Gióng?**

HS thảo luận 5 phút. Đại diện nhóm trình bày, nhóm khác nx, bổ sung.

GV nx, chuẩn kt.

? Việc xây dựng những chi tiết kì lạ, khác thường khi kể về sự ra đời của Gióng dự báo trước điều gì về Gióng?

? Chi tiết kì lạ cũng cho biết quan niệm nào của nd ta về người anh hùng?

? Sự ra đời của Gióng khác thường mà cũng thật bình thường khi Gióng là con của 1 bà mẹ nông dân. Điều đó có ý nghĩa gì?

GV bình giảng về nguồn gốc ra đời của Gióng.

? Cho biết những nét chính về nghệ thuật của phần đầu văn bản?

? Qua đó tác giả dân gian muốn nói điều gì?

## Tiểu kết:

* Gióng xuất thân từ nhân dân lđ, được mang nặng đẻ đau bởi người mẹ chăm chỉ làm ăn và có tiếng phúc đức. Bà mẹ Gióng trong truyện ko có tên riêng. Gióng có thể là con của bất kì người mẹ nào. Gióng là con của 1 vị thần, nhưng đồng thời cũng là con của nhân dân.
* Trí tưởng tượng bay bổng của người xưa về sự ra đời kì lạ của Gióng là để Thể hiện niềm ngưỡng mộ tôn kính với người anh hùng Thánh Gióng đồng thời hé lộ hành trạng đặc biệt của nhân vật, khởi nguồn của những việc kì lạ,sức mạnh phi thường

## 1. Sự ra đời của Gióng:

* Bà mẹ ra đồng ...ướm vào vết chân to...
* Thụ thai 12 tháng sinh ra Gióng.
* Lên 3 tuổi chưa biết nói cười, chưa biết đi..

+ NT: xây dựng chi tiết tưởng tượng kì ảo hoang đường

## -> Gióng ra đời kì lạ, khác thường

-> Dự báo trước về khả năng phi thường của Gióng

-> Quan niệm của nd ta: người anh hùng phi thường thì sự ra đời cũng khác thường.

-> Khẳng định Gióng là người anh hùng sinh ra từ trong nhân dân, của nhân dân, gần gũi với mọi người.

## \* Tiểu kÕt

+ NghÖ thuËt.

- YÕu tè t•ëng t•îng k× ¶o.

+ Nội dung.

* Gióng sinh ra kì lạ, ngầm dự báo về một con người kì lạ ( người anh hùng có sức khỏe phi thường, giúp dân, giúp nước )

## Hoạt động luyện tập:

* HS thi kể diễn cảm lại truyện.
* GV nhận xét.

## Hoạt động vận dụng:

Viết đoạn văn ngắn (5 – 7 câu) giới thiệu về sự ra đời kì lạ của Gióng.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc các bài viết về Thánh Gióng.
* Tiếp tục soạn bài: “Thánh Gióng”.

## Tuần 2 – Bài 2

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Tiết 5** –Văn bản:

## THÁNH GIÓNG

**(Truyện truyền thuyết)**

* 1. **Mục tiêu cần đạt:** Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* HS nắm được nội dung chính và đặc điểm nổi bật về nghệ thuật của truyền thuyết “Thánh Gióng”.
* HS biết được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm thuộc thể loại truyền thuyết về đề tài giữ nước.
* HS hiểu được những sự kiện và di tích phản ánh lịch sử đấu tranh giữ nước của ông cha ta được kể trong một tác phẩm truyền thuyết.

## Kỹ năng:

* HS đọc – hiểu được văn bản truyền thuyết theo đặc trưng thể loại

+ HS thực hiện thao tác phân tích một vài chi tiết nghệ thuật kì ảo trong văn bản.

+ HS nắm bắt tác phẩm thông qua hệ thống các sự việc được kể theo trình tự thời gian.

## Thái độ:

* Biết tự hào về truyền thống đấu tranh bảo vệ đất nước ngoan cường của dân tộc ; Biết nhớ đến công ơn của những người anh hùng có công với Tổ quốc.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.
* Phẩm chất: tự lập, tự tin, tự chủ, yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với cồng đồng, đất nước.

## CHUẨN BỊ:

* + 1. **Giáo viên:** tranh ảnh liên quan đến bài học
    2. **Học sinh:** Sách ngữ văn 6 tập 1, vở viết, bài soạn theo câu hỏi sgk.

## PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: hoạt động nhóm, đặt và giải quyết vấn đề, đàm thoại, thuyết trình, thị phạm.
* Kĩ thuật: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, động não.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:**

* Tóm tắt hoặc kể lại ngắn gọn truyện “Thánh Gióng”.
* Em có cảm nhận gì về sự ra đời của Gióng?

## \* Vào bài mới:

GV giới thiệu bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Tìm hiểu chi tiết văn bản:   * PP: đàm thoại, hoạt động nhóm * KT: đặt câu hỏi, TL nhóm   ? Gióng đòi đi đánh giặc trong hoàn cảnh nào ?  ? Thái độ và hành động của nhà vua?  ? Chi tiết này nói lên điều gì ở nhà vua?  TL: Vua hiền, yêu nước. Trong thời khắc đất nước lâm nguy có hành động kịp thời, tin vào lòng yêu nước, tài năng, sức mạnh của quần chúng nhân dân.  \* GV tổ chức thảo luận nhóm – 4 phút:  **? Nghe tiếng rao của sứ giả, Gióng phản ứng và nói gì?**  **? Lời nói của Gióng với sứ giả có hợp với lẽ thường hay là sự khác thường? NT đc sử dụng trong chi tiết này?**  **? Ý nghĩa của tiếng nói đầu tiên của Gióng?**   * HS thảo luận, đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm nx, bổ sung. * GV nx, chuẩn kt. * GV giảng: Không nói để bắt đầu nói là nói lời | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản (tiếp):**  **2. Gióng chuẩn bị đi đánh giặc:**   * Hoàn cảnh: *giặc Ân xâm phạm bờ cõi...vua lo lắng, tìm người tài cứu nước* * Tiếng nói đầu tiên: *sắm cho ta một con ngựa sắt, roi sắt, áo giáp sắt...ta sẽ phá tan lũ giặc...*   + NT: chi tiết tưởng tượng kì ảo  -> tiếng nói đòi đi đánh giặc của Gióng biểu tượng cho tinh thần yêu nước của nhân dân ta. |

quan trọng, lời yêu nước, ý thức đối với đất nước được đặt lên hàng đầu. Tiếng nói đòi đi đánh giặc của G hết sức kì lạ bởi: đây là *câu nói đầu tiên của 1 đứa trẻ lên ba và kì lạ hơn là để xin đi đánh giặc, và khẳng định sẽ thắng giặc. Gióng là con của nhân dân, được sang tạo ra bởi trí tưởng tượng của nhân dân. Vì thế Gióng là biểu tượng cho tinh thần yêu nước của nhân dân: lúc bình thường thì âm thầm lặng lẽ nhưng khi nước nhà gặp cơn nguy biến thì sẵn sàng giết giặc. Thẳm sâu trong sự lặng lẽ ấy là sức mạnh của tinh thần yêu nước quật khởi, kiên cường. Sức mạnh ấy đã được HCM tổng kết trong bài “Lòng yêu nước của nd ta” mà các em sẽ được học lớp 7.*

- HS theo dõi đoạn 3 (từ “Càng lạ hơn nữa…giết giặc, cứu nước”)

? Sau hôm gặp sứ giả, Gióng có điều gì khác thường?

? NT xây dựng những chi tiết này?

? Chi tiết bà con ai cũng vui lòng góp gạo nuôi Gióng có ý nghĩa gì? Em hãy phát biểu suy nghĩ của mình về chi tiết này?

* HS phát biểu.
* GV bình giảng.

*+ Gióng lớn lên, được nuôi dưỡng bằng những cái bình thường, giản dị, bằng tc đùm bọc, yêu thương của nhân dân. Gióng đâu chỉ là con của 1 bà mẹ mà là con của cả làng, của nhân dân. Ngày nay ở hội Gióng nd ta vẫn tổ chức cuộc thi nấu cơm, hái cà. Với những hoạt động này, dường như hình ảnh dân làng đùm bọc, nuôi dưỡng Gióng lại hiện về, nguyên vẹn trong tiềm thức mỗi người. Chi tiết này lại khiến ta nhớ đến bao bà mẹ VN anh hùng đã nuôi dưỡng bộ đội ta trong chiến tranh:*

+ Hình ảnh người mẹ Tà-ôi giã gạo nuôi quân :

*“Mẹ giã gạo mẹ nuôi bộ đội*

*Nhịp chày nghiêng giấc ngủ em nghiêng”*

+ Hình ảnh người mẹ trong sự hồi tưởng của Tố Hữu, mang vẻ đẹp của tình yêu thương bao la :

“ *Bầm yêu con, yêu luôn đồng chí Bầm quý con, bầm quý anh em.*

*Bầm ơi, liền khúc ruột mềm*

- *Gióng lớn nhanh như thổi ...bà con làng xóm góp gạo nuôi Gióng*

+ NT: Chi tiết tưởng tượng kì ảo

-> Gióng lớn lên nhờ sự đùm bọc của nhân dân.

*-> Sức mạnh của Gióng* được nuôi dưỡng bởi nhân dân, là sức mạnh của nhân dân.

|  |  |
| --- | --- |
| *Có con có mẹ, còn thêm đồng bào*” (“Bầm ơi”-Tố Hữu)  Sức mạnh của Gióng chính là sức mạnh của tình đoàn kết. |  |
| - HS theo dõi vào đoạn cuối của văn bản.  ? Gióng ra trận trong hoàn cảnh nào?  ? NX về nhịp điệu câu văn?  -> Nhanh, gấp gáp thể hiện sự nguy cấp của hcảnh  ? Tìm chi tiết nói lên hành động của G trong tình thế nguy cấp này?  ? NT?  ? Ý nghĩa của chi tiết này?  - HS phát biểu cảm nghĩ về chi tiết này.  **GV bình**: *Sự vươn vai của G là hình ảnh đẹp đẽ. Nó có liên quan đến quan niệm của nhân dân ta: người anh hùng phải khổng lồ về thể xác, sức mạnh, chiến công. Cái vươn vai của Gióng là để đạt đến độ phi thường ấy.*   * *Chi tiết này còn có ý nghĩa: khi lịch sử đặt ra vấn đề sống còn cấp bách, khi lịch sử đòi hỏi đất nước cần đạt đến tầm vóc phi thường thì dân tộc có thể vụt lớn thay đổi tầm vóc, tư thế của mình và trở lên phi thường, mạnh mẽ*   *=>Có thể nói, Thánh Gióng là tượng đài bất hủ về sự trưởng thành vượt bậc, về hùng khí, tinh thần của dân tộc trước nạn ngoại xâm.*   * *Liên hệ: Các em sẽ còn gặp lại hình tượng một nhân vật tương tự như thế trong sử thi Đam Săn của người Ê-đê mà các em sẽ học lớp 10*   ? Nhìn bức tranh minh hoạ trong sgk, kết hợp phần cuối truyện, hãy miêu tả lại trân chiến đấu của Gióng?  ? Đoạn văn sử dụng nhiều từ loại nào? Nhịp văn?  ? Qua đó em có nx gì về hình tượng Gióng xung trận?  **GV bình:** Bằng cảm hứng thần thoại với hàng loạt | **3. Gióng đánh giặc và trở về trời**  ***\* Gióng ra trận đánh giặc***   * Hoàn cảnh: *...thế nước nguy, người người hoảng sợ.* * Gióng *vùng dậy, vươn vai “biến thành một tráng sĩ* ...”   + Chi tiết kì ảo, phi thường, đẹp đẽ  -> Gióng là biểu tượng cho vẻ đẹp sức mạnh, tinh thần của dân tộc trong giờ phút đất nước lâm nguy   * Gióng ra trận: *mặc áo giáp, nhảy lên mình ngựa...thúc ngựa phi...đón đầu, đánh giết...nhổ tre quật vào giặc..* * Kết quả: giặc *chết như rạ...giẫm đạp lên nhau mà chạy ”...*   + NT: sd động từ mạnh, giọng điệp gấp gáp, khẩn trương, phấn khởi  => Gióng xung trận hùng tráng, kì vĩ, là hình tượng người anh hùng đầy sức mạnh. |

các chi tiết kì ảo, truyền thuyết đã dựng lên bức tranh chiến trận hoành tráng và kì vĩ mà trung tâm là hình ảnh người anh hùng đầy sức mạnh. Sự thật lịch sử về chiến thắng giặc Ân cũng như mơ ước về một người anh hùng vĩ đại đã được hình tượng hóa trong một hình ảnh đẹp mà dư âm của nó còn sâu lắng đến tận bây giờ!

? Chi tiết Thánh Gióng nhổ tre đánh giặc có ý nghĩa gì?

* *Mỗi cành cây, hòn đá đều có thể giết giặc*
* *Đánh giặc cần đến những vũ khí tối tân nhưng cũng có khi cần đến cả những vũ khí rất đỗi thô sơ, bình thường.*
* *làm cho hình tượng Gióng vừa linh thiêng, hùng vĩ, vừa gần gũi, thân thương*

? Sau khi thắng giặc Gióng đã làm gì?

? NT tiêu biểu đc sd trong chi tiết này?

? Tan giặc Gióng không về triều để nhận tước lộc mà lại về trời? Ý nghĩa của chi tiết này ?

HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi.

GV bình: *G là con nhà trời xong nhiệm vụ đánh giặc tất nhiên sẽ về trời. Lấy trái núi làm bàn đạp để từ từ bay vào khoảng không gian vô tận, khổng lồ về giới hạn cả chiều rộng và chiều cao. -> Chi tiết kì ảo, đẹp, thơ mộng, bất tử* hóa người anh hùng. *H/a G còn sống mãi trong lòng người VN*

? Em còn biết thêm cái kết nào khác về truyện Thánh Giọng được lưu truyền trong dân gian? (Gióng cúi đầu từ biệt mẹ rồi từ từ bay lên trời khuất giữa những đám mây hồng)

GV mở rộng: Truyền thuyết Thánh Gióng” kết thúc với hình ảnh Gióng cùng ngựa bay về trời. Kịch bản phim “**Ông Gióng**” (Tô Hoài) kết thúc

### *\* Gióng trở về trời:*

* “*một mình một ngựa từ từ bay lên trời*

*+* NT: chi tiết kì ảo, đẹp, thơ mộng, giàu ý nghĩa

-> Ca ngợi phẩm chất của người anh hùng dân tộc: vô tư, không màng danh lợi

-> bất tử hóa người anh hùng Thánh Gióng

|  |  |
| --- | --- |
| với hình ảnh: *tráng sĩ Gióng cùng ngựa sắt thu nhỏ dần thành em bé cưỡi trâu trở về trên đường làng mát rượi bóng tre.*  ? Nêu nhận xét về hai cách kết thúc ấy?  - *Hình ảnh gióng bay về trời phù hợp với sự ra đời thần kì của nhân vật: Gióng là thần được trời cử xuống giúp vua Hùng đuổi giặc, đuổi giặc xong Gióng lại bay về trời.*  *- Hình ảnh gióng trong phần kết thúc của bộ phim của Tô Hoài nêu bật ý nghĩa tượng trưng của nhân vật: Khi đất nước có giặc" mỗi chú bé đều nằm mơ ngựa sắt" đều nằm mơ thành Phù Đổng " vụt lớn lên đánh đuổi giặc Ân" (Tố Hữu) khi đất nước thanh bình, các em vẫn là những em bé chăn trâu hiền lành, hồn nhiên" Súng gươm vứt bỏ lại hiền như xưa".*  ? Kết thúc truyện, tác giả đưa ra những dấu tích nào của trận chiến?  ? Ý nghĩa của chi tiết này? | **4. Dấu tích còn lại:**   * Đền thờ Phù Đổng * Dấu chân ngựa thành ao hồ * Tre đằng ngà, làng Cháy   -> Chi tiết có thật, tăng tính chân thực của hình tượng Thánh Gióng |
| HĐ 3: Tổng kết bài học:   * PP: vấn đáp * KT: đặt câu hỏi   ? NT tiêu biểu nhất của truyện?  ? Qua đó, truyện muốn thể hiện quan điểm và cách đánh giá gì của nd ta về hình tượng Gióng? Ý nghĩa truyện? | **III. Tổng kết: 1.Nghệ thuật:**  - Sử dụng kết hợp các chi tiết kì ảo với các chi tiết đời thường giàu ý nghĩa.  **2. Nội dung**   * Ca ngơi hinh tương ngươi anh hùng dân tộc Thánh Gióng. * Nêu cao tinh thân yêu nươc, đoàn kết.   Ghi nhớ-SGK trang 22 |

## Hoạt động luyện tập:

Bài tập: Chỉ ra những cơ sở lịch sử của truyện Thánh Gióng?

* Đời vua Hùng thứ 6, giặc Ân sang xâm chiếm.
* Giai đoạn đó, vũ khí của người VN cổ chủ yếu làm bằng sắt
* Dấu ấn còn lại ở tại làng Phù Đổng - Sóc Sơn .

## Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn nêu cảm nhận của em về hình tượng Gióng?
* Em thích chi tiết nào nhất trong vb? Vì sao?

## Hoạt đồng tìm tòi, mở rộng:

* Tìm các video về lễ hội đền Gióng.

**-** Soạn bài : “Sơn Tinh. Thủy Tinh”

Tuần 2

Ngày soạn: Ngày dạy:

Tiết: 6

## TỪ MƯỢN

1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* Nắm được khái niệm từ mượn.
* Hiểu được nguồn gốc của từ mượn trong tiếng Việt.
* Hiểu được nguyên tắc mượn từ trong tiếng Việt.
* Nắm được vai trò của từ mượn trong hoạt động giao tiếp và tạo lập văn bản.

## Kỹ năng:

* Nhận biết được những từ mượn đang được sử dụng trong Tiếng Việt.
* Xác định đúng nguồn gốc của các từ mượn.
* Sử dụng từ điển để hiểu nghĩa từ mượn.
* Sử dụng từ mượn trong khi nói và viết.

## Thái độ:

* Yêu tiếng mẹ đẻ và có ý thức làm phong phú và trong sáng ngôn ngữ Việt.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác.
* Phẩm chất: tự lập, tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:** Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng. Bảng phụ.
  2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị phần tìm hiểu bài.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: hoạt động nhóm, đặt và giải quyết vấn đề, đàm thoại, thuyết trình.
* Kĩ thuật: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, động não.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:**
* Hãy trình bày khái niệm về từ ?
* Dựa vào số lượng của các tiếng cấu tạo nên từ, người ta chia từ thành mấy loại ? Nêu ví dụ.
* Làm bài tập 3-SGK trang 14

**\* Vào bài mới:** GV giới thiệu.

Từ là đơn vị ngôn ngữ nhỏ nhất dung để đặt câu. Dựa trên cơ sở số lượng của các tiếng cấu tạo nên từ, người ta chia từ thành từ đơn và từ phức. Bên cạnh đó, dựa vào nguồn gốc của từ, người ta còn phân loại thành từ thuần Việt và từ mượn. Trong tiết học hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu về đặc điểm của hai loại từ này .

## 3. Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Tìm hiểu về từ thuần Việt.   * PP: đàm thoại, hoạt động nhóm, phân tích mẫu * KT: TL nhóm, đặt câu hỏi * GV treo bảng phụ ví dụ 1, 2 trong câu   ? Đặt câu này trong văn bản *Thánh Gióng*, hãy giải thích nghĩa của 2 từ đó ?  TL:  + *Trượng*: đơn vị đo độ dài bằng 10 thước TQ cổ (3,33m), ở đây hiểu là rất cao  + *Tráng sỹ* : người có sức lực cường tráng, chí khí mạnh mẽ, hay làm việc lớn.  *Tráng* : khỏe mạnh, to lớn, cường tráng  *Sỹ* : người trí thức thời xưa và những người được tôn trọng nói chung.  ? Hãy tìm những từ ghép Hán Việt có yếu tố sỹ đứng sau ?  TL : *Hiệp sỹ, thi sỹ, dũng sỹ, chiến sỹ, bác sỹ, chí sỹ, nghệ sỹ...*  ? Vậy 2 từ ấy là từ mượn của tiếng nước nào ?  \* HS thảo luận cặp đôi:  **? Xác định nguồn gốc các từ trong ví dụ mục I.3?**  **? Em có nhận xét gì về cách viết của các từ đó**  ? Xét trên cơ sở nguồn gốc, từ tiếng Việt được chia làm mấy loại? | Từ thuần Việt và từ mượn  * 1. **Tìm hiểu ví dụ**      1. Ví dụ 1: SGK- trang 24   - trượng, tráng sĩ  Từ mượn tiếng Trung Quốc cổ, được đọc theo cách phát âm của người Việt nên gọi là từ Hán Việt  b. Ví dụ 2 : SGK- trang 24   * Nguồn gốc :   + tiếng Hán : sứ giả, giang sơn, buồm, gan  + Ngôn ngữ khác : ti vi, xà phòng, ga, mít tinh,ra-đi-ô, Xô Viết, in-tơ-nét   * Cách viết :   + Việt hóa hoàn toàn: Như từ thuần Việt  + Chưa việt hóa hoàn: dùng gạch ngang để nối các tiếng  **2. Ghi nhớ: sgk/25**  - Từ mượn: là những từ được vay mượn từ tiếng nước ngoài để biểu thị những sự |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Từ mượn là gì ?  ? Từ mượn gồm mấy loại ?  ? theo em vì sao phải mượn từ?  GV nâng cao : Cách phân biệt 2 bộ phận từ mượn căn cứ vào đặc điểm của các loại :  + Từ mượn Hán-Việt : Cách viết giống như từ thuần Việt  + Từ mượn 1 số ngôn ngữ khác : Nhiều từ chưa được Việt hóa hoàn toàn, giữa các tiếng tạo nên từ thường có gạch nối | vật, hiện tượng, đặc điểm...mà tiếng Việt chưa có từ thật thích hợp để biểu thị.  - Phân loại từ mượn:  + Từ Hán - Việt  + Từ mượn 1 số ngôn ngữ khác... |
| HĐ 2 : Tìm hiểu nguyên tắc mượn từ :   * PP : vấn đáp, hoạt động nhóm * KT : chia nhóm, TL nhóm * GV treo bảng phụ * Học sinh đọc đoạn trích ý kiến của chủ tịch Hồ Chí Minh * HS thảo luận nhóm lớn :   **? Mặt tích cực của việc mượn từ là gì ? Cho ví dụ .**  **? Tác hại của việc lạm dụng từ mượn từ là gì ? Cho ví dụ ?**   * HS thảo luận, đại diện nhóm báo cáo, các nhóm nx, bổ sung. * GV chốt. * HS đọc Ghi nhớ-SGK trang 25   **-GV mở rộng :** Có 2 cách mượn từ :  + Mượn từ rồi biến đổi từ (về âm, về nghĩa, về cấu tạo...) để dùng như từ thuần Việt (Việt hóa hoàn toàn).  Ví dụ : săm, lốp, líp...  + Mượn từ nhưng chỉ đọc và viết theo âm và chữ Việt, từ mượn còn mang nhiều đấu vết của nước ngoài (từ không được Việt hóa hoàn toàn( Ví dụ : các từ phiên âm mượn của tiếng Pháp, tiếng Anh, tiếng Nga...  ***GV cho HS làm BT 4 để nhấn mạnh hơn nội dung mục này*** | **II. Nguyên tắc mượn từ**   * Mượn từ là một cách làm giàu Tiếng Việt * Lạm dụng việc mượn từ sẽ làm cho Tiếng Việt kém trong sáng   ***Ghi nhớ-SGK trang 25*** |

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |
| --- | --- |
| * **PP: thị phạm, luyện tập thực hành, trò chơi** * **KT: đặt câu hỏi** | |
| HS làm miệng BT 1 – GV hướng dẫn HS cách ghi  HS xđ yêu cầu bài tập HS hđ cá nhân làm BT2 1 HS lên bảng làm.  HS xđ yêu cầu BT 3  GV tổ chức trò chơi “ai nhanh hơn” để HS làm BT 3. | **III. Luyện tập**  Bài tập 1 :   1. Mượn tiếng Hán : *vô cùng, ngạc nhiên, tự nhiên, sính lễ* 2. Mượn tiếng Hán *: Gia nhân* 3. Mượn tiếng Anh *: Pốp, Mai – cơn – Giắc – Xơn, in-tơ-nét*   Bài tập 2 :   1. *Khán giả* : khán = xem, giả = người    người xem  *Thính giả* : thính = nghe, giả = người   người nghe  *Độc giả* : Độc = đọc, giả = người người đọc   1. *Yếu điểm* : yếu = quan trọng, điểm = chỗ *Yếu lược* : yếu = quan trọng, lược = tóm tắt *Yếu nhân* : yếu = quan trọng, nhân = người Bài tập 3 : 2. Tên gọi các đơn vị đo lường : *Mét, lý, ki-lô-mét* 3. Tên gọi các bộ phận xe đạp :   *Ghi-đông, gác-đờ-bu, pê-đan*   1. Tên gọi một số đồ vật :   *Ra-đi-ô, u-ô-lông, sa-lông* |

## Hoạt động vận dụng:

Viết đoạn văn giới thiệu về lớp em, trong đó có sử dụng từ thuần Việt và Hán Việt. Gạch chân và giải nghĩa từ.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Tìm thêm nhiều từ Hán Việt.
  + Chuẩn bị bài: Tìm hiểu chung về văn tự sự (Đọc bài, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài, tập trung tìm hiểu đặc điểm của phương thức tự sự)

Tuần 2

Ngày soạn: Ngày dạy:

Tiết: 7

# TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN TỰ SỰ

* 1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + Nắm được mục đích giao tiếp của tự sự.
  + Nắm vững thế nào là văn bản tự sự. Vai trò của phương thức biểu đạt này trong cuộc sống, trong giao tiếp.
  + Có khái niệm sơ bộ về phương thức tự sự trên cơ sở hiểu được mục đích giao tiếp của tự sự và bước đầu biết phân tích các sự việc trong tự sự.

## Kỹ năng:

* + Nhận biết được văn bản tự sự.
  + Sử dụng được một số thuật ngữ: Tự sự, kể chuyện, sự việc, người kể

## Thái độ:

* + Ham học hỏi, tích cực học tập.

## Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, hợp tác
  + Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:** Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng. Bảng phụ
    2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị theo hướng dẫn của GV

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* + Phương pháp: hoạt động nhóm, đặt và giải quyết vấn đề, đàm thoại.
  + Kĩ thuật: chia nhóm, giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:**
   * Thế nào là văm bản ? Dựa vào mục đích giao tiếp, người ta chia văn bản thành mấy loại ? Cho ví dụ .

## Vào bài mới :

Suốt từ thủa ấu thơ, các em thường được nghe ông bà, cha mẹ kể chuyện. Các em cũng hay kể chuyện cho gđ, bạn bè nghe những câu chuyện mà các em quan tâm, thích thú. Qua đó chúng ta có thể thấy kể chuyện (tự sự) là một nhu cầu không thể thiếu trong cuộc sống của mỗi con người. Vậy, kể để làm gì? Và kể như thế nào? Ngày hôm nay cô trò ta sẽ cùng tìm hiểu bài học “Tìm hiểu chung về văn tự sự” để hiểu rõ điều đó .

## Hoạt động hình thành kiến thức mới :

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: tìm hiểu ý nghĩa và đặc điểm chung của phương thức tự sự   * PP: đàm thoại, hoạt động nhóm * KT: đặt câu hỏi, chia nhóm, TL nhóm * HS đọc ví dụ 1 – SGK trang 27 | **I. Ý nghĩa và đặc điểm chung của phương thức tự sự** *Ý nghĩa của phương thức tự sự*  * 1. *Ví dụ 1- SGK trang 27* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ? Hàng ngày, em có kể chuyện không? Em thường kể chuyện gì? Kể cho ai nghe? Và kể để làm gì?  ? Em thường nghe bà kể chuyện cổ tích. Những câu chuyện bà kể giúp em hiểu được điều gì?  hiểu được thế giới nhân vật trong truyện cổ tích *hiểu được kẻ thiện, người ác*, hiểu được phải làm điều thiện  ? Em kể cho bạn nghe bạn Lan-bạn của em là người như thế nào? Tốt hay xấu, vui vẻ hay trầm tính…?. Câu chuyện em kể có tác dung gì?  *hiểu được cá tính của bạn bè (nói riêng) và những người xung quanh (nói chung) để chung sống chan hòa, thân ái hơn (tìm hiểu con người)*  + Em kể cho bạn nghe vì sao An bỏ học. Mục đích của em khi kể là gì?  Giải thích sự việc *để bạn bè biết thông cảm, giúp đỡ An.*  ? Thánh Gióng là một câu chuyện được kể bằng phương thức tự sự. Qua truyện tác giả dân gian bày tỏ thái độ ntn đối với nhân vật chính – người anh hùng làng G?  ? Tóm lại ý nghĩa của phương thức TS?  - HS đọc bài ví dụ 2 –SGK / 28.  ? Truyện “Thánh Gióng” kể về ai? Vào thời gian nào?  \* GV tổ chức TL nhóm lớn:  **? Hãy liệt kê các sự việc theo thứ tự từ trước sau của truyện**?  HS thảo luận, cử đại diện báo cáo, các nhóm khác nx, bổ sung. |  | - Tự sự giúp người kể:  + Kể chuyện cổ tích, kẻ về Lan -> tìm hiểu con người  + Kể cho bạn nghe vì sao An bỏ học  -> Giải thích sự việc  +Truyện “Thánh Gióng”: -> Bày tỏ thái độ khen, chê  ***b. Ghi nhớ: - SGK/ý 2*** Đặc điểm chung của phương thức tự sự*Ví dụ: truyện “Thánh Gióng”* + Truyện kể về người a/hùng làng Gióng.  + Thời gian: đời vua Hùng Vương thứ 6. | |  |
| GV nx, chốt  **HS có thể nhầm giữa sự việc với chi tiết** |  | 1 | Sự ra đời và tuổi thơ khác thường của Gióng |  |
|  |  |  |  |  |
| **nhỏ hơn -> GV lưu ý HS:** Các sự việc lại  được tạo nên từ những chi tiết nhỏ hơn. Ví |  | 2 | Gióng biết nói và nhận trách nhiệm đánh giặc |  |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| dụ sự việc 1 có các chi tiết nhỏ hơn như: |  | 3 | Gióng lớn nhanh như thổi |  |
| * Hai vợ chồng ông lão muốn có con * Bà vợ ra đồng ướm thử vào vết chân lạ * Mang thai 12 tháng |  | 4 | Thánh Gióng vươn vai thành tráng sĩ cưỡi ngựa sắt, mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt đi đánh giặc |  |
| - Đứa trẻ lên 3 vẫn k biết nói biết cười |  | 5 | Thánh Gióng đánh tan giặc |  |
| ? Truyện có thể kết thúc ở sự việc thứ |  | 6 | Thánh Gióng lên núi, cởi bỏ áo giáp sắt bay về trời |  |
| 1/2/3/4 k? |  | 7 | Vua lập đền thờ, phong danh hiệu |  |
| *(Không vì khiến người đọc k hiểu được)*  ? Nếu thiếu sv thứ 7 và 8 thì truyện sẽ ntn? |  | 8 | Những dấu tích còn lại của Thánh Gióng |  |
| *(Thiếu ý nghĩa sẽ k trọn vẹn, k thể hiện được*  *lòng bết ơn(7) và làm giảm sự tin cậy về sự có thật của Gióng (8))*  ? Nếu đảo các sự việc trên theo trình tự khác điều gì sẽ xảy ra?  ? Từ việc phân tích trên, em hãy cho biết thế nào là tự sự? |  | => một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia cuối cùng dẫn đến một kết thúc, tạo nên một ý nghĩa.  b. ***Ghi nhớ***: -SGK/Ý 1 | |  |

## Hoạt động luyện tập:

* + Tìm chuỗi sự việc trong truyện “Con Rồng, cháu Tiên” và nêu ý nghĩa truyện?

## Hoạt động vận dụng:

**-**

**-**

1. **Hoạt động tìm tòi, mở rộng:**

-

* + Chuẩn bị bài : Tìm hiểu chung về văn tự sự (tiếp): làm bài tập phần luyện tập.

Tuần 2

Ngày soạn: Ngày dạy:

Tiết: 8

# TÌM HIỂU CHUNG VỀ VĂN TỰ SỰ

1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + Nắm được mục đích giao tiếp của tự sự.
  + Nắm vững thế nào là văn bản tự sự. Vai trò của phương thức biểu đạt này trong cuộc sống, trong giao tiếp.
  + Có khái niệm sơ bộ về phương thức tự sự trên cơ sở hiểu được mục đích giao tiếp của tự sự và bước đầu biết phân tích các sự việc trong tự sự.

## Kỹ năng:

* + Nhận biết được văn bản tự sự.
  + Sử dụng được một số thuật ngữ: Tự sự, kể chuyện, sự việc, người kể

## Thái độ:

* + Ham học hỏi, tích cực học tập.

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:** Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng. Bảng phụ
  2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài theo hướng dẫn của GV

## ÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, chia nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:**
   * Mục đích của văn tự sự là gì ? Trình bày khái niệm phương thức tự sự ?
   * Vì sao nói : “ Thánh Gióng” là một văn bản tự sự ?

## Vào bài mới:

Ở tiết trước, chúng ta đã cùng nhau tìm hiểu về mục đích cũng như khái niệm về phương thức tự sự. Vậy làm như thế nào để xác định một văn bản thuộc phương thức tự sự ? Bài học hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau giải đáp về điều đó .

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **\* GV sd pp hoạt động nhóm.**   * HS đọc yêu cầu BT1 * HS nhắc lại khái niệm văn tự sự. * HS thảo luận nhóm lớn:   **? Trong truyện này, phương thức tự sự thể hiện như thế nào?**   * GV hướng dẫn HS: tìm biểu hiện của pt tự sự trong vb thông qua: chuỗi các sự việc, chủ đề thống nhất của truyện, tính liên kết trong văn bản truyện. * HS làm việc theo nhóm lớn. * Đại diện nhóm báo cáo, các nhóm nx, bổ sung. GV chốt kt. | **II. Luyện tập**  **Bài 1: Truyện “Ông già và thần chết”**  Phương thức tự sự đc thể hiện trong truyện nhờ:  - **Truyện gồm chuỗi sự việc**  + Mở đầu: gánh củi nặng, đường xa kiệt sức, muốn Thần Chết đến mang đi  + Phát triển: Thần Chết đến, ông lão sợ.  + Kết thúc: nhờ Thần Chết nhấc hộ bó củi lên vai  => Nhận xét: Truyện được kể theo trình tự thời gian, sự việc nối tiếp nhau, kết thúc bất ngờ. Ngôi kể thứ 3.  - **Ý nghĩa câu chuyện**:  + Ca ngợi trí thông minh, biến báo linh hoạt, nhanh trí của ông già  + gửi đến người đọc 1 bức thông điệp, nêu lên 1 bài học ý nghĩa, nhân văn: dù trong hoàn cảnh |

khó khăn nào con người vẫn muốn sống và ham sống.

* HS xđ yêu cầu BT 2
* HS đọc bài thơ.

? Bài thơ “Sa bẫy” có phải tự sự không? Vì sao?

*(Gợi ý về chuỗi sự việc diễn ra trong bài thơ: Bé Mây rủ mèo con cùng tham gia bẫy chuột -> kế hoạch vạch ra chắc chắn thành công --> đêm bé nằm mơ chuột sa đầy lồng, bé và mèo con cùng xử tội chúng -> Sáng mai bẫy sập, chuột không, cá hết, còn trong lồng mèo con đang nằm mơ .*

? Theo em văn bản tự sự này vì sao hấp dẫn?

(Kết bất ngờ + thể hiện tâm lí ngộ nghĩnh của trẻ thơ)

* GV: trong 1 vb ngoài ptbđ chủ yếu còn có thể kết hợp với các ptbđ khác nhằm tăng sức hấp dẫn và khả năng biểu đạt nội dung của vb.
* HS làm việc cá nhân, kể lại câu chuyện trong bài thơ “Sa bẫy” trên thành văn xuôi.
* HS tự đọc cho bạn cùng bàn nghe.
* HS kể lại truyện bằng lời văn trước lớp.
* HS nhận xét.

GV nhận xét, chấm điểm.

* HS xác định yêu cầu BT3.
* HS đọc 2 văn bản.

? Hai văn bản trên có nội dung tự

## Bài 2- SGK trang 29

“Sa bẫy” chính là bài thơ tự sự. Tuy diễn đạt bằng thơ 5 tiếng nhưng bài thơ đã kể lại một câu chuyện có:

- Nhân vật và chuỗi sự việc:

**+** có mở đầu

+ có diễn biến sự việc

+ có kết thúc

- Thể hiện một ý nghĩa: giễu tính tham ăn của mèo đã khiến mèo tự mình “sa bẫy” của chính mình.

* Kể lại câu chuyện bằng miệng :

Bé Mây rủ mèo con đánh bẫy lũ chuột nhắt bằng mồi cá được treo trong một chiếc cạm sắt. Cứ đinh ninh lũ chuột nhắt tham lam ngốc nghếch sẽ không bỏ qua cơ hội này, cả bé Mây và mèo con đều nghĩ bọn chuột kia sẽ mắc bẫy.

Đêm hôm ấy, bé Mây nằm mơ thấy cảnh bọn chuột bị sập bẫy đầy lồng, chúng khóc lóc xin tha tội. Lúc ấy, bé và mèo con sẽ xử lý chúng.

Sáng hôm sau, bé Mây vùng chạy xuống bếp xem kết quả ra sao, ai dè bé Mây chẳng thấy chuột, cá cũng hết. Còn mèo con thì vẫn đang ngủ say ở giữa lồng

## Bài 3- SGK trang 29

- Cả 2 văn bản đều có nội dung tự sự với nghĩa kể chuyện, kể việc.

sự không ?

(Gợi ý: Văn bản nêu lên sự kiện gì

? Bao gồm những sự việc chính nào?)

HS thảo luận cặp đôi, trả lời. GV nhận xét, chốt kt.

? Tự sự ở đây có vai trò gì ?

* HS xđ yêu cầu Bài 4

? Hãy kể câu chuyện để giải thích vì sao người Việt tự xưng là con Rồng cháu Tiên ?

( Gợi ý: sắp xếp sự việc theo hệ thống sau : giới thiệu Lạc Long Quân và Âu Cơ -> gặp nhau và thành vợ chồng -> đẻ ra cái bọc trăm trứng, nở ra trăm con -> chia con đi cai quản các phương, lập ra nước Văn Lang và thời đại Hùng Vương -> nguồn gốc của dân tộc Việt Nam là con Rồng cháu Tiên )

## Hoạt động vận dụng:

+ Văn bản “Huế: khai mạc trại điêu khắc quốc tế lần thứ ba” nêu lên sự kiện khai mạc trại điêu khắc quốc tế lần thứ ba tại Huế với các sự việc chính: thời gian (chiều 3-4-2002) -> địa điểm (Công viên 3-2) -> Thành phần tham gia ( 27 tác giả quốc tế…) -> Diễn biến và kết thúc ( ngày 11-5-2002)

+ Văn bản thứ 2 nêu sự kiện: Người Âu Lạc đánh tan quân Tần xâm lược với các sự việc: Năm 218 TCN, quân Tần chia 5 mũi tiến sang xâm lược nước ta -> Người Âu Việt, Lạc Việt bỏ vào rừng sâu, lập mưu đánh lại -> Thục Phán lãnh đạo người Âu Lạc thường xuyên mai phục, đánh tỉa -> Sau nhiều năm, hang vạn quân Tần bị tiêu diệt, tướng Đồ Thư phải bỏ mạng -> Tần Thủy Hoàng chết, nông dân Trung Quốc nổi dậy, nhà Tần phải rút quân .

* Vai trò của tự sự:

+ Văn bản 1: là 1 bản tin

+ Văn bản 2: là 1 bài lịch sử

=> Tự sự ở đây có vai trò giới thiệu, tường thuật, kể chuyện thời sự hay lịch sử.

## Bài 4- SGK trang 30

Xưa kia, tổ tiên của người Việt là Hùng Vương lập nên nước Văn Lang, đóng đô ở thành Phong Châu. Hùng Vương là con trai của Lạc Long Quân và Âu Cơ. Lạc Long Quân người Lạc Việt (Bắc Bộ Việt Nam), mình rồng, thường rong chơi ở Thủy Phủ. Âu Cơ là con gái dòng họ Thần Nông, giống Tiên ở núi, phương Bắc. Lạc Long Quân và Âu Cơ gặp nhau, lấy nhau. Âu Cơ có mang, sinh ra một bọc trăm trứng, trăm trứng nở ra thành một trăm người con, người con trưởng được chọn làm vua Hùng, đời đời nối tiếp làm vua. Từ đó, để tưởng nhớ tới tổ tiên của mình, người Việt Nam tự xưng là con Rồng cháu Tiên.

* Viết lại chuỗi các sự việc chính có trong truyện “Thánh Gióng”.
* Tập kể lại truyện trên bằng lời văn của mình.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc thêm các bài văn tự sự.
* Chuẩn bị bài : Sơn Tinh, Thủy Tinh: đọc & tóm tắt truyện, tìm hiểu các chú thích, trả lời câu hỏi phần đọc hiểu văn bản.

### *Tuần 3*

Ngày soạn: Ngày dạy:

### *Tiết: 9*

**SƠN TINH, THỦY TINH (Tiết 1)**

* 1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + - * HS hiểu và cảm nhận được những nét chính về nội dung và nghệ thuật của truyền thuyết *Sơn Tinh, Thủy Tính:* phản ánh hiện thực đời sống của người Việt cổ trong việc giải thích hiện tượng lũ lụt ,bảo vệ cuộc sống của mình khát vọng chinh phục thiên nhiên.
      * HS hiểu được tác dụng của các yếu tố hoang đường, kì ảo trong truyện.

## Kĩ năng:

* + - * HS bước đầu biết nhận diện thể loại, kể lại cốt truyện và nêu nhận xét về nội dung và nghệ thuật những truyền thuyết, cổ tích, truyện cười, truyện ngụ ngôn không được học trong chương trình.
      * HS đọc, kể lại tóm tắt được truyện dân gian được học.

## Thái độ:

* + - * Có thói quen đọc và cảm thụ văn bản tự sự.
      * Thấu hiểu và cảm thông, chia sẻ với nhân dân vùng bão lũ.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ
* Phẩm chất: yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, trang ảnh miêu tả trận chiến giữa Sơn Tinh và TT.
2. **Học sinh:** học bài cũ và soạn bài theo hướng dẫn.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, trực quan, luyện tập thực hành, thuyết trình, làm mẫu.
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức.**
* **Kiểm tra bài cũ: (4 phút)** Nêu ý nghĩa của truyền thyết Thánh Gióng? Trong truyện đó, em thích hình ảnh, chi tiết nào nhất? Vì sao?

## Vào bài mới:

* GV chiếu video cảnh bão lụt của miền Trung Việt Nam.

? Trong clip trên, em thấy nhân dân ta đang chống chọi với giặc gì?

? Câu chuyện dân gian nào lí giải cho hiện tượng bão lụt xảy ra hàng năm ở nước ta?

* GV trò chuyện với HS để dẫn dắt vào bài mới.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung.**  GV: Truyện kể về thời đại lịch sử nào ?   * thời đại Hùng Vương thứ 18   GV: *Văn bản “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh” vốn có cốt lõi từ thể loại thần thoại cổ nhưng đã đc lịch sử hoá thành 1 truyền thuyết. Truyền thuyết được gắn với thời đại Hùng Vương thứ 18 và trở thành 1 tp quan trọng trong chuỗi truyền thuyết về thời các Vua Hùng .*  ? Cần đọc truyện với giọng ntn?   * Gv hướng dẫn học sinh đọc: Đọc đoạn đầu chậm rãi ở đoạn đầu, đọc nhanh gấp gáp ở đoạn sau: tả cuộc giao chiến giữa hai thần. Đọc đoạn cuối đọc giọng kể chậm rãi. * GV đọc mẫu, HS đọc tiếp. GV nx.   ? Chỉ ra những sự việc chính trong văn bản ? HS:  ? Dựa vào những sự việc chính này em hãy kể tóm tắt văn bản ?   * Lưu ý: 1 số từ khó   + Cồn: Dải đất (cát) nổi lên giữa sông hoặc bờ biển.  +Ván (cơm nếp): Mâm  + Nệp (Bánh chưng): Cặp (đôi)  ? “ST, TT” thuộc thể loại truyện nào?  ? Nêu kiểu vb và ptbđ của vb?  - GV: Qua phần kể của bạn, em thấy văn bản | Đọc và tìm hiểu chung:  * 1. **Đọc, kể tóm tắt, hiểu chú thích:**   \* Đọc, tóm tắt:   * *Vua Hùng kén rể.* * *Sơn Tinh - Thuỷ Tinh đến cầu hôn.* * *Vua Hùng ra điều kiện chọn rể.* * *Sơn Tinh đén trước lấy Mị Nương.* * *Thuỷ Tinh đến sau, thua cuộc nổi giận dâng nước đánh Sơn tinh.* * *Hai thần đánh nhau hằng tháng trời, cuối cùng Thuỷ Tinh thua phải rút quân về - Hằng năm Thuỷ tinh dâng nước đánh ST nhưng đều thua cuộc.*   \* Chú thích:  **2. Tìm hiểu chung văn bản:**   * Thể loại: truyền thuyết * Kiểu văn bản: tự sự PTBĐ: tự sự + miêu tả |

|  |  |
| --- | --- |
| **ST** | **TT** |
| * Vẫy tay về phía đông -> nổi cồn bãi. * Vẫy tay về phía đông -> nổi cồn bãi. | * gọi gió -> gió đến * hô mưa -> mưa về |
| Chúa vùng non cao | Chúa miền nước thẳm |

|  |  |
| --- | --- |
| có thể chia làm mấy đoạn, nêu nội dung từng đoạn ? | - Bố cục: 2 phần  + Phần 1: Từ đầu .... *xứng đáng*: Vua Hùng kén rể.  + Phần 2: còn lại: Cuộc giao tranh giữa 2 vị thần |
| **HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:**   * Yêu cầu HS theo dõi vào phần 1.   ? Sự kiện vua Hùng kén rể trong truyện diễn ra vào thời đại vua Hùng nào?   * GV tổ chức TL nhóm:   **? Tìm chi tiết giới thiệu về 2 vị thần ST, TT.**  **? Nhận xét về các chi tiết đó?**   * GV bình: trong cuộc thi tài, hai thần *ST. TT đều chứng tỏ mình là những vị thần* ***tài năng, quyền lực****, xứng đáng làm rể của vua Hùng. Họ chính là biểu tượng cho các thủ lính của những bộ tộc miền núi, miền biển thời lập nước. Tài năng của họ được miêu tả rất đặc biệt. Tài năng của Sơn Tinh là tài bồi đắp cuộc sống, làm cho nó sinh sôi, nảy nở. Tài năng của Thủy Tinh là tài tàn phá, phá hủy tự nhiên, môi trường. Trong cách mô tả 2 nhân vật, tác giả dân gian ngay từ đầu đã tỏ ra thiện cảm đối với Sơn Tinh.*   ? Trước 2 vị thần ngang tài ngang sức, vua Hùng đã đề ra giải pháp nào? Thử thách của vua Hùng có lợi cho ai?  GV giảng: *Khi ra điều kiện đó, vua Hùng có vẻ không thiên vị ai vì đồ sính lễ như nhau. Nhưng rõ ràng những đồ sính lễ vua yêu cầu là sản vật của vùng rừng núi. Qua việc thách cưới của vua Hùng, rõ ràng nhà vua tỏ ra thiên vị Sơn Tinh, muốn dành thuận lợi hơn cho chàng để chàng chiến thắng Thủy Tinh.*  *?* Việc vua Hùng muốn ST thắng cuộc phản ánh điều gì?  - HS TL cặp đôi trả lời. | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **1. Vua Hùng kén rể:**   * Hoàn cảnh: Hùng Vương thứ 18   Kén cho Mị Nương 1 người chồng thật xứng đáng.   * Hai thần đến thi tài:   + NT: chi tiết tưởng tượng kì ảo  Tô đậm vẻ đẹp kì lạ, phi phàm của ST và TT.   * Giải pháp:   + Thách cưới bằng lễ vật kì lạ, khó kiếm “voi chín ngà…”  + chuẩn bị trong thời gian nhanh, gấp: “ ngày mai…”  Có lợi cho Sơn Tinh  => Phản ánh thái độ của người Việt cổ: Yêu núi rừng, ghét bão lụt |

## Hoạt động luyện tập:

Cho chủ đề: Vua Hùng kén rể.

* Hãy phác thảo những ý chính cho bài văn kể chuyện theo chủ đề trên.
* Cho biết trong câu chuyện có những sự việc gì? Nhân vật chính là ai? Nhân vật phụ là ai?

## Hoạt động vận dụng:

GV tổ chức cho HS thi kể diễn cảm truyện “ST, TT”.

* Yêu cầu: người kể nhớ được các đoạn, các tình tiết của truyện. Ngôn ngữ kể chuyện lưu loát, phù hợp với thể loại truyền thuyết. Phân biệt giọng người kể và giọng nhân vật.
* Chia lớp thành 3 nhóm (3 dãy).
* Các nhóm TL thống nhất bài kể. Đại diện các nhóm lần lượt kể.
* Các nhóm lắng nghe, nhận xét chéo.
* GV nhận xét.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc bài thơ “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh” của Nguyễn Nhược Pháp để thấy cách cảm nhận độc đáo của nhà thơ về truyền thuyết này.
* Chuẩn bị: tìm hiểu phần diễn biến trận giao chiến giữa 2 nhân vật Sơn Tinh, thủy Tinh.

### *Tuần 3*

Ngày soạn: Ngày dạy:

### *Tiết 10*

**SƠN TINH, THỦY TINH (Tiếp)**

* 1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + - * HS biết giải thích hiện tượng lũ lụt xảy ra ở Châu thổ Bắc Bộ thời các Vua hùng dựng nước.
      * HS hiểu khát vọng của người Việt cổ trong việc giải thích hiện tượng lũ lụt ,bảo vệ cuộc sống của mình.

## 2 .Kĩ năng:

* HS đọc, cảm thụ tác phẩm và phân tích nhân vật.
* HS tóm tắt được văn bản tự sự.

## Thái độ:

* + Thói đọc và cảm thụ văn bản tự sự.
  + Có ý chí quyết tâm chế ngự thiên nhiên hạn hán, lũ lụt.
  + Thấu hiểu và cảm thông, chia sẻ với nhân dân vùng bão lũ.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ
* Phẩm chất: yêu quê hương đất nước, có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước, tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, trang ảnh miêu tả trận chiến giữa Sơn Tinh và Thủy Tinh.
2. **Học sinh:** học bài cũ và soạn bài

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, trực quan, hoạt động nhóm, thuyết trình, luyện tập thực hành.
* Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, phòng tranh, động não.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ:** Hãy tóm tắt văn bản “Sơn Tinh, Thủy Tinh” ? So sánh về nguồn gốc, tài năng của 2 nhân vật Sơn Tinh, Thủy Tinh ?

## Vào bài mới:

GV cho HS xem tranh miêu tả trận chiến giữa ST, TT.

HS xem tranh, dựa vào nội dung truyện đã đọc để miêu tả tranh, nêu cảm nhận về nội dung tranh.

GV dẫn vào bài mới.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  -HS theo dõi vào phần 2 của văn bản  ? Tìm chi tiết kể về hoàn cảnh dẫn đến | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản (tiếp)**  **2. Cuộc giao tranh giữa hai vị thần:**  \* Hoàn cảnh: Sơn Tinh đem lễ vật đến |

cuộc chiến giữa 2 vị thần?

? Hành động tức giận đuổi theo đánh ST của TT xuất phát từ nguyên nhân sâu xa nào ?

GV: Thực chất thái độ của Thủy Tinh không chỉ đơn thuần là sự ghen tuông mà còn bắt nguồn sâu xa từ sự tự tôn của 1 vị thần uy quyền, như 1 sự thất bại trong 1 trận chiến.

* GV tổ chức hoạt động nhóm, kĩ thuật hoàn tất 1 nhiệm vụ để tìm hiểu diễn biến:

- Yêu cầu: HS các nhóm hoàn thiện PHT:

rước Mị Nương trước -> Thủy Tinh tức giận đuổi theo đòi cướp Mị Nương

=> Xuất phát từ sự “ghen tuông”, thất bại của một vị thần uy quyền

* Diễn biến:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Hành động của ST | Hành động của TT |  |
|  | …………………..  ………………….. | …………………..  ………………….. |  |
| + Nghệ thuật:  . Sử dụng các chi tiết………………….  . Sử dụng nhiều từ loại: ……………… | | |  |
| Nhận xét về 2 nhân vật: | | |  |
|  | Thuỷ Tinh tượng trưng cho………..  ………………….. | Sơn Tinh đại diện cho ….…………..  ………………….. |  |

GV gợi ý HS nhận xét về 2 nhân vật:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hành động của TT | Hành động của ST |  |
| *Đùng đùng nổi giận, hô mưa gọi gió làm hành giông bão* | *không hề nao núng”, dùng phép lạ bốc từng quả đồi, dời từng dãy núi, dựng thành luỹ đất, ngăn chặn dòng nước lũ* |  |
| + Nghệ thuật:  . Sử dụng các chi tiết tưởng tượng kì ảo  . Sử dụng nhiều từ loại: động từ mạnh | |  |
| Nhận xét về 2 nhân vật: | |  |
| **Thuỷ Tinh tượng trưng cho mưa bão lũ lụt, thiên tai, uy hiếp cuộc sống của con người.** | **Sơn Tinh tiêu biểu cho sức mạnh bền bỉ của nhân dân chống lại thiên tai** |  |

? Việc làm hô mưa gọi gió làm thành giông bão, làm nước ngập khắp nơi khiến em hình dung ra hiện tượng thiên nhiên nào của nước ta?

? Qua những hành động của ST, em nhớ đến hình ảnh nào của nhân dân ta?

GV chiếu video về cảnh bão lụt của nước ta.

GV liên hệ thực tế đến cơn bão vừa qua. GV giảng: *Chỉ trong 1 câu văn với nhiều vế, hình tượng nhân vật Sơn Tinh hiện lên với 1 chuỗi hành động liên tiếp “bốc, dời, dựng, ngăn chặn”. Đó không chỉ thể hiện sức mạnh vô song của 1 vị thần uy quyền mà còn là sự nhanh trí, biến hóa trong mọi hoàn cảnh của 1 vị dũng tướng có tài cầm quân. Ở đây, chi tiết kì ảo được sử*

|  |  |
| --- | --- |
| *dụng đã góp phần khắc họa sức mạnh và phẩm chất của vị thần núi Tản Viên .*  ? Em thích chi tiết nào nhất? vì sao?   * HS trả lời theo cảm nhận cá nhân * GV giảng thêm về chi tiết:*“Nước sông dâng lên bao nhiêu, đồi núi cao lên bấy nhiêu*”. Đây là chi tiết kì ảo đặc sắc, là khúc cao trào của bản hung ca trị thủy. Dường như nó là biểu tượng thẩm mĩ mà cha ông ta muốn thần linh hóa những con đê, con đập ngăn lũ chống lụt. Qua đó khẳng định trí tuệ, bàn tay, sức lực của dân tộc ta bao đời chống lũ lụt   ? Kết quả trận giao chiến giữa 2 vị thần?  ? Hành động quả cảm, ý chí vững vàng, sức mạnh diệu kì và chiến thắng cuối cùng của vị thần núi tượng trưng cho điều gì? | \* Kết quả:   * Nước ngập nhà cửa, ruộng đồng, thành Phong Châu như nổi lềnh bềnh trên bể nước. * Thần Nước đành rút quân. ST giành chiến thắng.   => Chiến thắng của sức người, của ý chí, niềm tin trước sự tàn phá của thiên tai. |
| HS theo dõi vào phần cuối văn bản  ? Oán nặng, thù sâu, hàng năm Thủy Tinh làm mưa gió, bão lụt dâng nước đánh Sơn Tinh. Chi tiết này nhằm giải thích hiện tượng nào?  ? Sự thua trận của TT có ý nghĩa gì? | **3. Ý nghĩa**   * Giải thích hiện tượng lũ lụt diễn ra hàng năm. * Chiến thắng của nhân dân ta trong quá trình phòng chống thiên tai, lũ lụt |
| **HĐ 2: Tổng kết**  ? Em hãy khái quát lại giá trị NT của truyện?  ? Sau khi tìm hiểu văn bản, em hãy rút ra ý nghĩa của truyện ? | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**   * Sử dụng thành công yếu tố kì ảo * Xây dựng hình tượng nhân vật có giá trị biểu tượng, khái quát cao .   **II.Nội dung:**  + Giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm  + Thể hiện sức mạnh, ước mong của người Việt cổ muốn chế ngự thiên tai  + Suy tôn, ca ngợi công lao dựng nước của các vua Hùng |

## Hoạt động luyện tập:

? Nhân vật Vua Hùng và Mị Nương có vai trò gì trong truyện?

? Dựa vào đặc trưng cơ bản của thể loại truyện truyền thuyết, em hãy giải thích vì sao truyện “Sơn Tinh, Thuỷ Tinh” là truyện truyền thuyết?

## Hoạt động vận dụng:

* Nếu gặp bão lụt em sẽ làm gì để đảm bảo an toàn cho mình và giúp đỡ người khác?
* Viết đoạn văn phát biểu cảm nghĩ của em về 1 nhân vật trong truyện.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Hỏi người thân của em về tác hại của các hiện tượng thiên tai khác: lốc xoáy, mưa đá, động đất,… đối với cs con người.
* Chuẩn bị: soạn bài *Nghĩa của từ*

(Đọc bài, phân tích các ví dụ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài)

============================

## Tuần 3.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 11

**NGHĨA CỦA TỪ**

* 1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + - * HS biết khái niệm nghĩa của từ.
      * HS hiểu cách giải thích nghĩa của từ.

## Kĩ năng:

* + - * HS giải thích được nghĩa của từ
      * HS dùng từ đúng nghĩa trong nói và viết

## Thái độ:

* + - * Giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, tự học
* Phẩm chất: Tự lập, tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ
2. **Học sinh:** học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, trực quan, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành
* Kĩ thuật: chia nhóm, thảo luận nhóm, động não

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ :** Thế nào là từ mượn ? Lấy ví dụ trong các văn bản đã học ?

## Vào bài mới:

* GV viết 1 số từ lên bảng, yêu cầu HS giải thích.
* GV dẫn vào bài: Sử dụng từ đúng nghĩa là việc rất cần thiết trong việc giao tiếp bằng văn bản. vậy làm thế nào để hiểu được nghĩa của từ, chúng ta cùng tìm hiểu trong bài học ngày hôm nay.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu nghĩa của từ là gì?**  - HS đọc VD SGK  ? Nếu lấy dấu (:) làm chuẩn thì các ví dụ ở sách giáo khoa trang 35 gồm mấy phần ? Là những phần nào? Tương ứng với phần nào trong mô hình?  GV chốt, nhấn mạnh: *nội dung --> cái*  *chứa đựng trong hình thức. Từ --> cái vốn có từ trước.*  **?** Nêu hình thức và ndung của từ *xe đạp* ? HS: *- HT: Là từ ghép gồm 2 tiếng.*  *- ND: Chỉ 1 loại phương tiện thô sơ phải dùng lực đạp mới di chuyển được…*  **?** Qua các vdụ, em hiểu nghĩa của từ là gì? Hs: đọc ghi nhớ sgk/ 35.  Gv chốt kt.  Gv: treo bảng phụ:  *Em hãy điền các từ* “*đề đạt, đề bạt, đề cử, đề xuất*” *vào chỗ trống:*   * *... tr/bày ý kiến, nguyện vọng lên cấp /. (đề đạt)* * *... cử ai đó giữ chức vụ cao hơn mình.(đề bạt)* * *... giới thiệu ra để lựa chọn và bầu cử (đề cử)* * *... đưa vđề ra để xem xét, giải quyết. (đề xuất)*   Hs: đọc và làm bài tập nhanh / bảng phụ. | Nghĩa của từ là gì ?  * 1. **Xét ví dụ : sgk/5**   + Phần bên trái dấu hai chấm là các từ cần giải nghĩa (vỏ âm thanh – hình thức)  + Phần bên phải dấu hai chấm giải thích nội dung **(nghĩa của từ)**   * 1. **Ghi nhớ - SGK**   Nghĩa của từ là nội dung (sự vật, tính chất, hoạt động, quan hệ...) mà từ biểu thị |
| HĐ 2 : Tìm hiểu các cách giải thích nghĩa | **II. Các cách giải nghĩa của từ** |

của từ.

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1. Ví dụ: SGK/** | **35** |  |  |
|  | **Cách giải thích nghĩa của từ**  **Từ** | **Trình bày khái niệm mà từ biểu thị** | **Đưa ra**  **những từ đồng**  **nghĩa hoặc trái nghĩa với từ cần giải thích** |  |
|  | ***Tập quán*** |  |  |  |
|  | ***Lẫm liệt*** |  |  |  |
|  | ***Nao núng*** |  |  |  |

- HS đọc lại ví dụ ở mục I.

\* GV tổ chức hđ nhóm lớn :

* + GV phát PHT cho các nhóm.
  + Các nhóm thảo luận, hoàn thiện PHT.

## ? Hãy tích dấu X vào ô phù hợp để cho biết việc giải thích nghĩa của các từ : tập quán, nao núng, lẫm liệt được tiến hành bằng cách nào ?

? Theo em, để dễ hiểu, khi giải nghĩa của từ ta cần giải nghĩa ntn ?

? Để giải nghĩa từ tốt ta làm thế nào ? GV chốt.

HS đọc ghi nhớ

## GV hỏi nâng cao:

? Trong 3 câu sau, 3 từ *lẫm liệt, hùng dũng, oai nghiêm* có thể thay thế cho nhau được không ? Tại sao ?

a. Tư thế lẫm liệt của người anh hùng

có thể thay thế cho nhau được vì chúng cùng chỉ tư thế của người anh hùng và không làm cho nội dung thông báo và sắc thái ý nghĩa của câu thay đổi.

Vì : 3 từ đồng nghĩa với nhau

Giải thích bằng cách dùng từ đồng nghĩa.

Giống từ lẫm liệt.

GV: nếu là từ đồng nghĩa hoàn toàn thì có thể dùng để giải nghĩa. Còn là từ k đồng nghĩa hoàn toàn thì k nên dùng cách này – VD: chết, toi, hi sinh, về theo tiên tổ

\* Lưu ý :

* Giải nghĩa phải ngắn gọn, chính xác, tránh rườm rà, quanh co
* Chăm đọc sách, tra từ điển, hỏi người hiểu biết

## Ghi nhớ: SGK

1. **Hoạt động luyện tập:**

* HS xđ yêu cầu BT 1.
* HS làm việc cá nhân làm bài tập 1.

## III- Luyện tập

### *Bài tập 1: chú thích SGk/33*

- Trình bày khái niệm mà từ biểu thị:

* 1 hs lên bảng.
* HS xác định yêu cầu BT 2,3.
* GV hướng dẫn.
* HS thảo luận nhóm lớn làm BT 2 và 3.
* HS xđ yêu cầu BT 4.
* GV yêu cầu thêm: xđ cách giải thích nghĩa của từ mà em vừa dùng.
* HS thảo luận cặp đôi làm BT 4.

## Hoạt động vận dụng:

Chú thích 2, 3, 4,6,8

- Dùng từ đồng nghĩa: 1, 5,7,9

### *Bài tập 2*

* 1. Học tập
  2. Học lỏm
  3. Học hỏi
  4. Học hành.

### *Bài tập 3* :

1. Trung bình
2. Trung gian.
3. Trung niên.

***Bài tập 4*** : Giải thích từ

* Giếng : Hố đào sâu vào lòng đất để lấy nước ăn uống.

Giải thích bằng khái niệm mà từ biểu thị

* Rung rinh : Chuyển động nhẹ nhàng, liên tục.

Giải thích bằng khái niệm mà từ biểu thị

* Hèn nhát : Trái với dũng cảm Dùng từ trái nghĩa để giải thích.
* 6 nhóm trong lớp làm 1 cuốn từ điển mini, giải thích nghĩa của các từ theo chủ đề:

+ Nhóm 1: đồ dùng học tập.

+ Nhóm 2: Đồ dùng gia đình.

+ Nhóm 3: Phẩm chất tốt đẹp của con người

+ Nhóm 4: Nghề nghiệp

+ Nhóm 5: bộ phận trên cơ thể người

+ Nhóm 6: hiện tượng thiên nhiên

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc từ điển tiếng Việt để mở rộng vốn từ.
* Chuẩn bị bài : Sự việc và nhân vật trong văn tự sự (Đọc bài, tìm hiểu các mẫu văn bản, trả lời theo câu hỏi sgk)

========================================

## Tuần 4

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 12

**SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT TRONG VĂN TỰ SỰ**

1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + - HS hiểu được thế nào là sự việc, nhân vật trong văn tự sự.
    - HS nắm được đặc điểm và cách thể hiện sự việc và nhân vật trong tác phẩm tự sự.

Hai loại nhân vật chủ yếu : nhân vật chính và nhân vật phụ.

* + - HS hiểu được quan hệ giữa sự vật và nhân vật.

## Kĩ năng:

* + - Kĩ năng nhận diện, phân loại nhân vật
    - Tìm hiểu xâu chuỗi các sự việc, chi tiết trong truyện.

## Thái độ:

* + - Yêu thích các văn bản tự sự

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, tự học, giải quyết vấn đề
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, PHT
2. **Học sinh:** học bài cũ và soạn bài mới theo hướng dẫn

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

1/ Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình, trực quan, luyện tập thực hành 2/ Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ :** Thế nào là tự sự ? Dựa trên cơ sở nào để khẳng định truyền thuyết “Con Rồng cháu Tiên” là 1 văn bản tự sự ?
* **Vào bài mới:** ở bài trước, ta đã thấy rõ, trong tác phẩm tự sự bao giờ cũng phải có việc, có người. Nhưng vai trò, tính chất, đặc điểm của nhân vật và sự việc trong tác phẩm tự sự như thế nào ? Làm thế nào để nhận ra ? Làm thế nào để xây dựng nó cho hay, cho sống động trong bài viết của mình ?

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu đặc điểm của sự việc và nhân vật trong văn tự sự.**  GV treo bảng phụ  - HS đọc 7 sự việc.  \* HS thảo luận cặp đôi:  **? Xem xét 7 sự việc trong truyền thuyết** | 1. **Đặc điểm của sự việc và nhân vật trong văn tự sự.**    1. **Sự việc trong văn tự sự**       1. Ví dụ : SGK/T37   - Sự việc khởi đầu (1) |

## "Sơn Tinh, Thuỷ Tinh" em hãy chỉ ra: Sự việc khởi đầu? Sự việc phát triển? Sự việc cao trào? Sự việc kết thúc?

**? Chỉ ra mối quan hệ giữa các sự việc đó ?**

TL: Vua Hùng kén rể nên ST & TT đến để cầu hôn. Vì chỉ có một người con gái k biết gả cho người nào -> phải ra điều kiện để chọn rể. ST đến trước nên rước được MM. TT đến sau k lấy được vợ nên đã nổi giận…

? Như vậy sự việc trong văn bản TS gồm những loại sự việc nào? Chúng có mqh với nhau ra sao?

TL: Sự việc khởi đầu -> Sự việc phát triển

-> cao trào -> kết thúc. Chúng có mqh nhân quả

? Nếu kể một câu chuyện mà chỉ có trần

trùi trụi 7 sự việc trên thì truyện sẽ ntn?

- trừu tượng, khô khan.

? Truyện hay phải có sự việc cụ thể, chi tiết. Vậy để SV được chi tiết, theo em phải làm rõ những yếu tố nào?

? Tìm những yếu tố đó trong truyện “ST, TT”?

? Việc sắp xếp các sự việc trong truyện ST,TT như vậy đã làm nổi bật lên ý nghĩa gì cho câu chuyện?

HS: giải thích hiện tượng lũ lụt hàng năm

+ thái độ yêu ghét của nhân dân + mong ước chinh phục thiên nhiên + sức mạnh chế ngự thiên tai của nd.

**?** Từ đây, em cho biết việc sắp xếp sviệc,

chi tiết trong văn TS cần phải ntn ?

- Sự việc phát triển (2, 3, 4)

* + Sự việc cao trào (5. 6)
  + Sự việc kết thúc (7)

Mối quan hệ nhân quả

* + Sự việc trong văn tự sự được trình bày cụ thể về :
  + Ai làm ? (nhân vật)
  + Xảy ra ở đâu ? (không gian, địa điểm)
  + Xảy ra lúc nào ? (thời gian)
  + Vì sao lại xảy ra ? (nguyên nhân)
  + Xảy ra như thế nào ? (diễn biến, kết quả)
  + Sắp xếp sao cho thể hiện được tư tưởng mà người kể muốn biểu đạt.

Hs: đọc ghi nhớ 1 sgk/ 38. Gv: chốt kt.

GV: SV trong văn TS cần được kể rõ ràng. Sự thú vị, sức hấp dẫn vẻ đẹp của truyện nằm ở các chi tiết thể hiện 6 yếu tố đó. Sự việc trong truyện phải có ý nghĩa, người kể nêu sự việc nhằm thể hiện thái độ yêu ghét của mình.

## HĐ 2: Tìm hiểu nhân vật trong văn tự sự:

GV tổ chức thảo luận nhóm lớn: Câu hỏi thảo luận:

## Cho biết ai là nv chính, nv phụ trong truyện ST, TT.

* 1. **Vai trò của từng nhân vật trong truyện?**

HS thảo luận nhóm lớn, đại diện báo cáo, các nhóm bổ sung, nhận xét.

GV chốt, nx

**?** Từ đây, em hãy cho biết vai trò của từng nvật trong văn tự sự ?

Gv: chốt kt, chuyển ý: *vậy nvật trong văn tự sự đc thể hiện qua ~ dấu hiệu nào…*

**?** Nhờ đâu em biết được về các nhân vật ?

**?** Chỉ rõ các yếu tố đó trong vb ST,TT ?

* *Tên gọi: ST, TT*
* *Lai lịch: ST: vùng núi Tản Viên, thần núi TT: vùng biển, thần nước*
* *Tính tình: ST: điềm tĩnh*

*TT: nóng nãy*

- *Tài năng: ST: vẫy tay về phía đông….*

*TT: hô mưa gọi gió….*

**?** Qua việc tìm hiểu bài, cho biết những đặc điểm cơ bản của nvật trong văn tự sự ? Hs: đọc ghi nhớ 2 sgk/ 38.

## Hoạt động luyện tập:

* Ghi nhớ 1 sgk/ 38

1. Nhân vật trong văn tự sự:
   1. Vai trò:

* Ví dụ: Truyện ST, TT

+ NV chính: ST, TT (là 2 nv thực hiện các sự việc, được nói tới nhiều nhất, tham gia vào hầu hết các sự việc, chủ yếu và trực tiếp thể hiện tư tưởng văn bản)

+ NV phụ: vua Hùng thứ 18, Mị Nương (tạo ra cơ hội cho ST, TT hành động)

* Nhận xét:
* Nvật chính: là người vừa thực hiện các sviệc, vừa là người được nói tới, biểu dương hay lên án có vtrò quan trọng, thể hiện tư tưởng, chủ đề của tp.
* Nv phụ: cần thiết, giúp nv chính h` động b, Thể hiện nhân vật trong văn tự sự:

Nvật trong văn tự sự được thể hiện qua các mặt:

* Được gọi tên, đặt tên.
* Được giới thiệu lai lịch, tính tình, tài năng.
* Được kể các việc làm, hành động.
* Được miêu tả chân dung.

c. Ghi nhớ: sgk/38

* Nêu đặc điểm trình bày, sắp xếp sự việc trong văn bản tự sự?
* Các kiểu nhân vật và đặc điểm nhân vật trong văn tự sự?
* HS vẽ sơ đồ tư duy về sự việc và nhân vật trong văn tự sự.

## Hoạt động vận dụng.

-Đọc lại truyện ”Sơn Tinh Thuỷ Tinh”, tìm hiểu đặc điểm nhân vật và sự việc trong truyện.

## Hoạt động tim tòi ,mở rộng.

* Tìm hiểu thêm về vai trò của nhân vật chính – phụ trong truyện.
* Chuẩn bị: làm bài tập phần luyện tập.

## Tuần 4. Bài 3

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 13

**SỰ VIỆC VÀ NHÂN VẬT TRONG VĂN TỰ SỰ(Tiếp)**

* 1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + - * HS hiểu được thế nào là sự việc, nhân vật trong văn tự sự.
      * HS nắm được đặc điểm và cách thể hiện sự việc và nhân vật trong tác phẩm tự sự.

Hai loại nhân vật chủ yếu : nhân vật chính và nhân vật phụ.

* + - * HS hiểu được quan hệ giữa sự việc và nhân vật.

## Kĩ năng:

* + - * Kĩ năng nhận diện, phân loại nhân vật
      * Tìm hiểu xâu chuỗi các sự việc, chi tiết trong truyện.

## Thái độ:

* + - * Yêu thích các văn bản tự sự

## Năng lực, phẩm chất.

* Năng lực: năng lực tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lưc sử dụng ngôn ngữ.
* Phẩm chất: tự tin ,tự chủ.

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:** Giaó án,bảng phụ, phiếu học tập.
    2. **Học sinh :** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## PHƯƠNG PHÁP VA KĨ THUẬT DẠY HỌC.

* + 1. **Phương pháp**: Hoạt động nhóm, luyện tập thực hanh, gợi mở-vấn đáp, giải quyết vấn đề, thị phạm.
    2. **Kĩ thuật:** động não, đặt câu hỏi, lược đô tư duy.

## .TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP

* + 1. **Hoạt động khởi động.**
* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:**

Nêu đặc điểm sự việc và nhân vật trong văn tự sự ?

* **Vào bài mới :** GV giới thiệu bài.

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV – HS | Nội dung |
| Hs: xđịnh y/cầu bài tập.  **?** Kể ra việc làm của các nvật trong truyện “ST, TT” ?  Hs: thảo luận nhóm: N1: phần a.  N2: phần b. N3: phần c.  Các nhóm làm việc, trình bày kquả, bổ sung.  GV nx, chốt | **III- LUYỆN TẬP:**  Bài tập 1:  \* Việc làm của các nvật trong “ST,TT”:   * Vua Hùng: kến rể, mời lạc hầu bàn bạc, gả MN cho ST. * Sơn Tinh: cầu hôn, đem sính lễ đến trước, rước Mị Nương về núi, giao chiến với Thuỷ Tinh và giành chiến thắng. * Thuỷ Tinh: cầu hôn, đem sính lễ đến muộn, đuổi đánh ST * Mị Nương: theo Sơn Tinh về núi.   a, Vai trò, ý nghĩa của các nvật:   * Vua Hùng: nv phụ, là ng` q’định cuộc hôn nhân lịch sử. * Mị Nương: nv phụ, là đầu mối của cuộc xung đột. * TT: nv chính --> smạnh tàn phá của thiên tai lũ lụt. * ST: nvchính --> smạnh bảo vệ nd, chống lại thiên tai lũ lụt.   --> ý nghĩa: thể hiện tư tưởng, chủ đề của truyện.  b, Tóm tắt “ST, TT” theo sviệc gắn với các nv chính:  *Thời vua Hùng Vương thứ 18, ở vùng núi Tản Viên có chàng ST có nhiều tài lạ...ở miền nước thẳm có chàng TT tài năng ko kém. Nghe tin VH kén chồng cho công chúa MN, hai chàng đến cầu hôn. VH kén rể bằng cách đọ tài. ST đem lễ vật đến trước lấy được MN. TT tức giận đuổi theo hòng cướp lại MN. Hai bên đánh nhau dữ dội. ST thắng bảo vệ được hạnh phúc của mình, TT thua cuộc, mãi mãi* |

N3: giải thích:

* *Gọi: VH kén rể: Chưa nói đc thực chất của truyện.*
* *Gọi: Truyện Vua Hùng..: dài dòng, đánh đồng nhân vật, không thoả đáng.*

*ôm mối hận thù. Hàng năm TT đem quân đánh ST nhưng đều thua gây ra lũ lụt ở lưu vực sông Hồng*.

c, Tên truyện:

Đặt theo nv chính, phù hợp với ý nghĩa của truyện.

**?** 1 số tp VHDG có tên đặt theo tên nv chính ?

*- Tấm Cám, Thạch Sanh, Sọ Dừa, ...*

Gv: nxét, cho điểm.

HS xác định yêu cầu BT: kể truyện theo nhan đề “Một lần không vâng lời”.

Gv: hướng dẫn kể, nêu giả định 2 tình huống cho HS tham khảo.

Hs: kể chuyện.

Gv: nxét, cho điểm.

## Hoạt động vận dụng:

Bài tập 2:

Tưởng tượng để kể theo nhan đề: “Một lần không vâng lời”

\* Dự định: Kể việc gì ? Nhân vật chính là ai ? Chuyện xảy ra bao giờ ? ở đâu ? Nguyên nhân? Diễn biến ? kết quả ? Rút ra bài học ?

* Tình huống 1 ( Một lần không vâng lời mẹ) : Mẹ dặn không được đi chơi phố một mình. Nam không vâng lời mẹ và bị lạc suốt 1 ngày. Đến chiều tối chú công an mới đưa em về nhà. Em hối hận và đã xin lỗi mẹ .
* Tình huống 2 ( Một lần không vâng lời cô giáo): Cô giáo dặn làm bài kiểm tra nghiêm túc. Lan đã chép bài của bạn để nộp. Cô đã phát hiện ra khi chấm bài và Lan đã bị điểm kém. Lan xấu hổ, ân hận về hành động sai lầm của mình .
* Chỉ ra sự việc mở đầu – phát triển – cao trào – kết thúc trong truyện “Thánh Gióng”.
* Xác định vai trò (chính – phụ) của các nhân vật trong truyện Thánh Gióng.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc nhiều truyện dân gian và xác định các sự việc, nhân vật trong truyện.
* Soạn: **Sự tích Hồ Gươm** (đọc bài, tóm tắt, đọc phần chú thích, trả lời các câu hỏi đọc hiểu văn bản trong bài)

---------------------------------------------

## Tuần 4.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết: 13 - Hướng dẫn đọc thêm:

**SỰ TÍCH HỒ GƯƠM**

1. **MỤC TIÊU**: Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* + - HS biết nội dung và ý nghĩa truyện, vẻ đẹp 1 số hình ảnh chính trong truyện
    - HS hiểu nguồn gốc tên gọi hồ Hoàn Kiếm.

## Kĩ năng:

* + - HS liệt kê được các sự việc chính tóm tắt văn bản
    - HS chỉ ra ý các chi tiết kì ảo và ý nghĩa của chúng

## Thái độ:

* + - Hình thành thói quen tìm hiểu truyền thuyết dân gian Việt Nam
    - Tự hào về truyền thống đấu tranh chống giặc ngoại xâm của dân tộc

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, giao tiếp, hợp tác
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, yêu quê hương

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, hình ảnh minh họa
2. **Học sinh:** Chuẩn bị theo hướng dẫn của GV

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

1. **Phương pháp**: Hoạt động nhóm, dạy học trực quan, luyện tập thực hành, gợi mở-vấn đáp, giải quyết vấn đề.
2. **Kĩ thuật:** động não, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Ổn định tổ chức**
2. **Kiểm tra bài cũ :** Hãy kể lại diễn cảm truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”. Nêu ý nghĩa của truyện.

## Tiến trình bài học:

* GV chiếu video về Hồ Gươm – HN.
* Qua video và hiểu biết của mình, em hãy giới thiệu vài nét về Hồ Gươm?
* HS giới thiệu.
* GV giới thiệu bài: Viết về Hà Nội, Nhà thơ Trần Đăng Khoa đã từng viết những vần thơ giàu cảm xúc: *Hà Nội có hồ Gươm/ Nước xanh như pha mực/Bên hồ ngọn tháp bút/ Viết thơ lên trời cao”.* Giữa thủ đô Thăng Long- Đông Đô - Hà Nội, Hồ Gươm đẹp như một lẵng hoa lộng lẫy và duyên dáng. Những tên gọi đầu tiên của hồ này là : Lục Thuỷ,

Tả Vọng, hồ Thuỷ Quân. Đến thế kỉ 15, hồ mới mang tên Hồ Gươm hay Hồ Hoàn Kiếm, gắn với sự tích nhận gươm, trả gươm thần của người anh hùng đất Lam Sơn: Lê Lợi. Sự tích ấy như thế nào? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu điều đó.

## 2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung:**  ? Truyện nên đọc với giọng ntn? HS trả lời, gv định hướng cách đọc  GV đọc mẫu 1 đoạn, sau đó gọi HS đọc.  ? Tóm tắt truyện bằng một chuỗi sự việc? HS: Kể tóm tắt các sự việc chính.  ? Giải nghĩa các từ: *bạo ngược, thiên hạ, tuỳ tòng, phó thác, Tả Vọng, Hoàn Kiếm*?  - HS giải thích.  ? Xác định thể loại và phương thức biểu đạt của văn bản ?  ? Có thể chia văn bản làm mấy phần? Nội dung từng phần? | 1. **Đọc và tìm hiểu chung**    1. **Đọc, kể tóm tắt, hiểu chú thích**   \* Tóm tắt:   * Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại, Long Quân quyết định cho mượn gươm thần. * Lên Thận được lưỡi gươm dưới nước. * Lê Lợi được chuôi gươm trên rừng, trta vào nhau vừa như in. * Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm. * Đât nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua, Long Quân cho đòi lại gươm thần. * Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.   **2. Tìm hiểu chung văn bản:**   * Thể loại: Truyền thuyết * Phương thực biểu đạt: Tự sự * **Bố cục**: 2 phần * Phần 1: (Từ đầu đến đất nước) Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần. * Phần 2 ( phần còn lại): Long Quân đòi lại gươm thần |
| **HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **?** Hoàn cảnh của đất nước và nghĩa quân ?  **?** Việc LQ cho nghĩa quân mượn gươm thần có ý nghĩa gì ?  **?** LLQuân cho mượn gươm ntn ?  **?** Lưỡi gươm do ai tìm đc, ở đâu ?  **?** Chuôi gươm đc ai tìm thấy ? ở đâu ? | **Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  1, Long Quân cho mươm gươm thần:  \* Hoàn cảnh lịch sử:   * Giặc Minh đô hộ đất nước. * Nghĩa quân Lam Sơn còn non yếu nên nổi dậy nhiều lần mà vẫn bị thua.   LQ cho mượn gươm để đánh kẻ thù  Tổ tiên, thần linh ủng hộ nghĩa quân.  \* Cách Long Quân cho mượn gươm:   * Lê Thận nhặt được lưỡi gươm dưới nước. * Lê Lợi nhặt được chuôi gươm trên |

**?** Vì sao tác giả dân gian không để cho Lê Lợi trực tiếp nhận gươm ?

Liên hệ*: lời dặn của LLQ lúc chia tay với Âu Cơ: chia con 1/2 lên rừng, 1/2 xuống biển cùng cai trị các phương. Thanh gươm LLợi nhận đc là thanh gươm thống nhất, hội tụ tư tưởng, tcảm, smạnh của toàn dân / mọi miền đất nc.*

**?** Từ đây em có nxét gì về chi tiết hình thành gươm thần ?

**?** Tsao LLợi lại đc cầm gươm ? ý nghĩa ?

**?** Ctiết nào cho thấy đây là thanh gươm thần kì ?

? NT xd chi tiết?

? Nxét về những chi tiết này ?

**?** Trước và sau khi có gươm thế lực của nghĩa quân như thế nào ?

* *Trước: non yếu, trốn tránh, ăn uống khổ sở*
* *Sau: nhuệ khí tăng tiến, xông xáo tìm địch, đầy đủ, chiếm được các kho lương của địch.*

**?** Nhận xét về smạnh của gươm thần ? GV bình.

? Qua đó bày tỏ thái độ gì của nhân dân ta? (Thanh gươm gặp được minh chủ sử dụng vào việc lớn, hợp lòng dân, thuận ý trời.

Sức mạnh của gươm chính là sức mạnh của nhân dân.)

rừng. Trên gươm khắc chữ: thuận thiên

* Gươm tra vào vừa như in.

+ NT: chi tiết kì ảo

-> thể hiện ý nghĩa toàn dân trên dưới một lòng.

* Lê Lợi được gươm -> tin tưởng vào đấng minh quân xứng đáng đc nhân dân giao phó

đề cao vị anh hùng dân tộc.

* Thanh gươm thần kì:
* Thanh gươm sáng rực, tra lưỡi gươm vào chuôi vừa vặn, khắc chữ “thuận thiên”.

+ NT: Chi tiết ttượng kì ảo

thanh gươm tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân

* Từ khi có gươm:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | Trước | Sau |  |
|  | * Non yếu * Bỏ chạy * Ăn uống khổ cực * Đều bị thua | * Nhuệ khí tăng * Tung hoành khắp nơi * Ăn đầy đủ, chiếm kho lương của giặc * Đánh tan giặc. |  |

-> Chuyển bại thành thắng, chuyển yếu thành mạnh, tạo bước ngoặt mở đường cho nghĩa quân quét giặc ngoại xâm.

Thanh gươm là tượng trưng cho sức mạnh của toàn dân tham gia đánh giặc.

-> Ca ngợi tính chất chính nghĩa, sức mạnh đoàn kết nhất trí của nhân dân quy tụ dưới cờ nghĩa quân của Lê Lợi.

2, Lê Lợi hoàn gươm:

**?** LQuân đòi gươm trong hoàn cảnh nào ? GV treo tranh Lê Lợi cưỡi thuyền rồng...

? Em có n.xét gì về h.ảnh “Lê Lợi cưỡi thuyền Rồng quanh hồ Tả Vọng” ?

*(Thể hiện c.sống thanh bình tươi vui chốn kinh kỳ, thể hiện sự thịnh vượng của triều đại Phong Kiến thời Lê.)*

**?** Quan sát tranh và kể lại việc rùa vàng đòi gươm và Lê Lợi trả gươm ?

**?** Có điều gì lạ khi LQ đòi gươm?

* *Rùa không đưa gươm -> đòi gươm*
* *Gươm: lưỡi ở Thanh Hoá chuôi ở 1 nơi -> đòi ở hồ Tả Vọng*
* HS thảo luận cặp đôi: Vì sao khi mượn gươm thì ở Thanh Hoá còn khi trả gươm lại ở hồ Tả Vọng ? Điều đó có ý nghĩa gì ?

GV chốt: *Thanh Hoá là nơi mở đầu cuộc knghĩa Thăng Long là nơi kthúc cuộc kchiến. Trả kiếm ở hồ Tả Vọng, thủ đô của cả nc là để mở ra 1 thời kì mới, thời kì h`bình, lđ, xdựng, t/hiện tư tưởng yêu hoà bình & tthần cảnh giác của toàn dân.*

**?** Tìm chi tiết trả gươm?

? Chi tiết đó có ý nghĩa ntn ?

* *Chi tiết kđịnh c/tranh đã kthúc, đất nc trở lại thanh bình. DT ta là dt yêu hoà bình. Giờ đây thứmà muôn dân ĐViệt cần là cày, cuốc, là csống lđ dựng xây đnc. Trả gươm có ýn là gươm vẫn còn đó, hàm ý cảnh giác, răn đe kẻ thù.*

**?** Em biết truyền thuyết nào của nước ta cũng có h/ả rùa vàng đòi gươm ?

**?** Theo em, hình tượng rùa vàng (.) truyền thyết VN tượng trưng cho ai, cho cái gì ?

GV: *Truyền thuyết An Dương Vương - rùa vàng là sứ giả của LQuân, tượng trưng cho tổ tiên, khí thiêng sông núi, tư tưởng, tcảm, trí tuệ của ndân.*

**?** Truyện có nét đặc sắc nào về ng/thuật ?

**?** ý nghĩa của TT “Sự tích Hồ Gươm” ?

* H/cảnh:
* Đất nước đã yên bình, LLợi lên làm vua.
* Đức Long Quân đòi gươm và vua trả ở hồ Tả Vọng
* Chi tiết trả gươm:
* Giải thích tên gọi của hồ Hoàn Kiếm.
* Đánh dấu và khẳng định chiến thắng hoàn toàn của nghĩa quân Lam Sơn.
* Thể hiện khát vọng hoà bình mãi mãi của nhân dân ta.
* Ý nghĩa cảnh giác răn đe với những kẻ có ý dòm ngó nước ta.

## III/ Tổng kết:

1. NT: Xây dựng các chi tiết tưởng tượng, kì ảo.

## Hoạt động luyện tập:

? Em thích nhất chi tiết nào trong truyện ? Vì sao?

? Tuổi trẻ ngày nay cần làm gì để xứng đáng truyền thống đánh giặc của cha ông ta ngày trước?

* HS phát biểu cá nhân.

## Hoạt động vận dụng:

* HS vẽ sơ đồ tư duy khái quát về truyện “Sự tích Hồ Gươm” (Thể loại, btbđ, bố cục, giá trị nghệ thuật, giá trị nội dung.)

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc thêm các câu chuyện kể về sự tích các địa điểm nổi tiếng ở Việt Nam, Hưng Yên.

## Tuần 4.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 14

**CHỦ ĐỀ VÀ DÀN BÀI CỦA BÀI VĂN TỰ SỰ**

* 1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, hs có được:

## Kiến thức:

* + - * HS hiểu sự thống nhất chủ đề trong 1 văn bản
      * HS biết được những biểu hiện của mối quan hệ giữa chủ đề, sự việc trong văn bản tự sự; bố cục bài văn.

## Kĩ năng:

* + - * HS tìm hiểu được chủ đề, làm dàn bài, viết được phần mở bài cho bài văn tự sự
      * HS xác định được mối quan hệ giữa sự việc và chủ đề.

## Thái độ:

* + - * Có ý thức tìm chủ đề và dàn bài trước khi viết bài.
      * Yêu thích các văn bản tự sự

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án; bảng phụ; máy chiếu
2. **Học sinh:** chuẩn bị bài theo hướng dẫn

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, phân tích mẫu, trực quan
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ :** Thế nào là nhân vật trong văn tự sự ? Hãy xác định nhân vật chính trong truyện “Bánh chưng, bánh giầy” , vì sao ?

## Vào bài mới:

Sự việc và nvật là 2 yếu tố quan trọng của văn tự sự. Bên cạnh đó, việc tìm hiểu chủ đề và dàn bài cũng là 1 thao tác quan trọng để giúp chúng ta viết 1 bài văn TS hoàn chỉnh.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự:**  - HS đọc VD  ? Nhân vật và những sự việc chính trong truyện?  ? Các chi tiết này đã nói lên đc những phẩm chất gì của người thấy thuốc?  ? Qua đó hé lộ chủ đề truyện là gì?  ? Chủ đề đó được bộc lộ qua những câu văn nào?  \* KT động não:  GV: Cho các nhan đề trong SGK, em hãy chon nhan đề và nêu lí do? Em có thể đặt tên khác cho bài văn được không?  HS*: 3 nhan đề trong SGk đều thích hợp nhưng* | **I.Tìm hiểu chủ đề và dàn bài của bài văn tự sự.**   1. **Chủ đề của bài văn tự sự**    1. Ví dụ: SGK trang 44   - Tuệ Tĩnh :  + Từ chối việc chữa bệnh trước cho nhà quý tộc  + lập tức chữa bệnh cho con trai nhà nông dân gãy chân  Phẩm chất: coi trọng tính mẹnh ng bệnh, khí tiết cứng cỏi, k màng danh lợi  Chủ đề: ca ngợi y đức người thầy thuốc Tuệ Tĩnh  - Thể hiện qua các câu:  + Câu mở đầu đầu  + Ông chẳng những mở mang ngành y được dân tộc mà còn là người hết lòng thương yêu cứu giúp người bệnh.  + Anh về thưa với cụ rằng ta sẵn sàng đi, nhưng bây giờ thì phải chữa cho chú bé này trước, vì chú nguy hơn  + Con người ta cứu giúp nhau lúc hoạn nạn, sao ông bà lại nói chuyện ân huệ.  - Nhan đề:  + Tuệ Tĩnh và hai người bệnh  + Y đức thầy Tuệ Tĩnh |

*sắc thái khác nhau. hai nhan đề sau trực tiếp chỉ ra chủ đề khá sát. Nhan đề thứ nhất không trực tiếp nói về chủ đề mà nói lên tình huống buộc thấy Tuệ Tĩnh tỏ rõ y đức của ông. Nhan đề này hay hơn, kín hơn, nhan đề bộc lộ rõ quá thì không hay.*

* Các nhan đề khác: Một lòng vì người bệnh; Ai có bệnh nguy hiểm hơn thì chữa trước cho người đó.

? Vậy em hiểu chủ đề của bài văn tự sự là gì?

? Để xác định chủ đề ta dựa vào đâu?

* + Nhan đề
  + Câu chủ đề
  + Nội dung toát lên từ toàn bộ vb HS đọc ghi nhớ sgk
* BT bổ sung: xác định chủ đề của truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”?

HS: Truyện có chủ đề: ca ngợi cuộc kn LS, đề cao vai trò chủ tướng của Lê Lợi; Truyện giải thích tên gọi Hồ Gươm; Truyện thể hiện khát vọng và truyền thống yêu chuộng hòa bình của nd ta.

* GV t/c cho HS thảo luận nhóm:

## ? Bài văn tự sự trên gồm mấy phần và nhiệm vụ của từng phần?

**? Theo em, bài văn tự sự gồm có mấy phần? Nội dung của từng phần?**

* + HS các nhóm thảo luận, đại diện nhóm báo cáo, các nhóm nx, bổ sung.
  + GV chốt kt.

HS đọc ghi nhớ

+ Tấm lòng thương người của TT

-> Chủ đề là vấn đề chủ yếu mà người viết muốn đặt ra trong văn bản

-> Vị trí của chủ đề: Toát ra từ nhan đề, phần đầu, phần cuối (câu cuối) hoặc toát ra từ nội dung văn bản mà không nằm ở câu nào.

## b. Ghi nhớ (SGK)

1. **Dàn bài của bài văn tự sự**
   1. Ví dụ: SGK trang 44

* Mở bài: giới thiệu Tuệ Tĩnh
* Thân bài: Diễn biến sự việc Tuệ Tĩnh ưu tiên chữa trị trước cho chú bé con nhà nông dân bị gãy đùi rồi mới chữa cho con nhà quí tộc.
* Kết bài: Kết cục của sự việc.
  1. Nhận xét:
* Mở bài: Giới thiệu chung về nhân vật và sự việc.
* Thân bài: Kể diễn biến sự việc.
* Kết bài: Kể kết cục sự việc

### *\* Ghi nhớ SGK.*

1. **Hoạt động luyện tập:**

? Nêu chủ đề của truyện *Phần thưởng*?

## II. Luyện tập

Bài 1:

1. Chủ đề:

? Sự việc nào thể hiện tập trung cho chủ đề? nêu câu văn thể hiện sự việc đó?

? Hãy chỉ ra 3 phần trong bố cục của câu chuyện?

* TL nhóm lớn:

## ? Truyện này so với truyện tuệ Tĩnh có gì giống nhau về bố cục và khác nhau về chủ đề?

? Câu chuyện thú vị ở điểm nào?

- HS làm việc cá nhân làm BT 2.

? Hãy đánh giá cách mở bài của 2 văn bản “Sơn Tinh Thủy Tinh”, “Sự tích Hồ Gươm” ?

## Hoạt động vận dụng:

* Tố cáo tên cận thần tham lam
* Ca ngợi trí thông minh của người nông dân.
* SV thể hiện tập trung chủ đề: Lời cầu xin phần thưởng lạ lùng và kết thúc bất ngờ ngoài dự kiến của tên quan và người đọc.

1. Bố cục:

* MB: câu 1
* TB: các câu tiếp theo
* KL: câu cuối

1. So sánh với truyện Tuệ Tĩnh:

* Giống nhau:
* Kể theo trình tự thời gian
* Có bố cục 3 phần rõ rệt
* ít hành động, nhiều đối thoại.
* Khác nhau:
* Chủ đề trong "Tuệ Tĩnh..." nằm ngay ở phần mở bài.
* Chủ đề trong “Phần thưởng” không nằm trong câu nào mà phải từ truyện mới rút ra được.

1. Câu chuyện thú vị ở chỗ: Lời cầu xin phần thưởng lạ lùng và kết thúc bất ngờ... nhưng nói lên được sự thông minh, tự tin, hóm hỉnh của người nông dân.

Bài 2: Đánh giá cách mở bài, kết bài của hai truyện:

* “Sơn Tinh, Thủy Tinh” :

+ Mở bài: Nêu tình huống

+ Kết luận: Nêu sự việc tiếp diễn.

* “Sự tích Hồ Gươm” :

+ Mở bài: Nêu tình huống nhưng diễn giải dài

+ Kết luận: Nêu sự việc kết thúc

Có hai cách mở bài:

* Giới thiệu chủ đề câu chuyện
* Kể tình huống nảy sinh câu chuyện

Có hai cách kết bài:

* Kể sự việc kết thúc
* Kể sự việc tiếp tục sang truyện khác như đang tiếp diễn
* Tìm chủ đề của các văn bản truyện đã học.
* Xác định bố cục của văn bản “Thạch Sanh”.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Luyện xây dựng dàn ý cho đề bài sau: Câu chuyện về một người em yêu quý.
* Chuẩn bị bài: Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự (Đọc bài, tìm hiểu ví dụ, trả lời câu hỏi sgk)

Tuần 4

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 15

**TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ**

1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + - HS biết tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự:

+ Cấu trúc, yêu cầu của đề văn tự sự

+ Tầm quan trọng của việc tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý khi làm bài văn tự sự.

* + - HS hiểu những căn cứ để lập ý và lập dàn ý.

## Kĩ năng:

* + - HS đọc kĩ đề, nhận ra những yêu cầu của đề và cách làm bài văn tự sự.
    - HS bước đầu biết dùng lời văn của mình để viết bài văn tự sự.

## Thái độ:

* + - HS có ý thức tuân thủ các bước tìm hiểu đề, lập dàn ý và viết bài đúng cách khi tạo lập văn bản tự sự.
    - Yêu thích môn học.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, tài liệu tham khảo
2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, thuyết trình
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
  + **Kiểm tra bài cũ :**

-Thế nào là chủ đề trong văn tự sự ? Hãy xác định chủ đề của “Sự tích Hồ Gươm” ?

- Dàn bài văn tự sự bao gồm mấy phần ? Hãy nêu nội dung, yêu cầu từng phần ?

* + **Vào bài mới: GV gt bài:** Trước khi bắt tay vào viết bài văn tự sự ta cần phải có những thao tác gì? Làm thế nào để viết được bài văn tự sự đúng và hay? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu rõ điều đó.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV & HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự  - HS đọc 6 đề văn.  ? Lời văn đề 1 nêu ra những yêu cầu gì về thể loại? Nội dung?  ? Kể chuyện bằng lời văn của em có được kể y như bản gốc của truyện không?  ? Yêu cầu của đề 1,2 có gì khác với yêu cầu của các đề 3,4,5,6?  GV giảng: Đề văn tự sự có thể diễn đạt theo nhiều dạng khác nhau. Có thể nêu rõ yêu cầu kể chuyện, có khi chỉ nêu ra một đề tài. Nêu ra đề tài cũng chính là nêu nội dung của truyện.  ? Qua đây em thấy đề văn tự sự giúp em xác định rõ đc điều gì?  ? Nêu các từ trọng tâm của mỗi đề?  HS lên bảng gạch chân các từ trọng tâm.  ? Trong các đề trên, đề nào nghiêng về kể người? Đề nào nghiêng về kể việc? Đề nào nghiêng về tường thuật?  ? Ta xác định được tất cả các yêu cầu trên là nhờ đâu?  (Nhờ vào lời văn của đề ra) | 1. **Đề, tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự**    1. **Đề văn tự sự**       1. **Ví dụ**: Đề văn (SGK-trang 47)   - Lời văn đề 1 nêu ra các yêu cầu:  + Thể loại: kể  + Nội dung: câu chuyện em thích  + Ngôn ngữ: bằng lời văn của em   * Đề 1, 2 nêu rõ yêu cầu kể chuyện. * Đề 3, 4, 5, 6: gián tiếp nêu lên yêu cầu kể chuyện   **-> Đề văn tự sự giúp xác định rõ yêu cầu kể chuyện**   1. *Kể một câu chuyện em thích bằng lời văn của em.* 2. *Kể chuyện một người bạn tốt...* 3. *Kỉ niệm ngày thơ ấu* 4. *Ngày sinh nhật của em* 5. *Quê em đổi mới* 6. *Em đã lớn rồi.*   - Trong các đề trên:  + Đề nghiêng về kể người: 2,6  + Đề nghiêng về kể việc: 3,4,5  + Đề nghiêng về tường thuật: 3,4,5  + Đề kể việc hoặc kể người: 1 |

* HS TL cặp đôi trả lời 2 câu hỏi trên.

? Từ đây em thấy, đề văn tự sự giúp em xác định đúng điều gì?

? Điều gì xảy ra khi em ko xác định đúng yêu cầu và đối tượng của đề văn tự sự?

GV Tất cả các thao tác ta vừa làm: đọc, gạch chân các từ trọng tâm, xác định yêu cầu về nội dung... là ta đã thực hiện bước tìm hiểu đề.

? Vậy khi tìm hiểu đề ta cần phải làm gì? HS đọc ghi nhớ

\* GV mở rộng: Đề văn tự sự có thể diễn đạt

thành nhiều dạng: tường thuật, kể chuyện, tường trình; có thể có phạm vi giới hạn hoặc không giới hạn. cách diễn đạt các đề khác nhau: lộ hoặc ẩn. Xu hướng ra đề văn tự sự ngày càng có nhiều thay đổi -> đề mở.

## -> Đề văn tự sự giúp xác định đối tượng kể

-> Không xác định đúng yêu cầu của đề sẽ bị lạc đề, xa đề.

Tìm hiểu đề văn tự sự phải đọc kĩ đề, tìm hiểu kĩ lời văn của đề, xác định đúng yêu cầu của đề.

## b. Ghi nhớ. (sgk/48)

1. **Hoạt động luyện tập:**
2. **Hoạt động vận dụng:**

* Cho đề bài: Kể lại truyện “Bánh chưng bánh giầy” bằng lời văn của em. Cùng 1 người bạn tìm hiểu đề cho đề bài trên.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc các đề văn tự sự, tập phân tích đề.
* Chuẩn bị phần còn lại của bài.

Tuần 5

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 16

**TÌM HIỂU ĐỀ VÀ CÁCH LÀM BÀI VĂN TỰ SỰ**

1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS có được:

## Kiến thức:

* + - HS biết tìm hiểu đề và cách làm bài văn tự sự:

+ Cấu trúc, yêu cầu của đề văn tự sự

+ Tầm quan trọng của việc tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý khi làm bài văn tự sự.

* + - HS hiểu những căn cứ để lập ý và lập dàn ý.

## Kĩ năng:

* + - HS thực hiện được: đọc kĩ đề, nhận ra những yêu cầu của đề và cách làm bài văn tự

sự.

* HS bước đầu biết dùng lời văn của mình để viết bài văn tự sự.

## Thái độ:

* + - HS có ý thức tuân thủ các bước tìm hiểu đề, lập dàn ý và viết bài đúng cách khi tạo lập văn bản tự sự.
    - Yêu thích môn học.

## Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ
  + Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, tài liệu tham khảo
2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* + Phương pháp: vấn đáp, trực quan, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành
  + Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ :**

? Đề văn tự sự thường nêu lên điều gì? Khi tìm hiểu đề văn tự sự cần làm những việc gì?

? Cho đề bài: Hãy kể lại một việc tốt mà em đã làm. Tìm hiểu đề văn trên.

* + Dạng bài: tự sự; Đối tượng kể: việc tốt mình đã làm; Người kể: chính mình

## \* Vào bài mới:

Giới thiệu: Sau khi tìm hiểu đề, chúng ta cần làm như thế nào để có thể tạo lập được 1 bài văn tự sự hoàn thiện? Bài học hnay sẽ tìm hiểu về cách làm bài văn tự sự.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt.** |
| HĐ 1: Tìm hiểu cách làm bài văn tự sự  HS đọc đề.  Yêu cầu hs tìm hiểu đề bài.  ? Gạch chân dưới các từ quan trọng để xác định đúng yêu cầu của đề?  ? Đề bài yêu cầu tạo lập vb gì ?  ? Đối tượng kể ?  ? Em hiểu thế nào là viết bằng lời văn của mình ?  ? Từ đây em hiểu tìm hiểu đề là gì?  ? Với yêu cầu của đề em sẽ kể chuyện gì ?  ? NV chính của truyện?  ? Kể về việc gì?  ? Kết quả của sự việc đó?  ? Ý nghĩa của truyện?  ? Vậy lập ý để làm gì?  - HS đọc ghi nhớ 2.  Gv nhấn mạnh: khi lập ý, cần xác định rõ ý nghĩa câu chuyện mình định kể để hướng các sự việc đến ý nghĩa đó.  \* GV tổ chức thảo luận nhóm lớn.  **? Hãy liệt kê các sự việc của truyện ”ST, TT” theo bố cục?**  **- Phần mở bài phải nêu vấn đề** | **I. Đề, tìm hiểu và cách làm bài văn tự sự.**   1. **Cách làm bài văn tự sự**   ***Đề bài***: Kể một câu chuyện mà em thích bằng lời văn của em.   * 1. **Tìm hiểu đề.** * Kiểu văn bản: tự sự * Đối tượng: Kể 1 câu chuyện bằng lời văn của em. * Suy nghĩ kĩ rồi viết bằng lời văn của mình không sao chép của người khác.   *Đọc kĩ đề, gạch chân dưới các từ trọng tâm. Xác định yêu cầu của đề về nội dung và hình thức.*  **b. Tìm ý.**   * Kể chuyện “Sơn Tinh,Thuỷ Tinh” * NV chính: ST,TT * Sự việc chính: Cuộc giao tranh giữa thần Núi và thần Nước. * Kết thúc: ST thắng. * Ý nghĩa: Thể hiện ước mong của nhân dân muốn chế ngự thiên tai, ca ngợi công lao dựng nước của vua Hùng..   *-> Lập dàn ý để xác định nhân vật, sự việc, kết quả, ý nghĩa của truyện*  \* Ghi nhớ 2 sgk/48  **c. Lập dàn ý.**   * Mở bài: Vua Hùng kén rể * Thân bài: |

## gì?

* **Phần thân bài em sẽ kể những sự việc nào?**
* **Phần kết bài em sẽ kể điều gì?**

HS thảo luận -> trình bày GV nhận xét, chốt.

? Nhận xét về cách lập dàn ý bài văn tự sự qua tìm hiểu VD trên?

* HS đọc ghi nhớ ý 3.

? Sau khi lập dàn ý cần thực hiện bước nào?

? Yêu cầu khi viết bài?

\* GV*:* Lưu ý viết = lời văn của mình tức là diễn đạt, dùng từ đặt câu theo ý mình, ko lệ thuộc sao chép lại vb đã có hay bài làm của người khác.

? Cách làm bài văn tự sự gồm mấy bước ?

* GV chốt ghi nhớ

## Hoạt động luyện tập:

+ Sơn Tinh, Thuỷ Tinh đến cầu hôn.

+ Vua Hùng ra lời thử thách.

+ Sơn Tinh đến trước, rước Mị Nương về.

+ Thuỷ Tinh đến sau dâng nước đánh Sơn Tinh

+ Sơn Tinh chống lại Thuỷ Tinh.

+ Thuỷ Tinh kiệt sức rút quân về.

* Kết bài: ý nghĩa của truyện, cảm nghĩ của bản thân.

*Lập dàn ý cho bài văn TS là s.xếp các sviệc theo trình tự hợp lí với BC 3 phần: MB, TB, KB*

* + Ghi nhớ 3 SGK/ T. 48

## d. Viết bài

* Viết bài đúng theo bố cục 3 phần.
* Chia các sự việc lớn thành từng đoạn văn riêng.
* Kể chuyện bằng chính lời văn của mình.

=> Cách làm bài văn tự sự gồm 4 bước: tìm hiểu đề, lập ý, lập dàn ý, viết bài.

## Ghi nhớ 4/SGK(HS đọc)

- TB: Trình bày các sự việc chính theo trình tự hợp lí:

+ Gióng biết nói đòi đi đánh giặc.

+ Gióng lớn lên kì lạ.

+ Gióng vươn vai thành tráng sĩ ra trận.

+ Gióng đánh tan giặc Ân.

+ Gióng bay về trời.

- KB: Cảm nghĩ về người anh hùng làng Gióng.

Vua phong danh hiệu, lập đền thơ.

Gv: hdẫn hs MB theo nhiều cách khác nhau.

Hs: Viết bài trong 7 phút.

Hs: 6 hs trình bày MB và KB.

Hs: nxét.

Gv: nxét, đánh giá và sửa lỗi cho các em. Cho điểm bài viết hay.

## Hoạt động vận dụng:

\* Viết bài: viết phần mở bài và kết bài. Mở bài:

* *Cách 1: Nói đến chú bé lạ:*

*Đời Hùng Vương thứ sáu, ở làng Gióng có hai vợ chồng ông lão sinh được 1 đứa con trai. Đã lên 3 mà cậu bé ko biết nói, ko biết cười, ko biết đi.*

* *Cách 2: Giới thiệu người anh hùng:*

*TG là vị anh hùng đánh giặc nổi tiếng trong truyền thuyết đã lên ba mà ko biết nói, ko biết cười, ko biết đi.*

* *Cách 3: Nói tới sự biến đổi của Gióng:*

*Ngày xưa giặc Ân xâm phạm bờ cõi nước ta, vua sai sứ giả đi cầu người tài đánh giặc. Khi tới làng Gióng, một đứa bé lên ba mà không biết nói, ko biết cười,ko biết đi tự nhiên nói được, bảo bố mẹ mời sứ giả vào. Chú bé ấy là TG.*

* Theo em, bước nào là bước quan trọng nhất? Vì sao?

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Viết bài văn hoàn chỉnh cho đề bài phần luyện tập.
* Ôn tập toàn bộ kiến thức đã học về văn tự sự chuẩn bị viết bài Tập làm văn số 1.
* Soạn: Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

## Tuần 6

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 18, 19

1. **Mục tiêu bài học**. Qua bài kiểm tra:

## Kiến thức:

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

(Văn tự sự)

* + - Kiểm tra kiến thức của học sinh về văn tự sự, chủ đề trong văn tự sự, cách viết bài văn kể chuyện bằng lời văn của em.
    - HS củng cố kiến thức về kiểu bài văn tự sự, nắm chắc đặc điểm của văn tự sự về chủ đề, sự việc, nhân vật trong văn tự sự và cách làm bài văn tự sự.

## Kĩ năng:

* HS tạo lập được VB tự sự đảm bảo yêu cầu về nhân vật, sự việc, chủ đề và bố cục.
* HS biết kể lại chuyện một cách mạch lạc, diễn cảm bằng lời văn của mình, câu văn ít sai lỗi chính tả.

## Thái độ:

* + - Nghiêm túc khi làm bài, bày tỏ được tình cảm của mình trong khi làm bài.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, giải quyết vấn đề.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, yêu quê hương đất nước, sống có trách nhiệm.

## Hình thức:

* Tự luận.

## Ma trận đề.

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Chủ đề | Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | | Cộng |
| Tập làm văn: Văn tự sự | CĐT | CĐ cao |  |
| Biết được tự sự là gì | Hiểu được chủ đề của văn bản tự sự |  | Kể lại một câu chuyện đã học theo ngôi kể mới. | 10 điểm |
| Số câu Số điểm Tỉ lệ % | SC: 1  SĐ : 1  TL: 10 % | SC : 1  SĐ : 2  TL: 20 % |  | SC: 1  SĐ : 7  TL: 70 % | Số câu: 3  Số điểm : 10 Tỉ lệ: 100% |

1. **Biên soạn đề .**

**Câu 1( 1đ)** : Tự sự là gì?

**Câu 2 (2đ):** Chủ đề của truyện truyền thuyết “Con Rồng, cháu Tiên” ?

**Câu 3.** Hãy kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.

## Hướng dẫn chấm và biểu điểm

* **Câu 1(1điểm):** Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.
* **Câu 2 (2điểm):** Chủ đề của truyện “Con Rồng, cháu Tiên”: Truyện nhằm giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt.

## - Câu 3 ( 7điểm).

1. **Yêu cầu** .

* **Hình thức :** Trình bày sạch sẽ, khoa học. Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp. Viết đầy đủ bố cục 3 phần : MB, TB, KB.
* **Nội dung**: đảm bảo các nội dung sau
* Mở bài: giới thiệu khái quát văn bản “TG”
* Thân bài: đảm bảo kể được các sự việc chính, theo trật tự diễn biến truyện:

+ Sự ra đời và tuổi thơ kì lạ của Gióng

+ Gióng gặp sứ giả đòi đánh giặc

+ Gióng lớn nhanh như thổi, cả làng góp gạo nuôi Gióng

+ Giặc đến, Gióng nhận áo giap, vươn vai biến thành tráng sĩ

+ Gióng đánh tan giặc và về trời

* Kết bài:

+ những dấu tích còn lại

+ Nêu ý nghĩa truyện

## Kĩ năng:

* Vận dụng tốt các kiến thức đã học về văn tự sự để kể lại câu chuyện “ Sơn Tinh, Thủy Tinh” bằng lời văn của mình.
* Viết đúng thể loại : văn tự sự.
* Chọn đúng ngôi kể.
* Sử dụng từ ngữ chính xác, không mắc lỗi chính tả, lời văn trong sáng, diễn đạt lưu loát.

## Thang điểm.

1. Điểm 7: Đáp ứng đầy đủ yêu cầu trên, biết kể lại truyện theo đúng cốt truyện, thể hiện được chủ đề của truyện.

* Diễn đạt rõ ràng, mạch lạc, trong sáng, bố cục chặt chẽ
* Trình bày sạch đẹp, dùng từ chính xác. Lời kể hay, hấp dẫn, có cảm xúc.
* Ngôi kể: kể đúng bằng lời văn của mình.

1. Điểm 5 - 6: Hiểu đề, biết làm bài văn tự sự. Bố cục rõ ràng, diễn đạt các sự việc đúng theo cốt truyện. Lời kể và ngôi kể hợp lí, diễn đạt lưu loát (sai không quá 3 lỗi chính tả )
2. Điểm 3 - 4: - Hiểu đề, biết kể lại truyện truyền thuyết, đủ các sv chính.

* Bố cục rõ ràng tuy nhiên dùng từ đôi chỗ còn chưa chính
* Bố cục chưa rõ, chữ cẩu thả, nội dung hình thức chưa phù hợp xác, diễn đạt lủng củng.
* Sai không quá 3 lỗi chính tả

1. Điểm 1-2: - Đáp ứng tương đối các yêu cầu về nội dung., hiểu còn mơ hồ, diễn đạt lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả.
2. Điểm 0: - Chưa làm đúng thể loại, lạc đề, chữ viết cẩu thả không đọc được.

## Tuần 5

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 20

**TỪ NHIỀU NGHĨA**

**VÀ HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨA CỦA TỪ**

1. **MỤC TIÊU:** qua bài học, hs cần:

## Kiến thức:

* + - Nhận biết được nghĩa gốc và nghĩa chuyển trong từ nhiều nghĩa
    - Biết cách cách đặt câu có từ được dùng với nghĩa gốc, từ được dùng với nghĩa chuyển

## Kĩ năng:

* HS thực hiện được: Nhận biết từ nhiều nghĩa, phân biệt từ nhiều nghĩa với từ đồng âm, giải thích hiện tượng chuyển nghĩa của từ.
* HS thực hiện thành thạo: Bước đầu biết sử dụng từ nhiều nghĩa trong hoạt động giao tiếp.

## Thái độ:

* HS có ý thức sử dụng từ nhiều nghĩa sao cho phù hợp trong các hoạt động nói viết
* Tình yêu tiếng Việt.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, phiếu học tập
2. **Học sinh:** chuẩn bị bài theo hướng dẫn

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, trực quan, phân tích mẫu, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định tổ chức**
   * **Kiểm tra bài cũ : (4 phút)**

* Nghĩa của từ là gì? Có mấy cách giải nghĩa của từ? Đó là những cách nào? Hãy giải nghĩa từ “tuấn tú”,” trạng nguyên”?

## Vào bài mới:

? Tìm nghĩa của từ “đi”.

* HS giải nghĩa từ đi (hoạt động dời khỏi chỗ bằng 2 chân,...; chết;...)
* GV giới thiệu bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV – HS | Nội dung |
| HĐ 1: Tìm hiểu từ nhiều nghĩa  Hs: đọc ví dụ sgk/ 53.  **?** Giải nghĩa từ *chân* theo nhiều cách ? Hs: thảo luận nhóm (1bàn/nhóm)  Hs: trình bày kquả thảo luận, nxét, bsung. | 1. **TỪ NHIỀU NGHĨA**:    1. Ví dụ:  * Từ “*chân*” có một số nghĩa sau:   1. Bộ phận dưới cùng của cơ thể người hay động vật, dùng để đi, |

Gv: treo bảng phụ ghi sẵn các đáp án.

**?** Thống kê các từ *chân* trong ví dụ ?

**?** Từ *chân* nào đc hiểu theo nghĩa 1 ? Từ

*chân* nào đc hiểu theo nghĩa 2 ?

**?** Em có nxét gì về nghĩa của từ *chân* ?

**?** Tìm thêm 1 số từ ngữ khác có nhiều nghĩa như từ *chân* ? (Ví dụ từ : *mắt* )

*+ Cơ quan nhìn của người hay động vật.*

*+ Chỗ lồi lõm giống hình 1 con mắt ở thân cây.*

*+ Bộ phận giống hình 1 con mắt ở vỏ 1 số quả.*

**?** Từ *compa, kiềng, bút* có mấy nghĩa ?

**?** Qua đây, em có nxét gì về nghĩa của từ? Hs: đọc ghi nhớ sgk. Gv chốt kthức.

## HĐ 2: Tìm hiểu hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

**?** Tìm mqhệ giữa các nghĩa của từ *chân*

trong các ví dụ ở mục I ?

- *Bộ phận cuối cùng để đi, đứng, đỡ.*

**?** Đâu là nét nghĩa gốc của từ *chân* ?

**?** Các nét nghĩa còn lại của từ chân ta gọi là nghĩa gì ?

**?** Vậy em hiểu tnào là nghĩa gốc, nghĩa chuyển ?

GV: *Việc thay đổi nghĩa của từ tạo ra từ nhiều nghĩa gọi là hiện tượng chuyển nghĩa của từ*.

**?** Thế nào là hiện tượng chuyển nghĩa của từ ?

đứng: dấu chân, nhắm mắt đưa chân...

* 1. Bộ phận dưới cùng của một số đồ vật, có tác dụng đỡ cho các bộ phận khác: chân giường, chân đèn, chân kiềng ...
  2. Bộ phận dưới cùng của một số đồ vật, tiếp giáp và bám chặt vào mặt nền: chân tường, chân núi, chân răng ...

Từ *chân* là từ có nhiều nghĩa.

* Từ *compa, kiềng, bút* có một nét nghĩa.

2. Ghi nhớ:

## HIỆN TƯỢNG CHUYỂN NGHĨACỦA TỪ

1. Tìm hiểu ví dụ:

* Mối quan hệ giữa các nghĩa của từ

*chân*: bộ phận cuối cùng để đi, đứng, đỡ.

* Đau chân: nghĩa gốc
* Chân bàn, chân ghế: nghĩa chuyển
* Nghĩa gốc: là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
* Nghĩa chuyển: là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc.
* Chuyển nghĩa: là hiện tượng thay đổi nghĩa của từ, tạo ra từ nhiều nghĩa.

GV: *Trong từ điển, nghĩa gốc luôn đc xếp ở vị trí số 1. Nghĩa chuyển đc hình thành trên cơ sở của nghiã gốc nên đc xếp sau nghĩa gốc.*

Hs: đọc ghi nhớ sgk/ 56.

**?** Vì sao lại có hiện tượng nhiều nghĩa này?

GV: *Khi mới xuất hiện 1 từ chỉ đc dùng với 1 nghĩa nhất định nhưng XH phát triển, nhận thức con người cũng ptriển, nhiều svật của hiện thực khách quan ra đời và đc con người khám phá cũng nảy sinh nhiều khái niệm mới. Để có tên gọi cho những sự vật mới đó con người có 2 cách: Tạo ra một từ mới để gọi sự vật hoặc thêm nghĩa mới vào cho những từ đã có sẵn (nghĩa chuyển)*.

? Từ nhiều nghĩa và từ đồng âm có gì giống và khác nhau?

HS thảo luận cặp đôi trả lời.

1. Ghi nhớ: Sgk/ 56.

* Chú ý: Phân biệt từ nhiều nghĩa với từ đồng âm
* Giống nhau: giống nhau về vở âm thanh, khác nhau về nghĩa
* Khác nhau:

+ từ nhiều nghĩa: các từ **có** mối quan hệ với nhau về nghĩa

+ từ đồng âm: các từ ***không có*** mối quan hệ với nhau về nghĩa

## Hoạt động luyện tập:

Hs: xđịnh y/cầu bài tập 1: Tìm 3 từ chỉ bộ phận cơ thể người có sự chuyển nghĩa.

Hs: thi nhanh giữa các nhóm. Gv: nxét, chốt đáp án.

Hs: xđịnh y/cầu bài tập. Hs: thảo luận nhóm 2 hs.

Hs: báo cáo kquả thảo luận.

## LUYỆN TẬP:

Bài 1:

1. Đầu: Đầu tầu, đầu gối, đầu đường, đau đầu…
2. Mũi: Mũi kim, mũi tẹt, mũi đất, …
3. Tay: cánh tay, tay ghế, tay ba, tay nghề, tay vịn cầu thang, tay anh chị, tay súng...

Bài 2:

* Lá: Lá phổi, lá lách, lá gan...
* Quả: quả tim, quả thận.

Gv: nxét, chấm điểm.

HS đọc y cầu bài 3. GV hướng dẫn.

Hs lên bảng làm BT. HS nhận xét, bổ sung GV chốt

Gv hướng dẫn làm BT 4

* Chi (cành): chi họ Bài 3:

1. Chỉ sự vật chỉ hành động:

+ Hộp sơn sơn của

+ Cái bào bào gỗ

+ Cân muối muối dưa

1. Những từ chỉ hành động chuyển thành từ chỉ đơn vị:

+ Đang bó lúa gánh 3 bó lúa.

+ Cuộn bức tranh ba cuộn tranh

+ Gánh củi đi một gánh củ Bài 4:

1. Tác giả nêu hai nghĩa của từ *bụng*.

Còn thiếu một nghĩa nữa là: phần phình to ở giữa của một số sự vật.

1. - Ấm bụng: nghĩa 1
   * Tốt bụng: nghĩa 2
   * Bụng chân: nghĩa 3

## Hoạt động vận dụng:

Hs: nêu khái niệm từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ. Gv: giáo dục ý thức giữ gìn sự trong sáng của TV cho hs.

* Viết đoạn văn có sử dụng từ nhiều nghĩa, trao đổi, đọc với bạn bè sp của mình.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm thêm nhiều từ nhiểu nghĩa.
* Soạn: **Lời văn, đoạn văn tự sự**.

## Tuần 5

Ngày soạn: Ngày dạy:

### *Tiết 20*

**LỜI VĂN VÀ ĐOẠN VĂN TỰ SỰ**

* 1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, hs cần:

## Kiến thức:

* + - * HS biết trình bày được lời văn tự sự dùng để kể người, kể việc. Đoạn văn tự sự: gồm 1 số câu, được xác định giữa 2 dấu chấm xuống dòng.
      * HS hiểu được thế nào là lời văn, đoạn văn trong văn bản tự sự

## Kĩ năng:

* + - * HS bước đầu biết dùng lời văn, triển khai ý, vận dụng vào đọc - hiểu bài văn tự sự.
      * HS biết viết đoạn văn, bài văn tự sự.

## Thái độ:

* + - * Có ý thức vận dụng lời văn, câu văn, đoạn văn tự sự vào để tạo lập văn bản tự sự.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo, hợp tác, giao tiếp
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, SGK, bảng phụ…
2. **Học sinh:**Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, phân tích mẫu
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ :**

**-** Muốn làm bài văn tự sự ta phải tiến hành bằng nhữngbước nào? Nêu cách thức thực hiện của các bước tìm chủ đề, tìm ý, lập dàn ý?

## Vào bài mới:

Nhân vật và sự việc là 2 yếu tố quan trong trong bài văn tự sự. Vậy làm thế nào để viết được những đoạn văn hay về nhân vật và sự việc trong văn tự sự. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Tìm hiểu lời văn, đoạn văn tự sự  HS: Đọc 2 đoạn văn trên bảng trên bảng phụ  ? Đoạn văn 1, 2 giới thiệu những nhân vật nào?  ? Hùng Vương, Mị Nương, Sơn Tinh , Thuỷ Tinh  ? Đoạn 1 gồm mấy câu, giới thiệu nv nào? NV đó đc giới thiệu ntn?  ? Đoạn 2 giới thiệu nv nào? Giới thiệu những đặc điểm gì của nv?  ? Khi kể về nhân vật, người viết thường dùng từ, cụm từ nào? Kiểu câu hay sd?  GV: khi kể giới thiệu nv thường dùng câu có từ “có”, “là”. Kiểu câu dùng này rất quen thuộc với đoạn văn kể về các nhân vật. | 1. **Lời văn, đoạn văn tự sự**    1. **Lời văn giới thiệu nhân vật**       1. ***Tìm hiểu ví dụ***: đoạn văn (1) và (2)   **-** *Đoạn 1:* Giới thiệu nvật Hùng Vương, Mị Nương gồm 2 câu:   * Câu 1: giới thiệu tên, lai lịch, quan hệ, chân dung nhân vật. * Câu 2: giới thiệu về tình cảm, nguyện vọng của Vua Hùng.   **\*** Đoạn 2: gồm 6 câu   * Giới thiệu về lai lịch, tài năng, tên của nhân vật Sơn Tinh, Thuỷ Tinh * Đoạn văn dùng từ “có”, “là” để giới thiệu nhân vật |

HS lấy thêm ví dụ trong truyện “Thánh Gióng”

? Xác định ngôi kể?

? Qua đây em hiểu gì về lời văn giới thiệu nhân vật

HS: Đọc ý 1 ghi nhớ sgk-59.

GV: Treo bảng phụ

HS: Đọc đoạn văn thứ 3 trên bảng phụ

? Đoạn văn kể về sự việc gì? Tìm những từ nói lên hành động, vệc làm của nv ?

? Từ loại nào đc sử dụng chủ yếu trong đv này?

? Kết quả của những hành động đó?

? Các từ đó kể theo trình tự nào?

* Kể theo trình tự trước sau: Nguyên nhân-diễn biến-kết quả.

? Việc sắp xếp các trình tự như vậy có tác dụng gì

? Lời kể trùng điệp miêu tả cảnh ( nước ngập... nước ngập, nước dâng...) có tác dụng gì?

? Em rút ra kết luận gì về lời văn kể sự việc? HS đọc ghi nhớ

GV: Giới thiệu quy ước viết đoạn văn:

Đoạn văn tự sự được đánh dấu bằng chữ cái mở đầu viết hoa lùi đầu dòng và hết đoạn có dấu chấm xuống dòng, mỗi đoạn văn thường biểu đạt 1 ý.

GV: Chú ý vào 3 đoạn văn đầu

\* GV tổ chức thảo luận nhóm:

* Nhóm 1: Đoạn văn 1,2 có những ý chính nào? Câu văn thể hiện ý chính?
* Ngôi kể: ngôi thứ 3

*=> Lời văn giới thiệu nhân vật là lời kể để giới thiệu tên, họ, lai lịch, quan hệ, tính tình, tài năng, hành động, ý nghĩa của nhân vật.*

### *b. Ghi nhớ - ý 1*

1. **Lời văn kể sự việc**
   1. ***Tìm hiểu ví dụ:*** đoạn văn (3)

* Sự việc: TT đánh ST
* Từ ngữ: *nổi giận, đuổi theo đòi cướp, hô mưa, gọi gió, giông bão, dâng nước đánh*

-> Sử dụng động từ miêu tả hành động

* Kết quả: ngập lụt, thành PC như nổi lềnh bềnh trên một biển nước.
* Trình tự: thời gian.

Người đọc dễ hình dung diễn biến của sự việc.

* Lời văn kể trùng điệp tạo ấn tượng cho người đọc hình dung hậu quả của cuộc giao chiến tàn khốc trên vùng đất rộng lớn.

***=>*** *Lời văn kể sviệc là kể các hành động, việc làm kết quả và sự thay đổi do các hành động ấy đem lại.*

### *Ghi nhớ*

1. **Đoạn văn**
   1. ***Tìm hiểu ví dụ:***

* Đoạn 1: HVương kén rể (câu 2)
* Đoạn 2: ST, TT đến cầu hôn, hai người đều xứng đáng (câu 6)
* Nhóm 2: Đoạn 3,4 có những ý chính nào? Câu văn thể hiện ý chính?

HS thảo luận -> báo cáo, -> nx, bổ sung GV chốt.

? Vậy qua ví dụ, em thấy mỗi đoạn văn thường thể hiện mấy ý chính?

? Các câu mang ý chính được coi là câu chủ đề. Vì sao?

? Các câu còn lại có mối quan hệ thế nào với câu chủ đề?

? Vậy đoạn văn tự sự cần đảm bảo những yêu cầu gì về nội dung?

* HS đọc ghi nhớ.

GV: Để dẫn dắt ý chính người kể người viết phải xác định viết cái gì trước, cái gì sau, phải dẫn dắt mới thành đoạn văn, các câu văn có quan hệ chặt chẽ với nhau.

* Dấu hiệu nào về hình thức giúp em nhận ra đó là đoạn văn ?

## Hoạt động luyện tập:

* Đoạn 3: Thủy Tinh nổi giận đánh ST (câu 1)

-> mỗi đoạn văn thường có 1 ý chính

-> Câu diễn đạt ý chính gọi là câu chủ đề (Vì nó mang ý nghĩa khái quát cho toàn đv)

-> Các câu khác diễn giải hoặc giải thích cho ý chính (bổ sung, làm rõ nghĩa)

b. Ghi nhớ:SGK-trang 59

**+ Lưu ý:** về mặt hình thức:

* Mỗi đoạn nói chung gồm nhiều câu.
* Mở đầu viết hoa và lùi vào một ô.
* Kết đoạn chấm xuống dòng.

HS xđ yêu cầu BT1 và làm việc theo nhóm, báo cáo hết quả, nx, bổ sung

GV chốt

**II. Luyện tập Bài 1:** a. ý chính:

* ý chính: Cậu chăn bò rất giỏi. ý giỏi được thể hiện ở nhiều ý phụ:

+ Chăn suốt ngày từ sáng tới tối

+ Ngày nắng, nưa, con nào con nấy bụng no căng.

* Câu 1: đẫn dắt, giới thiệu hành động bước đầu
* Câu 2: nhận xét chung về hành động
* Câu 3,4: Cụ thể hoá hành động

1. Thái độ của các cô con gái Phú Ông đối với Sọ Dừa (câu 2)

* Câu 1: dẫn dắt, giải thích

1. Tính nết cô hàng nước

* Câu chủ chốt: câu 2

## Hoạt động vận dụng:

* Nắm vững đặc điểm lời văn, đoạn văn tự sự?
* Lời văn, đoạn văn tự sự cần chú ý điều gì?
* Viết đoạn văn kể về sự việc Cuộc giao tranh giữa 2 vị thần ST, TT bằng lời văn của em.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Đọc các bài văn mẫu, nhận xét lời văn trong bài mẫu.
* Chuẩn bị bài: Thạch Sanh: đọc kĩ truyện, tóm tắt văn bản theo các sự kiện chính, tìm hiểu các chú thích, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài;
* GV kí hợp đồng với 6 nhóm HS: tìm hiểu về thể loại truyện cổ tích (khái niệm, đặc điểm về nội dung, nghệ thuật tiêu biểu của truyện cổ tích, các truyện cổ tích nổi tiếng của Việt Nam.)

## Tuần 5

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 22 – Văn bản:

**THẠCH SANH**

* 1. **MỤC TIÊU**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* HS nắm được sơ giản về thể loại truyện cổ tích.
* HS biết được nhóm truyện cổ tích ca ngợi người dũng sĩ.
* HS hiểu được niềm tin thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà của tác giả dân gian và nghệ thuật tự sự dân gian của truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

## Kĩ năng:

* + - * HS đọc-hiểu được văn bản truyện cổ tích theo đặc trưng thể loại.
      * HS tóm tắt được văn bản.

## Thái độ:

* + - * Yêu thích truyện cổ tích.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, sgk, bảng phụ, phiếu học tập
2. **Học sinh:** học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn của giáo viên

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, trực quan, làm mẫu, giảng bình, thuyết trình, hoạt động nhóm, DH hợp đồng.
* Kĩ thuật: động não, đọc tích cực, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ : (4 phút)**
* Nêu ý nghĩa của truyện “Sự tích Hồ Gươm” ? Trong truyện, em thích chi tiết nào nhất? Vì sao?

## Vào bài mới:

GV: Thạch Sanh là một trong những truyện cổ tích tiêu biểu nhất của kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, được nhân dân ta rất yêu thích. Cuộc đời và những chiến công của Thạch Sanh cùng với sự hấp dẫn của truyện và của nhiều chi tiết thần kì đã làm xúc động, say mê rất nhiều thế hệ người đọc, người nghe. Để hiểu sâu hơn về truyện và nhân vật Thạch Sanh, cô trò chúng ta cùng nhau tìm hiểu...

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung  ? Nên đọc truyện này với giọng ntn? GV hướng dẫn đọc: đọc diễn cảm, rõ ràng, mạch lạc, chú ý đọc thể hiện rõ từng lời thoại để diễn tả bản chất của  từng nhân vật ( TS: hiền lành, thật thà, cả tin; LT: nham hiểm, độc ác, mưu mô)  - GV đọc mẫu đoạn đầu, gọi 3 hs đọc văn bản.  ? Liệt kê các sự việc chính của truyện?  ? Dựa vào các sự việc chính, kể tóm tắt lại văn bản?  HS: dựa vào bài tóm tắt đã chuẩn bị ở nhà, lên bảng kể tóm tắt và diễn cảm câu chuyện.  Yêu cầu HS nắm được nội dung các chú thích trong SGK (3,4,6,7,8,9,11,12,13).  ? Hãy nói rõ cách giải thích nghĩa của các từ : “ Thiên thần” “ Đầu thai” “ Vua Thủy | 1. **Đọc và tìm hiểu chung:**    1. **Đọc, kể tóm tắt, tìm hiểu chú thích**  * Thạch Sanh ra đời * TS lớn lên học võ và phép thần thông * TS kết nghĩa anh em với Lí Thông * TS diệt chằn tinh bị Lí Thông cướp công. * TS diệt đại bàng cứu công chúa, lại bị cướp công. * Thạch Sanh diệt hồ tinh, cứu thái tử bị vu oan vào tù. * TS được giải oan lấy công chúa. * Thạch Sanh chiến thắng quân 18 nước chư hầu và lên ngôi vua. |

Tề”? (Tích bài nghĩa của từ)

? Hãy xác định thể loại của văn bản trên?

? Trình bày đặc điểm của thể loại đó ? **HS các nhóm thảo luận thống nhất ý kiến, trình bày phần chuẩn bị ở nhà của nhóm mình – tìm hiểu về thể loại truyện cổ tích. (HĐ đã kí từ tiết trước)** HS các nhóm nhận xét, bổ sung.

Gv nx, chốt kt, nhấn mạnh 3 giá trị nội dung của truyện cổ tích:

*+ Phản ảnh mâu thuẫn và đấu tranh xh*

*+ P/ánh mơ ước của nhân dân lao động*

*+ Bộc lộ triết lí về nhân sinh, quan niệm về ứng xử, đạo đức (tính chất giáo huấn)*

? So sánh với thể loại truyền thuyết? HS: truyện cổ tích ko có cốt lõi lịch sử...

? Phương thức biểu đạt chính của vb?

? Nhân vật chính của truyện?

? Theo em nhân vật TS thuộc kiểu nhân vật nào?

? Truyện “Thạch Sanh được kể theo trình tự nào? (Trình tự thời gian)

? Xác định bố cục mở truyện, thân truyện, kết truyện?

? Phần kể về các chiến công của TS kể theo trình tự mấy sự việc? Đó là những sự việc nào?

## 2. Tìm hiểu chung văn bản:

* Thể loại: Truyện cổ tích

*Là loại truyện dân gian kể về cuộc đời của 1 số kiểu nhân vật quen thuộc: nhân vật bất hạnh; nhân vật dũng sĩ, nv có tài năng kì lạ; nhân vật thông minh, nhân vật ngốc nghếch; nhân vật là động vật,...*

* *NT: Truyện cổ tích thường có yếu tố hoang đường kì ảo*
* *ND: Thể hiện niềm tin, ước mơ của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác, cái tốt đối với cái xấu, sự công bằng đối với sự bất công.*
* Phương thức biểu đạt: Tự sự
* NV chính: Thạch Sanh

**->** Kiểu nhân vật dũng sĩ và tài năng kì lạ, kiểu nhân vật mồ côi

* Bố cục: 3 phần
* Phần 1: Mở truyện : Từ đầu mọi phép thần thông : Giới thiệu nguồn gốc, lai lịch của Thạch Sanh
* Phần 2: Thân truyện: tiếp đến kéo nhau về nước : Các chiến công của Thạch Sanh

+ TS chém chằn tinh.

+ TS đánh đại bàng cứu công chúa.

+ TS gãy đàn chữa khỏi bệnh cho công chúa.

+ TS dùng tiếng đàn và niêu cơm thần để lui quân của 18 nước chư hầu.

- Phần 3: Kết truyện : còn lại-> TS lên ngôi vua

HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản: HS chú ý phần 1 của văn bản.

? Trong p1 vb, sự ra đời và lớn lên của TS đc giới thiệu có gì bình thường và khác thường?

HS tìm nét bình thường và khác thường trong sự ra đời và lớn lên của TS.

? Sự ra đời kì lạ của TS em thấy giống sự

ra đời của nhân vật nào mà em đã học?

-> LLQ, ÂC, Thánh Gióng, ...

? Đoạn đầu vb, tác giả dân gian đã sử dụng NT gì?

? Tác dụng?

? Từ đây em có nhận xét ntn về nguồn gốc và sự trưởng thành của Thạch Sanh?

GV giảng: TS vốn sinh ra là con người

nông dân lđ nghèo khổ... Anh chính là đại diện cho những người dân lđ bất hạnh.

Xd nv với nét bình thường ấy đã khiến cho nv trở nên gần gũi với người đọc, khơi dậy những tc xót xa, thương cảm... Đó là 1 phần của cái tâm lí, tâm thế mà truyện cổ tích luôn tạo nên ngay phút ban đầu nơi người đọc. Nhưng những nét bình thường ấy lại trộn lẫn với những nét khác thường. Chi tiết TS là con Ngọc Hoàng đầu thai có tính chất mở đầu, tô điểm cho xuất thân cao quý, vẻ đẹp lí tưởng của nv. Ta có thể thấy rõ, ẩn bên trong vẻ ngoài lam lũ, vất vả của 1 người tiều phu bình thường là 1 con người cao quý khác thường.

? Kể về sự ra đời khác thường mà cũng rất bình thường của TS nhân dân ta muốn thể hiện điều gì?

GV giảng: Ở đây, nhân vật vừa có cái

## II. Phân tích

### *1. Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh:*

* ***Bình thường***

***-*** Con của một gia đình nông dân tốt bụng

* Mồ côi cả cha lẫn mẹ
* Sống trong túp lều, cả gia tài chỉ có cây búa do cha để lại

### *Khác thường*

+ Là thái tử, con Ngọc Hoàng

* Mẹ mang thai trong nhiều năm
* Được thiên thần dạy đủ võ nghệ...

+ NT: đan xen chi tiết bình thường với các chi tiết hoang đường, kì ảo

Tô đậm tính chất kì lạ, đẹp đẽ cho nhân vật, làm tăng sức hấp dẫn của truyện

## Thạch Sanh có nguồn gốc kì lạ, phi thường song khi trưởng thành cũng rất đời thường, gần gũi với nhân dân

**Thể hiện ước mơ, niềm tin**: con người bình thường cũng có thể chứa đựng những nét đẹp thần kì, sẽ lập được nên những chiến công phi thường.

khác thường như các nhân vật trong truyền thuyết (sự ra đời: mẹ mang thai trong nhiều năm, là thái tử-con của Ngọc Hoàng đầu thai…) vừa có những nét bình thường của nhân vật cổ tích . Điểm này làm cho hình tượng Thạch Sanh vừa có tính chất kì lạ của thần linh vừa giàu tính cụ thể, sống động, gần gũi với cuộc sống đời thường của nhân dân. Mặt khác, đó cũng là cách làm cho câu chuyện thêm hấp dẫn và đồng thời thể hiện quan điểm của nhân dân về nhân vật lí tưởng: những người như vậy tất lập được nhiều chiến công lớn. Qua việc giới thiệu nv, tác giả đã mở hướng phát triển cho câu chuyện, khiến người nghe chờ đợi những chiến công mà nhân vật lập nên. -> tiết sau.

## Hoạt động luyện tập;

? Đặc điểm của thể loại truyện cổ tích?

? Kể lại diễn cảm truyện “Thạch Sanh”?

## Hoạt động vận dụng:

- Viết đoạn văn giới thiệu về nhân vật Thạch Sanh.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

- Tìm đọc các bài phát biểu cảm nghĩ về truyện Thạch Sanh.

- Chuẩn bị: “Thạch Sanh” (tiếp): GV kí hợp đồng với 3 nhóm:

+ Trình bày về những thử thách và chiến công của Thạch Sanh?

+ NT sử dụng trong phần 2 văn bản?

+ Ý nghĩa của từng thử thách, chiến công đó?

## Tuần 6

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết: 23 – Văn bản

**THẠCH SANH (Tiếp)**

1. **MỤC TIÊU:** Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* HS nắm được sơ giản về thể loại truyện cổ tích.
* HS biết được nhóm truyện cổ tích ca ngợi người dũng sĩ.
* HS hiểu được niềm tin thiện thắng ác, chính nghĩa thắng gian tà của tác giả dân gian và nghệ thuật tự sự dân gian của truyện cổ tích “Thạch Sanh”.

## Kĩ năng:

* + - HS đọc-hiểu được văn bản truyện cổ tích theo đặc trưng thể loại.
    - HS bước đầu biết trình bày những cảm nhận, suy nghĩ của mình về các nhân vật và chi tiết đặc sắc trong truyện cổ tích.
    - HS kể ại được một câu chuyện cổ tích.

## Thái độ:

* + - Yêu thích truyện cổ tích.
    - Đấu tranh chống lại cái ác, bảo vệ cái thiện.

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, sgk, bảng phụ, phiếu học tập
2. **Học sinh:** học bài cũ, soạn bài theo hướng dẫn của GV

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

1. Phương pháp: vấn đáp, luyện tập thực hành, giảng bình, hoạt động nhóm, giải quyết vấn đề
2. Kĩ thuật: đặt câu hỏi, động não, thảo luận nhóm, trình bày một phút

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ :**
* Tóm tắt truyện “Thạch Sanh”. Vì sao có thể nói sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh vừa bình thường vừa khác thường? Thông qua các chi tiết đó các tác giả dân gian muốn gửi gắm tới bạn đọc điều gì ?

## Vào bài mới:

* Em thích nhất chiến công nào của Thạch Sanh? Vì sao?
  + GV dẫn vào bài mới: Sự ra đời và lớn lên của Thạch Sanh đã phần nào hé lộ hành trang đặc biệt của cuộc đời chàng. Nó được biểu hiện qua cuộc hành trình với hàng loạt các thử thách mà Thạch Sanh trải qua. Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** |  | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |  |
| HĐ 1: Tìm hiểu những thử thách và chiến công của TS:  ? Cho biết Thạch Sanh đã trải qua mấy thử thách? Là những thử thách nào?  HS kể  ? Trong những thử thách ấy, có mấy lần do Lí Thông tạo ra?  HS: 2 lần  **\* GV tổ chức thảo luận nhóm: 6 nhóm:**   1. *Chỉ rõ việc làm của LT và TS trong 2 lần thử thách đầu tiên?* 2. *Nghệ thuật sử dụng trong đoạn đó?* 3. *Qua từng thử thách và chiến công, 2 nhân vật đã bộc lộ gì về mình?*   HS nhóm 1, 2 lên báo cáo  Các nhóm nghe, nhận xét, bổ sung. GV nhận xét. Chốt kt. |  | **II. Phân tích (tiếp)**  ***2. Những thử thách và chiến công của TS: Thử Lí Thông Thạch Sanh thách***  \*Lần 1: - Lợi dụng kết - Cảm động, tin Bị mẹ nghĩa anh em tưởng, vui vẻ nhận lời con Lí - Lừa TS đi chết - Tin lời LT, đi ngay Thông thay cho mình - Diệt chằn tinh -> lừa đi được cung tên vàng canh - Hoảng sợ, van - Chặt đầu chằn tinh miếu xin. mang về  thờ để - Nảy ra ý định - Thật thà tin ngay, thế cướp công trở về gốc đa  mạng  -> *Tham lam,* -> *Thật thà, tốt bụng, xảo trá, hèn trọng tình nghĩa, nhát, bất nghĩa dũng cảm*  \*Lần 2: - Đi tìm TS, nhờ - Giết đại bàng, cứu bị LT TS tìm quái vật được công chúa  lừa đi - Cho lấp kín cửa - Giải cứu con vua xuống hang-> để cướp Thuỷ Tề; xuống thuỷ dưới công của TS cung, được tặng đàn hang thần.  sâu giết - Chữa bệnh câm  đại cho công chúa, được  bàng lấy công chúa.  cứu - Bị sét đánh, - Xin tha mạng, cho công hoá thành bọ mẹ con LT  chúa hung  -> *Độc ác, bất -> Vị tha, bao dung, nhân, bất nghĩa, nhân đạo, được đền xảo quyệt, ích kỉ, đáp xứng đáng*  *bị trừng trị nghiêm khắc* |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ? Em có nx gì về mức độ khó khăn nguy hiểm của các thử thách với TS? NT được sử dụng?  ? Nhận xét về các thử thách và chiến công của TS?  ? Những chiến thắng của TS trong 2 thử thách đầu tiên và sự đối lập giữa 2 nhân vật TS – LT cho em hiểu quan niệm gì của nhân dân về cái thiện và cái ác?  GV giảng: *Có thể nói, trong những nv chính diện mà truyện CT VN đã xd thì TS là hình tượng đẹp nhất, tiêu biểu nhất. Đối lập với TS, LT cũng là hình tượng nv phản diện xấu xa, ghê tởm nhất, tập trung nhiều nhất những âm mưu thủ đoạn, những hành động khôn khéo, thâm độc, tàn bạo nhất mà hầu như ko có 1 nv phản diện nào trong truyện CT VN có thể sánh được...-> quan niệm thiện – ác của nhân dân ta.*  ? Thử thách lần thứ 3 đến với TS là gì?  ? So sánh thử thách này với các thử thách trước?  ? Trước thử thách cam go này, TS đã làm gì?  ? NT?  ? Tại sao khi nghe tiếng đàn của TS, binh sĩ lại bủn rủn chân tay, ko nghĩ đến chuyện đánh giặc nữa?  GV: liên hệ tiếng hát Ả đào làm giặc say chết, tiếng bài thơ thần của Lí Thường Kiệt trong đền thờ Trương Hống, Trương Hát,…  ? Theo em, chi tiết niêu cơm thần |  |  | => Tượng trưng cho cái ác | => Tượng trưng cho cái thiện |  |
| + NT: tăng tiến, đối lập, chi tiết tưởng tượng kì ảo  Thử thách ngày một tăng, mức độ ngày càng nguy hiểm, chiến công ngày rực rỡ vẻ vang  Thể hiện quan niệm của nhân dân ta: cái thiện luôn thắng cái ác, người có công sẽ được đền đáp xứng đáng.  \* Lần 3: Binh lính 18 nước chư hầu sang đánh (Thử thách lớn lao, liên quan đến vận mệnh dân tộc)  - Thạch Sanh: gảy đàn, ... nấu niêu cơm thần đãi kẻ bại trận  + NT: chi tiết tưởng tượng, kì ảo  . Tiếng đàn thần kì: tiếng đàn của công lí, tiếng đàn hòa bình thức tỉnh nỗi nhớ quê hương cảm hóa kẻ thù  . Niêu cơm thần: làm cho quân giặc phải nể phục | | | | |

|  |  |
| --- | --- |
| kì ăn mãi ko hết có ý nghĩa gì?  HS thảo luận nhóm cặp đôi trả lời. GV nhận xét, chốt.  - Liên hệ: “Bình Ngô đại cáo”:  *Song hành cùng tiếng đàn thức tỉnh là niêu cơm ấm lòng mát dạ. Niêu cơm của TS ko chỉ là biểu tượng cho đạo lí VN trong công cuộc giữ nước mà còn là khát vọng nghìn đời của cả dtộc ta về miếng ăn, về của cải vật chất để nuôi sống mình, gia đình mình và để cho kẻ thù nể sợ.*  ? Những nv CT nào cũng từng trải quan nhiều thử thách?  ? Sự khác biệt trong cách vượt qua thử thách của TS với các nv này? (ko đc tiên, bụt giúp đỡ)  ? Theo em, hình tượng nv Thạch Sanh tiêu biểu cho vẻ đẹp của ai?  *- Có thể nói, ở con người Thạch Sanh có sự hội tụ của nét đẹp thật thà, chất phác, sự dũng cảm và tài năng, lòng nhân hậu, cao thượng, yêu hòa bình . Những phẩm chất của Thạch Sanh cũng là những phẩm chất tiêu biểu của con người VN .* | **-> thể hiện tài trí, tấm lòng nhân hậu và tinh thần yêu chuộng hòa bình của Thạch Sanh**  (anh Khoai, cô Tấm)  Thạch Sanh tiêu biểu cho tài năng và vẻ đẹp phẩm chất của con người Việt Nam |
| HĐ 3: Tìm hiểu phần kết truyện  ? Truyện kết thúc bằng sự việc nào?  ? Em có nhận xét gì về cách kết thúc này của truyện? | **4. Kết thúc truyện**:  - TS lên làm vua  kết thúc có hậu thể hiện công lí XH (ở hiền gặp lành, cái thiện chiến thắng cái ác, người có công được đền đáp xứng đáng); Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về một sự đổi đời.  Đây là cách kết thúc phổ biến trong truyện cổ tích. |
| HĐ 4: Tổng kết bài  ? Qua quá trình tìm hiểu văn bản, em hãy khái quát giá trị nội dung và nghệ thuật của truyện ? | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**   * Xây dựng nhân vật:   + Cặp hình tượng nhân vật đối lập  + Nhân vật có tính khái quát và biểu tượng   * Xây dựng các chi tiết kì ảo giàu ý nghĩa xen kẽ với những chi tiết đời thường |

## Hoạt động luyện tập:

HS xác định yêu cầu BT phần luyện tập sgk.

? em sẽ chọn chi tiết nào để vẽ? Vì sao? HS trả lời. GV định hướng.

## Hoạt động vận dụng:

* + Cảm nhận của em về nhân vật Thạch Sanh?
  + HS phát biểu cảm nghĩ của mình về nhân vật bằng 1 bài nói ngắn.
  + GV giáo dục tình cảm cho hs.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Tìm đọc những truyện cổ tích theo motip kể về dũng sĩ.
  + Nắm chắc nội dung bài học. Kể tóm tắt được truyện.
  + Soạn bài : Chữa lỗi dùng từ: Đọc bài, tìm hiểu các ví dụ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.

## Tuần 6

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết: 24 - Tiếng Việt

* 1. **MỤC TIÊU**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

**CHỮA LỖI DÙNG TỪ (Tiết 1)**

* + - * HS biết một số lỗi dùng từ thường gặp.
      * HS hiểu nguyên nhân mắc lỗi, cách sửa lỗi.

## Kĩ năng:

* + - * HS chỉ ra nguyên nhân mắc lỗi dung từ.
      * HS sửa được các lỗi dùng từ.

## Thái độ:

* + - * Biết hạn chế mắc lỗi dùng từ khi nói và viết.
      * Có ý thức giữ gìn sự trong sáng và giàu đẹp của tiếng Việt.

## Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: tự học, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, hợp tác, sáng tạo
  + Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, SGK , bảng phụ, tài liệu tham khảo.
2. **Học sinh:** Học bài cũ và chuẩn bị bài mới

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

1. **Phương pháp:** vấn đáp, trực quan, hoạt động nhóm, phân tích mẫu, luyện tập thực hành
2. **Kĩ thuật:** thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, động não

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định tổ chức**
   * **Kiểm tra 15 phút**

**Đề bài:**

Câu 1: Hãy nêu khái niệm nghĩa gốc và nghĩa chuyển. Câu 2: Cho các câu sau:

1. Mẹ mới mua cho em một cái bàn rất đẹp.
2. Chúng em bàn nhau sẽ đến thăm nhà bạn Hoa.
3. Giải thích nghĩa của từ bàn trong từng trường hợp.
4. Các cách dùng từ *bàn* ở 2 câu trên có phải hiện tượng chuyển nghĩa của từ không? Vì sao?

Câu 1 (3đ):

## Đáp án – biểu điểm:

* + Nghĩa gốc: là nghĩa xuất hiện từ đầu, làm cơ sở để hình thành các nghĩa khác.
  + Nghĩa chuyển: là nghĩa được hình thành trên cơ sở của nghĩa gốc. Câu 2 (7đ):

1. Giải nghĩa (4đ)
   * Bàn(1): đồ dùng có mặt phẳng và chân, làm bằng vật liệu cứng để bày đồ đạc, thức ăn,…
   * Bàn (2): Trao đổi ý kiến với nhau về việc gì đó.
2. (3đ) 2 từ bàn trong 2 câu trên có nghĩa hoàn toàn khác nhau, không liên quan đến nhau nên đây không phải là hiện tượng chuyển nghĩa của từ.

## Vào bài mới:

* + GV lấy ví dụ về lỗi lặp từ.

? Diễn đạt như câu trên có gì chưa được?

* + HS phát biểu ý kiến. GV dẫn vào bài mới.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Tìm hiểu lỗi lặp từ:  - GV treo bảng phụ đã viết sẵn VD  *\* GV tổ chức thảo luận nhóm: Nhóm 1, 2, 3:*  + Tìm từ giống nhau trong đoạn văn a.  + Việc lặp lại những từ giống nhau này nhằm mục đích gì?  *Nhóm 4, 5, 6:*  + Xác định từ được lặp lại nhiều lần | 1. **Lặp từ:**    1. **Ví dụ: SGK – Trang 68**   **- Đoạn a:** Lặp từ *tre* (7 lần), *giữ* (4 lần), *anh hùng* (2 lần).   * Mục đích: Nhấn mạnh ý, tạo nhịp điệu hài hoà cho đoạn văn xuôi. * **Đoạn b:** lặp cụm từ *truyện dân gian* 2 lần   -> Lặp từ làm cho câu văn rườm rà, dài dòng |

trong VD b.

+ Việc lặp lại từ này khiến cho câu văn ntn? Nguyên nhân?

* Các nhóm thảo luận 3 phút.
* Đại diện nhóm 2,4 báo cáo, các nhóm còn lại nhận xét, bổ sung.
* GV nx, chốt.
* *GV tổ chức thảo luận cặp đôi:*

+ Nguyên nhân mắc lỗi lặp từ là do đâu?

+ Vậy nên sửa câu này như thế nào? HS thảo luận, phát biểu, nx, bổ sung. GV chốt.

? Từ đây em thấy muốn khắc phục các lỗi lặp từ ta cần làm ntn?

GV giảng.

* HS đọc ghi nhớ sgk

## HĐ 2: Tìm hiểu lỗi lẫn lộn giữa các từ gần âm:

* GV treo bảng phụ ví dụ a, b. HS đọc.
* *GV tổ chức thảo luận nhóm 4:*

Câu hỏi:

+ Trong VD a và b em thấy từ ngữ nào người viết đã dùng không đúng? Vì sao?

+ Nguyên nhân nào khiến người viết dùng sai từ?

+ Em sẽ sửa như thế nào?

HS các nhóm thảo luận, báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung. GV chốt.

-> lỗi lặp từ

+ Nguyên nhân mắc lỗi:

. Do người viết diễn đạt kém

. Do vốn từ ít, dùng từ thiếu lựa chọn, dùng từ máy móc, khuôn mẫu

## + Sửa lại:

. Bỏ cụm từ "truyện dân gian" Thứ 2.

. Đảo cấu trúc: *Em thích đọc truyện dân gian vì có nhiều chi tiết tưởng tượng, kì ảo*.

## (\*) Khắc phục lỗi lặp từ: trau dồi, mở rộng vốn từ; cân nhắc kĩ trước khi dùng từ; rèn luyện diễn đạt thường xuyên.

**2, Ghi nhớ - SGK**

**II. Lẫn lộn các từ gần âm:**

**1. Ví dụ: SGK - 68:**

* VD a:
* Từ *thăm quan* dùng không đúng (không có trong từ điển TV chỉ có *thăm hỏi, thăm viếng, thăm dò*)
* VD b:
* Từ *nhấp nháy* dùng không đúng
* Nhấp nháy: mắt nhắm rồi lại mở ra liên tiếp
* Nguyên nhân: Không nhớ chính xác hình thức ngữ âm của từ -> lẫn lộn với các từ gần âm.

+ Tham quan: xem thấy tận mắt để mở rộng hiểu biết, học tập kinh nghiệm.

+ Mấp máy: cử động nhẹ và liên tiếp

* Cách chữa:

+ Thay từ thăm quan bằng từ tham quan.

+ Thay từ nhấp nháy bằng từ mấp máy.

## Hoạt động luyện tập:

* HS xđ yêu cầu bài tập 1: lược bỏ từ ngữ trùng lặp.
* GV tổ chức thảo luận nhóm:
* 6 nhóm thảo luận 3p.
* Đại diện nhóm 5 trả lời, các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
* GV chốt kt.

Bài 2: xác định nguyên nhân sai và thay thể từ dùng sai trong các câu?

HS làm việc cá nhân, sau đó thảo luận cặp đôi-> đại diện phát biểu -> nx.

GV chốt.

## II. Luyện tập:

Bài 1: Lược bỏ từ ngữ trùng lặp:

1. Bỏ các từ: bạn. ai, cũng rất, lấy, làm bạn, Lan

Chữa lại: “Lan là một lớp trưởng gương mẫu nên cả lớp đều rất quí mến.”

1. - Bỏ "câu chuyện ấy"

- Thay:

+ Câu chuyện này = câu chuyện ấy

+ Những nhân vật ấy = họ

+ Những nhân vật = những người.

* Sửa lại: “Sau khi nghe cô giáo kể, chúng tôi ai cũng thích những nvật trong câu chuyện ấy vì họ là những người có phẩm chất tốt đẹp.”

1. Bỏ từ *lớn lên* vì lặp nghĩa với từ trưởng thành.

Quá trình vượt núi cao cũng là quá trình con người trưởng thành.

Bài 2:

1. Thay từ *linh động* bằng từ *sinh động*.

* Nguyên nhân: Lẫn lộn các từ gần âm, nhớ không chính xác hình thức ngữ âm của từ.
* Phân biệt nghiã:

+ Sinh động: Gợi ra hình ảnh, cảm xúc, liên tưởng.

+ Linh động: không rập khuôn máy móc các nguyên tắc.

1. Thay thế từ bàng quang bằng từ bàng quan.

* Nguyên nhân: Nhớ không chính xác hình thức ngữ âm
* Phân biệt nghĩa:

+ Bàng quang: bọng chứa nước tiểu

+ Bàng quan: dửng dưng, thờ ơ như người ngoài cuộc.

1. Thay từ thủ tục bằng từ hủ tục

* Nguyên nhân: Nhớ không chính xác hình thức ngữ âm
* Phân biệt nghĩa:

+ Thủ tục: những việc phải làm theo qui định

+ Hủ tục: phong tục đã lỗi thời.

## Hoạt động vận dụng:

* Lập bảng thống kê các từ ngữ mà em, bạn bè, người thân thường xuyên dùng nhầm lẫn theo mẫu sau:

|  |  |
| --- | --- |
| Từ dùng nhầm lẫn | Sửa lại |
| Ví dụ: bàng quang | Bàng quan |

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Đọc thêm các bài viết về lỗi dùng từ trong các sách tham khảo, báo chí.
* Hoàn thiện các bài tập trong SGK.
* Chuẩn bị bài: Chữa lỗi dung từ (tiếp)

## Tuần 7

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết: 25 - TLV

* 1. **MỤC TIÊU**

**TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 1**

* + 1. **Kiến thức:** Vận dụng những kiến thức về văn tự sự để tìm hiểu: yêu cầu, giới hạn của đề, dàn bài bài văn tự sự để đối chiếu với bài làm của mình từ đó nhận thấy điểm đạt, chưa đạt để biết cách phát huy- khắc phục.
    2. **Kỹ năng:** Rèn cách sửa lỗi sai và kĩ năng sử dụng từ, chính tả....cho đúng.
    3. **Thái độ:** Có ý thức tự rèn luyện, sửa chữa lỗi trong bài làm của mình.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: tự học, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, đánh giá
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, chấm bài kiểm tra
2. **Học sinh:** Nhớ lại phần bài viết đã làm trên lớp

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

1. **Phương pháp:** vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, trực quan
2. **Kĩ thuật:** đặt câu hỏi, chia nhóm, giao nhiệm vụ.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Vào bài mới:**
* Sau giờ viết bài TLV số 1, em rút ra được kinh nghiệm gì cho mình trong việc làm bài kiểm tra và việc viết văn tự sự?
* HS phát biểu.
* GV dẫn vào bài mới.

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu yêu cầu của đề**   * HS nhắc lại đề bài * GV chiếu đề bài (slile 1)   \* GV tổ chức thảo luận nhóm cặp đôi:  **? Em hãy nêu đáp án câu 1 và 2 trong đề kiểm tra?**   * HS tiến hành làm việc cá nhân, thảo luận theo cặp, thống nhất ý kiến, ghi đáp án vào giấy nháp. * Các nhóm báo cáo, nx chéo. * GV nhận xét, chốt.   \* GV chia nhóm, tổ chức thảo luận nhóm lớn:  **? Với đề bài TLV ở câu 3, các em cần đảm bảo những yêu cầu gì về hình thức, kĩ năng và nội dung?**   * HS hđ cá nhân, tiến hành thảo luận. * Đại diện nhóm 2 báo cáo. Các nhóm khác bổ sung, nhận xét. * GV chốt đáp án (Slite 2) | I. Tìm hiểu yêu cầu của đề:  \* Đề bài:  **Câu 1( 1đ)** : Tự sự là gì?  **Câu 2 (2đ):** Chủ đề của truyện truyền thuyết “Con Rồng, cháu Tiên” ?  **Câu 3.** Hãy kể lại truyền thuyết “Thánh Gióng” bằng lời văn của em.  **\* Yêu cầu của đề:**  **Câu 1:** Tự sự là phương thức trình bày một chuỗi các sự việc, sự việc này dẫn đến sự việc kia, cuối cùng dẫn đến một kết thúc, thể hiện một ý nghĩa.  **Câu 2:** Chủ đề của truyện “Con Rồng, cháu  Tiên”: Truyện nhằm giải thích, suy tôn nguồn gốc giống nòi và thể hiện ý nguyện đoàn kết, thống nhất cộng đồng của người Việt.  **Câu 3:** Yêu cầu:  **\* Hình thức :**  + Trình bày sạch sẽ, khoa học.  + Chữ viết rõ ràng, sạch đẹp.  + Viết đầy đủ bố cục 3 phần : MB, TB, KB.  **\* Nội dung**: đảm bảo các nội dung sau   * Mở bài: giới thiệu khái quát văn bản “TG” * Thân bài: đảm bảo kể được các sự việc chính, theo trật tự diễn biến truyện:   + Sự ra đời và tuổi thơ kì lạ của Gióng  + Gióng gặp sứ giả đòi đánh giặc  + Gióng lớn nhanh như thổi, cả làng góp gạo nuôi Gióng  + Giặc đến, Gióng nhận áo giap, vươn vai biến thành tráng sĩ  + Gióng đánh tan giặc và về trời  - Kết bài:  + những dấu tích còn lại  + Nêu ý nghĩa truyện  **\* Kĩ năng**:  - Vận dụng tốt các kiến thức đã học về văn tự sự để kể lại câu chuyện “ Sơn Tinh, Thủy Tinh” bằng lời văn của mình. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | * Viết đúng thể loại : văn t * Chọn đúng ngôi kể. * Sử dụng từ ngữ chính x chính tả, lời văn trong sáng | | ự sự.  ác, không mắc l  , diễn đạt lưu loát. | ỗi |
| **HĐ 3: Nhận xét bài làm của HS:**  ? Qua tìm hiểu đề, em hãy nhớ lại bài làm của mình, tự nhận xét ưu nhược điểm?   * HS phát biểu. * GV nhận xét ưu điểm, nhược điểm của HS trong bài kiểm tra.   GV lưu ý: cách tách đoạn văn. Mỗi đoạn văn phải diễn đạt 1 ý trọn vẹn về nội dung.  **HĐ 4: Trả bài:**   * GV trả bài cho HS. * HS xem lại bài KT, đọc lời phê   **HĐ 5: Chữa lỗi.** |  | Nhận xét:  * 1. **Ưu điểm:** * Câu 1 và 2 đa số hs làm khá tốt. * Đa số HS biết cách làm bài văn tự sự kể lại 1 câu chuyện dân gian đã học. Biết cách xây dựng các chuỗi sự việc và nhân vật trong truyện, đảm bảo tôn trọng cốt truyện. * Các bài văn có bố cục rõ ràng, mạch lạc, gồm 3 phần: Mở bài, thân bài, kết bài. * Nhiều bài kể hành văn trôi chảy,có sự sáng tạo trong cách kể, trình bày sạch sẽ, chữ đẹp. * VD: 6A: Ngọc, Linh, Yến, Mai...   6A: Phương Anh, An, Việt, Minh.  **2. Nhược điểm:**   * Chưa biết phân bố thời gian cho hợp lí với dung lượng kiến thức của từng câu nên còn có bài bỏ sót câu hỏi 1 hoặc 2. (Luân, Dương, Nguyễn Linh, Tuấn, Quảng,…) * Nhiều bài kể lại truyện y như vb truyện trong sgk, thiếu sáng tạo trong diễn đạt (Hải Anh, Tú, Đức, Chung,…) * Một số bài còn bỏ sót sự việc chính trong truyện, bài viết sơ sài (Huy, Duy, Hương, …) * Nhiều bài viết mắc lỗi diễn đạt, lỗi ngữ pháp. * Hầu như bài nào cũng sai lỗi chính tả. Một số bạn sai lỗi chính tả rất nhiều: Đạt, Loan, Thắng * Chữ viết nhiều bạn xấu, khó đọc: Mạnh, Chung, Thái,…  Trả bài.  1. **Chữa lỗi:**   \* Lỗi chính tả | | | |
| ? Căn cứ vào đáp án đã cho, đọc kĩ bài |  | STT | Lỗi chính tả | Sửa lỗi |  |
|  |  |  |  |  |  |
| làm và sửa những lỗi sai mà bài viết đã |  | 1. | Lước lũ | Nước lũ |  |
|  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| mắc phải?   * HS trao đổi bài cho nhau, nxét kiểm tra việc sửa lỗi lẫn nhau. * GV treo bảng phụ, yêu cầu HS lên   bảng sửa lỗi điển hình.  **HĐ 6: Đọc bài văn hay:**   * 2 HS có bài làm tốt đọc bài. * GV – HS trao đổi, bình 1 số bài văn đạt điểm cao, có ý tưởng mới lạ và diễn đạt mạch lạc. |  | 2  3  4  5  6  7 | sơn tinh người trồng Câu truyện Nổi dận Xính lễ  Trế ngự | Sơn Tinh Người chồng Câu chuyện Nổi giận Sính lễ  Chế ngự |  |
| * Lỗi diễn đạt   STT Lỗi diễn đạt Sửa lỗi   * 1. Nhìn trận mưa, em Nhìn trận mưa, lại nhớ đến 1 câu em lại nhớ đến 1 chuyện rất hay giải truyền thuyết rất thích về hiện tượng hay giải thích về mưa… hiện tượng lũ lụt   hàng năm…   1. Nước da nàng trắng Nước da nàng như quả trứng gà trắng như trứng   gà bóc…  Hai người đều là Hai người đều   1. người giỏi, có sức có tài, sức mạnh mạnh khác thường phi thường   **V. Đọc bài văn hay:**  6A: Ngọc, Linh  6B: Phương Anh, Việt | | | | |

## Hoạt động vận dụng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  |  |
|  |  |  |

* HS trong tổ chia sẻ bài mình cho bạn đọc, nhận xét chéo.
* Tổ nhóm rút ra kết luận về những yêu cầu khi làm bài kiểm tra, về cách làm bài văn tự sự kể lại truyện bằng lời văn của mình.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng;

* Tìm đọc các bài văn hay kể lại các truyện truyền thuyết.
* Chuẩn bị bài: Em bé thông minh: đọc văn bản, tìm hiểu chú thích, chia bố cục cho vb, tóm tắt vb, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài.

## Tuần 7

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 26 – Văn bản

**EM BÉ THÔNG MINH**

* 1. **MỤC TIÊU:** qua bài học, hs cần:

## Kiến thức:

* + - * HS biết:

+ Đặc điểm của truyện cổ tích qua nhân vật, sự việc, cốt truyện ở “Em bé thông minh”.

+ Cấu tạo xâu chuỗi nhiều mẩu chuyện về những thử thách mà nhân vật đã vượt qua trong truyện cổ tích sinh hoạt.

* + - * HS hiểu được tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên nhưng không kém phần sâu sắc trong 1 truyện cổ tích và khát vọng về sự công bằng của nhân dân lao động.

## Kĩ năng:

* + - * HS đọc – hiểu văn bản truyện cổ tích theo đặc trưng thể loại.
      * HS trình bày được những suy nghĩ, tình cảm về 1 nhân vật thông minh.
      * HS kể lại được một câu chuyện cổ tích.

## Thái độ:

* + - * Thêm yêu thích thể loại truyện cổ tích.

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, tài liệu tham khảo
2. **Học sinh:** Học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* **Phương pháp:** vấn đáp, hoạt động nhóm, giảng bình, nêu và giải quyết vấn đề,
* **Kĩ thuật:** đặt câu hỏi, chia nhóm, giao nhiệm vụ, thảo luận nhóm,...

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ : (4 phút)**
* Kể lại phần diễn biến của truyện “Thạch Sanh” bằng cách tóm tắt thành một chuỗi sự việc chính?
* Chi tiết tiếng đàn và niêu cơm thần kì có ý nghĩa gì?

## Vào bài mới:

* Em hãy kể tên 1 số truyện cổ tích kể về mô tip nhân vật thông minh mà em biết?
* Điểm chung về nội dung của những truyện này?
* GV dẫn vào bài: Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam và thế giới có một chuỗi các truyện rất lí thú: truyện về các nhân vật tài giỏi, thông minh. Trí tuệ dân gian Việt Nam sắc sảo và vui hài ở đây được tập trung vào việc vượt qua những thử thách của tư duy, đặt và giải nhiều câu đố oái oăm, hóc hiểm trong những tình huống phức tạp, tạo nên tiếng cười, sự hứng thú, khâm phục của người nghe. “*Em bé thông minh*” là một trong những truyện thuộc loại ấy.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung:** | 1. **Đọc và tìm hiểu chung:**    1. **Đọc, kế tóm tắt, hiểu chú thích** |

? Em sẽ đọc truyện này với giọng ntn? GV hướng dẫn đọc: giọng đọc

? Yêu cầu HS tóm tắt truyện bằng cách liệt kê các sự việc chính

* Yêu cầu HS nắm được nội dung của các chú thích trong văn bản.

+ Dinh thự: Nhà cao, cửa rộng (lâu đài) nơi ở quan lại quý tộc.

+ Hoàng cung: Nhà ở của gia đình vua

+ Đại thần: Quan lớn

+ Vô hiệu: Không có tác dụng

+ Kiến càng: Kiến có càng to lớn khác thường, kiến chúa.

\* GV tổ chức thảo luận cặp đôi:

*? Hãy xác định thể loại và phương thức biểu đạt và bố cục của văn bản ?*

*? Cho biết nhân vật chính trong truyện?*

*? Theo em, truyện cổ tích “EBTM” thuộc tuýp truyện kể về kiểu nhân vật nào?*

HS thảo luận, trình bày. GV chốt.

GV: EBTM là truyện cổ tích sinh hoạt kể về nv thông minh – 1 kiểu nv phổ biến trong truyện CT VN và TG. Truyện đc rút từ tập “Truyện cổ dân gian VN” của Nguyễn Đổng Chi.

* Vua sai cận thần đi tìm người tài giỏi giúp nước.
* Cận thần gặp hai cha con đang cày ruộng, hỏi câu hỏi oái oăm. Cậu bé đã trả lời bằng một câu đố lại.
* Quan về tâu vua, vua tiếp tục ra câu đố dưới hình thức lệnh vua ban. Em bé đã tìm cách đối diện vua và giải được câu đố.
* Vua quyết định thử tài em bé lần 3 bằng cách đưa một con chim sẻ bắt dọn thành 3 cỗ thức ăn. Em bé giải đó bằng cách đố lại.
* Nước láng giềng muốn xâm chiếm bờ cõi, bèn rò la tìm người tài bằng một câu đố. Vua quan đều không giải được phải nhờ đến em bé mới giải được.
* Em bé được phong là trạng nguyên.

## Tìm hiểu chung văn bản:

* Thể loại: Truyện cổ tích
* Phương thức biểu đạt: Tự sự
* NV chính: em bé thông minh

(Mô típ nhân vật thông minh, tài giỏi)

* Bố cục: 3 phần
* Phần 1: Từ đầu.... “ thật lỗi lạc” –Mở truyện: Giới thiệu việc tìm người tài của nhà vua

Phần 2: Tiếp đến....... “sứ giả nước láng giềng”- Thân truyện: Sự thông minh, mưu trí của em bé qua 4 lần thử thách

Phần 3: Còn lại- Kết truyện: Em bé trở thành trạng nguyên

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:  ? Để tìm người tài giỏi, viên quan để làm cách nào?  ? Qua sự việc đó, em nhận xét như thế nào về viên quan và vua?  ? Em có biết thêm truyện cổ tích nào của VN cũng có dùng hình thức câu đố để thử tài nhân vật?  ? Hình thức dùng câu đố để thử tài có phổ biến trong truyện cổ tích không? Tác dụng?  GV bổ sung, nâng cao về đặc trưng kiểu nhân vật trong loại truyện CT sinh hoạt: *Không như tài lạ của kiểu nhân vật kì tài trong cổ tích thần kì, mang yếu tố phi thường, tài trí của nhân vật ở đây là sự thông minh, mưu trí, tiêu biểu cho trí khôn dân gian và gần gũi và gần gũi với kinh nghiệm sống thông thường.. Tài trí ấy gắn với cuộc sống thường nhật...* |  | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **1. Mở truyện**   * Vua tìm người tài giỏi giúp nước * Quan: Đi khắp nơi để tìm, ra câu đố oái oăm   Viên quan tận tuỵ, vua anh minh, tin tưởng vào tài năng của nhân dân.  =>Tạo tình huống hấp dẫn cho truyện, Gây hứng thú cho người đọc; Để nhân vật bộc lộ tài năng. |
|  | ? Sự mưu trí thông minh của em bé được thử thách qua mấy lần?  HS: Thử thách qua 4 lần: câu đố của viên quan, của nhà vua 2 lần, của sứ giả nước láng giềng.  \* GV tổ chức thảo luận nhóm:  **Hoàn thiện PHT để tìm hiểu sự việc em bé giải câu đố của viên quan**:  Em bé giải câu đố của viên quan Hoàn cảnh  Nội dung câu đố Phản ứng của cha Phản ứng của em bé Em bé giải đố  Thái độ của quan |  | - **Thân truyện: Những lần giải đố của em bé**  ***a. Em bé giải câu đố của viên quan***   * Hoàn cảnh: hai cha con đang cày ruộng * Câu đố của quan: *Trâu của lão cày một ngày được mấy đường?*   *-> bất ngờ, hóc búa, oái oăm*   * Người cha: đứng ngẩn ra chưa biết trả lời thế nào * Em bé giải đố: Hỏi vặn lại viên quan “Ngựa của ông đi 1 ngày đc mấy bước?” * Thái độ của viên quan: *bất ngờ, sửng sốt* |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Nhân xét cách giải đố của em bé |  |  | + NT: tình huống bất ngờ, lí thú  Cách giải đố thông minh, nhanh chóng, bất ngờ, lí thú, đẩy thế bị động sang phía người ra câu đố  Lần thử thách thứ nhất – cuộc đối đáp trên đồng ruộng vừa giới thiệu chân dung nhân vật, vừa là chi tiết mở đầu khai thông cho truyện phát triển. |
| * HS các nhóm tiến hành thảo luận. * Các nhóm báo cáo kết quả, nx chéo. * GV nx, chốt.   GV giảng: *Câu hỏi của viên quan đột ngột và học búa. Nhưng trong khi “người cha đứng ngẩn người ra chưa biết trả lời thế nào” thì đứa con đã “nhanh miệng hỏi vặn lại quan”. Em bé đã phản ứng nhanh nhạy, và tài trí ngay tức thì dồn viên quan vào thế bí. Trước câu hỏi hóc búa em không có sự chuẩn bị nhưng trí khôn dân gian cùng ngón đòn “gậy ông đập lưng ông” đã giúp em thay đổi tình thế, đánh bại đối thủ .*  *Có thể nói, ngay lần thử thách đầu tiên, chân dung nhân vật đã được thể hiện thật rõ bằng nét thần đồng thật đẹp, thật hấp dẫn và thật thú vị.*  ? Hãy cho biết, cuộc đối đáp trên đồng ruộng giữa em bé và viên quan có vai trò gì đối với toàn bộ câu chuyện?  - HS thảo luận cặp đôi -> trả lời  GV liên hệ: đọc phần đầu của câu chuyện, tưởng tượng ra không gian bát ngát, lộng gió của đồng lúa quê hương, ta bỗng nhìn thấy dáng dấp 1 chú bé con đang cày trên thửa ruộng. Chợt tự vấn, tại sao tg dân gian ko xây dựng cuộc gặp gỡ ban đầu này ở 1 nơi nào khác mà lại là giữa cánh đồng? Đến đây, chợt nhớ tới những bài ca dao đối đáp dân gian của VN:  “Ở đâu năm cửa chàng ơi  Sông nào sáu khúc nước chảy xuôi một dòng  Sông nào bên đục bên trong  Núi nào thắt cổ bồng mà có thánh sinh Đền nào thiêng nhất xứ Thanh  Ở trên tỉnh Lạng có thành tiên xây | | | |

## Hoạt động luyện tập:

* HS kể tóm tắt truyện.

? Phần đầu của truyện cho em hiểu được điều gì về vẻ đẹp tài trí của nhân vật em bé thông minh qua thử thách đầu tiên?

* HS nêu cảm nhận ban đầu về nhân vật.

## Hoạt động vận dụng:

* Mỗi nhóm tập diễn lại hoạt cảnh cho tình huống em bé giải câu đố của viên quan.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc thêm các câu chuyện cổ tích khác theo mô tip kể về nv thông minh.
* Nắm chắc nội dung phân tích bài trong tiết học.
* Tiếp tục soạn bài “Em bé thông minh” (tiếp): phân tích phần 2 và 3 của truyện, tập trung phân tích những lần giải đố tiếp theo của em bé thông minh.

## Tuần 7

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 26 – Văn bản

**EM BÉ THÔNG MINH**

* 1. **MỤC TIÊU:** qua bài học, hs cần:

## Kiến thức:

* + - * HS biết:

+ Đặc điểm của truyện cổ tích qua nhân vật, sự việc, cốt truyện ở “Em bé thông minh”.

+ Cấu tạo xâu chuỗi nhiều mẩu chuyện về những thử thách mà nhân vật đã vượt qua trong truyện cổ tích sinh hoạt.

* + - * HS hiểu được tiếng cười vui vẻ, hồn nhiên nhưng không kém phần sâu sắc trong 1 truyện cổ tích và khát vọng về sự công bằng của nhân dân lao động.

## Kĩ năng:

* + - * HS đọc – hiểu văn bản truyện cổ tích theo đặc trưng thể loại.
        + HS trình bày được những suy nghĩ, tình cảm về 1 nhân vật thông minh.
        + HS kể lại được một câu chuyện cổ tích.

## Thái độ:

* + - * Thêm yêu thích thể loại truyện cổ tích.
      * Khâm phục và noi gương những em bé nhỏ tuổi mà tài trí, thông minh.

## Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: tự học, giao tiếp, hợp tác, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ
  + Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, tranh ảnh minh họa…
2. **Học sinh:** Học bài cũ và chuẩn bị bài mới.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

1. **Phương pháp:** vấn đáp, hoạt động nhóm, đặt và giải quyết vấn đề, phân tích, bình giảng
2. **Kĩ thuật:** đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, thảo luận nhóm, chia nhóm, mảnh ghép

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức**
* **Kiểm tra bài cũ : (4 phút)**
  + Kể diễn cảm lại truyện “Em bé thông minh”.
  + Trong lần thử thách thứ nhất, trí tuệ của em bé được thể hiện ntn?

## \*Vào bài mới:

* + HS diễn lại hoạt cảnh đã tập ở nhà về tình huống đầu của truyện.

? Em có dự đoán gì về độ khó của câu đố và cách xử lí của em bé trong các tình huống sau?

* + HS chia sẻ. GV dẫn vào bài mới.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu phần thân**  **truyện:**  \* GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép:  **\* Vòng 1: vòng chuyên gia: Hoàn thiện PHT để tìm hiểu sự việc em bé giải câu đố:**  - Nhóm 1, 2: giải câu đố của vua lần thứ nhất  **-** Nhóm 3, 4: giải câu đố của vua lần thứ hai  - Nhóm 5, 6: giải câu đố của sứ thần | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **2. Thân truyện**  ***b. Em bé giải câu đố của nhà vua lần thứ nhất***  Em bé giải câu đố của vua  Nội dung, tính - Vua ban ba con trâu đực, ba chất của câu đố thúng gạo nếp -> phải đẻ thành ba  con  -> câu đố phi lí, trái với qui luật tự nhiên.  Phản ứng của ai nấy đều tưng hửng và lo lắng... những người họp làng... không giải được  xung quanh  Cách giải đố Ung dung, lẻn vào sân rồng khóc |

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Em bé giải câu đố của vua (lần 1, lần 2) hoặc của sứ thần | |  | của em bé | vì cha không đẻ em bé -> đối diện với vua, đưa vua vào bẫy, để vua tự nói ra sự vô lí. -> sd kế gậy ông đập lưng ông |  |
|  | Nội dung,  tính chất của câu đố |  |
| Phẩm chất của em bé | Tự tin, thông minh, mưu trí, biện luận đầy thuyết phục. |
|  | Phản ứng  của những người xung quanh |  |
| 1. ***Em bé giải câu đố của nhà vua lần thứ hai***   Em bé giải câu đố của vua lần 2  Nội dung, tính Một con chim sẻ dọn thành ba cỗ chất của câu đố thức ăn  -> oái oăm, phi lí Phản ứng của Ko giải được những người  xung quanh  Cách giải đố của đưa 1 chiếc kim khâu để rèn em bé thành một con dao  -> giải đố bằng cách đố lại.  Phẩm chất của tài trí, bản lĩnh, Cả hai câu đố em bé đều khó như nhau   1. ***em bé giải câu đố của sứ thần***   Em bé giải câu đố của sứ thần Nội dung, tính - Xâu chỉ qua vỏ ốc vặn.  chất của câu đố - Là câu đố khó, tính chất  nghiêm trọng, liên quan đến vận mệnh quốc gia.  Phản ứng của - Vua lúng túng, lo lắng. những người - Triều định bó tay  xung quanh  Cách giải đố của vừa chơi vừa hát một khúc hát em bé đồng dao để giải đố -> dùng mẹo  dân gian bắt kiến xỏ chỉ  Phẩm chất của Hồn nhiên, thông minh, tài trí em bé  - Điểm chung: đều dùng kế sách “gậy ông đập lưng ông”, đẩy thế khó về cho đối phương -> đều thể hiện sự thông mình, tài trí của cậu bé. | | | |
|  | Cách giải đố của em bé |  |
|  | Phẩm chất của em bé được thể  hiện qua tình huống |  |
| - HS các nhóm tiến hành thảo luận: làm việc cá nhân, trao đổi thảo luận và kết luận, hoàn thiện PHT cá nhân.  **\* Vòng 2: vòng mảnh ghép:**   * HS thành lập nhóm mảnh ghép. * Các nhóm trao đổi, chia sẻ thông tin, hoàn thiện PHT lớn (kq TL của cả 3 nhóm chuyên gia) * Các nhóm thảo luận nội dung mới, viết kq vào PHT lớn:   *? Cho biết điểm chung thú vị của cả 3 lần giải đố đầu tiên của em bé?* | | |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *? Nghệ thuật được sử dụng trong phần thân truyện?*  *? Hình ảnh em bé thông minh trong câu chuyện là tiêu biểu cho ai?*   * Các nhóm tiến hành thảo luận, báo cáo, nhận xét chéo, bổ sung, treo PHT lớn vào góc học tập của mình. * GV nx, chốt kt. | ***+*** NT: tăng tiến, đối lập (cha – con, dân làng – cậu bé,...); xây dựng các sự vật gần gũi, quen thuộc (đường cày, trâu, gạo nếp, chim sẻ, ốc vặn,...)  **Em bé thông minh là tiêu biểu cho tài trí của nhân dân lao động VN** | |
| GV bình giảng: trong khi các đại thần đều vò đầu suy nghĩ, bao nhiêu ông trạng và các nhà thông thái đc triệu vào đều lắc đầu bó tay thì chính em – 1 em bé con nhà thợ cày đã giải đc bài toán hóc búa cho cả quốc gia 1 cách thật là nhẹ nhàng, thoái mái như ko hề phải suy nghĩ (giải đố khi em đang đùa nghịch sau nhà = câu hát dân gian hóm hỉnh). Nó chính là những kinh nghiệm sống, những “miếng võ dân gian” giúp cho người lđ vượt qua khó khăn. Tài trí ấy bật ra từ chính cs lam lũ đời thường.  ? Tại sao trong lần thử thách cuối cùng, tác giả dân gian ko xây dựng câu chuyện cho em bé thông minh đc mời vào triều đình để giải đố mà lại cho em giải đố khi đang chơi ở sau nhà?  - *Không gian trong câu chuyện đã nhiều lần thay đổi. Các tác giả dân gian đã để nv của mình có mặt ở khắp nơi, đặt nhân vật vào mọi tình huống để nv bộc lộ hết tài trí của mình. Trí thông minh đã đưa em đi từ cánh đồng làng đến sân rồng giữa triều đình, đến nhà công quán và cuối cùng là lại trở về quê nhà để giải câu đố quan trọng nhất -> trả em về lại với nơi đã vun đắp nên tài trí cho em – là quê nhà, là thôn quê, là nơi tuổi thơ em được trải nghiệm cuộc sống, gắn bó với lao động, với đường cày.*  *GV bình: Như vậy, qua 4 lần thử sức cũng là 4 tình huống đầy thử thách tài trí của em bé đã bộc lộ sáng ngời , vượt qua tất cả và đã chiến thắng tất cả. Đó là trí khôn dân gian chung đúc trong 1 con người để làm nên nhân vật tài trí trong cổ tích. Qua đó, các tác giả dân gian đã đề cao tài trí của người lao động trong cuộc sống . Đó là 1 quan niệm đúng đắn, 1 tư tưởng tiến bộ của người xưa: đề cao tài trí của người lao động cũng tức là đề cao người lao động .* | |  |

## HĐ 2: tìm hiểu phần kết truyện:

? Truyện kết thúc như thế nào?

? Em có nhận xét gì về kết cục câu truyện?

? Kết cục truyện có ý nghĩa ntn (thể hiện truyền thống gì của dân tộc ta?)

GV chôt.

## HĐ 3: Tổng kết bài học:

? Hãy khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của truyện ? HS khái quát

GV nhận xét và chuẩn kiến thức .

## Hoạt động luyện tập:

* HS vẽ sơ đồ về 4 lần giải đố của em bé.
* Em thích lần giaỉ đổ nào của em bé thông minh? Vì sao?

## Hoạt động vận dụng:

**3, Kết truyện:**

* Em bé được phong làm trạng nguyên, được ở gần vua -> Phần thưởng xứng đáng

Thể hiện truyền thống coi trọng nhân tài của dân tộc ta

## III. Tổng kết:

1. **Nghệ thuật:**

* Xây dựng tình huống truyện hấp dẫn
* Dẫn dắt truyện tự nhiên, bất ngờ
* Xây dựng nhân vật mang tính lí tưởng.
* NT tăng cấp

## Nội dung:

### *Ghi nhớ: SGK-trang 74*

* Dựa vào nội dung câu chuyện, vẽ những bức tranh về các tình huống trong truyện, chia sẻ cho bạn bè xem. Nếu có thể hãy dùng tranh để làm thành cuốn truyện “Em bé thông minh”, viết lời cho truyện dưới mỗi bức tranh.

## 5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* HS đọc “Chuyện Lương Thế Vinh” (SGK-trang 74, 75)
* Hoàn thiện bài tập vẽ sơ đồ.
* Nắm chắc nội dung, ý nghĩa truyện.
* Kể diễn cảm truyện.
* Soạn: Chữa lỗi dùng từ

(Đọc bài, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài)

## Tuần 7

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 27 – Văn bản

1. **MỤC TIÊU**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

**CHỮA LỖI DÙNG TỪ (tiếp)**

* + - HS nhận ra được những lỗi thông thường về nghĩa của từ.
    - HS biết cách chữa lỗi dùng từ.

## Kĩ năng:

* + - HS phát hiện và chữa được lỗi dùng từ.
    - HS chữa lỗi dùng từ khi diễn đạt.

## Thái độ:

* + - HS có ý thức dùng từ đúng nghĩa.
    - HS giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

## Định hướng năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: năng lực tự học, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, năng lực giao tiếp, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** giáo án, bảng phụ, phiếu học tập
2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn của GV

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

**1. Phương pháp**: Hoạt động nhóm, dạy học trực quan, luyện tập thực hành, gợi mở-vấn đáp, giải quyết vấn đề, trò chơi

**2, Kĩ thuật**: động não, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

**1. Hoạt động khởi động**

### *Ổn định tổ chức*:

* ***Kiểm tra bài cũ***: GV treo bảng phụ:

1. Tìm lỗi dùng từ trong các câu dưới đây và chỉ rõ người viết đã mắc lỗi gì? Hãy chữa lại cho đúng:
   1. *Khu nhà này thật là hoang mang.*
   2. *Có một số bạn còn bàng quang với lớp.*
   3. *Mùa xuân về, tất cả cảnh vật như chợt bừng tỉnh sau kì ngủ đông dài dằng dẵng.*
2. Hãy chỉ ra chỗ sai trong các câu sau và nêu nguyên nhân. Chữa lại cho đúng.
   1. *Con mèo nhà em rất đẹp nên em rất thích con mèo nhà em.*
   2. *Bạn Hoa là một cán bộ Đội rất tích cực nên cả lớp ai cũng quí mến bạn Hoa.*
   3. *Bài toán này khó quá nên em không thể giải được bài toán này.*

### *Vào bài mới*:

GV: Ngoài các lỗi lặp từ, lẫn lộn giữa các từ gần âm, khi diễn đạt, các em còn hay mắc phải lỗi dùng từ nào nữa?

HS: trao đổi trong nhóm -> phát biểu.

GV: Trong thực tế, khi nói và viết, đôi khi chúng ta còn mắc lỗi dùng từ không đúng nghĩa khiến cho người đọc và người nghe hiểu sai mục đích và nội dung diễn đạt. Vậy làm cách nào để phát hiện và chữa lỗi. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| Các từ dùng sai | Sửa lỗi |
| a. *yếu điểm*: điểm quan trọng | Thay thế từ "yếu điểm" bằng từ "nhược điểm" (điểm còn yếu, kém) |
| b. *đề bạt*: cử giữ chức vụ cao hơn do cấp có thẩm quyền cao  quyết định chứ không phải là do bầu cử. | Thay thế từ "đề bạt" bằng từ "bầu"  (chọn bằng cách bỏ phiếu hoặc biểu quyết để giao cho làm đại diện hoặc giữ 1 chức vụ nào đấy) |
| c. *chứng thực*: Xác nhận là đúng sự thật | Thay thế từ "chứng thực" bằng từ "chứng kiến" (trông thấy tận mắt sự việc nào đó xảy ra) |
| Nghĩa của các từ này không hợp với văn cảnh -> dùng từ ko đúng nghĩa | |

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Dùng từ không đúng nghĩa**   * GV treo bảng phụ đã viết VD * HS đọc các ví dụ. * GV tổ chức thảo luận nhóm: 6 nhóm (2p)   N1,2: Từ sai trong câu văn a là từ nào? Giải thích nghĩa của từ? Sửa lại từ sai trong câu a?  N3,4: Từ sai trong câu văn b là từ nào? Giải thích nghĩa của từ? Sửa lại từ sai trong câu b?  N5,6: Từ sai trong câu văn c là từ nào? Giải thích nghĩa của từ? Sửa lại từ sai trong câu c?  - HS các nhóm thảo luận, trả lời GV chốt.  ? Vì sao dùng các từ đó trong các câu văn trên là sai?  ? Theo em, nguyên nhân nào dẫn tới việc dùng sai các từ trên?  ? Làm thế nào để chúng ta khắc phục những lỗi trên?  *\* GV*: Khi nói, viết phải hiểu đúng nghĩa của từ mới dùng. Muốn hiểu đúng nghĩa của từ thì phải đọc sách báo, tra từ điển và | Dùng từ không đúng nghĩa:  * 1. **Ví dụ: SGK - Tr 75** * Nhận xét:  Nguyên nhân: + Hiểu sai nghĩa của từ  + Không nhớ nghĩa của các yếu tố Hán Việt trong các từ mượn   * 1. **Cách khắc phục:**   + Tra từ điển tiếng Việt  + Chăm chỉ đọc sách  + Tìm hiểu nghĩa của từ trong các mục chú giải (các bài văn bản) |

1. **Hoạt động luyện tập:**
   * HS xác định yêu cầu BT 1: chỉ ra các kết hợp từ đúng
   * HS làm việc cá nhân
   * GV gọi HS lên bảng làm bài.
   * HS nhận xét, bổ sung
   * GV chốt kt
   * HS xđ yêu cầu BT 2
   * HS làm việc cá nhân.
   * HS xđ yêu cầu BT3
   * GV tổ chức thảo luận nhóm cặp đôi làm BT (3p)
   * HS báo cáo -> nx, bổ sung
   * GV nx, chốt kt.
   * GV tổ chức trò chơi tiếp sức:
   * GV chia lớp làm 3 đội
   * Mỗi đội cử 5 bạn xếp thành 1 hàng dọc
   * GV sử dụng từ điển, đọc phần nghĩa của từ
   * HS thay phiên nhau viết các từ có nghĩa như GV đọc.
   * Kết thúc trò chơi, đội nào viết được nhiều từ đúng hơn là đội thắng.
   * GV nx, động viên hs.

## II. Luyện tập:

Bài 1:

* Bản tuyên ngôn
* Tương lai xán lạn
* Bôn ba hải ngoại
* Bức tranh thủy mặc
* Nói năng tùy tiện

Bài 2: Điền từ

1. Khinh khỉnh
2. Khẩn trương
3. Băn khoăn

Bài 3: Chữa lỗi dùng từ

1. Bộ phận (tay, chân) của người thường có sự tương ứng với các hoạt động sau:

* Tống bằng tay tương ứng với một cú đấm
* Tung bằng chân tương ứng với một cú đá
* Câu này có hai cách chữa:

+ Thay cú đá bằng cú đấm, giữ nguyên "tống"

+ Thay "tống" bằng "tung" giữ nguyên "cú đá"

1. Thay *thực thà* bằng *thành khẩn*

* Thay *tinh tú* bằng *tinh hoa* hoặc *tinh tú* bằng *tinh tuý*

## Trò chơi tiếp sức:

* diện và đẹp trai -> bảnh trai
* trạng thái mê man hoàn toàn ko biết gì -> bất tỉnh
* lấy chưa hết, còn lại chút ít -> bỏ sót
* cảm động trc tình cảm tốt đẹp nào đó -> cảm kích
* tỏ lòng biết ơn -> cảm ơn
* đem lòng khâm phục, quyến luyến -> cảm mến
* dám liều chết mà chiến đấu -> cảm tử
* kính trọng, mến mộ trước phẩm chất, tài năng của người khác -> cảm phục
* hết sức thành thật -> chân thành
* ngay thẳng, thật thà -> chân thật

## Hoạt động vận dụng:

* HS về nhà xem lại các bài KT của mình, tìm các lỗi dùng từ trong bài viết, sửa lỗi.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* HS đọc từ điển tiếng Việt thường xuyên.
* HS nắm chắc các lỗi dùng từ thường gặp: lỗi lặp từ, lẫn lộn giữa các từ gần âm, dùng từ không đúng nghĩa.
* HS ôn tập tốt phần văn bản: các vb truyện truyền thuyết và truyện cổ tích đã học: nắm vững cốt truyện, vai trò của các nhân vật trong truyện, ý nghĩa của các chi tiết quan trọng trong truyện, giá trị nội dung và nghệ thuật của các truyện đã học. Nắm vững đặc điểm của 2 thể loại truyện đã học -> Tiết sau kiểm tra 45 phút phần văn bản.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tuần 8 – Tiết 28

**LuyÖn nãi kÓ chuyÖn**

* 1. **Môc tiªu bµi häc:** Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

- Biết cách trình bày miệng một bài kể chuyện dựa theo dàn bài đã chuẩn bị.

## Kĩ năng:

* Lập dàn bài kể chuyện.
* Lựa chọn, trình bày miệng những việc có thể kể chuyện theo một thứ tự hợp lí, lời kể rõ ràng, mạch lạc, bước đầu biết thể hiện cảm xúc.
* Phân biệt lời người kể chuyện và lời nhân vật nói trực tiếp.

## Thái độ - phẩm chất:

- Sôi nổi tự tin và tự giác trong tiết học, yêu thiên nhiên, bạn bè, con người.

## 4, Định hướng năng lực, phẩm chất:

Năng lực: tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy sáng tạo; năng lực hợp tác; năng lực giao tiếp.

Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập

## CHUẨN BỊ.

1. **Thầy:** sgk, sgv, máy chiếu.
2. **Trò:** chuẩn bị dàn ý, tập nói trước ở nhà

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

* 1. **Phương pháp**: Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, gợi mở - vấn đáp, tự học, phân tích mẫu.
  2. **Kĩ thuật**: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, chia nhóm, giao nhiệm vụ.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

### *Ổn định tổ chức*:

* ***Kiểm tra bài cũ***: - Kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh: Lập dàn ý và viết thành bài giới thiệu hoàn chỉnh cho các đề văn ( sgk/77)

### *Vào bài mới*:

* GV chiếu video ”Giới thiệu bản thân mình” của 1 bạn HS.

? Hãy cho cô biết, người bạn trong video vừa rồi đã làm gì?

? Em hãy nhận xét phần giới thiệu về mình của bạn ấy? Để tự tin kể về bản thân trước mọi người, theo em mình cần phải chuẩn bị điều gì?

* GV dẫn vào bài mới.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV – HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***HĐ 1 : Tìm hiểu việc xây dựng dàn bài***   * GV thanh lí hợp đồng đã kí với HS từ giờ học trước. * HS các nhóm thảo luận thống nhất ý kiến vào bảng phụ (3p) * HS các nhóm báo cáo kết quả.  *Mời ĐD nhóm 1 lên TB.*  * ***HS khác NX, bổ sung.*** * ***GV NX, chốt KT.*** * ***Mời ĐD nhóm 2 lên TB.*** * ***HS khác NX, bổ sung.*** * ***GV NX, chốt KT.*** | **I. Xây dựng dựng bài**.  **a, Đề 1. Tự giới thiệu về bản thân.**   * Mở bài: Lời chào, lí do giới thiệu * Thân bài:   + Tên, tuổi, vài nét về hình dáng, lai lịch..  + Công việc hàng ngày  + Tính tình, sở thích, ước mơ.   * Kết bài: Lời cảm ơn mọi người đã chú ý lắng nghe   **b, Đề 2. Giới thiệu người bạn mà em yêu mến**   * Mở bài: Lời chào, lí do giới thiệu * Thân bài:   + Tên, tuổi, vài nét về hình dáng, lai lịch của người bạn định kể..  + Công việc hàng ngày  + Tính tình, sở thích, ước mơ.  - Kết bài: Lời cảm ơn mọi người đã chú ý lắng nghe  **c, Đề 3**: **Kể về gia đình mình**. |

## Hoạt động luyện tập.

### *HS hoạt động nhóm (TG: 10 phút)*

? Em hãy kể trước nhóm của mình dựa vào dàn bài đã lập ở nhà?

### *HS khác trong nhóm NX, B/S.*

- GV nêu y/c: kể truyền cảm, to, rõ ràng, tự tin, mắt nhìn thẳng....

### *Gọi HS trình bày trước lớp.*

* ***Y/C HS khác nhận xét***
* ***GV nhận xét, cho điểm HS kể tốt.***

**II. Luyện nói trên lớp.**

1. **Trình bày trước nhóm**.
2. **Trình bày trước lớp.**
   1. **Hoạt động vận dụng**

* Lập dàn ý, nói theo chủ đề: Một việc làm có ích của em (bạn em)
* Tập nói trước mọi người trong gia đình, bạn bè.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm xem các video tự giới thiệu hoặc kể chuyện của các bạn nhỏ.
* Chuẩn bị văn bản: Cây bút thần bằng cách đọc kỹ phần văn bản và trả lời câu hỏi theo phần đọc hiểu văn bản.

+ Tóm tắt văn bản.

+ Tìm hiểu tài năng của Mã Lương và cây bút thần.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tuần 9. Bài 8. Tiết 30.

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC.**

### *- Qua bài, học sinh cần:*

* 1. **Kiến thức**:

**Hướng dẫn đọc thêm.Văn bản.**

**CÂY BÚT THẦN**

**(Truyện cổ tích trung quốc)**

* Hiểu quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, mục đích của tài năng nghệ thuật và ước mơ về những khả năng kì diệu của con người.
* Biết được cốt truyện “Cây bút thần” hấp dẫn với nhiều yếu tố thần kì.
* Biết được sự lặp lại tăng tiến của các chi tiết nghệ thuật kì ảo trong truyện, sự đối lập của các nhân vật.

## Kĩ năng:

* + Đọc - hiểu văn bản truyện cổ tích thần kì về kiểu nhân vật thông minh tài giỏi
  + Nhận ra và phân tích được các chi tiết nghệ thuật kì ảo trong truyện.
  + Kể lại được câu chuyện.
  1. **Thái độ:** Có tấm lòng yêu thương mọi người đặc biệt là những người nghèo khổ, căm ghét những kẻ tham lam, ác độc.

## Năng lực – Phẩm chất:

* Năng lực: tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy sáng tạo; năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
* Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, nhân ái.

## CHUẨN BỊ:

**1, Giáo viên**: SGK, SGV, , tham khảo truyện cổ tích thế giới, tranh vẽ mô phỏng các sự việc trong văn bản Cây bút thần, phiếu học tập.

**2, Học sinh**: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. **Phương pháp**: Hoạt động nhóm, dạy học trực quan, luyện tập thực hành, gợi mở vấn đáp, giải quyết vấn đề.
2. **Kĩ thuật**: động não, đặt câu hỏi, chia nhóm, giao nhiệm vụ, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

### *Ổn định tổ chức*:

* ***Kiểm tra bài cũ***:

? Nêu các lần thách đố và giải đố của em bé trong truyện “ Em bé thông minh” ?

? Cảm nhận của em về nhân vật em bé trong truyện “ Em bé thông minh” ?

### *Vào bài mới*:

* HS vẽ nhanh trong 1 phút (củ, quả)
* GV thu tranh 1 số hs, các bạn nx, GV nx.
* GV dẫn vào bài mới: Đúng là tài năng ko đợi tuổi, rất nhiều bạn nhỏ có tài năng đã được phát hiện ngay từ khi còn bé. Cô tin lớp mình, trường mình còn nhiều bạn nhỏ rất

có năng khiếu, có những tài năng khác nhau, dần dần cô trò chúng ta cùng khám phá. Tài năng của con người thật đáng quý, tài năng của các em nhỏ còn đáng quý, đáng trân trọng hơn. Cổ tích là nơi nuôi dưỡng mơ ước cho các em, và cổ tích cũng là nơi ngợi ca tài trí của các em. Hnay, chúng ta cùng đến với 1 câu truyện cổ tích Trung Quốc để tìm hiểu về một chú bé có tài năng hội hoạ: Mã Lương…

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

HĐ 1: Đọc, tìm hiểu chung văn bản:

- GV tổ chức cho hs đọc, tóm tắt truyện (HĐ cả lớp):

+ Nêu cách đọc -> đọc mẫu -> HS đọc…

+ GV chiếu tranh minh hoạ.

+ HS nhìn tranh và tóm tắt truyện.

* GV tổ chức cho hs tìm hiểu chung về văn bản (HĐ cặp đôi):

+ GV giao nhiệm vụ: Xác định thể loại, ptbđ, bố cục của truyện?

+ HS TL cặp đôi 1 phút -> báo cáo , nx.

+ GV chốt.

? Nhân vật chính trong truyện là ai?

GV: Câu chuyện kể xoay quanh nv chính là Mã Lương. Ý nghĩa của truyện cũng được toát lên từ chú bé đặc biệt này.

-> Tìm hiểu chi tiết vb – tìm hiểu nhân vật Mã Lương.

GV tổ chức tìm hiểu hoàn cảnh của Mã Lương (HĐ cả lớp).

? Tìm chi tiết giới thiệu hc sống của ML?

? Đó là hoàn cảnh ntn?

GV giảng: Giống như Thạch Sanh, Sọ Dừa, cô Tấm,… Mã Lương thuộc tầng lớp nhân dân lao động nghèo khổ, có hoàn cảnh thật đáng thương. Em cô đơn sống 1 mình trong cảnh mồ côi. Nhưng trong thực tế cuộc sống, nhiều nhân tài xuất hiện trong chính hoàn cảnh khó khăn, vất vả…

## Đọc, tìm hiểu chung:

* + 1. **Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích:**
    2. **Tìm hiểu chung văn bản:**
* Thể loại: truyện cổ tích (TQ)
* PTBĐ: tự sự + miêu tả + biểu cảm
* Bố cục: 3 phần:

+ Phần 1: Đầu hình vẽ: Giới thiệu về Mã Lương (Mở truyện)

+ Phần 2: Tiếp hung dữ: Mã Lương với cây bút thần. (Thân truyện)

+ Phần 3: Còn lại: Lời truyền tụng về Mã Lương. (Kết truyện)

## Tìm hiểu chi tiết văn bản:

1. **Nhân vật Mã Lương:**
   * Hoàn cảnh:

* Mồ côi cả cha lẫn mẹ.
* Sống nghèo khổ = nghề kiếm củi, cắt cỏ

-> H/c khổ cực, đáng thương, tội nghiệp.

* + Tài năng:

? Truyện giới thiệu ntn về sở thích và ước mơ của Mã Lương?

? Tìm chi tiết kể về việc rèn luyện vẽ của Mã Lương?

? Nguyên nhân nào khiến cho ML vẽ giỏi như vậy?

? ML mơ ước có 1 cây bút vẽ, điều gì đã đến với em?

? Từ khi có cây bút, điều kì diệu gì đã xảy ra?

? NX về chi tiết này?

? Tại sao cụ già ko ban cho ML cây bút ngay từ đầu mà đến lúc thấy rõ tài năng và sự ham mê của em mới trao bút cho em?

- HS thảo luận cặp đôi trả lời.

? Truyện xây dựng nên tài năng đặc biệt của ML nhằm thể hiện ước mơ gì của nhân dân?

* *Sở thích: ham học vẽ*
* *Ước mơ: có được cây bút*
* *Khi kiếm củi trên núi -> lấy que củi vạch xuống đất để vẽ*
* *Khi cắt cỏ ven sông -> nhúng tay xuống nước rồi vẽ trên đá*
* *Lúc ở nhà vẽ đồ đạc lên tường*
* *Vẽ giống y như thật*

## -> Tài năng của ML có được là do niềm ham mê và lòng kiên trì luyện tập.

* *ML nằm mơ thấy cụ già hiện lên cho em cây bút thần bằng vàng.*
* *Vẽ chim …chim vỗ cánh bay, …*

+ Chi tiết tưởng tượng kì ảo

-> Cây bút thần là phần thưởng xứng đáng cho người có ý chí, khổ công luyện tập, Tài năng không phải thứ ban phát mà cả 1 qúa trình rèn luyện mới có.

### *Ước mơ: Con người có khả năng vươn tới cái thần kì bằng tài năng và công lao rèn luyện.*

* 1. **Hoạt động luyện tập.**
* HS luyện tóm tắt truyện trong nhóm. Các thành viên tóm tắt truyện cho nhau nghe.
* Hoàn cảnh và tài năng của Mã Lương khiến em nhớ đến nhân vật cổ tích nào mà em biết? Tìm điểm giống nhau giữa các nhân vật đó? (HS hoạt động cặp đôi trả lời)

## Hoạt động vận dụng

* HS thực hiện ở nhà: Viết đoạn văn giới thiệu về khả năng nổi bật và mơ ước của em.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tìm đọc thêm những truyện cổ tích kể về kiểu nhân vật có tài năng kì lạ.
* Chuẩn bị: tìm hiểu tiếp văn bản „Cây bút thần” : hành động, việc làm của Mã Lương khi có cây bút thần.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tuần 9. Bài 8. Tiết 30.

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC.**

### *- Qua bài, học sinh cần:*

* 1. **Kiến thức**:

**Hướng dẫn đọc thêm.Văn bản.**

**CÂY BÚT THẦN**

**(Truyện cổ tích trung quốc)**

* Hiểu quan niệm của nhân dân về công lí xã hội, mục đích của tài năng nghệ thuật và ước mơ về những khả năng kì diệu của con người.
* Biết được cốt truyện “Cây bút thần” hấp dẫn với nhiều yếu tố thần kì.
* Biết được sự lặp lại tăng tiến của các chi tiết nghệ thuật kì ảo trong truyện, sự đối lập của các nhân vật.

## Kĩ năng:

* + Đọc - hiểu văn bản truyện cổ tích thần kì về kiểu nhân vật thông minh tài giỏi
  + Nhận ra và phân tích được các chi tiết nghệ thuật kì ảo trong truyện.
  + Kể lại được câu chuyện.
  1. **Thái độ:** Có tấm lòng yêu thương mọi người đặc biệt là những người nghèo khổ, căm ghét những kẻ tham lam, ác độc.

## Năng lực – Phẩm chất:

* Năng lực: tự học; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực tư duy sáng tạo; năng lực hợp tác, năng lực sử dụng ngôn ngữ.
* Phẩm chất: Tự lập, tự chủ, nhân ái.

## CHUẨN BỊ:

**1, Giáo viên**: SGK, SGV, , tham khảo truyện cổ tích thế giới, tranh vẽ mô phỏng các sự việc trong văn bản Cây bút thần, phiếu học tập.

**2, Học sinh**: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. **Phương pháp**: Hoạt động nhóm, dạy học trực quan, luyện tập thực hành, gợi mở vấn đáp, giải quyết vấn đề.
2. **Kĩ thuật**: động não, đặt câu hỏi, chia nhóm, giao nhiệm vụ, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động:**

### *Ổn định tổ chức*:

* ***Kiểm tra bài cũ***:

? Qua phần 1 của văn bản, em đã cảm nhận được Mã Lương là cậu bé ntn?

(Thông minh, có niềm đam mê vẽ, kiên trì tập luyện và đã thành công, trở thành cậu bé có tài năng hội hoạ.)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | Chi tiết | Ý nghĩa |
| Mã Lương vẽ cho mình |  |  |
| Mã Lương vẽ cho người nghèo |  |  |
| Mã Lương trừng trị tên địa chủ |  |  |
| Mã Lương trừng trị vua tham. |  |  |

### *\* Vào bài mới:*

* GV chiếu ảnh Đỗ Nhật Nam. -> Em biết đây là ai? Là người ntn?

Thần đồng Đỗ Nhật Nam có năng khiếu tiếng Anh từ bé, trải qua quá trình khổ luyện, lên 13 tuổi, Đỗ Nhật Nam đã gặt hái được rất nhiều thành tích. Cậu bé 2 lần được trao kỷ lục Việt Nam với danh hiệu *Dịch giả nhỏ tuổi nhất* và *Người viết tự truyện nhỏ tuổi nhất*. Nam giành được giải cao trong các kỳ thi tiếng Anh, hùng biện, nhiều lần đứng trên sân khấu hội thảo quốc tế.

* HS xem video: Đỗ Nhật Nam dạy tiếng Anh cho trẻ em.

? Đỗ Nhật Nam là thần đồng trong thời hiện đại của nước ta. Qua clip em thấy cậu bé đã dùng tài năng của mình để làm gì? -> Giúp đỡ các bạn nhỏ học tiếng Anh.

-> GV dẫn vào bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
| HĐ 1: Tìm hiểu những việc làm của Mã Lương từ sau khi có cây bút thần.  ? Từ sau khi có cây bút thần, Mã Lương đã có những việc làm cụ thể nào?  GV chiếu bảng phụ.  GV tổ chức TL nhóm lớn (6 nhóm)  - Trả lời câu hỏi để hoàn thiện bảng trên:  **? Tìm chi tiết trong truyện kể về những việc làm, hành động của Mã Lương trong từng sự việc?**  **? Những hành động, việc làm đó thể hiện phẩm chất gì của Mã Lương?**  **? Qua đó thể hiện quan niệm gì của nhân dân về tài năng của con người?** | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **1. Nhân vật Mã Lương (tiếp) c/ Việc làm của Mã Lương:** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Việc làm** | **Chi tiết** | **Phẩm chất của Mã Lương** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Mã Lương vẽ cho mình | Vẽ bánh, lò sưởi, chim, cá,… | Hồn nhiên, không ham của cải vật chất |
| Mã Lương vẽ cho người nghèo | Vẽ cho cầy, cuốc, thùng múc nước -> Là những vật dụng lao động, công cụ hữu ích. | * Coi trọng lao động, tin ở lao động sẽ làm ra của cải. * Có lòng nhân hậu, giúp đỡ người nghèo. |
| Mã Lương trừng trị tên địa chủ | * Không vẽ gì cho tên địa chủ * Vẽ cung tên bắn chết tên địa chủ độc ác. | -> ML dũng cảm, dám đấu tranh với cái xấu, trừng trị kẻ giàu có mà tham lam. |
| Mã Lương trừng trị vua tham. | * Vẽ ngược lại ý tên vua độc ác, tham lam: vẽ cóc ghẻ, gà trụi lông. * Vẽ thuyền, biển, gió bão nhấn chìm bọn vua quan. | -> Không run sợ cường quyền, quyết tâm diệt trừ cái ác. |
| ***Tài năng của con người không phải để phục vụ cái ác, mà dùng để trừng trị cái ác.*** | | |
|  |  |  |

* HS chú ý kết truyện:

? Nêu kết cục của câu chuyện này?

? Hãy so sánh kết truyện này với những kết truyện cổ tích khác? (Thạch Sanh)

? Từ đây em thấy kết truyện này ntn?

? Qua tìm hiểu, em có nx chung ntn về câu bé Mã Lương?

GV bình, liên hệ nv Thạch Sanh.

* HS thảo luận cặp đôi: **Ý nghĩa của hình ảnh cây bút thần trong truyện?**

GV giảng bình, liên hệ đến các truyện cổ tích khác với các chi tiết kì ảo: đũa thần, thảm thần, đèn thân, …

HĐ 2: Tổng kết văn bản:

? Nghệ thuật đặc sắc được sử dụng trong truyện?

? Truyện có những ý nghĩa gì? HS thảo luận cặp đôi trả lời.

GV chốt kt.

HS đọc ghi nhớ sgk.

## \* Kết truyện:

* Câu chuyện về ML và cây bút thần đc truyền tụng khắp cả nước.
* Không ai biết ML sau đó đi đâu.

*-> Kết truyện hợp lí, tô đậm vẻ đẹp của Mã Lương.*

## (\*) ML – tiêu biểu cho khả năng kì diệu của con người, thể hiện ước mơ công lí, cái thiện chiến thắng cái ác.

1. **Cây bút thần:**

**-** Là phần thưởng xứng đáng cho tài năng của em bé.

* Cây bút thần đại diện cho công lí, tiêu diệt, trừng trị cái ác.
* Làm cho truyện hấp dẫn hơn.

## III. Tổng kêt:

(ghi nhớ sgk/ )

## Hoạt động luyện tập:

* Qua câu truyện, em hiểu được quan niệm gì của dân gian về tài năng của con người?

+ Tài năng của con người không do thế lực siêu nhiên ban phát. Tài năng do đam mê và khổ luyện làm nên.

+ Tài năng của con người không dùng để phục vụ cái ác, cái xấu. Ngược lại, tài năng để trừng trị cái ác, cái xấu.

## Hoạt động vận dụng:

-Viết bài văn ngắn phát biểu cảm nghĩ về nhân vật Mã Lương.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm hiểu về những bạn nhỏ có tài năng của Việt Nam và thế giới.
* Chia sẻ những thông tin tìm hiểu được với bạn bè và gia đình.
* Chuẩn bị: Danh từ (Đọc ví dụ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài.)

-----------------------------------------

Câu 6: Sự thật lịch sử nào được phản ánh trong truyền thuyết “Thánh Gióng” ?

1. Đứa bé lên ba không biết nói, biết cười, cũng chẳng biết đi bỗng trở thành tráng sĩ diệt giặc Ân.
2. Tráng sĩ Thánh Gióng hi sinh sau khi dẹp tan giặc Ân xâm lược.
3. Roi sắt gãy, Thánh Gióng nhổ tre diệt giặc.
4. Ngay từ buổi đầu dụng nước, cha ông ta phải liên tiếp chống giặc ngoại xâm bảo vệ non sông.

Câu 7: Ý nghĩa của hình tượng nhân vật Sơn Tinh trong truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”?

1. Tượng trưng cho lũ lụt đe dọa cuộc sống con người.
2. Tượng trưng cho quyền uy sông núi.
3. Tượng trưng cho khát vọng và khả năng chinh phục thiên tai của nhân dân ta ngày xưa.
4. Tượng trưng cho sức mạnh phi thường của dân tộc.

Câu 8: Chi tiết “niêu cơm thần” trong truyện “Thạch Sanh” có ý nghĩa gì?

* 1. Thể hiện khát vọng no ấm, giàu có của nhân dân ta.
  2. Thể hiện ước mơ của nhân dân ta về chiến thắng của cái thiện với cái ác.
  3. Thể hiện tài năng phi thường của Thạch Sanh.
  4. Tượng trưng cho tình thương, lòng nhân ái, ước vọng đoàn kết, tư tưởng yêu chuộng hòa bình của nhân dân ta.

Câu 9: Trong truyện “Sự tích Hồ Gươm”, tại sao tác giả dân gian để cho Lê Lợi là người được cầm gươm?

1. Nhân dân tin tưởng vào đấng minh quân, đề cao vai trò lãnh đạo của Lê Lợi trong cuộc khởi nghĩa, đề cao vị anh hùng dân tộc.
2. Vì Lê Lợi tài giỏi hơn Lê Thận.
3. Vì Lê Lợi được chuôi gươm, còn Lê Thận được lưỡi gươm.
4. Vì nhân dân tin tưởng vào khả năng sử dụng gươm thần của Lê Lợi.

Câu 10: Tại sao em bé trong văn bản “ Em bé thông minh” được hưởng vinh quang? A.Nhờ may mắn và tinh ranh B.Nhờ sự giúp đỡ của thần linh

C.Nhờ có vua yêu mến D.Nhờ thông minh, hiểu biết. Câu 11: Mục đích chính của truyện “Em bé thông minh” là gì?

A. Phê phán những kẻ ngu dốt B. Gây cười

C. Ca ngợi trí tuệ, tài năng con người D. Khẳng dịnh sức mạnh con người Câu 12: Truyện nào sau đây thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lý xã hội và lí tưởng nhân đạo yêu hoà bình của nhân dân ta?

1. Thánh Gióng B. Thạch Sanh

C. Sự tích Hồ Gươm D. Em bé thông minh.

## Phần tự luận (7đ)

Câu 13 (3đ) Tóm tắt ngắn gọn truyện “Sơn Tinh Thủy Tinh” bằng một đoạn văn.

Câu 14 (4đ) Viết một bài văn ngắn phát biểu cảm nghĩ của em về một nhân vật truyện cổ tích mà em yêu thích.

**V. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM Phần trắc nghiệm** – 3đ: (Mỗi câu 0,5đ)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
| Đáp án | B | A | D | C | A | D | C | D | A | D | C | B |

**Phần tự luận** – 7đ: Câu 1- 3đ

\* Về hình thức, kĩ năng:

-Tóm tắt văn bản dưới dạng đoạn văn.

- Diễn đạt lưu loát, mạch lạc, có sự liên kết chặt chẽ giữa các câu.

* Đúng chính tả, ngữ pháp.
* Về nội dung:

HS tóm tắt thành lời văn đảm vảo các sự việc sau:

* Vua Hùng kén rể
* Sơn Tinh, Thủy Tinh đến cầu hôn
* Vua Hùng ra điều kiện chọn rể
* Sơn Tinh đến trước, được vợ
* Thủy Tinh đến sau, tức giận, dâng nước đánh Sơn Tinh
* Hai bên giao chiến hàng tháng trời, cuối cùng Thủy Tinh thua, rút về
* Hàng năm Thủy Tinh lại dâng nước đánh Sơn Tinh nhưng đều thua. Câu 2 (4đ)

1. Yêu cầu:

* Về hình thức, kĩ năng:
* HS phát biểu được cảm nghĩ của mình về một nhân vật truyện cổ tích đã học dưới dạng bài văn ngắn.
* Bài viết đảm bảo bố cục 3 phần: mở bài, thân bài, kết bài
* Diễn đạt lưu loát, trôi chảy, sử dụng đúng từ ngữ.
* Bài viết sạch đẹp, đúng chính tả, ngữ pháp.
* Về nội dung: Tùy vào lựa chọn của HS về nhân vật mình yêu thích để phát biểu cảm nghĩ, song bài viết cần đảm bảo những ý cơ bản sau:

MB:

* Giới thiệu truyện, nhân vật.
* Nêu cảm nghĩ chung về nhân vật (yêu quý, cảm thương, khâm phục,...) TB:
* Trình bày được những việc làm (chiến công, thử thách, phẩm chất,...) của nhân vật qua các sự việc.
* Bày tỏ tình cảm, suy nghĩ của mình về những việc làm đó của nhân vật.
* Nêu được ý nghĩa của nhân vật với câu chuyện.
* Nêu rõ bài học rút ra được từ nhân vật. Liên hệ thực tế đời sống và liên hệ bản thân. KB: Khẳng định lại tình cảm của mình đối với nhân vật.

1. Biểu điểm:

* Điểm 4: Đáp ứng tốt những yêu cầu trên, diễn đạt trong sáng, mạch lạc. Bài có sáng tạo, thể hiện được chất văn cá nhân.
* Điểm 3: Đáp ứng tốt những yêu cầu trên, nhưng còn đôi chỗ mắc lỗi diễn đạt và trình bày. Phần liên hệ có thể còn thiếu hoặc rất đơn giản.
* Điểm 2: Đáp ứng tương đối cơ bản các yêu cầu trên, có thể thiếu 1 – 2 ý hoặc một vài chỗ chưa hoàn thiện. Mắc khá nhiều lỗi diễn đạt, lỗi chính tả trong bài.
* Điểm 1: Bài sơ sài, thiếu nhiều ý, lúng túng trong triển khai vấn đề, mắc nhiều lỗi các loại.
* Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn.

1. Lưu ý: GV chấm bài linh hoạt, đặc biệt khuyến khích tính sáng tạo trong tư duy củ HS và khuyến khích những bài làm có chất văn chương.

* Hướng dẫn về nhà:
* GV kí hợp đồng với HS: Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm “Ông lão đánh cá và con cá vàng” (Tác giả Puskin; xuất xứ truyện, thể loại truyện, ptbđ)

## Tuần 9

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 34 – Văn bản

* 1. **Mục tiêu cần đạt:**

**ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG**

**-A. Pu-skin-**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* HS hiểu được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện cổ tích thần kì.
* HS biết được sự lặp lại tăng tiến của các tình tiết, sự đối lập của các nhân vật, sự xuất hiện của các yếu tố tưởng tượng, hoang đường.

## Kỹ năng:

* HS đọc-hiểu được văn bản truyện cổ tích thần kì
* HS kể lại được câu chuyện.
* HS phân tích được các sự kiện trong truyện.

## Thái độ:

* Phê phán lối sống tham lam, bội bạc.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, tự học.
  + Phẩm chất: nhân ái, khoan dung, tự trọng.

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:** Giáo án, hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, máy chiếu
    2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

## PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC:

* + Phương pháp: hoạt động nhóm, DH hợp đồng, đàm thoại gợi mở, giảng bình, đóng vai
  + Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não, mảnh ghép, chia nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:** GV kiểm tra sĩ số của lớp.

## Vào bài mới:

* + GV cho HS tham gia xử lí tình huống: Em đang đói. Em được một người đi đường tặng cho một chiếc bánh kem rất ngon. Em sẽ làm gì trong tình huống đó?
  + HS phát biểu xử lí tình huống. (Dự kiến: nhận bánh và đi, nhận bánh và cảm ơn,...)
  + GV dẫn vào bài mới: văn hóa cảm ơn, biết ơn... -> câu chuyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung.**  GV tổ chức cho HS thanh lí hợp đồng.  **? Hãy nêu những hiểu biết của em về tác giả Pu-skin và tác phẩm “Ông lão...cá vàng” ?**   * HS nhóm 3 báo cáo, các nhóm khác nx, bs. * GV nhận xét, đánh giá.   GV chiếu ảnh Puskin, ảnh tác phẩm mở rộng: là *đại thi hào*, *Mặt trời thi ca Nga*, ông đã có những đóng góp to lớn trong việc phát triển [ngôn ngữ](http://vi.wikipedia.org/wiki/Ng%C3%B4n_ng%E1%BB%AF) [văn học Nga](http://vi.wikipedia.org/wiki/V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_Nga) hiện đại và là biểu tượng của dòng [văn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_l%C3%A3ng_m%E1%BA%A1n&amp;action=edit&amp;redlink=1) [học lãng mạn](http://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=V%C4%83n_h%E1%BB%8Dc_l%C3%A3ng_m%E1%BA%A1n&amp;action=edit&amp;redlink=1) [Nga](http://vi.wikipedia.org/wiki/Nga) [thế kỷ XIX](http://vi.wikipedia.org/wiki/Th%E1%BA%BF_k%E1%BB%B7_19). Truyện “Ông lão...” là tp tiêu biểu của Puskin, được nhiều nước dịch và đưa vào giảng dạy,...  ? Văn bản này cần đọc với giọng ntn? GV gợi ý cách đọc: chú ý phân biệt giọng kể với giọng đối thoại, khác biệt giữa giọng các nhân vật. Giọng mụ vợ: chua ngoa, độc ác. Giọng ông lão: hiền lành nhưng nhu nhược, sợ sệt. Cá vàng: | Đọc và tìm hiểu chung:  * 1. **Tác giả:** * A. Pu-skin: đại thi hào, *“Mặt trời thi ca Nga*. * Tác phẩm:  Tác phẩm:  * 1. Xuất xứ: Được kể lại bằng 205 câu thơ trên cơ sở truyện dân gian Nga, Đức. * Thể loại: truyện cổ tích * Phương thức biểu đạt: Tự sự   b. Đọc, kể tóm tắt, hiểu chú thích:  \* Tóm tắt: |

Đọc giọng cao thượng, điềm đạm.

* + HS đọc. Nhận xét về cách đọc

? Tóm tắt các sự việc chính?

* + GV hướng dẫn HS tìm hiểu các chú thích.

? Nêu bố cục của văn bản ?

? Truyện có mấy nhân vật, nhân vật nào là chính? nhân vật nào là phụ?

TL: Gồm 4 nhân vật: ông lão, mụ vợ, cá vàng, biển cả. Nhân vật chính: Mụ vợ

## HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản

* GV tổ chức thảo luận nhóm (4hs)

1. Chi tiết nào nói lên hoàn cảnh sống của gia đình ông lão?
2. Nhận xét hoàn cảnh ấy?

* HS các nhóm TL -> báo cáo -> nx.
* GV nx, chốt, bình giảng.
* GV tổ chức TL nhóm (4 hs):

*? Tìm chi tiết kể lại việc ông lão bắt được cá vàng ?*

*? Nghệ thuật nào được tác giả s/d ở chi tiết này?*

*? Từ đó bộc lộ phẩm chất gì của ông lão*?

HS TL nhóm, báo cáo, nx, bổ sung. GV nx, chốt.

* Hoàn cảnh sống của hai vợ chồng ông lão đánh cá
* Ông lão bắt được cá vàng - thả cá vàng và nhận được lời hứa của cá vàng.
* Mụ vợ biết chuyện bắt ông lão thực hiện yêu cầu của mụ vợ:

+ Lần 1: đòi máng lợn mới.

+ Lần 2: đòi ngôi nhà mới

+ Lần 3: đoì làm nhất phẩm phu nhân

+ Lần 4: đòi làm nữ hoàng

+ Lần 5: đòi làm long vương

* Gia đình ông lão trở về cuộc sống như cũ
* Chú thích: sgk

c. Bố cục: 3 phần

+ Mở đầu truyện: (từ đầu đến kéo sợi): giới thiệu hoàn cảnh sống của gia đình ông lão đánh cá.

+Phần 2 (tiếp theo đến làm theo ý muốn của mụ): Những lần đòi hỏi của mụ vợ

+ Phần còn lại: Kết thúc truyện

## II. Tìm hiểu chi tiết văn bản.

1. **Mở truyện: Hoàn cảnh gia đình ông lão**

* Hai vợ chồng sống với nhau trong một túp lều nát bên bờ biển.
* Ngày ngày chồng ra biển kéo lưới, vợ ở nhà kéo sợi.

Hoàn cảnh khó khăn, thiếu thốn, nghèo túng, song họ sống rất đầm ấm, hạnh phúc.

## Phần thân truyện.

* 1. **Nhân vật ông lão.**
* Kéo lưới 3 lần bắt được cá vàng: ngạc nhiên, cá van xin ông thả về biển và hứa đền ơn ông, ông không đòi hỏi trả ơn.

+ NT: Chi tiết tưởng tượng kì ảo, nhân hóa.

*Sống nhân hậu, rộng lượng, không tham lam, vụ lợi.*

## Hoạt động luyện tập:

* Kể lại diễn cảm câu truyện.
* Phát biểu cảm nghĩ của em về nhân vật ông lão đánh cá.

## Hoạt động vận dụng:

* Viết lại kết truyện cho câu chuyện này theo ý tưởng của em. Khuyến khích HS viết lại kết truyện và kể cho các bạn cùng nghe.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc văn bản truyện thơ “Ông lão đánh cá và con cá vàng” – nguyên bản của Puskin.
* Chuẩn bị: tiếp tục tìm hiểu truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”, tập trung tìm hiểu nhân vật mụ vợ, biển cả và cá vàng.

## Tuần 9

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 34 – Văn bản

1. **Mục tiêu cần đạt:**

**ÔNG LÃO ĐÁNH CÁ VÀ CON CÁ VÀNG**

**-A. Pu-skin-**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* HS hiểu được nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm truyện cổ tích thần kì.
* HS biết được sự lặp lại tăng tiến của các tình tiết, sự đối lập của các nhân vật, sự xuất hiện của các yếu tố tưởng tượng, hoang đường.
* Hiểu được nội dung, ý nghĩa của truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng”.

## Kỹ năng:

* HS đọc-hiểu được văn bản truyện cổ tích thần kì
* HS kể lại được câu chuyện.
* HS phân tích được các sự kiện trong truyện.

## Thái độ:

* Phê phán lối sống tham lam, bội bạc.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, tự học, giải quyết vấn đề
* Phẩm chất: nhân ái, khoan dung, tự trọng.

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:** Giáo án, hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, máy chiếu
  2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

## PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC TÍCH CỰC:

* Phương pháp: hoạt động nhóm, đàm thoại gợi mở, giảng bình, đóng vai
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não, mảnh ghép, chia nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:** GV kiểm tra sĩ số của lớp.

## Vào bài mới:

* HS chuẩn bị giấy và bút vẽ.
* HS vẽ phác hoạ gương mặt mụ vợ của ông lão đánh cá theo tưởng tượng của em.
* HS quan sát, cảm nhận, nhận xét hình vẽ của các bạn.

? Tại sao em vẽ gương mặt mụ vợ như vậy? – HS trả lời.

* GV dẫn vào bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ 1: Tìm hiểu nhân vật mụ vợ.**  \* GV t/c thảo luận cặp đôi:  *? Mụ vợ ông lão đòi hỏi những gì?*  *? Nghệ thuật nổi bật tg s/d khi miêu tả những đòi hỏi của mụ vợ?*  *? Em có nxét gì về bản chất của mụ vợ?*  \* GV giảng bình: Lòng tham của mụ vợ tăng lên rất nhanh từ thấp đến cao. Đi từ vật chất đến địa vị: từ địa vị có trong thực | **b. Nhân vật mụ vợ**.  **\* Những đòi hỏi của mụ vợ ông lão:**   * Lần 1: đòi cái máng lợn ăn mới * Lần 2: đòi toà nhà đẹp * Lần 3: đòi làm nhất phẩm phu nhân * Lần 4: đòi làm nữ hoàng * Lần 5: đòi làm long vương.   + Nghệ thuật: Lặp tăng tiến (đòi hỏi ngày càng tăng; đòi hỏi từ vật chất tầm thường đến quyền lực tối cao)  Tham lam vô độ. |

tế đến địa vị tưởng tượng. Đó là lòng tham vô độ, không giới hạn, đúng như câu thành ngữ: Được voi, đòi tiên.

GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép:

## Vòng 1: 3p

**Nhóm 1, 2, 3: Tìm chi tiết thể hiện cách cư xử của mụ vợ đối với ông lão? Nhận xét nghệ thuật kể chuyện trong đoạn? Qua đó em hiểu gì về nv mụ vợ?**

**Nhóm 4, 5, 6: Tìm chi tiết thể hiện cách cư xử của mụ vợ đối với cá vàng? Nhận xét nghệ thuật? Qua đó em hiểu gì về nv mụ vợ?**

* HS các nhóm thảo luận, viết ra giấy A0

-> đại diện nhóm báo cáo -> các nhóm nx, bổ sung.

* GV nhận xét, chốt kt.

? Khi nào thì sự bội bạc của mụ lên tới tột cùng?

GV: Lòng tham của mụ vợ tăng lên rất nhanh từ thấp đến cao. Đi từ vật chất đến địa vị: từ địa vị có trong thực tế đến địa vị tưởng tượng. Đó là lòng tham vô độ, không giới hạn, đúng như câu thành ngữ: Được voi, đòi tiên.

## Vòng 2: 2p

* GV chia nhóm mới – nhóm mảnh ghép.

## HS thảo luận vòng 2: Qua các chi tiết kể về cách cư xử của mụ vợ với ông lão đánh cá và với cá vàng, em đánh giá gì về nv này? Mụ vợ đại diện cho đối tượng nào trong xã hội?

* HS tạo lập nhóm mảnh ghép, thảo luận.
* Đại diện nhóm 4 trình bày, các nhóm khác nx, bổ sung.
* GV chốt kt, bình giảng:

*Địa vị, quyền lực càng lớn thì tình cảm*

## Mụ vợ đối xử với ông lão:

* Lần 1: Mắng đồ ngốc
* Lần 2: Quát đồ ngu
* Lần 3: Mắng như tát nước vào mặt
* Lần 4: Nổi trận lôi đình, tát vào mặt ông lão
* Lần 5: Nổi cơn thịnh nộ.

+ Nghệ thuật: Lặp tăng tiến, động từ mạnh.

Mụ vợ là kẻ vong ân phụ nghĩa, tham lam bội bạc (vì tiền và quyền lực quên đi tình cảm vợ chồng).

## Mụ vợ đối với cá vàng:

* Đòi cá vàng cái máng lợn mới, ngôi nhà rộng, nhất phẩm phu nhân, đòi làm Nữ Hoàng, làm Long Vương ngự trên mặt biển để bắt cá vàng phải hầu hạ, làm theo ý muốn của mụ.

+ NT: tăng tiến

-> Mụ vợ thật bội bạc.

* Khi lòng tham của mụ lên tới tột đỉnh thì sự bội bạc của mụ cũng vô độ.

Tóm lại: mụ vợ là giai cấp cần lao nhưng mang trong mình bản chất của giai cấp bóc lột, thống trị, tham lam độc ác, tìm mọi cách đạt được danh vọng.

*càng mất Từ coi thường khinh bỉbội bạcbạc áctàn nhẫn vô liêm sỉ. Chỉ vì lòng tham mà tình nghĩa vợ chồng không còn, ngay cả tình người cũng không có nốt. Ông lão là ân nhân mà mụ "cạn tàu ráo máng" "trở mặt như trở bàn tay". Lúc đầu quan hệ của ông lão với mụ là quan hệ vợ chồng về sau là quan hệ chủ tớ. Cá vàng là ân nhân của mụ thế nhưng lòng tham vô độ, mù quáng của mụ dẫn đến chỗ đòi hỏi quá quắt và trơ trẽn. Lòng tham đó đã biến mụ thành kẻ vô ơn, bạc bẽo. Đây là một sự bội bạc ko thể ngờ và ko thể chấp nhận được. Qua nv mụ vợ Pu-skin muốn chứng minh rằng cái xấu, cái ác, bội bạc càng được lên ngôi khi có thêm bạn đồng minh, được tiếp tay bởi sự nhu nhược, dễ mềm lòng, thoả mãn, cam chịu.*

HĐ 2: Tìm hiểu nhân vật biển cả và cá vàng:

\* GV tổ chức TL cặp đôi:

*? Cảnh biển thay đổi ra sao khi 5 lần ông lão ra biển?*

*? Nhận xét về nghệ thuật kể truyện ở đây?*

*? Cảnh biển thay đổi thể hiện điều gì?*

? Biển có tham gia vào câu chuyện không?

? Ý nghĩa của hình ảnh biển cả?

## c. Nhân vật biển và cá vàng.

* **Nhân vật biển:**
* Lần 1: Gợn sóng
* Lần 2: Nổi sóng
* Lần 3: Nổi sóng ầm ầm
* Lần 4: Nổi sóng dữ dội
* Lần 5: Nổi sóng mù mịt.

+ NT: Lặp tăng tiến, động từ, tính từ mt, từ láy gợi hình, gợi tả, biển mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc.

-> Biển thay đổi ứng với những tham vọng ngày càng tăng của mụ vợ, biển tỏ thái độ bất bình, mạnh mẽ đối với mụ vợ ông lão.

* Biển cũng tham gia vào câu chuyện: biển cả hiền từ, bao dung, thanh bình nhưng biển cả cũng biết giận dữ trước những thói ác, thói xấu của người đời.

## -> Biển cả đại diện cho công lí xã hội, cho thái độ của nhân dân đối với lòng tham con người.

* **Nhân vật cá vàng.**
* Biết nói, đáp ứng đầy đủ 4 lần yêu cầu

? Nhân vật cá vàng được kể qua những chi tiết nào?

? Nêu nghệ thuật nổi bật?

? Theo em nhân vật cá vàng thể hiện điều gì ?

? Cá vàng trừng trị mụ ra sao?

? Cá vàng trừng trị mụ vì tội gì?

? Cá vàng tượng trưng cho điều gì?

HĐ 3: Tìm hiểu kết truyện.

## \* Tổ chức thảo luận cặp đôi.

* GV phát phiếu học tập, quan sát HS tiến hành thảo luận.

## ? Nêu chi tiết kết thúc truyện?

**? Cách kết thúc có gì đặc biệt?**

**? Kết truyện thể hiện mơ ước gì của nhân dân?**

- GV: Câu chuyện kết thúc: Ông lão vẫn thế, chẳng được cũng chẳng mất gì, cuộc sống trở về bình yên. Mụ vợ trở về như xưa, mọi sự xảy ra như một sự tỉnh ngộ sau một giấc mơ viễn vông. Sau cơn bão, mặt biển lại hiền hoà như một lời thức tỉnh: hãy sống lương thiện bằng chính khả năng và sức lực của mình, hãy trân trọng những tình cảm bình dị mà thiêng liêng.

## HĐ 4: Tổng kết văn bản:

**- PP: vấn đáp**

* Em hãy nêu những nét đặc sắc về nghệ thuật của truyện?
* Nêu ý nghĩa của truyện ?
* Y/C HS đọc ghi nhớ.

## Hoạt động luyện tập:

* PP: đóng vai

của ông lão.

+ Nghệ thuật: Nhân hoá, tưởng tượng kỳ ảo.

Biểu dương lòng biết ơn

* Cá vàng trừng trị mụ bằng cách: thu về những gì mà cá vàng đã cho, đưa mụ trở về với cảnh nghèo đói như xưa.
* Cả hai tội: tham lam và độc ác.

Công lí xã hội, sự trừng trị của cá vàng là sự trừng trị của công lí và đạo lí mà nhân dân ta là người thực hiện.

## 3. Kết thúc truyện.

* Kết thúc: Túp lều rách nát, mụ vợ với cái máng lợn ăn sứt mẻ.

Kết thúc vòng tròn, đầu cuối tương ứng không theo lối kết thúc có hậu như các truyện cổ tích khác.

=> Kết thúc truyện nói lên ước mơ về sự công bằng của nhân dân.

## III. Tổng kết.

1. **Nghệ thuật.**

* NT tăng tiến, đối lập.
* Chi tiết tưởng tượng hoang đường.

1. **Nội dung- *Ghi nhớ SGK/T.96***

* GV tổ chức cho HS đóng vai nhân vật mụ vợ, ông lão đánh cá để diễn lại 1 đoạn truyện (phần 2 văn bản)
* HS tham gia trò chơi đóng vai.

## Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn phát biểu suy nghĩ của em về lòng biết ơn.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm thêm các câu chuyện hay về lòng biết ơn (Quà tặng cuộc sống)

\* Chuẩn bị bài: Thứ tự kể trong văn tự sự (Đọc bài, tìm hiểu các ví dụ, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài)

## Tuần 10

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 36 - TLV

**THỨ TỰ KỂ TRONG VĂN TỰ SỰ**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
     1. **Kiến thức:**
* HS hiếu được 2 cách kể - thứ tự kể: kể xuôi, kể ngược.
* Biết được điều kiện cần có khi kể ngược.

## Kỹ năng:

* Chọn được thứ tự kể phù hợp với đặc điểm thể loại và nhu cầu biểu hiện nội dung.
* Vận dụng được 2 cách kể vào bài viết của mình.

## Thái độ:

* Tích cực học tập.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:** Giáo án, hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, tài liệu tham khảo
2. **Học sinh:** chuẩn bị bài theo hướng dẫn.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: hoạt động nhóm, vấn đáp, luyện tập thực hành.
* Kĩ thuật; chia nhóm, thảo luận nhóm, đặt câu hỏi

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:**
* Cho biết ngôi kể và vai trò của ngôi kể trong văn tự sự?

### *\* Vào bài mới:*

Thứ tự kể trong văn tự sự cùng với ngôi kể cho ta thấy văn tự sự là một kiểu văn bản mà người viết có thể lựa chọn những cách diễn đạt thích hợp để đạt hiệu quả giao tiếp tốt. Có thể kể theo thứ tự ra sao? Bài học hôm nay sẽ giúp các em hiểu điều đó?

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| *HĐ 1: tìm hiểu thứ tự kể trong văn tự sự* | **I. Tìm hiểu thứ tự kể trong văn tự sự:** |

GV chia nhóm thảo luận:

HS các nhóm thảo luận, báo cáo, nx, bổ sung

* GV nhận xét, chốt kt.

Nhóm 1,2: tìm hiểu thứ tự kể của vd 1

## Tóm tắt các sv trong truyện “Ông lão … cá vàng”. Các sv được kể theo thứ tự nào?

1. **Tác dụng của thứ tự kể này ?**

* GV hỏi thêm N1,2:

? Dựa vào đâu để em có thể xác định được thứ tự kể đó ?

*TL: Các cụm từ: Ngày xưa -> Một hôm -> Được ít tuần lễ, mụ lại …-> Bây giờ…*

? Nếu kể ngược lại thứ tự thời gian thì sẽ ảnh hưởng ntn tới diễn biến và nội dung truyện ? *TL: Truyện không rõ ý nghĩa: phê phán sự tham lam bội bạc ngày một tăng của mụ vợ. (vì các SV xáo trộn ko theo trình tự tự nhiên).*

? Theo em, vì sao truyện dân gian thường được kể theo trật tự tự nhiên ?

*TL: Vì truyện dân gian thường có cốt truyện đơn giản, các sự việc nối tiếp nhau, hành động lặp lại và tăng cấp => Đây là cách kể thích hợp làm cho cốt truyện mạch lạc, sáng*

## Ví dụ:

* 1. **VD 1: Truyện “Ông lão ...cá vàng”:**
* Sự việc:

1. *Giới thiệu gia cảnh ông lão đánh cá.*
2. *Ông lão bắt được cá vàng, thả cá vàng, nhận lời hứa của cá vàng.*
3. *Ông lão về nhà kể cho vợ nghe, mụ vợ bắt ông lão ra biển đòi cá vàng trả ơn.*
4. *Ông lão ra biển 5 lần theo đòi hỏi của mụ vợ và kết quả mỗi lần.*
5. *Cuối cùng mụ trở về thân phận cũ bên cái máng lợn sứt mẻ.*

* Thứ tự kể:

+ Nguyên nhân: Sự việc 1, 2

+ Diễn biến: Sự việc 3,4

+ Kết quả: sự việc 5

-> Thứ tự thời gian (việc gì diễn ra trước kể trước, diễn ra sau kể sau).

* Tác dụng: Truyện đc kể theo thứ tự thời gian làm cho người đọc, người nghe dễ theo dõi, dễ nhớ, dễ hiểu, nổi bật ý nghĩa truyện**.**

*tỏ, dễ theo dõi.*

Nhóm 3,4:

## Tóm tắt các sv, cho biết thứ tự thực tế của các SV trong bài được diễn ra ntn?

1. **Cách kể này có tác dụng thế nào trong việc biểu hiện nội dung, ý nghĩa truyện ?**

GV nhấn mạnh: Kể theo thứ tự ngược là đem kết quả hoặc sự việc hiện tại kể trước, sau đó mới dùng cách kể bổ sung hoặc để NV nhớ lại mà kể tiếp các sự việc xảy ra trước đó.

? Qua 2 ví dụ trên, theo em, trong văn tự sự có những cách kể theo thứ tự nào ? Tác dụng của mỗi cách kể ?

* HS trả lời. GV chốt kt.

HS đọc ghi nhớ.

## Hoạt động luyện tập:

* 1. **Ví dụ 2: SGK-trang 97**
* Sự việc:
  + 1. *Ngỗ bị chó dại cắn rách chân*
    2. *Ngỗ kêu không ai ra cứu*
    3. *Hoàn cảnh xuất thân của Ngỗ*
    4. *Ngỗ đốt đống rạ kêu cháy làm mọi người tưởng thật.*
    5. *Mọi người lo lắng cho Ngỗ vì bị chó cắn.*

*=> Thứ tự : 2,3,4,5,1(hậu quả)*

* Thứ tự kể:

+ Nguyên nhân: sự việc 3,4

+ Diễn biến: sự việc 2

+ Hậu quả : sự việc 1

-> Cách kể ngược

* Tác dụng: Nhấn mạnh hậu quả đáng tiếc do lỗi lầm tai hại của Ngỗ gây ra.

**2. Nhận xét:** 2 thứ tự kể:

* Kể xuôi theo thứ tự thời gian

-> Đây là cách kể thích hợp làm cho cốt truyện mạch lạc, sáng tỏ, dễ theo dõi.

* Kể ngược: đưa những sự việc muốn nhấn mạnh lên trước

-> tạo sự bất ngờ, gây chú ý, nhấn mạnh vào sự việc làm nổi bật nôi dung, chủ đề truyện…

**Ghi nhớ**- SGK trang 98

HS xđ yêu cầu bài tập 1. HS TL cặp đôi làm BT 1. HS lên bảng làm BT.

Lớp nx, bổ sung. GV chốt.

## II. Luyện tập:

Bài 1: Kể theo lối kể ngược, người kể hồi tưởng từ hiện tại về quá khứ

* Truyện kể theo ngôi thứ nhất, nhân vật xưng tôi.
* Yếu tố hồi tưởng đóng vai trò chủ yếu trong truyện, nó giải thích mối quan hệ thân thiết giữa tôi và Liên.

## Hoạt động vận dụng:

* Em hãy xác định thứ tự kể của truyện “Em bé thông minh”, giải thích tại sao ta không thể thay đổi thử tự kể đó.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm truyện có thứ tự kể ngược, phân tích tác dụng của thứ tự đó.
* Chuẩn bị : Viết bài tập làm văn số 2: ôn tập tốt văn tự sự, cách làm bài văn tự sự, ngôi kể và thứ tự kể trong văn tự sự.

## Tuần 10

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 37, 38:

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2 – VĂN TỰ SỰ**

(Đẩy tiết sang tuần 11)

## Mục tiêu kiểm tra:

* + 1. **Kiến thức**:
       - Kiểm tra kiến thức của học sinh về văn tự sự, ngôi kể, thứ tự kể trong văn tự sự.
       - HS củng cố kiến thức về kiểu bài văn tự sự, nắm chắc đặc điểm của văn tự sự, biết cách làm một bài văn tự sự kể chuyện đời thường.

## Kĩ năng:

* + HS tạo lập được văn bản tự sự kể chuyện đời thường.
  + HS biết kể chuyện một cách mạch lạc, diễn cảm, sử dụng ngôi kể phù hợp, kể theo một trình tự hợp lí.

## Thái độ:

* + - * Nghiêm túc khi làm bài.
      * Thêm yêu cuộc sống, sự vật và con người xung quanh.

## Định hướng phát triển năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, tư duy sáng tạo, NL tạo lập văn bản.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập.

## Hình thức đề kiểm tra:

* Tự luận.

## Ma trận đề kiểm tra

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | | **Tổng** |
| ***Thấp*** | ***Cao*** |
| **CĐ1**  **Ngôi kể trong văn TS** | Nhớ khái niệm ngôi kể, nhận biết được văn bản cho sẵn kể theo ngôi nào. |  |  |  |  |
| Số câu: | 1 |  |  |  | 1câu |
| Số điểm | 1 | 1 đ |
| Tỉ lệ %: | 10% | 10% |
| **CĐ2:**  **Thứ tự kể trong văn TS** |  | Hiểu rõ và xác định được thứ tự kể của một truyện. |  |  |  |
| Số câu: |  | 1 câu |  |  | 1 |
| Số điểm | 2 điểm | 2 |
| Tỉ lệ %: | 20% | 20% |
| **CĐ3**  **Thực hành viết bài văn tự sự** |  |  |  | Viết được bài văn tự sự kể về 1 kỉ niệm đáng nhớ của tuổi thơ |  |
| Số câu: Số điểm Tỉ lệ % |  |  |  | 1  7 điểm  70 % | 1  7 đ  50% |
| Tổng số câu Số điểm  Tỉ lệ % | 1 câu  1 điểm  10% | 1. câu 2. điểm   20 % |  | 1 câu  7 điểm  70 % | 3 câu  10 đ  100% |

## Đề bài:

***Câu 1(1 điểm):*** Ngôi kể là gì ? Phân biệt ngôi kể thứ nhất và ngôi kể thứ ba.

***Câu 2 (2 điểm):*** Xác định thứ tự kể trong truyện “Em bé thông minh”.

***Câu 4 (7 điểm):*** Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1: Càng lớn lên chúng ta lại càng hay hoài niệm về thời thơ ấu. Hãy nhớ và kể về một kỉ niệm của tuổi thơ của em.

Đề 2: Viết bài văn tự sự kể về một người thân trong gia đình em.

## Hướng dẫn chấm và biểu điểm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Câu*** | ***Hướng dẫn chấm*** | ***Biểu điểm*** |
| Câu 1 | - **Ngôi kể**: là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện.  **- Ngôi kể thứ nhất :** Người kể xưng “tôi” (không nhất thiết phải là tác giả). Người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, thấy, trải qua; trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ, tình cảm của mình.  - **Ngôi kể thứ ba :** Người kể giấu mình, gọi tên các nhân vật bằng chính tên của chúng. Người kể tự giấu mình đi như là không có mặt nhưng thực ra có *mặt ở khắp nơi, biết tất cả (từ bề ngoài cho đến ý nghĩ sâu kín của nhân vật),* kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật: | 0. 5  0.25  0.25 |
| Câu 2 | Thứ tự kể trong chuyện “Em bé thông minh” là thứ tự kể tự nhiên, theo trình tự thời gian, sự việc nào diễn ra trước kể trước, sự việc diễn ra sau kể sau:   * Vua muốn tìm người tài. * Viên quan đi khắp nơi tìm người tài. * Em bé giải câu đố của viên quan. * Em bé giải câu đố của nhà vua. * Em bé giải câu đố của sứ giả nước láng giềng. * Em bé thông minh được phong làm trạng nguyên. | 2 điểm |
| Câu 3 | a. Về hình thức, kĩ năng:   * Kiểu bài tự sự: kể chuyện đời thường * Bố cục: đảm bảo 3 phần đầy đủ, rõ ràng * Diễn đạt mạch lạc, trong sáng. * Chọn đúng ngôi kể và trình tự kể phù hợp. * Trình bày sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.   1. Về nội dung: Bài làm cần đảm bảo đầy đủ các ý sau: MB: Giới thiệu kỉ niệm và những dấu ấn còn đọng lại.   TB: Kể diễn biến của kỉ niệm: sự việc mở đầu, diễn biến và kết thúc.  KB: Nêu lên cảm nhận, ấn tượng, rút ra bài học ý nghĩa từ kỉ niệm.   * 1. Biểu điểm * Điểm 7: Đáp ứng tốt những yêu cầu trên, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, hấp dẫn, truyện kể có chiều sâu, có cá tính và sáng tạo trong hành văn. * Điểm 5 - 6: Đáp ứng tương đối những yêu cầu trên. Diễn đạt trôi chảy. Truyện kể có ý nghĩa. Song còn mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, ngữ pháp,... Chưa thấy được cá tính riêng trong viết văn. * Điểm 3 - 4: Đáp ứng cơ bản những yêu cầu trên nhưng phần kể | 7 điểm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | còn rườm rà, chưa thật chọn lọc các chi tiết, còn mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp. Ý nghĩa truyện chưa được thể hiện rõ rệt.   * Điểm 1 -2: Chưa đáp ứng đủ các yêu cầu trên, bài sơ sài, thiếu nhiều ý, lúng túng trong triển khai các sự việc của truyện, truyện không có ý nghĩa, diễn đạt rườm rà, lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. * Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn |  |

\* Dặn dò:

* Chuẩn bị bài: “Ếch ngồi đáy giếng”:

+ Đọc, tóm tắt truyện

+ Kí hợp đồng với các nhóm: Tìm hiểu về thể loại truyện ngụ ngôn (hình thức, nội dung, ý nghĩa truyện), phương thức biểu đạt, nhân vật chính, bố cục của văn bản “Ếch ngồi đáy giếng”

+ Tìm hiểu các chú thích.

+ Trả lời các câu hỏi đọc – hiểu văn bản.

## Tuần 10

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 39

1. **MỤC TIÊU:**
   1. **Kiến thức:**

**TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO**

**SÂN KHẤU HOÁ TRUYỆN DÂN GIAN**

* HS củng cố và khắc sâu nội dung ý nghĩa những truyện dân gian đã học qua hình thức sân khấu hoá.
* Biết cách chuyển thể truyện dân gian thành kịch bản sân khấu, bước đầu làm quen với phương pháp văn học theo hướng “trả tác phẩm về cho học sinh”.

## Kĩ năng:

* HS hình thành và rèn một số kĩ năng: tìm kiếm thông tin, làm việc nhóm, thuyết trình, diễn xuất.

## Thái độ:

* HS bồi dưỡng tình yêu văn chương nghệ thuật.
* Tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, làm việc nhóm.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, sử dụng CNTT, trình diễn.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, có trách nhiệm, thể hiện các giá trị bản thân,...

## CHUẨN BỊ:

* 1. **Giáo viên:** sgk, sgk TNST, SGV TNST, máy chiếu, thiết kế giáo án.
  2. **Học sinh:** sgk, sgk TNST, tìm hiểu và chuẩn bị bài.

## CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

1. **GIAO NHIỆM VỤ:**
2. **TÌM KIẾM THÔNG TIN:**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

### *Chủ đề: Sân khấu hoá truyện dân gian*

( Viết các nội dung tìm kiếm được liên quan đến các từ khóa vào các ô tương ứng trong bảng sau)

Người đọc:………Ngày đọc……………………………….

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |
|  |  |

## Tuần 10

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 40

* 1. **MỤC TIÊU:**
     1. **Kiến thức:**

**TRẢI NGHIỆM SÁNG TẠO**

**SÂN KHẤU HOÁ TRUYỆN DÂN GIAN**

* HS củng cố và khắc sâu nội dung ý nghĩa những truyện dân gian đã học qua hình thức sân khấu hoá.
* Biết cách chuyển thể truyện dân gian thành kịch bản sân khấu, bước đầu làm quen với phương pháp văn học theo hướng “trả tác phẩm về cho học sinh”.

## Kĩ năng:

* HS hình thành và rèn một số kĩ năng: tìm kiếm thông tin, làm việc nhóm, thuyết trình, diễn xuất.

## Thái độ:

* HS bồi dưỡng tình yêu văn chương nghệ thuật.
* Tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, làm việc nhóm.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, giải quyết vấn đề, tư duy sáng tạo, tự quản lí, hợp tác, sử dụng CNTT, trình diễn.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự lập, có trách nhiệm, thể hiện các giá trị bản thân,...

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** sgk, sgk TNST, SGV TNST, máy chiếu, thiết kế giáo án.
2. **Học sinh:** sgk, sgk TNST, tìm hiểu và chuẩn bị bài.

## III. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV - HS** | **Nội dung** |
| * **HS các nhóm tiến hành thảo luận:** * Từng thành viên báo cáo kết quả tìm kiếm thông tin. * Nhóm thảo luận tổng hợp, khái quát thông tin đã tìm kiếm thành 1 sơ đồ tư duy về hình thức sân khấu   hoá dân gian cho truyện mà nhóm đc giao tìm hiểu.   * Nhóm trưởng điều hành nhóm mình thảo luận xây dựng ý tưởng. * Nhóm trưởng phân công thành viên nhóm viết kịch bản từng phân cảnh. * GV hướng dẫn HS viết phân cảnh. * HS viết, hoàn thiện phần việc của mình. * Sau khi các thành viên hoàn thành phân cảnh, nhóm trưởng tổ chức hoàn thiện kịch bản. * Nhóm bàn bạc, thống nhất phân công chuẩn bị đạo cụ và trang phục sân khấu. * Lên kế hoạch và tập kịch. | **3. Xử lí thông tin:**  - Hình thức sân khấu hoá dân gian: hoạt cảnh, kịch nói, biểu diễn thời trang, kịch hát.  **4. Xây dựng ý tưởng cho kịch bản:**   * Thống nhất hình thức chuyển thể.   + Lựa chọn nguyên tác chuyển thể hoặc chọn hình thức sát nguyên tác, hoặc ko sát.  + Đặt tên cho sp.   * Thống nhất kịch bản chuyển thể:   + Dự kiến về nhân vật.  + Phân cảnh. Sáng tác kịch bản chuyển thể:  1. **Chuẩn bị cho biểu diễn:**   **-** |

**Tuần 10**

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 39 – Văn bản:

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

**ẾCH NGỒI ĐÁY GIẾNG**

**(Truyện ngụ ngôn)**

* Biết được đặc điểm của nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.
* Hiểu được ý nghĩa giáo huấn sâu sắc của truyện ngụ ngôn.
* Biết được nghệ thuật đặc sắc của truyện: mượn chuyện loài vật để nói chuyện con người, ẩn bài học triết lí; tình huống bất ngờ, hài hước, độc đáo.

## Kỹ năng:

* Đọc-hiểu văn bản truyện ngụ ngôn.
* Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.
* Kể lại được truyện.

## Thái độ:

* Không được chủ quan, kiêu ngạo mà phải cố gắng, nâng cao để mở rộng tầm hiểu biết.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác
* Phẩm chất: tự trọng, trung thực, tự chủ

## CHUẨN BỊ:

1. **Giáo viên:** Giáo án, hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, sách tham khảo
2. **Học sinh:** Đọc và soạn bài theo hướng dẫn

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: trực quan, nêu và giải quyết vấn đề, hoạt động nhóm, phân tích, bình giảng, DH hợp đồng.
* Kĩ thuật: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, chia nhóm, động não, giao nhiệm vụ

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định tổ chức:**
* **Kiểm tra bài cũ:**
* Hãy tóm tắt truyện “Ông lão đánh cá và con cá vàng” ? Tường thuật lại những lần ông lão yêu cầu cá vàng ?
* Nêu ý nghĩa và bài học rút ra từ truyện .

## Vào bài mới:

* GV chiếu ảnh bìa 1 số truyện ngụ ngôn (Rùa và thỏ, Quạ và cáo, Con quạ uống nước)

? Các em đã đọc truyện ngụ ngôn nào dưới đây? Hãy kể lại câu chuyện ngụ ngôn đó.

* + HS phát biểu, kể chuyện.
  + GV: Bên cạnh những câu chuyện cổ tích, truyện ngụ ngôn cũng là thể loại truyện dân gian được nhiều bạn nhỏ yêu thích. Nếu truyện cổ tích hấp dẫn bởi những yếu tố hoang đường kì ảo thì truyện ngụ ngôn lại hấp dẫn độc giả chính bởi cái thật của cuộc sống đã đi vào văn chương. Từ chuyện của một chú ếch dưới đáy giếng mà cho ta những chiêm nghiệm sâu sắc về con người ...

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| *HĐ 1: Đọc, tìm hiểu chung:*  ? Cách đọc?  - GV đọc mẫu, HS đọc.  ? Kể tóm tắt lại truyện dựa vào tranh minh họa?  ? Giải thích các từ? (chúa tể, nhâng nháo)  ? Cho biết từ nào được giải thích bằng cách nêu khái niệm mà từ biểu thị? Dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa?  **DH hợp đồng (Vẽ sơ đồ tư duy tìm hiểu chung về văn bản)**   * HS TL nhóm, thống nhất nd, cử đại diện báo cáo. * HS báo cáo. Các nhóm nx. GV nx, chốt. * GV chiếu ảnh, bổ sung: Kho tàng TNN rất phong phú và đa dạng. Có những TNN dân gian, có TNN do các nhà văn sáng tác nên. Nổi tiếng TG có truyện ngụ ngôn Ê- dốp, La-phon-ten,... VN cũng có 1 kho TNN rất phong phú, đa dạng: Rùa và thỏ, Hai chú dê qua cầu, Thày bói xem voi,... Chứa đựng trong những câu chuyện ấy là bài học cs sâu sắc cho con người chúng ta. TNN thường ngắn, ko có nhiều tình tiết, chỉ tập trung vào 1 hoặc vài chi tiết, kết thúc bất ngờ. Truyện thường dùng Bptt ẩn dụ hoặc hoán dụ, ngôn ngữ phóng đại, giàu hình ảnh để thể hiện nội dung. | Đọc và tìm hiểu chung:  * 1. **Đoc, kể tóm tắt, tìm hiểu chú thích:** * Đọc : * Tóm tắt : Có con ếch sống lâu giếng nọ. Hằng ngày nó cất tiếng kêu ồm ộp khiến các con vật xung quanh sợ hãi. Một hôm, trời mưa to đưa ếch ra ngoài. Ếch nghênh ngang đi lại khắp nơi, bị con trâu đi qua giẫm bẹp. * Chú thích: sgk   **2. Tìm hiểu chung văn bản:**  - **Thể loại**: Truyện ngụ ngôn  + Là truyện kể bằng văn vần hoặc văn xuôi.  + Mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc về chính con người để nói bóng gió, kín đáo truyện con người.  -> Mục đích: Khuyên nhủ, răn dạy người ta một bài học nào đó trong cuộc sống.   * **Phương thức biểu đạt**: Tự sự + miêu tả * **Ngôi kể**: thứ 3 * **Thứ tự kể**: kể xuôi   **- Bố cục:** 2 phần  - Phần 1: (từ đầu đến như |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | | | | một vị chúa tể) : Cảnh ếch sống trong giếng  - Phần còn lại: Cảnh ếch sống ngoài giếng |  |
| **HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **\* Thảo luận nhóm lớn (7 phút)** GV chiếu câu hỏi thảo luận, yêu cầu HS: làm việc cá nhân 2 phút, thảo luận 5 phút. *1/ Tìm chi tiết và nhận xét về môi trường sống, hành động, suy nghĩ của chú ếch khi ở trong giếng? Từ đó nhận xét về nhân vật?*  *2/ Tìm chi tiết và nhận xét về môi trường sống, hành động, suy nghĩ của chú ếch khi ra khỏi giếng? Từ đó nhận xét về nhân vật?*   * **HS thực hiện.** * **HS báo cáo. Các nhóm nx, bổ sung.** * **GV nx các nhóm. Chốt kt.** | | | | **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  **1/ Nhân vật chú ếch:** |  |
|  | **Ếch ở trong giếng** | | **Ếch ra khỏi giếng** | |  |
| **Môi trường sống** | sống lâu ngày trong giếng … xung quanh chỉ có nhái, cua, ốc nhỏ..môi trường sống hạn hẹp, tù túng | | mưa to, nước dềnh lên, ếch tràn ra ngoài  Môi trường sống thay đổi rộng lớn hơn | |  |
| **Hành động, suy nghĩ của nhân vật** | * Kêu ồm ộp vang khắp cả giếng…con vật kia khiếp sợ * Mình oai như vị chúa tể * Bầu trời chỉ bé bằng chiếc vung | | * Kêu ồm ộp, nghênh ngang đi lại khắp nơi. * Nhâng nháo nhìn lên trời, không để ý xung quanh | |  |
| **Nhận xét về chú ếch** | **Suy nghĩ nông cạn, kiêu căng, tự mãn** | | **Coi thường mọi thứ xung quanh** | |  |
| **GV giảng.**  ? Cuối cùng, chú ếch đã phải chịu kết cục gì?  ? Vì sao chú ếch lại bị giẫm bẹp?  ? E thấy đây là kết cục ntn ?  \* Thảo luận cặp đôi: Tác giả dân gian đã sử dụng biện pháp NT nào để xây dựng nhân vật chú ếch?  * **Chú ếch tiêu biểu cho đối tượng nào** | | \* Kết cục: Bị trâu giẫm bẹp  -> Là kết quả tất yếu của thói kiêu ngạo, huênh hoang của chính mình.  + NT: nhân hoá, ẩn dụ  **Ếch tiêu biểu cho những người hiểu biết cạn hẹp mà lại huênh hoang, kiêu ngạo.** | | | |

**trong xã hội con người?**

? Trong cuộc sống, em đã từng gặp ai giống như chú ếch này chưa? Hãy kể về họ?

- GV chiếu ảnh, tích hợp môn GDCD: an toàn giao thông.

? Vậy từ đây em thấy khi tham gia giao thông chúng ta cần chú ý điều gì?

? Truyện ngụ ngôn “Ếch ngồi đáy giếng” khuyên chúng ta bài học gì?

HS phát biểu tích cực.

? Truyện ngụ ngôn này ra đời từ rất xa xưa. Vậy theo em, bài học từ câu chuyện này bây giờ có còn giá trị?

* GV liên hệ thực tế, gd đạo đức cho hs. HĐ 3: Tổng kết:

GV sd kĩ thuật hỏi và trả lời để HS tìm hiểu giá trị về NT và nội dung của truyện. HS luân phiên nhau thực hiện.

## Hoạt động luyện tập:

**2/ Bài học:**

* Không nên huênh hoang, chủ quan, kiêu ngạo. Người huênh hoang, kiêu ngạo dễ phải trả giá đắt.
* Phải biết mở rộng tầm hiểu biết của mình.

## III. Tổng kết:

1. **Nghệ thuật:**

* Sử dụng cách nói ẩn dụ
* Ngôn ngữ hàm súc, ngắn gọn

## Nội dung:

* Phê phán những kẻ hiểu biết hạn hẹp nhưng huênh hoang.
* Khuyên người ta phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không được chủ quan, kiêu ngạo.
* Hãy tìm những thành ngữ tương ứng với câu chuyện “Ếch ngồi đáy giếng”. Đặt câu với thành ngữ đó?
* Hãy tìm và gạch chân 2 câu văn thể hiện nội dung, ý nghĩa của truyện ? Giải thích vì sao em lựa chọn như vậy ?

(Gợi ý:

+ Câu 1: “Ếch cứ tưởng…vị chúa tể” nói về môi trường nhỏ hẹp và sự ngộ nhận, ảo tưởng về bản thân của ếch

+ Câu 2: “Nó nhâng nháo…đi qua giẫm bẹp” nói về thái độ chủ quan, kiêu ngạo của ếch và hậu quả mà nó phải chịu)

## Hoạt động vận dụng:

GV tổ chức cho hs diễn 1 vở kịch ngắn “Ếch ngồi đáy giếng”.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc thêm và sưu tầm các truyện ngụ ngôn khác (có thể là cả truyện ngụ ngôn nước ngoài) cho bài học tương tự.
* Chuẩn bị: Soạn bài “Thầy bói xem voi”: đọc truyện, tóm tắt truyện, tìm hiểu các chú thích, phân tích truyện theo hướng gợi ý của sgk phần đọc – hiểu văn bản.

## Tuần 11

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 42

**THẦY BÓI XEM VOI**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:** Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* Biết đặc điểm, nhân vật, sự việc, cốt truyện trong một tác phẩm ngụ ngôn.
* Hiểu ý nghĩa giáo huấn của truyện.
* Biết được cách kể chuyện ý vị, tự nhiên, độc đáo của truyện.

## Kỹ năng:

* Đọc-hiểu được văn bản truyện ngụ ngôn.
* Rèn kĩ năng làm việc nhóm, nhận xét, đánh giá.
* Liên hệ các sự việc trong truyện với những tình huống, hoàn cảnh thực tế.
* Kể diễn cảm truyện *Thầy bói xem voi*

## Thái độ:

* Phê phán cách nhìn nhận, đánh giá sự việc phiến diện.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, tự học, cảm thụ, nhận xét, phân tích
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, sống có trách nhiệm.

## CHUẨN BỊ

1. **GV:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, tranh ảnh, máy chiếu.
2. **HS:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* + Phương pháp: làm mẫu, vấn đáp, hoạt động nhóm, thuyết trình tích cực, luyện tập thực hành,...
  + Kĩ thuật: giao nhiệm vụ, đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, động não, trình bày một phút

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp.**
* **Kiểm tra bài cũ:**
  + Nêu đặc điểm của truyện ngụ ngôn. Hãy kể lại truyện “ Ếch ngồi đáy giếng”. Hãy rút ra bài học từ truyện ngụ ngôn đó ? – HS lên bảng trả lời.

## Bắt đầu khởi động:

* + GV chiếu tranh con voi, yêu cầu HS lên bảng kể tên và chỉ từng bộ phận trên cơ thể voi.
  + GV giới thiệu bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **YÊU CẦU CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Đọc, tìm hiểu chung:**   * PP: vấn đáp, làm mẫu, hđ nhóm * KT: đọc tích cực, TL nhóm * NL: sử dụng ngôn ngữ, hợp tác.   ? Cần đọc truyện với giọng như thế nào? Gọi học sinh đọc phân vai.  GV chiếu tranh, HS tóm tắt truyện dựa vào tranh minh hoạ.  ? Giải nghĩa từ: *thầy bói, sun sun, quạt thóc, đòn càn*?  \* HS **thảo luận cặp đôi** tìm hiểu chung về thể loại của truyện, phương thức biểu đạt chính, nhân vật, bố cục văn bản.  HS  báo cáo, GV nx, chốt, chuyển ý.  **HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản:**  - PP: vấn đáp, hđ nhóm, thuyết trình | Đọc - tìm hiểu chung:  * 1. Đọc, tóm tắt, hiểu chú thích:   Tóm tắt: Chuyện kể về năm ông thầy bói cùng nhau xem voi, nhưng mỗi người chỉ sờ được một bộ phận của voi rồi cùng nhau phán về voi. Thầy bảo voi như con đỉa, thầy bảo voi như cái đòn càn, thầy bảo voi như cái quạt thóc, thầy bảo voi như cột đình, thầy bảo voi như cái chổi sề… . Ai cũng cho là mình đúng, không ai chịu ai, các thầy xông vào đánh nhau toạc đầu, chảy máu.   * 1. Tìm hiểu chung văn bản: * Thể loại : truyện ngụ ngôn. * Phương thức biểu đạt: tự sự * Nhân vật ngụ ngôn là người. * Bố cục:   + P1: từ đầu...*sờ đuô*i: Các thầy bói xem voi   * P2: tiếp...*chổi xể cùn*: Các thầy phán về voi * P3: còn lại: Hậu quả của việc xem và phán về voi   **II. Tìm hiểu chi tiết văn bản:** |

* + KT: TL nhóm, giao nhiệm vụ, chia nhóm, động não, trình bày một phút
  + NL: sử dụng ngôn ngữ, tự học, giao tiếp, hợp tác

? Các thày bói xem voi trong hoàn cảnh nào?

? Nhận xét về cách mở truyện?

* + HS thảo luận nhóm:

*? Tìm chi tiết kể cách xem voi của các thày bói mù?*

*? Nghệ thuật được sd trong đoạn kể các thày bói xem voi?*

*? Nhận xét cách xem voi của các thày?*

* Các nhóm TL, báo cáo -> nx, bổ sung.
* GV nx, chốt kt.

? Sau khi sờ voi, các thầy bói lần lượt nhận xét về voi như thế nào?

? Biện pháp NT gì được dùng ở đây? Tác dụng của BPNT này?

* HS thảo luận cặp đôi:

*? Tại sao 5 thày bói sờ tận tay vào con voi mà vẫn có nhận xét khác nhau về voi? Các thày nhận xét đúng – sai chỗ nào?*

(Cả 5 thày đều đúng nhưng chỉ đúng cho từng bộ phận của voi)

? Từ đây em có nhận xét gì về cách phán voi của 5 ông thày bói?

## 1. Các thầy bói xem voi:

* Hoàn cảnh:
* Các thầy bói đều bị mù.
* Ế hàng, ngồi tán gẫu, có voi đi qua
* Chưa biết hình thù con voi.

-> Cách mở truyện ngắn gọn, hấp dẫn

* Cách xem voi:
* Dùng tay để xem.
* Mỗi thầy sờ một bộ phận:

+ Thày sờ vòi

+ Thày sờ ngà

+ Thày sờ tai

+ Thày sờ chân

+ Thày sờ đuôi

NT: điệp ngữ, giọng điệu giễu cợt

*-> Cách xem voi không toàn diện của các thày bói.*

### *Các thầy bói nhận xét về voi:*

sun sun như con đỉa chần chẫn như đòn càn

- Con voi bè bè như cái quạt thóc

Sừng sững như cột đình tua tủa như chổi xể cùn

+ NT: so sánh, từ láy -> đặc tả hình thù con voi, tô đậm nhận xét sai lầm của các thầy bói.

*-> Cách phán voi phiến diện, sai lầm* (Sờ

? Tìm các câu văn, từ ngữ thể hiện thái độ của các thày khi phán voi?

? Kiểu câu nào được sử dụng chủ yếu trong các câu trên? Tác dụng?

? Những câu văn, từ ngữ trên thể hiện thái độ gì của các thày bói?

GV cho hs liên hệ thực tế.

? Truyện thày bói xem voi có kết cục gì?

? NT được sd trong đoạn kết truyện?

? Em có nhận xét gì về kết cục này?

? Qua sự việc này ND ta muốn tỏ thái độ gì với những người làm nghề bói toán?

*?Vậy chúng ta có nên tin vào bói toán không? Khi thấy một hiện tượng mê tín dị đoan ta phải làm gì?*

HS tloi, GV giáo dục KNS cho HS.

* HS thảo luận cặp đôi:

*? Mượn sự việc này, ND ta muuốn khuyên răn điều gì? Liên hệ thực tế?*

* HS trình bày ngắn gọn bài học rút ra được từ truyện trong thời gian 1 phút.

HĐ 3: Tổng kết:

* PP: vấn đáp
* KT: đặt câu hỏi
* NL: tự học

? Khái quát những đặc sắc về NT và ND của truyện?

HS phát biểu -> GV nx, chốt kt.

bộ phận -> đoán toàn bộ con voi)

* Thái độ:

*Tưởng … thế nào ... hoá ra ... Không phải, ...*

*Đâu có!...*

*Ai bảo !...*

*Các thầy nói không đúng cả! Chính nó...*

+ Sử dụng hàng loạt câu phủ định

-> Phản bác ý kiến của ngươì khác, quả quyết khẳng định ý kiến của mình.

-> Thái độ bảo thủ, không biết lắng nghe.

### *Hậu quả:*

* Đánh nhau toác đầu chảy máu
* Vẫn chưa biết hình thù con voi

+ NT: nói quá -> tạo tiếng cười hài hước

-> Bài học đáng nhớ.

## -> Phê phán, chế giễu nghề thày bói tán dóc, nói mò, thiếu cơ sở.

### *Bài học.*

*Không nên chủ quan trong nhận thức sự vật. Muốn nhận thức đúng sự vật phải xem xét toàn diện.*

## Tổng kết.

* 1. Nghệ thuật

- Mượn chuyện không bình thường của con người để khuyên răn con người bài học sâu sắc nào đó( bài học về cách thức nhận thức sự vật)

* 1. Nội dung:
* Phê phán nghề thầy bói.

HS đọc ghi nhớ sgk. - Khuyên người ta muốn hiểu đúng sự vật phải nghiên cứu toàn diện sự vật đó.

## \* Ghi nhớ sgk

1. **Hoạt động luyện tập:**

BT 1. Kể diễn cảm truyện?

BT 2: Nói trước lớp suy nghĩ của em về bài học rút ra từ câu chuyện?

## Hoạt động vận dụng:

? Tìm điểm giống + khác nhau giữa 2 chuyện *Ếch ngồi đáy giếng* và *Thầy bói xem voi* ?

* Giống nhau: Cả hai chuyện đều nêu ra những bài học về nhận thức (tìm hiểu và đánh giá về sự vật, hiện tượng) nhắc người ta không được chủ quan trong việc nhìn nhận sự vật và hiện tượng xung quanh.
* Khác nhau:

+ *ếch ngồi đáy giếng* :nhắc nhở con người phải biết mở rộng tầm hiểu biết, không được kiêu ngạo, coi thường....

+ *Thầy bói xem voi*: là bài học về phương pháp tìm hiểu sự vật, hiện tượng.

Những đặc điểm tiêng của hai truyện bổ trợ cho nhau trong bài học về nhận thức

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc các câu chuyện ngụ ngôn khác.
* Sưu tầm những câu ca dao, thành ngữ về thày bói.
* Chuẩn bị bài mới: Danh từ (tiếp theo). Đọc và phân tích kỹ ví dụ SGK.
* Tìm danh từ và đặt câu với danh từ đó.

--------------------------------------------

# Tuần 11.

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 41. Bài 10. Tiếng việt.

**DANH TỪ** ( Tiếp theo )

## MỤC TIấU BÀI HỌC.

* **Qua bài, học sinh cần:**
  + 1. **Kiến thức**:
       - Nhận biết được các tiểu loại danh từ chỉ sự vật : Danh từ chung và danh từ riêng.

Hiểu được thế nào là danh từ chung, danh từ riêng.

* + - * Biết quy tắc viết hoa danh từ riêng.

## Kĩ năng:

* + Nhận diện được danh từ chung và danh từ riờng.
  + Viết hoa danh từ riêng đúng quy tắc.

## Thái độ:

* + Biết vận dụng kiến thức đó học vào viết văn bản.

- Cú ý thức học tập, gìn giữ sự trong sáng của tiếng Việt.

## Năng lực - Phẩm chất.

* **Năng lực**: Hợp tác, giao tiếp, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, tự học.

|  |  |
| --- | --- |
| Danh từ chung | Vua, tráng sĩ, đền thờ, làng, xã......  ***-> Tên gọi 1 loại sự vật.*** |
| Danh từ riêng | Phù Đổng Thiên Vương, Gióng, Gia Lâm, Hà Nội.  ***-> Tên riêng của người, địa phương.*** |

* **Phẩm chất**: Tự lập, tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên**: SGK, SGV, từ điển tiếng Việt, máy chiếu.
2. **Học sinh**: Học bài cũ, chuẩn bị bài mới.

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

1. **Phương pháp**: Hoạt động nhóm, DH bằng trò chơi, luyện tập thực hành, phân tích mẫu.
2. **Kĩ thuật**: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, trò chơi, lược đồ tư duy

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

### *Ổn định tổ chức*:

* ***Kiểm tra bài cũ***:

? Thế nào là danh từ ? Cho ví dụ ?

? Nêu đặc điểm của danh từ ? Làm bài 2( sgk)

### *Bắt đầu khởi động*:

* HS quan sát bức tranh: thủ đô Hà Nội, Hưng Yên, cuốn sách... -> gọi tên sự vật.
* Tên các sự vật trong tranh là các danh từ chung và các danh từ riêng các em đã học ở tiểu học. Vậy để phân biệt các loại danh từ này cụ thể hơn, cô và các em vào bài học hôm nay.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt.** |
| **HĐ 1: DT chung và DT riờng**.   * PP: Vấn đáp, TL nhóm, trò chơi. * KT : Đặt câu hỏi, TL nhóm, TC trò chơi. * NL: tự học, giao tiếp, hợp tác * HS đọc VD.   ***\* TL nhóm: 6 nhóm ( 3 p)***  ? Dựa vào các kiến thức đó học ở tiểu học hãy tìm danh từ trong ví dụ và điền vào bảng phân loại?  ? Các danh từ trên chỉ gì?   * *ĐD HS TL – HS khác NX, b/s.* * *GV chốt KT*.   ? DT chung và DT riêng thuộc loại DT nào?  ? Từ vd, em hiểu thế nào là danh | Danh từ chung và danh từ riêng.  * 1. **Khái niệm.**      1. **Ví dụ.**   **Bảng phân loại.**  ***-> DT chỉ sự vật***   * + 1. **Ghi nhớ ý 1 - SGK /T.109** |

từ chung? Danh từ riêng?

### *\* Chơi trò chơi tiếp sức (2p).*

* ***Luật chơi: mỗi đội 2 em, 2p đội nào tìm được nhiều DT đội đó sẽ chiến thắng***.

? tìm danh từ chung?

### *HS TG – HS khỏc NX.*

* ***GV NX, khen đội tích cực.***

? Tìm danh từ riêng và đặt câu với danh từ đó?

*\* Lưu ý: - DT chung ko viết hoa.*

*- Danh từ riờng viết hoa.*

## HĐ2: Quy tắc viết hoa DT riêng

* PP: Vấn đáp, hoạt động nhóm
* KT : Đặt câu hỏi, mảnh ghép.
* NL: hợp tác

### *Vòng 1: HS thảo luận tìm:*

* N 1,2: Quy tắc viết hoa tên người, tên địa lý Việt Nam?
* N 3,4: Quy tắc viết hoa tên người, tên địa lí nước ngoài?
* N5, 6: Quy tắc viết hoa tên cơ quan, tổ chức, danh hiệu, giải thưởng, huân chương...?

### *Vòng 2 (HS tạo nhóm mới): Tìm quy tắc viết hoa danh từ riêng?*

? Nêu quy tắc viết hoa dt riêng ?

* Gọi hs đọc ghi nhớ.

-

GV khái quát toàn bài.

* VD: cái, bàn, ghế…
* VD: Ngọc Anh, Hùng Cường...

## 2. Quy tắc viết hoa danh từ riêng.

**\* Ví dụ 1.**

a, Nguyễn Văn Hùng, Trần Thị Thanh Hà, Trường trung học cơ sở Hùng An, Kim Động, Hưng Yên... b, Mao Trạch Đông, Trung Quốc, A-lếch-xan-đrơ Xéc-ghê-ê-vích Pur-skin; Na-pô-lê-ông ...

c, Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giải thưởng Sao vàng đất Việt.

### *\* Quy tắc viết hoa:*

* Tên người, tên địa lý Việt Nam viết hoa chữ cái đầu tiờn của mỗi tiếng.
* Tên người, tên địa lý nước ngoài được phiên âm qua âm Hán Việt: viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi tiếng..
* Tên người, tên địa lý nước ngoài được phiên âm trực tiếp ( không qua õm Hỏn Việt): Viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo nên tên riêng đó; Nếu một bộ phận gồm nhiều tiếng thỡ viết hoa chữ cỏi đầu của mỗi bộ phận, giữa các tiếng phải có dấu gạch nối.
* Tên cơ quan, tổ chức, danh hiệu, giải thưởng, huân, huy chương thường là một cụm từ, viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành cụm từ đó .

### *- DT riêng viết hoa chữ cái đầu tiên của mỗi bộ phận tạo thành tên riêng đó.*

\* Ghi nhớ 2, 3 SGK/ T. 110

## Ghi nhớ /SGK

1. **Hoạt động luyện tập.**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| * PP: Vấn đáp, LTTH. * KT : Đặt câu hỏi.   ? Tìm danh từ riêng và danh từ chung?   * Gọi hs đọc yêu cầu bài 2.   ? Các từ in đậm có phải DT riêng không? Vì sao?   * Gọi hs làm. | **\* Bài tập 1**.   * DT riêng: Lạc Việt, Bắc Bộ, Long Nữ, Lạc Long Quõn * DT chung: Ngày xưa, miền, đất, vị, thần, núi, con, trai, tên   **\* Bài 2.**  - Các từ in đậm : Mây, Hoa… đều là danh từ riêng vỡ chỳng được dùng để gọi tên riêng của từng sự vật cá biệt mà không phải dùng để gọi tên chung một loại sự việc. |

## Hoạt động vận dụng.

? Hãy tìm các danh từ riêng và danh từ chung chỉ người, vật trong lớp em, trong gia đình em? Đặt câu với các danh từ đó?

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Chép khổ thơ có sử dụng DT chung và DT riêng.

## \* Học bài:

* Học thuộc phần ghi nhớ SGK/ T. 109, 110.
* Làm bài tập cũn lại trong SGK.

\* Chuẩn bị bài mới: Trả bài kiểm tra Văn (mang từ điển tiếng Việt để kiểm tra lỗi chính tả)

# Tuần 12.

Ngày soạn: Ngày dạy:

# Tiết 42 . TLV. TRẢ BÀI KIỂM TRA VĂN

## MỤC TIÊU BÀI HỌC.

* Qua tiết trả bài, học sinh cần:

## Kiến thức:

* Biết rõ những ưu điểm trong bài viết của mình để phát huy và để khắc phục những tồn tại trong bài viết.
  1. **Kỹ năng**: Nhận biết lỗi, tự sửa lỗi sai, diễn đạt chuẩn.
  2. **Thái độ**: Có ý thức nghiêm túc học tập, làm bài, chăm chỉ viết văn.

## Năng lực - Phẩm chất.

* **Năng lực**: Hợp tác, giao tiếp, tư duy sáng tạo, tự học.
* **Phẩm chất**: Tự lập, tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ

**1, Giáo viên**: SGK, SGV, bảng phụ ghi các lỗi sai trong bài viết của học sinh, chấm bài kỹ và chỉ ra những lỗi sai cho học sinh.

**2, Học sinh**: Xem và làm lại bài kiểm tra văn, chuẩn bị bài mới.

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

**1, Phương pháp**: Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.

**2, Kĩ thuật**: Thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

### \* *Ổn định tổ chức*:

**\* Kiểm tra (15 phút) A- Đề bài**

Cõu 1: Tóm tắt truyện “ Thầy bói xem voi”?

Cõu 2: Suy nghĩ của em về chú ếch trong truyện “ Ếch ngồi đáy giếng” ? Từ đó em rút ra được bài học gì cho mình ?

\* Học bài: - Tập nói trước ở nhà theo các đề văn trên lớp.

* Làm dàn ý và núi theo dàn ý đó lập cho cỏc đề văn cũn lại.

\* Chuẩn bị bài: Cụm danh từ bằng cách đọc kỹ phần ví dụ. Trả lời các câu hỏi:

+ Thế nào là cụm danh từ.

+ Đặc điểm của cụm danh từ ( Phần phụ trước, phần trung tâm, phần phụ sau)

## Tuần 12

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 44 – Tiếng Việt

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT**

Qua bài học, HS cần :

## Kiến thức:

**CỤM DANH TỪ**

* + HS hiểu đặc điểm của cụm dnah từ: nghĩa, chức năng ngữ pháp, cấu tạo đầy đủ, ý nghĩa của phụ ngữ trước và phụ ngữ sau trong cụm danh từ.

## Kỹ năng:

* + Nhận diện và phõn tớch cấu tạo của cụm danh từ.
  + Đặt câu với các cụm danh từ.
    1. **Thái độ:** Yờu thớch mụn tiếng Việt

## Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác, sáng tạo, tự học, tư duy, phân tích
  + Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:** Giáo án, hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, máy chiếu
2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* + Phương pháp: gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, trực quan, trò chơi
  + Kĩ thuật: thảo luận nhóm, chia nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:** (lồng trong bài)

## Bắt đầu khởi động:

GV cầm viên phấn, yêu cầu HS tìm danh từ từ vật đó. GV yêu cầu HS bổ sung thêm 1 số từ ngữ khác đứng trước và sau DT vừa tìm được để làm rõ nghĩa cho từ đó -> HS tìm -> GV dẫn vào bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| HĐ 1: Tìm hiểu cụm danh từ là gì   * PP: hđ nhóm, ptích mẫu, lt-t/hành * KT: đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, TL nhóm * NL: tư duy, phân tích, giao tiếp, sd ngôn ngữ   GV chiếu VD. HS đọc VD/116  **?** Các từ gạch chân bổ sung ý nghĩa cho những từ ngữ nào ?  **?** Các từ đc bổ sung ý nghĩa: *ngày, vợ chồng, túp lều* thuộc từ loại nào ?  ? Các từ ngữ bổ sung nằm ở vị trí nào so với danh từ?  ? Nhận xét về cấu tạo của các cụm từ trên?  Gv: các tổ hợp từ trên là các cụm danh từ.  **?** Vậy em hiểu thế nào CDT?  Gv: chỉ rõ DT trung tâm, phần phụ cho DT trong các VD, chốt khái niệm.  HS: đọc ghi nhớ 1 sgk.  HS đọc ví dụ.  ? Các từ ngữ đứng trước và sau DT trong các CDT này bổ sung ý nghĩa gì cho DT? | Cụm danh từ là gì.  * 1. **Khái niệm:**   \* VD 1: sgk/ 116.  - Ngày **xưa**, có **hai** vợ chồng **ông lão đánh cá**  DT DT   ở với nhau trong một túp lều nát trên bờ biển.  DT    * Các từ bổ sung ý nghĩa cho DT đứng trước và sau danh từ -> gọi là từ ngữ phụ thuộc (phụ ngữ) * Các cụm từ trên có cấu tạo là một tổ hợp từ   - Các tổ hợp từ: *ngày xưa, hai vợ chồng ông lão đánh cá, một túp lều nát trên bờ biển* là các CDT.  Cụm DT: là loại tổ hợp từ do DT với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.  \* Ghi nhớ (sgk/ 117)  **2. Ý nghĩa, chức năng ngữ pháp của CDT:**  \* Vớ dụ 2:  *+ túp lều/ một túp lều* (bổ sung yn về số lượng)  *+ một túp lều / một túp lều nát* (bổ sung yn về số lượng, đặc điểm)  *+ 1 túp lều nát / 1 tỳp lều nát trên bờ biển* (bổ sung yn về số lượng, đặc điểm, nơi chốn) | | |  |
|  |  | DT | Cụm DT |  |
|  |  |  |  |  |
| ***?*** *So sánh ý nghĩa và cấu tạo của*  *CDT so với DT?*  ***?*** *Em hãy rút ra nhận xét về nghĩa và cấu tạo của CDT so với nghĩa và cấu* |  | + túp lều   * cấu tạo đơn giản * ý nghĩa khái quát | + 1 túp lều nát trên bờ biển   * cấu tạo phức tạp * ý nghĩa đầy đủ, cụ thể |  |
| *tạo của 1 DT ?*  **- HS thảo luận cặp đôi**  - HS trình bày, GV nx,chốt.  *GV: Nghĩa của CDT đầy đủ hơn nghĩa của 1 DT. Số lượng phụ ngữ càng nhiều, cấu tạo cụm DT càng* |  | Cụm DT có ý nghĩa đầy đủ hơn, cấu tạo phức tạp hơn DT. | |  |

*phức tạp thì nghĩa của cụm DT càng đầy đủ.*

**?** Cho DT “bạn”, hãy phát triển thành 1 CDT và đặt câu?

**?** Quan sát các câu sau, phân tích thành phần câu?

**?** CDT “*bạn ấy*” giữ chức năng gì trong các câu trên?

**?** Từ VD, nx về chức năng ngữ pháp của CDT so với chức năng ngữ pháp của DT trong câu?

HS đọc ghi nhớ sgk

GV khái quát nội dung mục I.

GV cho HS làm BT 1 sgk: tìm CDT trong các câu.

(gọi 3 hs)

HĐ 2: Tìm hiểu cấu tạo CDT

* PP: vấn đáp, hoạt động nhóm
* KT: thảo luận nhóm
* NL: giao tiếp, hợp tác, sd ngôn ngữ, phân tích, tự học

GV chiếu ví dụ.

Hs: đọc ví dụ sgk/ 117

**?** Tìm các cụm danh từ trong đoạn văn vừa đọc ? (HS làm việc cá nhân)

**?** Liệt kê những từ ngữ phụ thuộc đứng trước và đứng sau DT trong các CDT vừa tìm ? Sắp xếp chúng thành 2 loại.

* Đặt câu:
* Bạn ấy / học rất giỏi. (CDT làm chủ ngữ) CN VN
* Người đạt danh hiệu HSG / **là** bạn ấy. (làm VN)

CN VN

* Chúng ta / cần học tập bạn ấy. (làm PN cho ĐT)

Chức năng ngữ pháp của CDT : giống như DT.

\* Ghi nhớ 2 (Sgk/ 117)

## Ghi nhớ (SGK/117)

**\* Bài tập 1 (sgk/118)**

a, một người chồng thật xứng đáng. b, một lưỡi búa của cha để lại.

c, một con yêu tinh ở trên núi.

## II. Cấu tạo của cụm danh từ:

**1. Tìm hiểu ví dụ:**

* + Các cụm DT: làng ấy, ba thúng gạo nếp, ba con trâu đực, ba con trâu ấy, chín con, năm sau, cả làng.
  + PT: + cả (lượng tổng thể)

+ ba, chín ( số lượng cụ thể)

* + PS: + Nếp, đực, sau ( đặc điểm của sự vật)

+ ấy ( vị trí của sự vật)

* Thảo luận nhóm (4 nhóm)
  + GV chiếu mô hình của CDT.
  + GV nêu yêu cầu: HS điền các CDT vào mô hình; Nxét cấu tạo của CDT (CDT gồm ~ bộ phận nào ? Nhiệm vụ của từng bộ phận trong CDT)
* Mô hình CDT:

ần sau

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phần trước | | |  |  |  |  |
|  | t1 | t2 | T1 T2 s1 | |  | s2 |
|  |  |  | làng |  |  | ấy |
|  |  |  |  | | |  |

t l

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| * HS thảo luận 4 phút * Đại diện 1 nhóm báo cáo, các nhóm |  |  |  | ba | thúng gạo | | nếp |  |  |  |
| khác nx, bổ sung. |  |  |  | ba | con | trâu | đực |  |  |  |
| - GV chiếu đáp án, nx, khen nhóm |  |  |  | ba | con | trâu |  |  |  |  |
| làm tốt, chốt kt |  |  |  | chín | con |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | năm | sau |  |  |  |  |
|  |  |  | Cả |  | làng |  |  |  |  |  |
| **?** Từ ví dụ và sơ đồ trên, hãy khái quát cấu tạo của CDT?  HS đọc ghi nhớ sgk.  **?** Phần nào có thể vắng, phần nào ko thể vắng trong CDT? |  |  | * Cụm DT có cấu tạo đầy đủ gồm 3 phần: phần rước, phần trung tâm, phần sau. * Phụ ngữ đứng trước: bổ sung ý nghĩa về số, ượng cho DT * Phụ ngữ đứng sau: nêu đặc điểm, vị trí của sự vật   **2. Ghi nhớ (sgk.118)**  **\* Bài tập 2:** | | | | | | |  |
| - Yêu cầu HS điền những CDT đó |  |  | PT |  | PTT |  | PS |  |  |  |
| tìm được ở BT 1 vào mô hình |  |  | t2 | t1 | T1 | T2 | S1 | S2 |  |  |
| - 3 hs lần lượt lên bảng. |  |  |  | một | người | chồ ng | thật xứng đáng |  |  |  |
|  |  |  |  | một | Lưỡi | Búa | của cha để lại |  |  |  |
|  |  |  |  | một | con | yêu tinh | ở trên  núi... |  |  |  |

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| GV chiếu BT 3. **III. Luyện tập:**  Hs: xác định yêu cầu bài 3 sgk. Bài 3 sgk/118  HS làm việc cá nhân. ấy, vừa rồi, cũ HS phát biểu, bổ sung, nx.  GV chốt, chấm điểm.   * GV tổ chức cho HS thi tìm CDT . Bài 4: * GV phổ biến cuộc thi: Lớp chia làm 2 đội: Đội chẵn – đội lẻ (số đếm); Các đội | | | | | | | |  |
| lần lượt đọc ra 2 DT (ghi ra giấy) -> nhóm  đối phương tạo CDT từ DT đội bạn cho; - Danh từ:…………………………….. Nhóm nào tạo được CDT đầy đủ các phần - Cụm danh từ: …………………………. và điền vào mô hình chuẩn nhất, nhóm đó ………………………………………….. | | | | | | | |  |
| giành chiến thắng; Thời gian để các nhóm - Mô hình | | | | | | | |  |
| làm việc là 3 phút. (GV phát phiếu cho 2 |  | t1 | t2 | T1 | T2 | s1 | s2 |  |
| nhóm) | | | | | | | |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| * HS 2 đội thi. HS 2 đội nhận xét đội bạn. * GV chấm bài 2 đội, phát phần thưởng. |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | | | | | | | |

## Hoạt động vận dụng:

* + HS viết đoạn văn ngắn gồm 3 câu trở lên giới thiệu về bạn thân của mình, trong đó có ít nhất 1 cụm danh từ.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Đọc sách “Ngữ văn 6 nâng cao” trang 108, tỡm hiểu thờm về cấu tạo của thành phần phụ sau của cụm danh từ. Ghi những thông tin tìm được vào vở tích lũy.
  + Soạn: Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng (đọc vb, tìm bố cục, tóm tắt vb, tìm hiểu truyện theo gợi ý các câu hỏi phần Đọc – hiểu văn bản). 3 nhóm kí hợp đồng với GV. Nội dung: kể tóm tắt truyện, giới thiệu về thể loại, phương thức biểu đạt, bố cục của truyện.

## Tuần 12

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 45 – Văn bản:

**CHÂN, TAY, TAI, MẮT, MIỆNG**

(Truyện ngụ ngôn)

## MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* + Biết được đặc điểm thể loại của truyện ngụ ngôn trong văn bản “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng”.
  + Hiểu được nét đặc sắc của truyện: cách kể ý vị với ngụ ý sâu sắc khi đúc kết bài học về sự đoàn kết.

## Kỹ năng:

* + HS đọc - hiểu văn bản truyện ngụ ngôn theo đặc trưng thể loại.
  + HS phân tích, hiểu ngụ ý của truyện.
  + HS kể lại được truyện.

## Thái độ:

* + HS không sống tách biệt mà đoàn kết, gắn bó với tập thể.

## Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: hợp tác, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, tự học, cảm nhận, đọc – hiểu văn bản
  + Phẩm chất: tự tin, tự chủ, tự trọng, nhân ái, khoan dung.

## CHUẨN BỊ

1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, máy chiếu
2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:**
  + Hãy tóm tắt truyện “Thầy bói xem voi” và nêu ý nghĩa và bài học rút ra từ truyện .

## Bắt đầu khởi động:

* + Em đã từng nghe truyện “Bó đũa” chưa? Hãy kể lại cho cô và các bạn nghe.
  + HS kể. (HS ko kể được, GV chiếu video truyện)
  + Truyện cho em hiểu ra điều gì?
  + GV dẫn vào bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **HĐ 1: Đọc và tìm hiểu chung**   * PP: đọc phân vai, dạy học hợp đồng. * KT: TL nhóm. * NL: hợp tác, giao tiếp, ngôn ngữ   ? Nên đọc vb bằng giọng ntn?   * HS đọc phân vai. * GV chiếu tranh, HS tóm tắt.   ? GV cho hs nối cột để giải nghĩa từ.   * GV kiểm tra việc thực hiện hợp đồng của HS 3 nhóm (thể loại, ptbd, n.vật, bố cục) * HS thảo luận 2p thống nhất nội dung. * HS đại diện 1 nhóm lên trình bày. * Nhóm khác đối chiếu, nhận xét, bổ sung. | Đọc và tìm hiểu chung:  * 1. Đọc, kể tóm tắt, hiểu chú thích: * Tóm tắt: Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng sông hòa thuận với nhau. Một ngày nọ chúng tị với lão Miệng là lão chẳng làm gì mà được ăn ngon. Cả bọn quyết định không chịu làm gì để cho lão Miệng không còn gì ăn. Qua đôi ba ngày, Chân, Tay, Tai, Mắt thấy mệt mỏi không buồn làm gì cả. Sau đó họ mới vỡ lẽ ra là nếu lão Miệng không được ăn thì chúng không có sức. Cuối cùng, họ quyết định sửa sai, tất cả lại hoà thuận như xưa. * Chú thích (sgk)   2. Thể loại: Truyện ngụ ngôn  - Phương thức biểu đạt: Tự sự + miêu tả  3. Bố cục: 3 phần:  - Từ đầu đến *kéo nhau về* Chân Tay, Tai, Mắt so bì, tị nạnh với Miệng. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| * GV n.xét, chốt.   HĐ 2: tìm hiểu chi tiết văn bản   * PP: phân tích, giảng bình, dùng lời có nghệ thuật, hoạt động nhóm. * KT: động não, TL nhóm, trình bày 1 phút * NL: ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác, đọc hiểu văn bản   ? Mở đầu truyện, tác giả dân gian giới thiệu ntn về quan hệ của 5 nhân vật?  ? Đang sống hòa thuận, giữa 4 người và lão Miệng bỗng xảy ra chuyện gì ? Ai là người phát hiện ra vấn đề ? |  | - Còn lại Kết cục của sự so bì ấy và cách khắc phục hậu quả  4. Nhân vật: Các nhân vật đều là những bộ phận cơ thể người được nhân hoá.  -> mượn chuyện các bộ phận cơ thể người để nói về chuyện con người (khác với 2 truyện kia: mượn chuyện con vật) Tìm hiểu chi tiết văn bản:  * 1. **Sự so bì của Chân, Tay, Tai, Mắt với lão Miệng:** * Từ xưa vẫn sống thân thiết. * Chân, Tay, Tai, Mắt bất bình so bì, tị nạnh với lão Miệng | | |  |
| ? Vsao cô Mắt là người phát hiện ra vđề?  GV giảng: Cô Mắt là người phát hiện ra |  |  | Chân, Tay, Tai, Mắt | Lão Miệng |  |
| vấn đề là điều rất hợp lí vì mắt là bộ phận  có chức năng nhìn và quan sát.  \* GV tổ chức hdd nhóm (4 nhóm – chia nhóm 1234) Tìm chi tiết miêu tả cử chỉ, hành động, lời nói của các nhân vật trong cuộc so bì giữa CTTM và lão Miệng?  1. **NT được sử dụng trong đoạn này?** 2. **Qua cuộc so bì của các nv, em nhận ra tính cách nào của các nhân vật ấy?**  * GV chiếu PHT, phát PHT, thông báo thời gian làm việc của 4 nhóm – 4 phút * Các nhóm thảo luận, trình bày, so sánh, nhận xét, bổ sung. * GV chốt. |  | Cử chỉ, hành động, lời nói | * Cô Mắt: than thở (lão chẳng làm gì cả, chỉ ngồi ăn không…chúng ta đừng làm gì nữa) * Cậu Chân, cậu Tay, bác Tai đồng tình, hưởng ứng * hăm hở đến nhà lão Miệng * nói thẳng với lão: “Từ nay chúng tôi không làm để nuôi ông nữa”   -> Quyết định đình công đòi bình đẳng | -Ngạc nhiên  - “Có  chuyện gì  muốn bàn với nhau thì hãy vào nhà đã, làm gì mà nóng thế?  -> muốn được giải thích |  |
| NT: nhân hóa, đối lập, chi tiết kể sinh | | | | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| ? Theo em, nguyên nhân nào dẫn đến sự so bì, ghen tị của Chân, Tay, Tai, Mắt?  (HS TL cặp đôi)  ? Lòng ghen tị ấy của họ có hợp lí không? Vì sao?  GV: Qđịnh của họ, về hthức có vẻ hợp lí, nhg thực ra đây là qđịnh sai lầm. Bởi mỗi 1 phần trong cơ thể đều đc tạo hóa phân công  ~ chức năng khác nhau và bộ phận này phụ thuộc vào bộ phận kia, là q.hệ máu thịt ko thể tách rời. Nhờ có miệng ăn mà toàn bộ cơ thể mới đc nuôi dưỡng khỏe mạnh. -> lòng ghen tị xuất phát từ cái nhìn bề ngoài là ghen tị mù quáng. | động  Thái **Thẳng thắn, nóng Bình tĩnh,**  độ **vội, chủ quan ôn hòa.**  - Nguyên nhân: Do Chân, Tay, Tai, Mắt cho rằng họ phải làm việc quanh năm còn lão Miệng thì không phải làm gì lại được ăn, được nói  **-> Lòng ghen tị xuất phát từ cái nhìn bề ngoài mà chưa nhìn ra sự thống nhất chặt chẽ bên trong.** |
| GV dẫn dắt: Những hành động vội vã, chủ quan của Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng sẽ dấn đến hậu quả như thế nào ? Chúng ta sẽ cùng nhau theo dõi vào phần tiếp theo .  ? Hành động và thái độ vội vã, chủ quan của Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng đã dẫn đến hậu quả gì ? Tìm những chi tiết thể hiện điều đó ?  ? Ở đoạn này, em thấy tác giả dân gian đã sử dụng nghệ thuật miêu tả như thế nào? Biện pháp tu từ nào đc sd? Từ ngữ?  ? Qua các chi tiết ấy, em thấy Chân, Tay, Tai, Mắt đã phải chịu hậu quả ntn từ sự ghen tị mù quáng của mình?  GV bình: *Cách tả trên 1 mặt cho ta thấy cụ thể từng biểu hiện thiếu ăn của từng bộ* | **2. Hậu quả của ghen tị sai lầm và cách khắc phục:**  \* Hậu quả:   * “cả bọn thấy mệt mỏi, rã rời” * Cậu Chân, Tay: “không muốn cất mình chạy nhảy” * Cô Mắt: “ lờ đờ’, “nặng trĩu” * Bác Tai: lúc nào cũng ù ù như xay lúa * Lão Miệng: nhợt nhạt cả hai môi, hai hàm khô rang không muốn nhếch mép   + NT: tưởng tượng, miêu tả hấp dẫn, so sánh, từ láy gợi hình  Cả bọn đều mệt mỏi, không còn sức sống -> hậu quả tất yếu, thích đáng |

*phận cơ thể, mặt khác còn cho thấy sự thống nhất cao độ của các bộ phận, cơ quan, tạo nên sự sống của cơ thể. Thế mới nhớ tới câu nói dân gian “Tay làm hàm nhai, tay quai …”. Miệng ko ăn thì mọi bộ phận khác trên cơ thể đều tê liệt. Hậu quả tất yếu là cái kết thích đáng cho sự nhìn nhận hời hợt, bên ngoài. Đoạn truyện khiến ta nhớ đến kết truyện “Thày bói xem voi” – cũng là cách đánh giá sự vật 1 cách phiến diện của con người.*

? Ai là người đầu tiên phát hiện ra sai lầm? Tìm chi tiết thể hiện lời nói của bác Tai?

? Lời nói của bác Tai với cô Mắt, cậu Chân, cậu Tay có ý nghĩa gì ?

GV giảng: *Qua thực tế kiểm nghiệm, bác Tai chính là người nhận ra đầu tiên sai lầm, nóng vội của 4 người (vì bác chuyên lắng nghe) . Lời nói của bác chứng tỏ sự ăn năn, hối lỗi thành thật.*

? Từ thái độ ăn năn đó họ đã đi đến quyết định gì và hành động gì? Hãy tìm những chi tiết trong phần cuối truyện?

? Đối chiếu với phần mở truyện, em thấy cách kết thúc truyện có gì đặc biệt? Giống với câu chuyện nào em đã học?

? Nxét về cách sửa sai của Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng ?

? Cách sửa sai này đã chứng tỏ sự thay đổi nào trong tư duy của các nv Chân, Tay…? GV bình giảng.

? Theo em, dân gian ta xây dựng câu chuyện này có phải chỉ nhằm nói về chuyện của các bộ phận trên cơ thể người hay không?

? Em nhận ra NT gì được sdụng trong toàn truyện để thể hiện ngụ ý của dân gian?

GV: ẩn dụ là 1 BPNT mà người viết đã ẩn

\* Cách khắc phục sai lầm:

* + Bác Tai: “Lão Miệng có ăn chúng ta mới khỏe khoắn được”

-> Ăn năn, hiểu vấn đề, khẳng định sự thống nhất chặt chẽ giữa các bộ phận khác nhau trong cơ thể con người.

Cách sử sai: “vực lão Miệng dậy”, “đi tìm thức ăn”; “thân mật sống với nhau,

…không ai tị ai cả”

+ NT: kết cấu đầu cuối tương ứng

-> Sửa sai kịp thời, thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó

Sửa chữa sai lầm nhờ vào việc hiểu ra bản chất bên trong của sự việc, hiện tượng.

## \* Bài học:

+ NT: ẩn dụ

|  |  |
| --- | --- |
| đi ý nghĩa sâu xa của sự việc dưới lớp vỏ bọc bên ngoài. BPNT ấy, sang HK2 các em sẽ được tìm hiểu cụ thể.  **\* HS thảo luận nhóm (4hs)**  *? Nhờ nghệ thuật ẩn dụ, em hiểu ra được những bài học gì từ câu chuyện?*   * HS TL, trả lời ra giấy bằng ~ cụm từ ngắn gọn – HS dán giấy lên bảng.   (VD: không nên ganh tị; nhìn nhận vấn đề toàn diện; hợp tác và tôn trọng lẫn nhau; đoàn kết; có tinh thần tập thể,…)   * GV phát vấn HS, yêu cầu HS nói lên suy nghĩ của mình về ý nghĩa truyện. * GV nhận xét, chốt, mở rộng (liên hệ truyện “Lục súc tranh công”) | * Không nên so bì, ganh tị. * Trong một tập thể, mỗi cá nhân không thể sống tách biệt mà phải nương tựa, gắn bó, hợp tác và tôn trọng lẫn nhau để cùng tồn tại và phát triển. * Cần có cái nhìn toàn diện, đánh giá đúng mình, đúng người |
| HĐ 3: Tổng kết   * PP: lược đồ tư duy * KT: hỏi và trả lời * NL: giao tiếp, sd ngôn ngữ * GV cho HS thực hiện hỏi và trả lời về nghệ thuật, nội dung của truyện. * GV khái quát bài học bằng lược đồ tư duy.   HS đọc ghi nhớ sgk. | **III. Tổng kết:**  **1. Nghệ thuật:**   * Xây dựng nhân vật độc đáo bằng biện pháp nhân hóa, ẩn dụ. * Tưởng tượng, hư cấu khéo léo. * Lời văn kể, tả hấp dẫn, sinh động. * Kết cấu đầu cuối tương ứng.   **2. Nội dung:**  - Trong một tập thể, mỗi cá nhân không thể sống tách biệt mà phải nương tựa, gắn bó với nhau để cùng tồn tại; do đó phải biết hợp tác với nhau và tôn trọng công sức của nhau.  ***Ghi nhớ sgk/ 116*** |

## Hoạt động luyện tập:

? Tìm những câu tục ngữ, thành ngữ dân gian có nội dung nói về tinh thần đoàn kết.

* + Chia rẽ thì chết, đoàn kết thì sống.
  + Một cây làm chẳng….
  + Trâu có đàn, bò có lũ.
  + Bầu ơi….
  + Nhiễu điều….

## Hoạt động vận dụng:

* + Hãy kể một số tình huống trong cuộc sống có nội dung như câu chuyện giữa “Chân, Tay, Tai, Mắt, Miệng”?
  + Theo em, lối suy nghĩ đó sẽ dẫn tới hậu quả sai lầm như thế nào trong cuộc sống?
* Nếu bạn em là người có tính ganh tị mù quáng như các nhân vật trong truyện, em sẽ làm gì để khuyên nhủ bạn?
* HS bộc lộ.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* HS tìm đọc thêm các câu chuyện ngụ ngôn mượn chuyện con vật, đồ vật, … để khuyên răn con người về tinh thần đoàn kết.
* Nắm vững cốt truyện; học thuộc ghi nhớ SGK, phát biểu cảm nghĩ về câu chuyện.
* Chuẩn bị: ôn tập tốt phần TV để kiểm tra 45 phút.

## Tuần 13

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 48 – Tiếng Việt

* 1. **Mục tiêu kiểm tra:**

Qua bài kiểm tra:

## Kiến thức:

**KIỂM TRA TIẾNG VIỆT**

* HS củng cố kiến thức về từ và cấu tạo từ tiếng Việt; Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ; Cách giải thích nghĩa của từ; Danh từ.
* GV đánh giá được khả năng của HS trong việc lĩnh hội kiến thức phân môn tiếng Việt về những nội dung đã học.

## Kĩ năng:

* HS có kĩ năng phân biệt được từ theo cấu tạo.
* HS rèn kĩ năng đặt câu, viết đoạn văn.
* HS rèn kĩ năng giải nghĩa của từ bằng các cách khác nhau.
  + 1. **Thái độ:** Trung thực, tự tin

## Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, sáng tạo, NL làm chủ và phát triển bản thân.
  + Phẩm chất: tự tin, tự lập, tự chủ.
  1. **Hình thức kiểm tra:** Tự luận

## Ma trận đề kiểm tra:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | | **Tổng** |
| **Thấp** | **Cao** |
| **Chủ đề 1:** Từ và cấu tạo từ |  | Phân biệt được từ ghép và từ | Đặt được câu có từ ghép, từ láy |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| tiếng Việt |  | láy |  |  |  |
| Số câu Số điểm Tỉ lệ % |  | ½ câu 1 điểm  10 % | 1 câu  2 điểm  20% |  | *1,5 câu*  *3 điểm*  *30%* |
| **Chủ đề 2:** Nghĩa của từ, từ nhiều nghĩa, hiện  tượng chuyển nghĩa của từ | Biết được khái  niệm từ nhiều nghĩa, hiện tượng chuyển nghĩa của từ | Giải được nghĩa của từ theo 2 cách: trình bày khái niệm mà từ biểu thị, dùng từ đồng nghĩa, trái nghĩa |  |  |  |
| Số câu: Số điểm: Tỉ lệ %: | 1 câu  1 điểm  10% | ½ câu 1 điểm  10% |  |  | *1,5 câu*  *2 điểm*  *20%* |
| **Chủ đề 3:**  Danh từ |  |  |  | Viết được đoạn văn có chứa danh từ |  |
| Số câu: Số điểm: Tỉ lệ %: |  |  |  | 1 câu  5 điểm  50% | *1 câu*  *5 điểm*  *50%* |
| Tổng số câu:  Số điểm: Tỉ lệ %: | *1 câu*  *1 điểm*  *10%* | *1 câu*  *2 điểm*  *20 %* | *1 câu*  *2 điểm*  *20%* | *1 câu*  *5 điểm*  *50 %* | 4  10  100% |

* 1. **Đề bài:**

Câu 1: (1 điểm): Thế nào là từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ?

Câu 2 (2 điểm): Cho các từ sau: rung rinh, lẫm liệt, chân, cây bút, hoa hồng, cây cối, hiền dịu.

1. Xác định từ ghép, từ láy trong các từ trên.
2. Giải nghĩa từ “chân”, “hiền dịu”.

Câu 3 (2 điểm) Đặt 2 câu có từ “rung rinh”, “hiền dịu”.

Câu 4 (5 điểm): Viết đoạn văn với chủ đề tự chọn (khoảng từ 6 - 8 câu) trong đó có sử dụng ít nhất 3 danh từ chung và 2 danh từ riêng. Gạch 1 gạch dưới danh từ chung, gạch 2 gạch dưới danh từ riêng).

## Hướng dẫn chấm và biểu điểm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Hướng dẫn chấm | Biểu điểm |
| Câu 1 | * Nêu đúng khái niệm từ nhiều nghĩa. * Nêu đúng khái niệm hiện tượng chuyển nghĩa của từ | 0,5 điểm  0,5 điểm |
| Câu 2 | * HS xác định đúng các từ ghép: cây cối, hoa hồng, hiền dịu, cây bút; các từ láy: rung rinh, lẫm liệt * Giải nghĩa của từ chính xác:   + chân: bộ phận dưới cùng của cơ thể người hoặc động vật để đứng, di chuyển, nâng đỡ cơ thể.  + dịu hiền: dịu dàng và hiền lành | 1 điểm  1 điểm |
| Câu 3 | HS đặt được câu với 2 từ “rung rinh”, “hiền dịu”. Câu đảm bảo đủ thành phần chủ ngữ, vị ngữ.  Trình bày sạch sẽ, rõ ràng. Nội dung phù hợp. | 2 điểm |
| Câu 4 | * Về hình thức viết đoạn văn đảm bảo độ dài từ 6-8 câu, diễn đạt mạch lạc, trôi chảy. * Về nội dung: chủ đề tự chọn. * Gạch dưới các danh từ chung và danh từ riêng   \* Biểu điểm   * Điểm 4-5: đáp ứng tốt các yêu cầu nêu trên. Văn viết trôi chảy, mượt mà, sáng tạo, tự nhiên, chân thành. Sử dụng danh từ linh hoạt, hiệu quả. * Điểm 3: đáp ứng được tương đối đầy đủ các yêu cầu nêu trên. Văn viết trôi chảy, chân thành, có ý nghĩa. Đã biết sử dụng danh từ vào đoạn văn song chưa đủ số lượng từ yêu cầu. * Điểm 1- 2: Đúng kiểu đoạn văn song diễn đạt còn vụng, bố cục chưa hợp lí, đáp ứng một phần các yêu cầu trên. Có sử dụng danh từ trong đoạn song chưa chuẩn xác. Còn mắc lỗi chính tả. * Điểm 0: không làm bài. | 5 điểm |

## Tuần 13

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Tiết 49 TRẢ BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 2**

## MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Qua bài học. HS cần:

## Kiến thức:

* + - Nắm vững kiến thức về văn tự sự, ngôi kể, thứ tự kể trong văn tự sự.
    - HS nắm vững cách làm một bài văn tự sự kể chuyện đời thường.

## Kĩ năng:

* HS rèn kĩ năng nhận xét, đánh giá.
* HS rèn kĩ năng xây dựng dàn ý cho bài văn tự sự.

## Thái độ:

* + - Tích cực học tập.
    - Dám phê và tự phê.

## Năng lực, phẩm chất:

* + - Năng lực: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, giải quyết vấn đề, làm chủ và phát triển bản thân.
    - Phẩm chất: tự tin, tự lập, tự chủ.

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, chấm bài KT
  2. **Học sinh:** Ôn tập kiến thức theo nội dung bài kiểm tra

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* + Phương pháp: hoạt động nhóm, gợi mở - vấn đáp,
  + Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày 1 phút, chia nhóm, giao nhiệm vụ

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình trả bài
   * **Vào bài mới:** Hôm nay, chúng ta sẽ trả bài viết tập làm văn số 2 đề nhận xét về những ưu điểm, nhược điểm của các em trong bài viết.

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Tìm hiểu đề, đáp án   * PP: vấn đáp, hoạt động nhóm * KT: thảo luận | **I. Tìm hiểu đề, đáp án:**  ***\* Đề bài:***  ***Câu 1 (1 điểm):*** Ngôi kể là gì ? Phân biệt ngôi kể thứ nhất và ngôi kể thứ ba.  ***Câu 2 (2 điểm):*** Xác định thứ tự kể trong truyện “Em bé thông |

nhóm.

* NL: tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ
* HS nêu lại đề bài
* GV chiếu đề bài.
* GV vấn đáp để HS tìm ra đáp án cho câu 1,2.

GV chia lớp làm 2 nhóm và yêu cầu từng nhóm lập dàn ý của 2 đề bài. Đại diện từng nhóm lên trình bày.

* Các nhóm nhận xét về phần trình bày của nhau
* GV nhận xét chung và chuẩn kiến thức .

minh”.

***Câu 3 (7 điểm):*** Chọn một trong hai đề sau:

Đề 1: Càng lớn lên chúng ta lại càng hay hoài niệm về thời thơ ấu. Hãy nhớ và kể về một kỉ niệm của tuổi thơ của em.

Đề 2: Viết bài văn tự sự kể về một người thân trong gia đình em.

### *\* Đáp án:*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | ***Câu*** | ***Đáp án*** |  |
|  | 1 | - **Ngôi kể**: là vị trí giao tiếp mà người kể sử dụng để kể chuyện.  **- Ngôi kể thứ nhất :** Người kể xưng “tôi” (không nhất thiết phải là tác giả). Người kể có thể trực tiếp kể ra những gì mình nghe, thấy, trải qua; trực tiếp nói ra cảm tưởng, ý nghĩ, tình cảm của mình.  - **Ngôi kể thứ ba :** Người kể giấu mình, gọi tên các nhân vật bằng chính tên của chúng. Người kể tự giấu mình đi như là không có mặt nhưng thực ra có *mặt ở khắp nơi, biết tất cả (từ bề ngoài cho đến ý nghĩ sâu kín của nhân vật),* kể linh hoạt, tự do những gì diễn ra với nhân vật: |  |
|  | 2 | Thứ tự kể trong chuyện “Em bé thông minh” là thứ tự kể tự nhiên, theo trình tự thời gian, sự việc nào diễn ra trước kể trước, sự việc diễn ra sau kể sau:   * Vua muốn tìm người tài. * Viên quan đi khắp nơi tìm người tài. * Em bé giải câu đố của viên quan. * Em bé giải câu đố của nhà vua. * Em bé giải câu đố của sứ giả nước láng giềng. * Em bé thông minh được phong làm trạng nguyên. |  |
|  | 3 | a. Về hình thức, kĩ năng:   * Kiểu bài tự sự: kể chuyện đời thường * Bố cục: đảm bảo 3 phần đầy đủ, rõ ràng * Diễn đạt mạch lạc, trong sáng. * Chọn đúng ngôi kể và trình tự kể phù hợp. * Trình bày sạch sẽ, ko mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp.   b. Về nội dung: Bài làm cần đảm bảo đầy đủ các ý sau: MB: Giới thiệu kỉ niệm và những dấu ấn còn đọng lại.  TB: Kể diễn biến của kỉ niệm: sự việc mở đầu, diễn biến và kết thúc.  KB: Nêu lên cảm nhận, ấn tượng, rút ra bài học ý nghĩa từ kỉ niệm. |  |

1. **Hoạt động vận dụng:**

-GV nhận xét ưu điểm, nhược điểm khái quát. Sau đó nêu tên 1 số HS làm bài tốt và làm bài chưa tốt

* GV cho HS nhận xét bài của mình, đọc bài của bạn và nhận xét bài của bạn.

-GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thiện theo bảng sau:

Nhóm 1: Tìm và sửa lỗi chính tả

Nhóm 2: Tìm và sửa lỗi diễn đạt

-GV đọc và bình 1 số bài văn đạt điểm

## Nhận xét:

1. Ưu điểm:

* Hầu hết học sinh nắm được kiến thức về ngôi kể, xác định được thứ tự kể trong truyện.
* Bước đầu, HS biết cách tạo lập 1 văn bản kể chuyện đời thường.
* Một số câu chuyện kể tốt, có ý nghĩa nhân văn, làm xúc động lòng người đọc.
* Diễn đạt của đa số HS đã tiến bộ hơn bài KT trước.

1. Nhược điểm

* Còn mắc lỗi diễn đạt: viết số tự do (Hiểu, Khánh), viết tắt tự do (Trang, Hùng), diễn đạt lủng củng, chưa thoát ý (Vũ, Thu, Duy …)
* Nhiều HS còn mắc lỗi chính tả.

## Chữa lỗi:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | STT | Lỗi chính tả | Sửa lỗi |
|  | 1.  2  3  4  5…. | Cốt chuyện Câu truyện  Chèo cây Dặng tre Ruồng dẫy | Cốt truyện Câu chuyện Trèo cây Rặng tre Ruồng rẫy |

Nhóm 2: Tìm và sửa lỗi diễn đạt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| STT | Lỗi diễn đạt | Sửa lỗi |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| cao, có ý tưởng mới lạ và diễn đạt mạch lạc |  | 1.  2 | Tuổi thơ của em, em nhớ nhất chuyến đi đảo Cát Bà nhất và đó cũng là nơi làm cho em ấn tượng nhất.  Mẹ tôi có một đôi môi đồi mồi, đỏ chót, có hình trái tim | Nghỉ hè là dịp em được cùng gia đình đi du lich nhiều nơi. Trong đó, em ấn tượng nhất là chuyến đi đến hòn đảo Cát Bà xinh đẹp  Mẹ tôi có một khuôn miệng tươi tắn, rạng rỡ với nụ cười thường trực trên môi  Đôi môi mẹ lúc ấy trông khô nẻ |  |
| **V. Đọc và bình đoạn văn, bài văn hay**   * Bài viết của: 6A: Mai, Trang, Thuỳ Linh * 6B: Hoằng, Phương Anh | | | | |

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc sách bài văn chọn lọc, tham khảo các kể chuyện đời thường, cách diễn đạt từ các bài văn mẫu hay.
* Chuẩn bị bài: Luyện tập xây dựng bài văn tự sự - Kể chuyện đời thường: đọc yêu cầu của bài, áp dụng kiến thức đã học về văn tự sự để giải quyết các yêu cầu.

## Tuần 13.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Bài 11. Tiết 50. Tập làm văn.

**LUYỆN TẬP XÂY DỰNG BÀI TỰ SỰ, KỂ CHUYỆN ĐỜI THƯỜNG**

* 1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC.**

**- Qua bài, học sinh cần:**

* + 1. **Kiến thức**:
* Biết nhân vật và sự việc được kể trong kể chuyện đời thường
* Chủ đề, dàn bài, ngôi kể, lời kể trong kể chuyện đời thường.
* Hiểu các yêu cầu của một bài văn kể chuyện đời thường, nhận diện được đề văn kể chuyện đời thường.

## Kĩ năng:

* Có kĩ năng làm bài văn kể một câu chuyện đời thường.
  + 1. **Thái độ:** Tích cực, chủ động, tự giác trong tiết học

## Năng lực - Phẩm chất.

* **Năng lực**: Hợp tác, giao tiếp, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, làm chủ và phát triển bản thân, tự học
* **Phẩm chất**: Tự lập, tự tin, tự chủ, đoàn kết.

## CHUẨN BỊ

**1, Giáo viên**: sgk, sgv, TKBG, giáo án, phiếu học tập

* Tích hợp : văn tự sự, các câu chuyện đã học.

**2, Học sinh**: Học bài cũ, tìm hiểu bài mới, tham khảo các bài văn trong SGK.

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

**1, Phương pháp**: Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, thuyết trình, vấn đáp.

**2, Kĩ thuật**: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, giao nhiệm vụ, chia nhóm, động não

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động:**

### *Ổn định tổ chức:*

* ***Bắt đầu khởi động***: Cho HS q.s một số sự việc đời thường. Để kể lại cho ai đó nghe, ta cần sử dụng văn kể chuyện đời thường -> GV vào bài mới.

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| * *PP: Vấn đáp, LTTH, TL nhóm, thuyết trình.* * *KT: Đặt câu hỏi, TL nhóm, giao nhiệm vụ, chia nhóm*   - HS đọc các đề văn (sgk/119)  ? Nêu yêu cầu chung của các đề văn trên?  ? Theo em, kể chuyện đời thường là kể những gì?  *- GV t/chức TL nhóm cặp đôi (5p)*  *? Nhân vật và sự việc trong truyện đời thường có gì khác so với nhân vật, sự vịêc trong truyện cổ tích?* | **1. Đề văn tự sự**.  a, Kể về một kỉ niệm đáng nhớ. b, Kể một chuyện vui sinh hoạt. c, Kể về người bạn mới quen…   * Yêu cầu: Kể chuyện đời thường * Kể chuyện đời thường: kể chuyện hàng ngày từng trải qua, từng gặp.   - Nhân vật, sự việc phải chân thực, song có thể hư cấu cho câu chuyện thêm phong phú. |

* HS TL, báo cáo -> nx.
* GV nx,chốt.

? Khi kể chuyện đời thường cần tránh những yếu tố nào?

### *Gọi HS làm việc cá nhân, tìm hiểu đề (sgk/119).*

? Với đề văn trên khi viết em cần lưu ý viết ntn ?

### *HS thuyết trình phần dàn bài (sgk/120)*

? Nếu không làm theo dàn bài gợi ý ở sgk, em sẽ kể theo dàn bài nào?

* HS phát biểu.
* GV gợi ý, chiếu 1 dàn bài tham khảo.
* HS đọc bài tham khảo (sgk/120)

? Nhận xét về bài văn mẫu? (Ưu điểm, nhược điểm)

? Quá trình làm bài văn tự sự trải qua những thao tác nào?

HS đọc đề bài.

? Đề văn trên thuộc thể loại nào?

? X/Đ yêu cầu của đề ?

? Phạm vi kiến thức cần viết ?

* Tránh yếu tố tưởng tượng kỳ ảo , kể một cách sáo rỗng, nhàm chán, chỉ ghi lại một cách đơn điệu thấy gì kể đấy.

## Quá trình thực hiện của một bài văn kể chuyện đời thường.

* Đề bài: Kể chuyện về ông hay bà của em.

## a, Tìm hiểu đề.

**b, Phương hướng làm bài**.

* Kể những điều mình nghe, quan sát được về ông( bà ) em.
* Không nhất thiết phải xây dựng thành câu chuyện có tình tiết, cốt truyện chặt chẽ.

## c, Dàn bài (sgk/120) .

* Mở bài: Giới thiệu chung về ông em
* Thân bài:
* Ngoại hình: tóc bạc, da nhăn nheo...

- ý thích của ông đọc báo, uống trà, đánh cờ, xem tivi....)

* Tính cách
* Quan tâm tới mọi người
* Yêu quý con cháu, chăm lo cho gia đình
* Tham gia các công việc của xã hội
* Kết bài: Nêu tình cảm của mình với ông.

**d, Bài làm tham khảo** (sgk/120-121).

* Bài sát với yêu cầu của đề.
* Các sự việc trong bài viết xoay quanh chủ đề về người ông yêu hoa, yêu cháu.

### *=> 4 bước: Tìm hiểu đề; lập dàn bài; viết bài, đọc và sửa chữa (nếu cần)*

1. **Luyện tập xây dựng bài văn tự sự - kể chuyện đời thường.**

Đề bài: Kể về những đổi mới ở quê em.

### *a, Tìm hiểu đề.*

* Thể loại: văn tự sự.
* Yêu cầu: Kể vdờđổi mới ở quê em
* Phạm vi kiến thức: Kể về những thay đổi của quê hương ( nhà cửa, đường xá...)

## Hoạt động vận dụng :

? Kể thêm những đề văn kể chuyện đời thường?

? Hãy đọc một đoạn văn kể về bà cho mẹ em nghe.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng :

* Tìm những bài, đoạn văn kể chuyện đời thường hay và tham khảo.
* **Học và làm bài**: Lập dàn ý chi tiết cho các đề văn kể chuyện đời thường phần 1
* Viết hoàn chỉnh thành một bài văn theo một trong số các đề văn đã lập.
* **Chuẩn bị văn bản**: Treo biển; Lợn cưới, áo mới theo câu hỏi phần đọc hiểu văn bản;
* Hiểu được thế nào là truyện cười, nội dung, ý nghĩa, nghệ thuật gây cười trong hai câu chuyện: Treo biển và Lợn cưới áo mới.
* Chuẩn bị những nét chính về văn bản (TL, PTBĐ, ngôi kể, trình tự, bố cục) giờ sau lên thuyết trình.

## Tuần 13.

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Bài 12. Tiết 49. Văn bản** : **TREO BIỂN**

# Văn bản: LỢN CƯỚI ÁO MỚI

## (hướng dẫn đọc thêm )

* 1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC. Qua bài, học sinh cần:**
     1. **Kiến thức**:
* Nêu được khái niệm truyện cười.
* Hiểu đặc điểm thể loại của truyện cười và nhân vật, sự kiện, cốt truyện trong tác phẩm “Treo biển, Lợn cưới áo mới”.
* Biết cách kể hài hước người hành động không suy xét, không có chủ kiến trước ý kiến của người khác trong truyện “Treo biển”
* Hiểu được ý nghĩa chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe khoang, hợm hĩnh chỉ làm trò cười cho thiên hạ. Những chi tiết miêu tả điệu bộ, hành động, ngôn ngữ của nhân vật lố bịch, thiếu tự nhiên.

## Kĩ năng:

* Đọc – hiểu văn bản truyện cười
* Phân tích, hiểu ý nghĩa của truyện.
* Kể lại câu chuyện.

## Thái độ:

* Tích cực, chủ động, tự giác trong tiết học

## Năng lực - Phẩm chất.

* **Năng lực**: Hợp tác, giao tiếp, tư duy sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, tự quản lí và phát triển bản thân.
* **Phẩm chất**: Tự lập, tự tin, tự chủ, khiêm tốn, trung thực.

## CHUẨN BỊ

**1, Giáo viên**: sgk, sgv, TKBG, giáo án, phiếu học tập, tham khảo Truyện cười dân gian Việt Nam

* Tích hợp : Thành ngữ, kể chuyện tưởng tượng.

**2, Học sinh**: Học bài cũ, tìm hiểu bài mới, tham khảo các bài văn trong SGK.

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

**1, Phương pháp**: Dạy học nhóm, luyện tập thực hành, vấn đáp gợi mở, giảng bình, làm mẫu

**2, Kĩ thuật**: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, chia nhóm, giao nhiệm vụ.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

* Ổn định tổ chức:
* Bắt đầu khởi động:
* HS quan sát một số câu chuyện cười.
* HS kể lại 1 câu chuyện cười mà em biết.
* GV giới thiệu bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1: Đoc-tìm hiểu chung.**   * *PP: làm mẫu, vấn đáp, thuyết trình.* * *KT: Đặt câu hỏi,*   ? Hãy nêu cách đọc văn bản ?  - Giọng vui vẻ, hài hước | **A. VĂN BẢN: TREO BIỂN** Đọc - Tìm hiểu chung  * 1. **Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích.**   \* Đọc. |

Đọc mẫu - Gọi HS đọc văn bản.

? Hãy tóm tắt văn bản ?

? GV chiếu các từ và giải nghĩa từ, y/c HS nối cột để có nghĩa đúng nhất.

* ***Gọi HS lên thuyết trình*** những nét chính về văn bản (TL, PTBĐ, ngôi kể, trình tự, bố cục)

### *HS khác NX, bổ sung.*

* ***GV NX, chốt KT.***

**HĐ 2: Tìm hiểu chi tiết văn bản 1, PP**: Dạy học nhóm, vấn đáp gợi mở, giảng bình, làm mẫu

**2, KT**: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, chia nhóm, giao nhiệm v

? Nhà hàng treo tấm biển có nội dung gì? Mục đích?

? Tấm biển này thông báo những nội dung nào?

? Nhận xét về nội dung thông báo của tấm biển này? Có thể thêm bớt thông tin trên đó không? Vì sao?

(GV bình)

### *\* TL nhóm: 6 nhóm (5 phút)*

? Nêu những ý kiến tham gia góp ý cho nhà hàng?

? Tác giả sử/d nghệ thuật nào?

* Tóm tắt : Cần nêu được các sự việc chính.
* Một cửa hàng treo biển lên để bán hàng.
* Có người đi qua góp ý về nội dung tấm biển, anh ta lần lượt bỏ đi những chữ trên tấm biển.
* Cuối cùng anh ta cất tấm biển đi.
* Chú thích : (sgk)

1. Thể loại : Truyện cười

* Kể về hiện tượng đáng cười trong cuộc sống.
* Tạo ra tiếng cười mua vui hay phê phán những thói hư tật xấu trong XH.

1. **PTBĐ**: TS + MT.
2. Ngôi kể: Ngôi thứ ba.
3. Thứ tự: thời gian.
4. Bố cục: Chia làm 3 phần.

* Phần 1: Đầu .... cá tươi: Treo biển bán hàng
* Phần 2: Tiếp .... làm gì nữa ? : Chữa biển
* Phần 3: Còn lại : Cất biển

## Tìm hiểu chi tiết văn bản:

1. **Treo biển (Tấm biển của nhà hàng)**.

* Nội dung tấm biển: Ở đây có bán cá tươi.
* Mục đích : Quảng cáo, giới thiệu sản phẩm để bán
* Có 4 nội dung :

+ Ở đây: Trạng ngữ chỉ địa điểm (nơi bán hàng )

+ Có bán : Chỉ công việc của nhà hàng

+ Cá : Danh từ chung chỉ thứ hàng được bán

+ Tươi : Chỉ chất lượng sản phẩm

-> Tấm biển đầy đủ nội dung, trọn vẹn ý nghĩa, đáp ứng đầy đủ thông tin cần thiết cho người mua nên không thể thêm bớt bất cứ một từ nào , cái cười chưa xuất hiện mà được dấu đi.

## Chữa biển.

### *a, Lời góp ý:*

* Có 4 ý kiến đóng góp cho nhà hàng:
* Ý kiến 1: Nhà này quen bán cá ươn hay sao

Thái độ, cách thức những người góp ý ra sao?

? Nhận xét về cách góp ý của họ?

* ĐD HS báo cáo - HS khác NX, b/s.
* GV NX, chốt KT.

*GV: Câu chuyện tưởng không có gì đặc biệt nhưng đọc đến đây yếu tố gây cười bắt đầu hé mở với cách góp ý của những người khách về nội dung tấm biển với thái độ đùa cợt…*

? Trước những lời khuyên đó nhà hàng đã làm gì?

? Em có nhận xét gì về ông chủ cửa hàng?

? Nếu là chủ cửa hàng em sẽ làm gì ? Vì sao?

? Sau các lần góp ý tấm biển có gì đặc biệt?

? Tiếng cười bật ra từ đâu ? Vì sao ?

*- GV: Câu chuyện đẩy lên 1 bước, tiếng cười bật ra khi người dọc thấy tấm biển chỉ còn chữ* ***cá*** *tối nghĩa….*

? Trước ý kiến cuối cùng, chủ cửa hàng đã làm gì ?

? Cảm nhận của em về người chủ cửa hàng ở đây ?

? Việc nào là đáng cười nhất? Vì sao?

*- Việc cất biển là đáng buồn cười nhất vì điều đó là một việc làm ngớ ngẩn, biến việc treo biển trở thành vô nghĩa , thủ tiêu nhà hàng và khách hàng.*

mà phải đề biển là cá “ tươi”.

* Ý kiến 2: Người ta chẳng nhẽ ra hàng hoa mua cá hay sao mà phải đề là “ ở đây”.
* Ý kiến 3: ở đây chẳng bán cá thì bày cá ra để khoe hay sao mà phải đề “ có bán”.
* Ý kiến 4: Chưa đi đến đầu phố đã ngửi thấy mùi tanh…ai chẳng biết là bán cá còn đề biển làm gì ?

+ NT: liệt kê.

* Thái độ góp ý: Cười bảo

### *-> Góp ý đùa cợt không đứng đắn.*

***b, Nhà hàng chữa biển.***

* Nhà hàng vội vã làm theo, lần lượt bỏ các chữ trên tấm biển.

-> Người không có chính kiến, lập trường không vững vàng.

* Không bỏ từ nào của tấm biển, vì nếu bỏ đi sẽ làm mất thông tin của tấm biển .

-> Tấm biển chỉ còn một chữ ***“cá”*** tối nghĩa, không đủ lượng thông tin cần thiết cho khách hàng.

* Từ lời góp ý cuối cùng: bỏ nốt từ “ cá” -> hạ biển cất đi.
* Vì các ý kiến của người khách tưởng có lí nhưng thực ra lại phi lí.

## Cất biển

* Trước ý kiến cuối cùng của người khách nhà hàng đã cất tấm biển

-> Là người thiếu chủ kiến và không suy xét kĩ lưỡng trước một việc làm nào đó.

? Truyện phê phán điều gì?

? Bài học nào em rút ra được từ câu chuyện này ?

## HĐ 3: Tổng kết.

* *PP: vấn đáp*
* *KT: Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.*

- HS khái quát bằng lược đồ tư duy

? Nêu ND và NT của văn bản?

* Gọi HS đọc phần ghi nhớ.

### *=> Phê phán người thiếu chủ kiến khi làm việc, ko suy xét kĩ khi nghe ý kiến của người khác.*

* Cần suy nghĩ kĩ trước khi làm bất cứ việc gì và phải có chính kiến riêng của mình.

## Tổng kết

* 1. **Nghệ thuật:**
* Kể hóm hỉnh, hài hước tạo tiếng cười vui vẻ.
* Ngắn gọn, dễ hiểu, ý nghĩa sâu sắc.
* Nghệ thuật kể chuyện tài tình với biện pháp lặp đi lặp lại các tình huống khiến tiếng cười bật ra ở tình huống cao nhất

## Nội dung.

* Truyện tạo nên tiếng cười vui vẻ, có ý kiến phê phán nhẹ nhàng những người thiếu chủ kiến khi làm việc, không suy xét kĩ khi nghe những ý kiến khác

( Ghi nhớ SGK/T. 125 )

## B. VĂN BẢN: LỢN CƯỚI ÁO MỚI ( Hướng dẫn đọc thêm )

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| **HĐ1: Đoc-tìm hiểu chung.**   * *PP: Đọc diễn cảm, vấn đáp, thuyết trình* * *KT: Đặt câu hỏi*   ? Nêu giọng đọc của văn bản ?   * HS: đọc giọng vui vẻ, hài hước, hóm hỉnh... * Đọc mẫu- Gọi HS đọc. * Gọi HS tóm tắt văn bản.   ? Giải nghĩa chú thích 1, 2, ...?  ***- Gọi HS lên thuyết trình*** những nét chính về văn bản (TL, PTBĐ, nhân vật, nd chính vb) | Đọc - Tìm hiểu chung văn bản  * 1. Đọc, tóm tắt, tìm hiểu chú thích**.**  Đọc.  * **Tóm tắt:** - Có 2 anh tính khoe của. * Một hôm, anh có áo mới mang ra khoe, anh ta đứng từ sáng tới chiều không có ai khen. * Thấy 1 anh đi qua, hỏi có thấy con lợn chạy qua đây không. * Anh có áo mới giơ vạt áo ra khoe và nói không có.   **\* Chú thích** :   1. Thể loại: Truyện cười. 2. PTBĐ: TS + MT. 3. Nhân vật chính: hai anh thanh niên khoe của.   - Hai nội dung: + Những của được khoe. |

### *HS khác NX, bổ sung.*

* ***GV NX, chốt KT.***

**HĐ 2: Phân tích.**

* *PP: vấn đáp, TL nhóm.*

## Phân tích.

+ Cách khoe của.

* *KT: Đặt câu hỏi, TC TL nhóm.*

? Nhân vật trong văn bản khoe những gì?

? Điều đó có bình thường không? Vì sao?

? NX về giọng điệu kể chuyện?

? Qua sự việc trên nhân dân ta muốn chế giễu điều gì?

### *\* TL nhóm: 6 nhóm (4 ph)*

*? Hai anh chàng khoe của bằng cách nào?* Có điều gì đặc biệt trong cách khoe của hai anh?

### *ĐD HS TB – HS khác NX,*

***b/s***

* ***GV NX, chốt KT.***

*GV: Cách khoe của của 2 người đều lố bịch nhưng anh khoe áo lố bịch hơn vì dồn hết tâm sức vào việc chẳng ra gì, vô nghĩa, mất công mất sức.*

? Qua truyện, tác giả muốn phản ánh điều gì?

- GV bình.

## HĐ 3. Tổng kết.

* *PP: vấn đáp.*
* *KT: Đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.*

? Nêu những nét chính về ND và NT của VB? ( Vẽ lược đồ tư duy).

## Những của được khoe

* Một anh mua được chiếc áo mới, đứng ngoài cửa để đợi khoe.
* Một anh đi đuổi lợn để khoe
* Đây là những điều không bình thường vì đó những vật mang khoe rất bình thường.

+ Giọng hài hước, hóm hỉnh.

=> Chế giễu tính khoe khoang nhất là khoe của.

## Cách khoe của

* Anh khoe lợn tất tưởi tìm lợn sổng hỏi: *Bác có thấy con lợn cưới của tôi chạy qua đây không?*
* Anh khoe áo kiên trì được dịp để khoe: *Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, ko thấy con lợn nào chạy qua đây cả.*

+ Câu hỏi và trả lời chứa đựng thông tin thừa, mục đích để khoe.

-> Cách khoe của thật lố bịch, đáng cười.

### *=> Chế giễu, phê phán những người có tính hay khoe của, một tính xấu khá phổ biến trong xã hội.*

1. **Tổng kết**
2. **Nghệ thuật.**

* Sử dụng yếu tố gây cười
* Nghệ thuật đối xứng và phóng đại

## Nội dung.

* Ý nghĩa mua vui:Tạo tiếng cười vui vẻ.
* Ý nghĩa phê phán:Truyện châm biếm,phê phán nhẹ nhàng thói khoe của,một thói xấu thường gặp

|  |  |
| --- | --- |
| **3. Hoạt động luyện tập.** |  |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ? VB “ Treo biển”, “ Lợn cưới áo mới” thuộc thể loại nào:   1. Truyện cổ tích. 2. Truyện ngụ ngôn. 3. Truyện cười. 4. Truyện truyền thuyết.   ? Em thích chi tiết nào trong 2 câu chuyện trên? Vì sao?   * HS tự nêu cảm nhận của mình. * Gọi HS trình bày – HS khác NX. * GV NX, chốt lại. | **\* Bài 1:**  **- Đáp án: C**  **\* Bài 2.** |

## Hoạt động vận dụng :

? Nếu em là anh chủ cửa hàng bán cá trong câu chuyện, em hãy nêu cách sửa lại cái biển theo ý của mình và giải thích vì sao em sửa như vậy?

? Nếu em có quần áo mới, giày dép mới, xe mới... em sẽ làm gì khi gặp người quen, bạn bè?

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Đọc câu chuyện “ Đẽo cày giữa đường”
* **Học bài**: Học thuộc phần ghi nhớ SGK /T. 154, 158.
* Làm bài tập phần luyện tập. Đọc thuộc và kể lại 2 câu chuyện trên.
* **Chuẩn bị bài mới**: Số từ và lượng từ bằng cách đọc kỹ phần ví dụ và ghi nhớ SGK.

+ Hiểu được thế nào là số từ, lượng từ trong câu.

+ Công dụng của số từ và lượng từ. Phân biệt được số từ và danh từ chỉ đơn vị.

---------------------------------

## Tuần 13.

Ngày soạn: Ngày dạy:

**Bài 12. Tiết 50**. **Tiếng việt**.

# SỐ TỪ VÀ LƯỢNG TỪ

## MỤC TIÊU BÀI HỌC.

* **Qua bài, học sinh cần:**
  1. **Kiến thức**:
  + Nêu được khái niệm số từ và lượng từ
  + Hiểu nghĩa khái quát của số từ và lượng từ
  + Đặc điểm khái quát của số từ và lượng từ :

+ Khả năng kết hợp của số từ v lượng từ

+ Chức vụ ngữ php của số từ v lượng từ.

## Kĩ năng:

* + Nhận diện được số từ và lượng từ
  + Phân biệt số từ và danh từ chỉ đơn vị.
  + Vận dụng được số từ và lượng từ khi nói và viết

## Thái độ:

- Nghiêm túc trong giờ học, lắng nghe và phát biểu.

## Năng lực - Phẩm chất.

* **Năng lực**: Hợp tác, giao tiếp, tư duy sáng tạo.
* **Phẩm chất**: Tự lập, tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ

**1, Giáo viên**: sgk, sgv, TKBG, giáo án, phiếu học tập, bảng phụ ghi các ví dụ

- Tích hợp : Văn bản đã học, danh từ, cụm danh từ.

**2, Học sinh**: Học bài cũ, tìm hiểu bài mới, tham khảo các bài văn trong SGK.

## PHƯƠNG PHÁP VÀ KĨ THUẬT DẠY HỌC

**1, Phương pháp**: Hoạt động nhóm, luyện tập thực hành, vấn đáp gợi mở.

**2, Kĩ thuật**: TC TL nhóm, đặt câu hỏi.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

1. **Hoạt động khởi động**

### \* *Ổn định tổ chức*:

**\* Kiểm tra bài cũ:**

**?** Nêu đặc điểm của cụm danh từ ? Làm bài tập 1?

? Trình bày cấu tạo của cụm danh từ ? Làm bài tập 2 ( sgk)

\* ***Vào bài mới***: Cho HS q.s một số câu chuyện cười -> GV vào bài mới.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| ***\* HĐ1: Số từ.*** *PP: Vấn đáp, TL nhóm, LTTH.*  * ***KT: Đặt câu hỏi, TC TL nhóm.***   - Dùng bảng phụ ghi vd- HS đọc VD.  ? Tìm các từ in đậm trong ví dụ ? Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho những từ nào trong câu?  ? Từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào trong tiếng Việt? | 1. **Số từ**    1. **Khái niệm.**   **\* Ví dụ 1** :  a**. + Hai ->** chàng ;  **+ một trăm** -> ván cơm nếp  **+ một trăm** -> nệp bánh chưng;  + **chín** -> ngà; + **chín** -> cựa ;  + **chín ->** hồng mao; + **một ->** đôi.  - Từ được bổ sung là danh từ |

? Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa gì cho danh từ?

? Từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho từ nào? Chúng bổ sung ý nghĩa gì?

### *GV: Các từ hai, một trăm, chín, một, sáu(thứ sáu) là số từ.*

? Từ ví dụ, em hiểu thế nào là số từ?

### *TL nhóm: 6 nhóm (3 ph)*

? Xác định vị trí của số từ chỉ số lượng và thứ tự trong cụm DT?

? Dựa vào vị trí của ST trong cụm DT có thể chia số từ thành mấy loại, đó là những loại nào ?

### *Đ D HS TB – HS khác NX, b/s.*

* ***GV NX, chốt KT.***

? Thế nào là ST chỉ SL? Thế nào là ST chỉ thứ tự ?

? Số từ “hai” có vai trò gì trong cụm DT?

? Tìm ST trong câu b và cho biết nó giữ chức vụ gì trong câu?

? Tương tự trong các cụm từ khác cũng vậy. Em thấy, chức vụ điển hình của số từ là gì?

? ST có khả năng kết hợp với từ loại nào?

? Trong ví dụ 1, ta xác định từ “đôi” là danh từ. Vậy đôi có nghĩa là gì?

? Em xác định vị trí của từ ***đôi***

trong cụm danh từ ?

? Vậy ” đôi” thuộc từ loại nào ?

## -> Chỉ số lượng sự vật.

b. Hùng Vương thứ **sáu**

DT < - - - - -

## -> Chỉ số thứ tự của sự vật.

**- Đứng sau danh từ .**

### *Số từ là những từ chỉ số lượng và thứ tự của sự vật.*

1. ***Các loại số từ.***

* ***Ví dụ ( trở lại vd 1)***

**+ Hai** chàng -> ST đứng trước DT

+ Hùng Vương thứ **sáu -> ST đứng sau DT**

### *\* 2 loại:*

+ ST chỉ số lượng: ***Khi biểu thị số lượng sự vật, số từ thường đứng trước danh từ.***

### *+ ST chỉ thứ tự: Khi biểu thị thứ tự, số từ đứng sau danh từ.*

* ***Ý 1/ghi nhớ ( sgk -128)***

1. ***Chức vụ và khả năng kết hợp.***

* ***Ví dụ ( trở lại vd 1)***

**a, Hai** chàng

-> hai là phụ ngữ trước bổ sung ý nghĩa cho DT

b, Dân tộc Việt Nam là **một**.

- Con là số một.

## - ST *một* -> làm vị ngữ trong câu.

### *Chức vụ điển hình là làm phụ ngữ trong CDT. Ngoài ra ST còn làm thành phần câu.*

***\*Khả năng kết hợp:với DT để tạo thành C DT***

* ***Ví dụ 2.***
* ***Ví dụ 1a. -*** một **đôi.**
* “đôi” có ý nghĩa chỉ số lượng là hai .
* từ “đôi” đứng sau số từ, đứng ở vị trí của danh từ chỉ đơn vị.

- Từ “đôi” là danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng chứ không phải là số từ.

*- GV: Đôi có ý nghĩa chỉ số lượng nhưng lại ko phải là số từ mà là danh từ chỉ đơn vị.*

? Theo em, trường hợp nào đúng, trường hợp nào sai ?

? Tại sao có thể nói ***hai chiếc dép***

mà ko thể nói ***hai đôi chiếc dép*** ?

? Tìm thêm những từ có ý nghĩa giống như từ “đôi”? Tạo thành cụm danh từ ?

? Từ ví dụ, em rút ra lưu ý gì khi sử dụng số từ ?

* GV chốt lại ghi nhớ 2.

? Qua phần 1, em hiểu thế nào là số từ? Lưu ý khi dùng số từ ?

* Gọi HS đọc phần ghi nhớ.
* Gọi HS đọc bài tập 1.

? Tìm số từ và xác định ý nghĩa của số từ đó ?

### *HĐ2: lượng từ.*

* ***PP: Vấn đáp, TL nhóm.***
* ***KT: Đặt câu hỏi, TC TL nhóm.***

- Đưa bảng phụ, gọi HS đọc VD.

? Tìm các từ in đậm trong ví dụ ?

? Từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho những từ nào trong câu?

? Các từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào ? ( danh từ)

? Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa gì cho danh từ ?

? Từ in đậm có gì giống và khác số từ?

### *- GV: các từ các, cả mấy, vài, mấy là lượng từ.*

? Qua ví dụ, em hiểu lượng từ là gì

\* Ví dụ b:

## - Hai chiếc dép -> đúng.

**- Hai đôi chiếc dép -> sai.**

* Vì trong cụm danh từ, hai danh từ chỉ đơn vị không thể đi liền nhau, như thế là thừa.

VD: Tá, cặp, chục, vạn....

* một tá bút, hai cặp bánh,

### *Lưu ý: Cần phân biệt số từ với danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng( Thường hay nhầm danh từ chỉ đơn vị gắn với ý nghĩa số lượng với số từ).*

* ***Ghi nhớ ý 2/ sgk - 128.***

**2**. **Ghi nhớ SGK /T.128**

* **Bài tập 1**.
* Một, hai, ba: Đứng trước biểu thị số lượng
* Bốn , năm: Đứng sau biểu thị thứ tự

## II. Lượng từ

1. **Khái niệm.**

* **Ví dụ**

**a, - Các** -> Hoàng tử; - **những** -> kẻ thua trận.

DT DT

**- cả mấy** -> vạn tướng lĩnh, quân sĩ .

DT

b, **vài** -> bông hoa, **mỗi ->** quyển sách.

DT DT

* Các, những, cả mấy -> ***chỉ lượng nhiều của sự vật.***
* vài, mấy -> ***chỉ lượng ít của sự vật.***
* Giống: Đứng trước danh từ
* Khác: Số từ chỉ số lượng chính xác còn từ in đậm chỉ lượng ít hay nhiều của sự vật

### *-> Lượng từ là những từ chỉ lượng ít hay*

?

* GV chốt ý 1/ ghi nhớ.

### *\* TL cặp đôi: (2 ph)*

? Điền các cụm danh từ ở ví dụ 1 phần II vào mô hình cấu tạo cụm DT?

? Nêu ý nghĩa của các lượng từ trong phần phụ trước t1,t2 ? Tìm thêm những lượng từ có ý nghĩa tương tự ?

### *Đ D HS TB – HS khác NX, b/s.*

* ***GV NX, chốt KT.***

? Dựa vào vị trí trong cụm dt, có thể chia lượng từ thành mấy nhóm, đó là những nhóm nào ?

* GV chốt ghi nhớ ý 2/sgk - 129
* Gọi HS đọc phần ghi nhớ.

? Lượng từ các có vai trò gì trong cụm DT?

? LT có khả năng kết hợp với từ loại nào ?

## \* Lưu ý khi dùng lượng từ:

* Hai lượng từ có thể đi kèm với nhau để chỉ lượng tổng thể. VD: cả mấy, tất cả những...
* Trong một cụm từ có lượng từ thì

### *nhiều của sự vật.*

***\* Ghi nhớ ý 1/ sgk - 129.***

1. **Phân loại.**

* **Ví dụ:**

**Mô hình cấu tạo cụm danh từ.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Phần trước | | Trung tâm | | Phần sau | |
| t 2 | t1 | T1 | T2 | s1 | s 1 |
|  | Các |  | Hoàng tử |  |  |
|  | Nhữ ng | kẻ |  | thua trận |  |
| C  ả | mấy | vạn | tướng lĩnh, quân sĩ |  |  |
|  | vài |  | bông hoa |  |  |
|  | mỗi |  | quyển sách |  |  |

* **Cả *-> chỉ ý nghĩa toàn thể(VD: toàn bộ, toàn thể, tất cả....).***
* **những, mấy, vài *-> chỉ ý nghĩa tập hợp( các*** mỗi ***-> chỉ ý nghĩa phân phối(từng...).***

### *- Chia làm 2 nhóm:*

+ Lượng từ chỉ ý nghĩa toàn thể: Cả, tất cả, toàn bộ....

+ Luợng từ chỉ ý nghĩa tập hợp hay phân phối: Mỗi, vài, một số, một vài...

## Ghi nhớ SGK/ T. 129

1. **Chức vụ ngữ pháp và khả năng kết hợp.**

* **Ví dụ.**
* **Các** Hoàng tử
* LT các làm phụ ngữ trong CDT, bổ sung ý nghĩa cho DT -> ***Tạo thành CDT***
* Khả năng kết hợp với DT chỉ sự vật về phía sau.

## Hoạt động luyện tập.

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| *PP: Vấn đáp, TL nhóm, LTTH.*  * ***KT: Đặt câu hỏi, TC TL nhóm.***   ? Tìm lượng từ trong các câu sau:  ? Tìm những lượng từ trong bài tập? Từ muôn là số từ hay lượng từ? Giải thích?  ? Cho biết các từ in đậm trong bài tập được dùng với ý nghĩa như thế nào?  ***\* TL cặp đôi: (2 phút)***  - Nghĩa của từ từng và mỗi có gì giống và khác nhau ?   * ***Đ D HS TB – HS khác NX, b/s.*** * ***GV NX, chốt KT.*** | * **Bài tập nhanh**.   a, Những bông hồng đang hé nở. b, Vài chú trâu đang gặm cỏ.  c, Các chú công nhân đang làm việc hăng say   * **Bài tập 2:** * Trăm, ngàn. * Muôn. Là lượng từ chứ không phải là số từ bởi những từ đó chỉ lượng rất nhiều, không chính xác.   **\* Bài 3.**   * Giống: tách ra từng sự vật, từng cá thể. * Khác: Từng mang ý nghĩa lần lượt...   + Mỗi: Mang ý nghĩa nhấn mạnh, tách riêng từng loại. |

## Hoạt động vận dụng :

? Khái quát nội dung bài hcọ bằng lược đồ từ duy?

? Viết đoạn văn có sử dụng số từ và lượng từ: Kể về người bạn của em.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm câu văn có sử dụng số từ và lượng từ trong các văn bản đã học.
* **Học bài:** - Học thuộc phần ghi nhớ SGK/T. 128, 129.
* Làm bài tập còn lại trong SGK.
* **Chuẩn bị bài mới**: Viết bài Tập làm văn số 3 bằng cách lập dàn bài và viết theo dàn bài đã lập theo các đề văn sau:

+ Hãy kể về ông (bà) của em.

+ Hãy kể về cha (mẹ) của em.

## Tuần 14

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 51, 52 – TLV

**VIẾT BÀI TẬP LÀM VĂN SỐ 3 - VĂN TỰ SỰ**

* 1. **Mục tiêu kiểm tra:**

Qua bài học, Hs cần:

## Kiến thức:

* + - * Kiểm tra kiến thức của học sinh về văn tự sự, kiểu bài tự sự đời thường.
      * HS củng cố kiến thức về kiểu bài văn tự sự, nắm chắc đặc điểm của văn tự sự, biết cách làm một bài văn tự sự kể chuyện đời thường.

## Kĩ năng:

* + HS tạo lập được văn bản tự sự kể chuyện đời thường.
  + HS biết kể chuyện một cách mạch lạc, diễn cảm, sử dụng ngôi kể phù hợp, kể theo một trình tự hợp lí.

## Thái độ:

* + - * Nghiêm túc khi làm bài.
      * Biết trân trọng, yêu quý những người xung quanh.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: tự học, sử dụng ngôn ngữ
* Phẩm chất: tự chủ, tự lập, yêu gia đình, nhân ái.

## Hình thức:

* Tự luận.

# III. Ma trận đề kiểm tra:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Mức độ**  **Chủ đề** | **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận Dụng** | | **Tổng** |
| ***Thấp*** | ***Cao*** |
| **CĐ1**  **Cách làm bài văn tự sự** | Biết thế nào là lập dàn ý cho bài văn tự sự |  |  |  |  |
| Số câu: | 1 |  |  |  | 1câu |
| Số điểm | 1 | 1 đ |
| Tỉ lệ %: | 10% | 10% |
| **CĐ2:**  **Lời văn, đoạn văn tự sự** |  | Hiểu được đoạn văn trong vb tự sự, sắp xếp được các câu văn trong đoạn văn tự sự |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | hợp logic. |  |  |  |
| Số câu: Số điểm Tỉ lệ %: |  | 1 câu  2 điểm  20% |  |  | 1  2  20% |
| **CĐ3**  **Thực hành viết bài văn tự sự** |  |  |  | Viết được bài văn tự sự kể chuyện đời thường |  |
| Số câu: Số điểm Tỉ lệ % |  |  |  | 1  7 điểm  70 % | 1  7 đ  50% |
| Tổng số câu Số điểm  Tỉ lệ % | 1 câu  1 điểm  10% | 1. câu 2. điểm   20 % |  | 1 câu  7 điểm  70 % | 3 câu  10 đ  100% |

## Đề bài

**Câu 1(1 điểm):** Lập dàn ý cho bài văn tự sự là gì?

**Câu 2 (2 điểm):** Sắp xếp các câu văn dưới đây thành một đoạn văn tự sự đúng logic:

1. Ông ta tìm đến cung điện nhờ các quan trong triều bảo cách làm thế nào gặp được nhà vua.
2. Người nông dân bèn kể lại chuyện muốn dâng vua một viên ngọc quý.
3. Một người nông dân tìm được một viên ngọc quý liền muốn đem dâng tiến nhà vua.
4. Một trong các quan hỏi ông ta cần gặp vua để làm gì.

**Câu 3 (7 điểm):** Kể về một người thân yêu trong cuộc đời em.

## Hướng dẫn chấm và biểu điểm:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Câu | Hướng dẫn chấm | Biểu điểm |
| Câu 1 | Lập dàn ý cho bài văn tự sự là sắp xếp việc gì kể trước, việc gì kể sau để người đọc theo dõi được câu chuyện và hiểu được ý định của người viết. | 1.0 điểm |
| Câu 2 | Trình tự sắp xếp các câu để tạo thành đoạn văn hợp logic: 3, 1, 4 2. | 2.0 điểm |
| Câu 3 | a. Về hình thức, kĩ năng:   * Kiểu bài tự sự: kể chuyện đời thường * Bố cục: đảm bảo 3 phần đầy đủ, rõ ràng * Diễn đạt mạch lạc, trong sáng. * Chọn đúng ngôi kể và trình tự kể phù hợp. * Trình bày sạch đẹp, không mắc lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp. | 7.0 điểm |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | 1. Về nội dung: Đây là đề bài mở, HS tự do chọn lựa 1 người thân yêu của mình để kể. Bài làm cần đảm bảo đầy đủ các ý sau:   MB: Giới thiệu khái quát về 1 người thân yêu của mình (là ai, có quan hệ với mình ntn, tình cảm với người đó, lí do vì sao kể về người đó)  TB: Chọn kể những điểm nổi bật về người đó (ngoại hình nổi bật, sở thích, tính cách, công việc, cách cư xử,…); kể kỉ niệm sâu sắc giữa người đó với mình.  KB: Những cảm xúc, suy nghĩ của mình về người đó.   1. Biểu điểm  * Điểm 7: Đáp ứng tốt những yêu cầu trên, diễn đạt trong sáng, mạch lạc, hấp dẫn, truyện kể có chiều sâu, có cá tính và sáng tạo trong hành văn. * Điểm 5 - 6: Đáp ứng tương đối những yêu cầu trên. Diễn đạt trôi chảy. Truyện kể có ý nghĩa. Song còn mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt, ngữ pháp,... Chưa thấy được cá tính riêng trong viết văn. * Điểm 3 - 4: Đáp ứng cơ bản những yêu cầu trên nhưng phần kể còn rườm rà, chưa thật chọn lọc các chi tiết, còn mắc lỗi chính tả, diễn đạt, ngữ pháp. Ý nghĩa truyện chưa được thể hiện rõ rệt. * Điểm 1 -2: Chưa đáp ứng đủ các yêu cầu trên, bài sơ sài, thiếu nhiều ý, lúng túng trong triển khai các sự việc của truyện, truyện không có ý nghĩa, diễn đạt rườm rà, lủng củng, mắc nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp. * Điểm 0: Không làm bài hoặc lạc đề hoàn toàn |  |

## Tuần 14

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 53 – TLV

**KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* Hiểu được thế nào là kể chuyện tưởng tượng.
* Hiểu được nhân vật, cốt truyện trong tác phẩm tự sự.
* Hiểu vai trò của tưởng tượng trong tự sự.

## Kỹ năng:

* Kể chuyện sáng tạo ở mức độ đơn giản.

## Thái độ:

* Yêu thích môn Văn.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: tự học, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ, sáng tạo.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ.

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng
  2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, thuyết trình, hoạt động nhóm
* Kĩ thuật: thảo luận nhóm, động não, chia nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* Ổn định lớp:
* Kiểm tra bài cũ:
* Hãy kể các bước xây dựng bài văn tự sự đời thường ?
* Hãy thực hiện các bước xây dựng bài văn tự sự với đề văn sau : Kể về thầy ( cô ) giáo của em .
* Vào bài mới: Bên cạnh kể chuyện dân gian và kể chuyện đời thường, văn tự sự còn có nhóm bài kể chuyện tưởng tượng. Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: tìm hiểu chung về kể chuyện tưởng tượng   * PP: vấn đáp, hoạt động nhóm * KT: chia nhóm, TL nhóm, mảnh ghép   ? Hãy kể tóm tắt truyện ngụ ngôn “Chân, | Tìm hiểu chung về kể chuyện tưởng tượng  * 1. **Ví dụ:**   \* Ví dụ 1:  *- Chân, Tay, Tai, Mắt cùng nhau chống lại lão Miệng. Chúng kéo đến nhà lão Miệng* |

Tay, Tai, Mắt, Miệng” ? HS kể tóm tắt.

? Trong truyện người ta tưởng tượng ra những gì?

? Chi tiết tưởng tượng nào dựa vào sự thật?

GV: như vật, ko phải tất cả mọi chi tiết trong truyện đều là tưởng tượng vì còn nhiều chi tiết dựa vào thực tế.

? Các chi tiết tưởng tượng trong truyện CTTMM thể hiện được ý nghĩa gì?

? Vậy tưởng tượng đóng vai trò như thế nào trong truyện này?

? Có phải tất cả mọi chi tiết, sự việc trong truyện đều là bịa đặt hay không? Vì sao?

? Sự tưởng tượng đó có ý nghĩa gì?

? Theo em tưởng tượng trong tự sự có phải là tuỳ tiện không?

? Từ đây, em hiểu thế nào là kể chuyện tưởng tượng?

## KT mảnh ghép:

HS đọc truyện “Lục súc tranh công”, “Giấc mơ trò chuyện với Lang Liêu”.

* **Vòng 1:** *Truyện có thật trong thực tế không? Chỉ ra sự tưởng tượng của tác giả dân gian? Những tưởng tượng ấy dựa trên sự thật nào? Tưởng tượng như vậy nhằm mục đích gì?*

Nhóm 1,3: Truyện “Lục súc tranh công” Nhóm 2 ,4: Truyện “Giấc mơ trò chuyện với Lang Liêu”.

*và nói với lão sẽ không làm cho Miệng ăn.*

* *Từ hôm đó Chân, Tay… không làm gì và cả bọn thấy mình mệt mỏi, rã rời.*
* *Cả bọn biết sai nên đến nhà Miệng cho lão ăn và từ đó cả bọn sống hòa thuận.*
* Tưởng tượng:

+ Các bộ phận trên cơ thể con người được tưởng tượng thành những nhân vật riêng có tên gọi, có nhà, biết suy nghĩ, hành động như con người.

+ Chi tiết dựa vào sự thật: tên gọi của các nv là bộ phận trên cơ thể người; xưng hô như người,các nhân vật này có đặc điểm giống như trong thực tế.

-> Qua tưởng tượng câu chuyện về các nv CTTMM, truyện thể hiện một tư tưởng: trong xh con người phải biết nương tựa vào nhau để sống...

Tưởng tượng làm cho truyện thêm hấp dẫn + nhằm thể hiện một tư tưởng, một chủ đề.

Tưởng tượng trong tự sự không thể tùy tiện mà phải được xây dựng có mục đích.

## Ghi nhớ 1 sgk.

1. **Ví dụ 2:** Truyện “Lục súc tranh công”

* Tưởng tượng:

+ Sáu con gia súc nói được tiếng người.

+ Sáu con kể công và kể khổ

* Sự thật: cuộc sống và công việc của mỗi giống vật
* Chủ đề: Các giống vật tuy khác nhau nhưng đều có ích cho con người, không nên so bì, ganh tị.

1. **Ví dụ 3**: Giấc mơ trò chuyện với Lang Liêu.

|  |  |
| --- | --- |
| * HS thảo luận 3 phút, các nhóm trình bày, nhận xét, bổ sung. * GV nhận xét, chốt kt.   **\* Vòng 2**: *Hãy so sánh kể chuyện đời thường và kể chuyện tưởng tượng ?*   * Thời gian: 3 phút * HS đảo nhóm, báo cáo, các nhóm nx, bổ sung.   GV khái quát toàn bài. | * Tưởng tượng: Được gặp Lang Liêu nói chuyện việc làm bánh chưng. * Sự thực : Ngày tết làm bánh chưng, bánh giầy. * Mục đích: Hiểu rõ hơn về câu chuyện “Bánh chưng bánh giầy ”. Lang Liêu tự nói những gì mà người đọc còn chưa rõ.   Nhân vật có thể là các con vật,cây cối, đồ vật được nhân hoá như con người.   * Cần xác định rõ tư tưởng, chủ đề của câu chuyện được kể.   **\* Ghi nhớ** 2 SGK/ T.133   * Giống nhau: cùng sử dụng yếu tố có thật trong thực tế * Khác nhau:   + Kể chuyện đời thường: Là những câu chuyện hàng ngày từng trải qua, từng gặp với người quen hay người lạ nhưng để lại những ấn tượng, cảm xúc nhất định .  + Kể chuyện tưởng tượng: có sử dụng yếu tố có thật trong thực tế nhưng chủ yếu là yếu tố được hình thành dựa trên cơ sở tưởng tượng của người viết .  **2. Ghi nhớ:** SGK – trang 133 |
| **3. Hoạt động luyện tập:** | |
| HS đọc yêu cầu của đề.  ? Tưởng tượng cuộc đọ sức giữa Sơn Tinh và Thuỷ Tinh trong thời đại mới? | **II. Luyện tập: Bài 1:**  Bài văn: Giấc mơ trò chuyện với Lang Liêu   * Truyện thuộc thể loại tưởng tượng vì: Chỉ có nhân vật người kể xưng em và việc nấu bánh chưng là có thật còn mọi chuyện khác đều do tưởng tượng. * Câu chuyện tưởng tượng:   + Tưởng tượng một giấc mơ được gặp Lang Liêu.  + Tưởng tượng Lang Liêu đi thăm dân nấu bánh chưng. |

* HS viết thành câu chuyện hoàn chỉnh dựa vào dàn ý.

## Hoạt động vận dụng:

+ Tưởng tượng em trò chuyện với Lang Liêu .

* Mục đích: giúp hiểu thêm về nhân vật Lang Liêu, về phong tục làm bánh chưng, bánh giầy của dân tộc ta.

1. Dàn bài:
   1. Mở bài:

Trận lũ lụt khủng khiếp năm 2000 ở đồng bằng sông Cửu Long.

Thuỷ Tinh, Sơn Tinh lại đại chiến với nhau trên chiến trường mới này.

Thân bài:

* Cảnh Thuỷ Tinh khiêu chiến, tấn công với những vũ khí cũ nhưng mạnh hơn gấp bội, tàn ác hơn gấp bội.
* Cảnh Sơn Tinh ngày nay chống lũ lụt: huy động sức mạnh tổng lực: đất, đá, xe ben. xe ka ma, tàu hoả, trực thăng, xe lội nước...

+ Các phương tiện thông tin hiện đại: vô tuyến, điện thoại di động...

+ Cảnh bộ đội, công an giúp dân chống

+ Cảnh cả nước quyên góp:

+ Cảnh những chiến sĩ hi sinh vì dân.

c. Kết bài: TT còn bị thua trong thế kỉ 21.

* Tưởng tượng em được gặp ông tiên, kể lại cuộc gặp gỡ thú vị đó.
* HS làm bài ở nhà.

## 5. Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm các câu chuyện tưởng tượng kì ảo của vh dân gian VN.
* Học bài, thuộc ghi nhớ.
* Làm dàn bài cho đề bài 2,5 phần luyện tập.
* Chuẩn bị: Ôn tập truyện dân gian (GV kí hợp đồng với GV, hoàn thiện phiếu HT để trình bày về các thể loại truyện dân gian theo mẫu sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Đặc điểm | Truyền thuyết | Cổ tích | Ngụ ngôn | Truyện cười |
| Thể loại Nội dung Đặc sắc NT |  |  |  |  |
| Nhân vật |  |  |  |  |
| Mục đích sáng tác Trình tự kể |  |  |  |  |

Tuần14. Ngày soạn: 19.11.2016. Ngày dạy: 26/11/2016 Tiết 54

## ÔN TẬP TRUYỆN DÂN GIAN (Tiết 1)

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* Biết được đặc điểm thể loại cơ bản của truyện dân gian đã học: truyền thuyết, cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười.
* Hiểu được nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của các truyện dân gian đã học.

## Kỹ năng:

* So sánh sự giống và khác nhau giữa các truyện dân gian
* Trình bày cảm nhận về truyện dân gian theo đặc trưng thể loại.
* Kể lại một vài truyện dân gian đã học.

## Thái độ:

* Yêu thích môn Văn

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, máy chiếu
  2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn, chuẩn bị thanh lí hợp đồng

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, dạy học hợp đồng
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình ôn tập
* **Vào bài mới:** Truyện dân gian là một bộ phận quan trọng của văn học dân gian. Từ đầu học kì đến nay, chúng ta đã được tìm những thể loại và tác phẩm nào ? Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau hệ thống lại .

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: hệ thống hóa định nghĩa thể loại và các truyện dân gian   * PP: vấn đáp, hđ nhóm   KT: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm  ? Điền vào sơ đồ các thể loại truyện dân gian đã học?   * Yêu cầu HS nhắc lại khái niệm các thể loại: truyền thuyết, cổ tích, ngụ ngôn, truyện cười? | **I. Hệ thống hoá định nghĩa thể loại và các truyện dân gian**  Truyện dân gian |
|  |  |

? Em hãy kể tên các truyện đã học trong từng thể loại?

* GV thanh lí hợp đồng.
* Gọi HS đại diện cho nhóm 2 thanh lí hợp đồng với GV.
* HS các nhóm đối chiếu, nhận xét. GV chốt kt.

## Đặc điểm tiêu biểu của các thể loại:

Đặc điểm

Truyền thuyết Cổ tích Ngụ ngôn Truyện cười

Thể loại

Nội dung

Đặc sắc NT

Nhân vật

Mục đích sáng tác

Trình tự kể

* Truyện dân gian
* Kể về các nhân vật và sự kiện lịch sử trong quá khứ.

-> cốt lõi là sự thật lịch sử

* Có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo.

Có liên quan đến lịch sử

* Thể hiện thái độ và cách đánh giá của nhân dân đối với các sự kiện và nhân vật lịch sử được kể.

Kể xuôi

* Truyện dân gian
* Kể về cuộc đời một số kiểu nhân vật quen thuộc.
* Có nhiều chi tiết tưởng tượng kì ảo.

Bất hạnh/ nhân vật dũng sĩ và nv có tài năng kì lạ/ nv thông minh và ngốc nghếch/ nv là động vật

* Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân về chiến thắng cuối cùng của lẽ phải, của cái thiện.

Kể xuôi

* Truyện dân gian
* Mượn chuyện về loài vật, đồ vật hoặc con người để nói bóng gió

chuyện con người.

Loài vật, đồ vật

* Nêu bài học để khuyên nhủ, răn dạy người ta trong cuộc sống.

Kể xuôi

* Truyện dân gian
* Kể về những hiện tượng đáng cười trong cuộc sống (hiện tượng có tính ngược đời, lỗ bịch, trái tự nhiên)
* Có yếu tố gây cười.

Con người

Nhằm gây cươì mua vui hoặc phê phán những thói hư tật xấu trong xã hội từ đó hướng người ta tới cái đẹp.

Kể xuôi

## Hoạt động luyện tập:

* GV chia lớp thành 4 nhóm. Mỗi nhóm minh họa đặc điểm của từng thể loại văn học qua từng tác phẩm

(phiếu học tập)

## Minh họa đặc điểm của các thể loại văn học

1. **Thể loại truyền thuyết**

* Nhóm 1: Thể loại truyền thuyết

+ sự thật lịch sử

+ yếu tố kì ảo

+ Mục đích sáng tác

- Nhóm 2: Thể loại truyện cổ tích

+ Yếu tố thần kì

+ Nhân vật chính

+ Thái độ, ước mơ của nhân dân

* Nhóm 3: Thể loại truyện ngụ ngôn

+ Cốt truyện

+ Bài học rút ra từ truyện

* Yếu tố lịch sử:

+ Vua Hùng

+ giặc Ân xâm phạm bờ cõi nước ta

+ Những dấu tích Gióng để lại

- Yếu tố thần kì:

+ Sự ra đời và lớn lên của Thánh Gióng

+ Gióng vươn mình thành tráng sĩ và đánh giặc

+ Gióng bay về trời

* Mục đích sáng tác:

+ Ca ngợi cuộc đấu tranh chống giặc Ân của nd ta

+ Thể hiện quan niệm và ước mơ của nhân dân ta từ buổi đầu lịch sử về người anh hùng cứu nước chống giặc ngoại xâm

## Thể loại truyện cổ tích:

* Yếu tố thần kì:

+ Sự ra đời và lớn lên kì lạ của Thạch Sanh: Là thái tử con Ngọc Hoàng; Mẹ mang thai trong nhiều năm; Được thiên thần dạy đủ võ nghệ...

+ Vũ khí thần kì: cung tên vàng, đàn thần, niêu cơm thần

+ chiến công diệt chằn tinh, đại bàng, hồn chằn tinh, đại bàng...

-Nhân vật: Là truyện cổ tích về người dũng sĩ diệt chằn tinh, diệt đại bang cứu người bị hại, vạch mặt kẻ vong ơn bội nghĩa và chống quân xâm lược

* Thái độ và ước mơ của nhân dân: Thể hiện ước mơ, niềm tin về đạo đức, công lí xã hội và lí tưởng nhân đạo, yêu hòa bình của nhân dân ta.

## Thể loại truyện ngụ ngôn:

* Cốt truyện: Truyện kể về chuyện xem voi của năm ông thầy bói
* Bài học:

+ Phải biết nhìn nhận, đánh giá sự việc khách quan, toàn diện

+ Trong ứng xử, khi tranh luận phải biết tôn trọng ý kiến của người khác, tránh chủ quan, bảo thủ

## Thể loại truyện cười:

1. **Hoạt động vận dụng:**

* Viết bài văn ngắn nêu cảm nhận của em về một câu chuyện dân gian đã học để lại ấn tượng sâu sắc nhất trong em.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc thêm truyện dân gian VN.
* Ôn tập tốt các thể loại truyện dân gian.
* Chuẩn bị : Ôn tập truyện dân gian (tiếp)

+ Đọc bài, chuẩn bị bài theo hệ thống câu hỏi sgk.

## Tuần15

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 55

**ÔN TẬP TRUYỆN DÂN GIAN (Tiết 2)**

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* Biết được đặc điểm thể loại cơ bản của truyện dân gian đã học: truyền thuyết, cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười.
* Hiểu được nội dung, ý nghĩa và đặc sắc nghệ thuật của các truyện dân gian đã học.

## Kỹ năng:

* So sánh sự giống và khác nhau giữa các truyện dân gian
* Trình bày cảm nhận về truyện dân gian theo đặc trưng thể loại.
* Kể lại một vài truyện dân gian đã học.

## Thái độ:

* Yêu thích môn Văn

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giải quyết vấn đề, giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ.
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng, máy chiếu
    2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn.

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, hoạt động nhóm, trực quan, luyện tập thực hành
* Kĩ thuật: đặt câu hỏi, thảo luận nhóm, trình bày 1 phút

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:**
* Kể tên các câu chuyện truyền thuyết (cổ tích) mà em đã học?
* Truyện truyền thuyết (cổ tích) nào khiến em thích nhất? Vì sao?
* **Vào bài mới:** GV chiếu hình ảnh các thể loại truyện (bìa 1 số sách truyện cổ tích và truyện ngụ ngôn, truyện cười,…). GV dẫn vào bài.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

## G CẦN ĐẠT

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS NỘI DUN** | |  |
| **HĐ 1: So sánh các thể loại truyện dân gian. IV. So sánh sự gi**   * PP: gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm **giữa các thể loại:** * KT: Thảo luận nhóm   **? Tìm ra điểm giống và khác nhau giữa các thể loại truyện dân gian?**  **Nhóm 1,2,3: truyền thuyết và cổ tích**  **Nhóm 4,5,6: truyện ngụ ngôn và truyện cười** | |  |
| * HS các nhóm thảo luận 4 phút, đại diện báo **1. Truyền thuyết v**   cáo. Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. ***a. Giống nhau:***   * GV nhận xét, chốt kiến thức, thu PHT của các - Đều có yếu tố tưở nhóm, chấm điểm. - Có nhiều chi tiết gi   thần kì, nhân vật   * 2 HS lên bảng làm năng phi thường. * HS còn lại làm ra nháp ***b. Khác nhau:*** * HS nhận xét | |  |
|  | Truyền thuyết Cổ tích |  |
| Nhân vật | Kể về các nhân vật, sự kiện có Nhân vật đại diện cho một loại người, liên quan đến lịch thời quá khứ một tính cách, một phẩm chất ... | |

**ống và khác nhau**

**à cổ tích:**

ng tượng kì ảo.

ống nhau: Sự ra đời chính có những tài

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  | | (nhân vật lương thiện – độc ác; thống trị - bị trị, dũng cảm, tài năng – bất tài, ngu dốt, thông minh...) |
| Mục đích | Thể hiện cách đánh giá của nhân dân đối với nhân vật và sự kiện lịch sử được kể | | Thể hiện ước mơ, niềm tin của nhân dân ta về chiến thắng cuối cùng của cái thiện đối với cái ác. |
| Tính xác thực | Người kể, người nghe tin câu chuyện là có thật | | Người kể, người nghe không tin câu chuyện là có thật |
| Đề tài | Sự ra đời của các dân tộc, đấu tranh chống giặc ngoại xâm, đấu tranh chống các thế lực thiên nhiên hung ác, sáng tạo ra các sản phẩm văn hóa ...  -> Rộng lớn ảnh hưởng đến cả cộng đồng | | Xung đột giữa cái thiện với cái ác, cái lương thiện, bất lương, thống thị -bị trị ....  -> Những vấn đề đời thường trong cuộc sống mỗi người. |
|  | | | Truyện ngụ ngôn và truyện cười:  * 1. ***Giống nhau***: Đều gây cười.  *Khác nhau:*  * Truyện cười: gây cười để mua vui hoặc phê phán, châm biếm những sự việc, hiện tượng, tính cách đáng cười. * Truyện ngụ ngôn: khuyên nhủ, răn dạy người ta một bài học cụ thể nào đó trong cuộc sống | |

## Hoạt động luyện tập:

* PP: vấn đáp, trực quan
* KT: đặt câu hỏi, trình bày một phút
* GV chiếu những hình ảnh về một số văn bản truyện dân gian và yêu cầu kể diễn cảm câu chuyện dựa vào gợi ý là các bức ảnh.
* HS kể chuyện.
* HS khác nhận xét.
* GV nhận xét tổng hợp.

? Trong các câu chuyện dân gian em đã học, em thích nhân vật nào ? Vì sao?

* Gọi hs nhận xét.
* GV nhận xét.

## Thi kể chuyện dân gian

* Truyện Bánh chưng bánh giày
* Truyện Thạch Sanh
* Truyện Em bé thông minh
* Truyện Ếch ngồi đáy giếng
* Truyện Treo biển

## Nhân vật yêu thích nhất:

* VD: Thích nhân vật Mã Lương trong truyện “Cây bút thần” vì Mã Lương là một em bé lương thiện và kiên quyết chống kẻ ác…

## Hoạt động vận dụng:

* Viết bài văn ngắn nêu suy nghĩ của em về vai trò, ý nghĩa của truyện dân gian trong đời sống tinh thần của con người Việt Nam ngày nay.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Sưu tầm thêm các câu chuyện dân gian thuộc các thể loại truyện dân gian đã học.
* Lên lớp kể cho các bạn nghe những truyện đã sưu tầm được, cùng bạn tìm ra ý nghĩa câu chuyện.
* Xem lại đề kiểm tra tiếng Việt đã làm, làm lại vào vở bài tập.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng.

* Tiếp tục ôn tập, tìm thêm kiến thức nâng về từ nhiều nghĩa, cách phân biệt từ láy và từ ghép (Sách Ngữ văn 6 nâng cao)
* Về nhà làm lại bài (câu 3, 4)
* Tự sửa những lỗi sai.
* Chuẩn bị bài mới : Chỉ từ (Đọc các ví dụ, trả lời câu hỏi tìm hiểu bài. Làm phần LT sgk)

## Tuần 15

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 57

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

**CHỈ TỪ**

* Hiểu được ý nghĩa và công dụng của chỉ từ.

## Kỹ năng:

* Luyện kĩ năng nhận biết và sử dụng chỉ từ thích hợp khi nói và viết.

## Thái độ:

* Có ý thức sử dụng chỉ từ khi nói và viết.

## Năng lực, phẩm chât:

* NL: giao tiếp, hợp tác, sử dụng ngôn ngữ
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:** Giáo án, hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng
    2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp, trực quan, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành
* Kĩ thuật: chia nhóm, thảo luận nhóm, sơ đồ tư duy

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:**
* Thế nào là số từ, lượng từ? Cho ví dụ và phân tích?
* **Vào bài mới:** Trong tiếng Việt, bên canh các từ loại chỉ sự vật, khái niệm hay hoạt động còn có những từ có chức năng để trỏ và xác định vị trí sự vật .

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

**Hoạt động của GV và HS Nội dung cần đạt**

HĐ 1: Chỉ từ là gì:

* PP: vấn đáp, hđ nhóm
* KT: thảo luận nhóm

GV chiếu ví dụ sgk. HS đọc VD.

? Xđ từ in đậm và cho biết chúng bổ sung ý nghĩa cho từ nào?

? Các từ được bổ sung ý nghĩa thuộc từ loại nào?

HS đọc ví dụ b.

? So sánh các cụm từ trên với các DT?

? Nêu vị trí của các từ in đậm và tác dụng của chúng trong cụm từ?

HS đọc ví dụ c.

HS thảo luận cặp đôi trả lời:

## ? Nghĩa của từ *nọ, ấy* có gì giống và khác nhau trong các trường hợp trên?

? Qua ví dụ cho biết đặc điểm của các từ in đậm ?

GV: Những từ in đậm là chỉ từ.

* Qua vd, em hiểu thế nào là chỉ từ ?
* HS đọc phần ghi nhớ.
* Tìm chỉ từ trong câu, nêu ý nghĩa chức vụcủa chỉ từ đó?

## Chỉ từ .

* 1. **Ví dụ** :
     1. Ông vua **nọ**, viên quan **ấy**; làng **kia**; nhà **nọ**

DT DT DT DT

* Từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho danh từ.

**b**.

* Ông vua / ông vua **nọ**.
* Viên quan/ viên quan **ấy**.
* Làng/ làng **nọ**.
* Nhà/ nhà **nọ**.
* Các cụm từ (bên phải) có ý nghĩa rõ ràng, đầy đủ hơn so với các danh từ (bên trái).
* Từ in đậm đứng sau danh từ , xác định vị trí của sự vật được nêu trong cụm danh từ.

## c.

* Hồi ấy/ đêm nọ.
* Viên quan ấy/ nhà nọ.
* Giống: Xác định vị trí ( định vị ) sự vật
* Khác : + ông vua **nọ**, viên quan **ấy**...: định vị sự vật trong không gian.

+ ấy, nọ: định vị sự vật về thời gian

-> Xác định vị trí của vật trong không gian hoặc thời gian.

### *Chỉ từ là những từ dùng để trỏ vào sự vật, nhằm xác định vị trí của sự vật.*

* 1. **Ghi nhớ SGK /T.137**
* **Bài tập 1**.

1. Thứ bánh đó: Định vị sự vật trong không gian-

Phụ ngữ cho danh từ

1. Đấy, đây: Định vị sự vật trong không gian- Chủ ngữ
2. Nay: Định vị sự vật trong thời gian- Trạng ngữ trong câu.
3. Định vị sự vật trong thời gian - Trạng ngữ trong

câu

HĐ 2: Hoạt động của chỉ từ trong câu.

* PP: vấn đáp, hđ nhóm
* KT: TL nhóm, sơ đồ tư duy

\* GV tổ chức thảo luận nhóm (4 nhóm) – 4 phút

Nhóm 1,2: Phân tích cấu trúc NP của câu ở VD phần I, cho biết vai trò NP của chỉ từ trong câu?

Nhóm 3,4: Phân tích cấu trúc ngữ pháp câu ở ví dụ II.a,b? Xác định chỉ từ và chức vụ ngữ pháp của chỉ từ trong các câu đó?

* HS các nhóm thảo luận, báo cáo kết quả, nhận xét, bổ sung.
* GV nhận xét, chốt.

? Qua phân tích các ví dụ, em thấy chỉ từ có thể giữ chức vụ gì trong câu ?

* HS đọc ghi nhớ.
* HS vẽ sơ đồ tư duy khái quát kiến thức về chỉ từ. (1hs lên bảng, các bạn khác vẽ vào vở)

## Hoạt động của chỉ từ trong câu.

1. **Ví dụ**

* **VD phần I**.

Chỉ từ làm phụ ngữ trong cụm danh từ.

## \* VD 2 (sgk/137)

* 1. **Đó** / là một điều rất chắc chắn. CT- CN VN

Chỉ từ làm CN trong câu

* 1. Từ **đấy** / nước ta / chăm nghề cày cấy CT - TN CN VN

### *Chỉ từ làm phụ ngữ trong cụm danh từ. Ngoài ra chỉ từ còn làm thành phần chủ ngữ hoặc trạng ngữ trong câu.*

1. **Ghi nhớ SGK/ T.137**
2. **Hoạt động luyện tập:**
3. **Hoạt động vận dụng:**

* Em hãy xem lại bài văn đã viết trong bài viết tập làm văn số 2, xác định các chỉ từ có trong bài văn của em.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc và làm các bài tập nâng cao trong bài Chỉ từ ở sách Ngữ văn 6 nâng cao.
* Học bài, thuộc ghi nhớ. Hoàn thiện bài tập.
* Soạn bài: Luyện tập kể chuyện tưởng tượng.

Tuần 15 Ngày soạn: 26/11/2016 Ngày dạy: 3/12/2016 Tiết 58

## LUYỆN TẬP KỂ CHUYỆN TƯỞNG TƯỢNG

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* Tập giải quyết một số đề tự sự tưởng tượng và sáng tạo.
* Tự làm được dàn bài cho đề bài tưởng tượng.

## Kỹ năng:

* Rèn luyện kĩ năng tìm hiểu đề, tìm ý, lập dàn ý một bài văn kể chuyện tưởng tượng

## Thái độ:

* Có ý thức thực hiện các bước khi làm bài văn kể chuyện tưởng tượng

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: tự học, sáng tạo, sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng
  2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp:

## III. TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ: Kiểm tra 15 phút**
* Câu 1 (3 điểm): Trình bày khái niệm kể chuyện tưởng tượng ?
* Câu 2 (7 điểm): Viết đoạn văn mở bài (từ 5-7 dòng) với đề bài sau: Trong vai nhân vật vua Hùng kể lại truyện “Sơn Tinh, Thủy Tinh”

## Vào bài mới:

**GV:** Cho HS xem màn hình (đọc) hai đề văn sau:

*Đề 1: Sau nhiều năm sống xa quê giờ em mới có dịp trở về. Hãy kể về những đổi mới ở quê em.*

*Đề 2: Hãy tưởng tượng và kể lại những đổi mới của quê em sau mười năm nữa.*

**GV:** Hãy so sánh hai đề văn trên?

**HS:** Giống nhau: đều kể về những đổi mới của quê em.

Khác nhau: + Đề 1 thuộc kiểu đề kể chuyện đời thường

+ Đề 2 thuộc kiểu đề kể chuyện tưởng tượng.

**GV:** Vậy thế nào là truyện tưởng tượng?

**HS:** Truyện tưởng tượng là những truyện do người kể nghĩ ra bằng trí tưởng tượng của mình, không có sẵn trong sách vỡ hay trong thực tế, nhưng có một ý nghĩa nào đó.

**GV:** Để rèn thêm cho các em kỹ năng kể chuyện tưởng tượng, hôm nay chúng ta học bài ***Luyện tập kể chuyện tưởng tượng.***

## Hoạt động luyện tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung cần đạt** |
| * Gọi HS đọc đề bài. * Cho biết kiểu đề? Nội dung của đề?   \* Tổ chức thảo luận nhóm:  **? Xây dựng dàn bài chi tiết cho đề bài trên.**   * HS các nhóm thảo luận thống nhất báo cáo kết quả, nhận xét chéo, bổ sung. * GV nhận xét, chốt, chấm điểm các nhóm. * Y/C HS về nhà viết thành bài văn * Gọi HS đọc đề bài.   ? Lập dàn ý cho đề văn | Xây dựng dàn bài kể chuyện tưởng tượng.  * 1. **Đề bài**: Kể chuyện mười năm sau em thăm lại ngôi trường em đang học. Hãy tưởng tượng sự thay đổi có thể xảy ra?  Tìm hiểu đề:  * Kiểu đề: Kể chuyện tưởng tượng * Nội dung: Thăm lại mái trường cũ sau 10 năm   + Cảm xúc, tâm trạng của mình trước và sau chuyến đi  **b. Dàn bài**.   * Mở bài: Thời gian vào lúc nào? Hoàn cảnh của em thay đổi (Bao nhiêu tuổi, còn đi học hay đã đi làm) ? * Thân bài:   + Tâm trạng trước lúc về thăm.  + Cảnh trường sau 10 năm xa cách đã thay đổi: phòng học mới, khang trang, bàn ghế đầy đủ….  + Gặp các thầy cô giáo cũ: Các thầy cô giáo bây giờ đã cao tuổi, mái tóc bạc... nhưng vẫn niềm nở, thân thiện, yêu quý học trò…  + Gặp gỡ bạn cũ, kỷ niệm với bạn vụt hiện về... gặp các em học sinh mới lại nhớ về kỉ niệm học trò thuở xưa…  \* Kết bài:  + Phút chia tay luyến tiếc, xúc động.....  + Ấn tượng sâu đậm sau chuyến thăm.  **2. Đề bài : Hãy tưởng tượng và viết tiếp đoạn kết mới cho câu chuyện cổ tích: Cây bút thần.** |

trên?

? Phần mở bài cần nêu vấn đề gì?

? Phần thân bài cần nêu những ý nào?

? Phần KB cần có nd ntn?

HS viết mở bài, kết bài cho đề văn trên.

* Nhóm chẵn: viết MB
* Nhóm lẻ: viết KB.
* HS đọc bài làm -> n.x
* GV nhận xét.

- Gọi HS đọc truyện “Con cò với truyện ngụ ngôn”.

* Bài học rút ra từ câu chuyện này?
* Liên hệ môi trường.

? Lập dàn bài cho đề bài trên?

HS làm việc cặp đôi.

* HS các cặp trình bày
* HS nhận xét, bổ sung.
* GV nhận xét.
* Mở bài: Mã Lương sau khi trừng trị bọn vua quan đã bỏ đi đi đến một nơi khác.

1. Thân bài: - Mã Lương tiếp tục vẽ cho người nghèo.

* Một tên cướp, tên nhà giàu.... muốn cướp chiếc bút của Mã Lương và Mã Lương đã trừng trị bọn chúng. (Mã Lương vẽ để diệt trừ quái vật hại nhân dân )

1. Kết bài: Nhân dân suy tôn Mã Lương lên làm vua.....

* Bài văn tham khảo: ***Con cò với truyện ngụ ngôn.***
* HS đọc câu chuyện (SGK / T. 40 )
* Trong cuộc sống cần có lòng bao dung, độ lượng....

## II. Luyện tập.

### *\* Đề bài: Hãy tưởng tượng và kể lại sau 20 năm nữa đất nước chúng ta có một môi trường trong lành.*

***\* Dàn bài.***

1. Mở bài: Giới thiệu tình hình đất nước sau 20 năm nữa.
2. Thân bài:

* Các nhà máy xử lý khói bụi, chất thải đạt tiêu chuẩn. Nguồn nước không còn bị ô nhiễm.
* Khắp nơi mướt màu xanh của cây lá.
* Không còn tình trạng vứt rác thải bừa bãi.
* Chế tạo ra nhiên liệu sinh học không độc hại đến môi trường thay thế xăng, dầu, than..

1. Kết bài: Tâm trạng của mọi người sung sướng khi được sống trong bầu không khí trong lành.

## Hoạt động vận dụng:

* Viết bài văn hoàn chỉnh cho 1 trong 2 đề vừa lập dàn ý.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc các bài văn kể chuyện tưởng tượng trong sách tham khảo.
* Soạn bài: Con hổ có nghĩa (Đọc vb, tóm tắt truyện, đọc chú thích, trả lời các câu hỏi tìm hiểu bài)

## Tuần 16

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 59 - Hướng dẫn đọc thêm – Văn bản:

**CON HỔ CÓ NGHĨA**

(Lan Trì kiến văn lục – Vũ Trinh)

## MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* Biết được đặc điểm thể loại truyện trung đại.
* Hiểu được ý nghĩa đề cao đạo lý, nghĩa tình ở truyện “Con hổ có nghĩa”, khuyên con người biết làm điều nghĩa.
* Biết được nét đặc sắc của truyện: kết cấu nghệ thuật đơn giản và sử dụng nghệ thuật nhân hóa.

## Kỹ năng:

* Đọc hiểu được văn bản truyện trung đại.
* Phân tích để hiểu ý nghĩa của hình tượng của “con hổ có nghĩa”.
* Kể lại được truyện.

## Thái độ:

**-** Biết ơn với những người đã cưu mang, giúp đỡ mình.

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ, nhân ái.

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn KTKN, tài liệu tham khảo
    2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới theo hướng dẫn

## PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: gợi mở - vấn đáp, hoạt động nhóm, phân tích, giảng bình, trực quan
* Kĩ thuật: thảo luận nhóm, trình bày một phút

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**

* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:** GV chiếu ảnh, y/cầu hs kể tên các truyện d.gian đã học dựa vào ảnh.

**\* Vào bài mới:** Sau truyện dân gian, chương trình Ngữ Văn 6 giới thiệu với chúng ta một số truyện trung đại. Các tác giả thời trung đại rất đề cao đạo lí trong văn chương. Văn bản “ Con hổ có nghĩa” hôm nay chúng ta học là một trong những truyện như thế.

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Đọc, tìm hiểu chung   * PP: DH hợp đồng, đọc phân vai * KT: phòng tranh   ? Nên đọc truyện ntn?  GV Hướng dẫn đọc: Giọng đọc gợi không khí li kì. Nhiều đoạn giọng cảm động.   * GV đọc mẫu 1 đoạn. * HS đọc, nx. GV nx. * HS kể diễn cảm tóm tắt truyện. (HS lên bảng) * HS thanh lí hợp đồng về tác giả, tác phẩm bằng sơ đồ tư duy. (Nhóm 1)   (Nội dung: thông tin về tác giả; tác phẩm: xuất xứ, thể loại, ptbđ, bố cục)   * HS các nhóm khác nx, bổ sung. * GV nhận xét, chốt, mở rộng.   ? Em đã học thể loại truyện dân gian, hnay học truyện trung đại  ? Thế nào là truyện trung đại ? Trình bày đặc điểm của thể loại này?  ? Xác định bố cục văn bản?  ? Truyện xoay quanh 2 sự việc, hai sự việc này dường như không liên kết với nhau vậy Tại sao có thể ghép hai chuyện | Đọc và tìm hiểu chung:  * 1. **Tác giả:** Vũ Trinh (1759-1828).   - Người trấn Kinh Bắc. Làm quan dưới thời nhà Lê, nhà Nguyễn. Tác phẩm:  * 1. **Đọc, kể:**   *Bà đỡ Trần được hổ đi đỡ đẻ cho hổ cái. Xong việc,con hổ lại cõng bà ra khỏi rừng và đền ơn 10 lạng bạc. Bác tiều mỗ cứu hổ khỏi bị hóc xương. Hổ đền ơn đáp nghĩa bác tiều. Bác Tiều qua đời, hổ còn đến bên quan tài tỏ lòng thương xót và sau đó, mõi dịp giỗ bác tiều, hổ lại đem dê hoặc lợn đến tế.*   * 1. **Xuất xứ: Trích trong “Lan Trì kiến văn lục”.** * *Tập truyện truyền kì, viết bằng chữ Hán, gồm 45 truyện với đề tài:*   *+ Giáo dục, thi cử.*  *+ Báo ứng luân hồi...*   * *Phần lớn được stác trên cơ sở những truyền thuyết lưu hành trong nhân dân đương thời.*   **c. Thể loại: truyện trung đại**   * Thời gian: từ thế kỉ X-XIX. * Đặc điểm:   + Có vtrò q.trọng, n.dung phong phú.  + Cốt truyện đơn giản, thường theo trình tự tgian  + Mang tính giáo huấn.  + Tính cách nhân vật thể hiện qua ngôn ngữ trực tiếp của người kể chuyện, qua hành động và qua ngôn ngữ đối thoại của nhân vật.  + Thế giới nội tâm nv và ngôn ngữ độc thoại của nhân vật còn rất hiếm.  **d. Bố cục: 2 phần** |

|  |  |
| --- | --- |
| thành 1 truyện?  TL: Vì đều có chung 1 chủ đề: cái nghĩa của con hổ  ? Em hiểu “nghĩa” trong truyện này là gì?  HS giải thích  **GV:** “Nghĩa” là lẽ phải, là khuôn phép ứng xử tốt đẹp giữa người với người như lòng vị tha, thủy chung..., là lòng biết ơn với những ai đã giúp đỡ mình. Vậy nghĩa của hổ mà Vũ Trinh nói đến trong văn bản này là gì. Thông qua nghĩa của hổ, tác giả muốn gửi đến chúng ta thông điệp gì, -> phân tích vb. | * Từ đầu đến... hổ sống qua được: Hổ đực trả nghĩa bà đờ Trần. * Tiếp đến hết: Hổ trán trắng trả nghĩa bác Tiều. |
| ? NV hổ bị đặt trong tình huống nào?  ? Theo em đây là tình huống ntn?  ? Hổ đực đã có quyết định gì? (Đi tìm bà đỡ Trần)  GV: Hổ đực quyết định tìm bà đỡ Trần về để giúp hổ cái sinh con, câu chuyện giữa hổ với bà đỡ Trần sẽ cho ta hiểu hơn về 2 nhân vật này.  \* T/c thảo luận nhóm, hoàn thiện phiếu học tập. Tìm chi tiết kể về hành động của hổ đực trước và sau khi được bà đỡ Trần giúp? Qua đó em hiểu gì về nhân vật này?  1. **Bà đỡ Trần đã có những hành động nào khi hổ đực đến tìm? Hành động đó cho thấy bà đỡ Trần là người ntn?**   ? Câu chuyện giữa con hổ và bà đỡ Trần được tác giả xây dựng nhờ vào những biện pháp nghệ thuật nào ?  ? Tác dụng của biện pháp NT đó?  ? Qua diễn biến phần 1 câu chuyện, em | **II. Phân tích:**  **1. Hổ trả nghĩa cho bà đỡ Trần.**   * Tình huống: Hổ cái đẻ khó.   -> Tình huống kịch tính   * Hành động của hổ đực và bà đỡ Trần:   **Hổ đực Bà đỡ Trần**  + Gõ cửa Ban đầu: Sợ  + Lao tới cõng bà đỡ Trần không dám nhúc  + Chạy như bay vào rừng nhích  + Hễ gặp bụi rậm, gai góc thì  dùng chân rẽ lối bảo vệ giữ Sau: cho uống gìn bà đỡ thuốc, xoa bụng  + Cầm tay bà đỡ Trần, nhỏ hổ nước mắt  **-> biết yêu thương, lo lắng -> dũng cảm, cho vợ con nhân đức**  + Đào bạc tặng, vẫy đuôi, gầm đưa tiễn  **-> Có nghĩa, có tình**  **+ Nghệ thuật:** Nhân hóa, tưởng tượng, nhiều tình tiết sinh động, hấp dẫn  *-> Diễn tả thành công đời sống nội tâm của các nhân vật*  **=> Đề cao cách sống yêu thương, nhân** |

|  |  |
| --- | --- |
| hiểu được tác giả Vũ Trinh đmuốn đề cao cách sống ntn?  GV giảng bình: Có thể nói, những việc làm, hành động quyết đoán của hổ đực trong p1 câu chuyện cho ta thấy hổ là người sống biết yêu thương. Cách mời bà đỡ có phần đặc biệt (xông đến cõng) nhưng đó là do tình thế nguy cấp. Ta cảm động trước hành động của hổ: rẽ bụi rậm, gai góc để bảo vệ bà đỡ Trần trên đường vào rừng. Rồi càng cảm phục hơn trước cách đền ơn, đáp nghĩa của hổ. Hổ vừa cung kính, vừa lưu luyến tặng bà 1 cục bạc để bà sống qua năm mất mùa đói kém. Cử chỉ ấy thể hiện cách sống nhân nghĩa, thủy chung của một loài động vật hung dữ - chúa tể rừng xanh.  GV chuyển ý. | **nghĩa thuỷ chung, biết ơn những người đã giúp đỡ mình..** |
| GV chiếu tranh.  ? Sang p2 của truyện, tác giả đã xây dựng lên tình huống gì? Nhận xét tình huống?  ? Tìm chi tiết kể về tình huống đó?  ? Qua lời miêu tả của tác giả, em hình dung ntn vè khó khăn mà hổ đang gặp?  ? Bác tiều phu đã tự làm gì để giúp hổ thoát nạn?  ? Bác là người ntn  ? Hành động của bác có gì giống và khác với bà đỡ   * giống: đều giúp kẻ hoạn nạn * Khác: Bác chủ động hơn   ? Hổ trán trắng đã trả nghĩa bác tiều như thế nào?  ? Hổ là con vật ntn  ***? Cùng là trả nghĩa, em thích cách trả*** | **2. Hổ trả nghĩa bác tiều phu:**  - Tình huống: hổ hóc xương.  -> nguy cấp  *“nhảy lên, vật xuống… máu me, nhớt dãi trào ra”*  -> đau đớn, bất lực, nguy hiểm đến tính mạng  -Bác tiều: dùng tay thò vào cổ họng hổ, lấy xương ra  -> Dũng cảm, nhân đức  - Hổ trả ơn bác tiều:  + Ngay sau khi được cứu.  + Mười năm sau, khi bác tiều mất.  + Vào những ngày giỗ bác  -> trọng nghĩa tình, biết trả ơn, sâu sắc |

|  |  |
| --- | --- |
| ***nghĩa nào hơn.***  TL: con hổ trước đền ơn một lần khi bà đỡ trần còn sống. Con hổ sau đền ơn mãi mãi cả khi bác tiều sống lẫn chết.  ***? Trong thực tế cuộc sống, em đã từng được ai giúp đỡ khi gặp khó khăn, em đã trả ơn ntn?***  ***? Sau khi học truyện này em dự định sẽ là gì để tiếp tục trả ơn người đã giúp mình***  ? Có ý kiến cho rằng, cả hai truyện đều xoay quanh việc hổ trả ơn, Như thế là lặp lại k cần thiết. Ý kiến của em ntn – **HS thảo luận nhóm bàn -2 phút**  ? Đó là Nt gì ?  ? Tác dụng | Nt: lặp lại, tăng tiến  -> tô đậm tư tưởng, chủ đề của tác phẩm (cái nghĩa của con hổ). |
| HĐ 3: Tổng kết:  - KT: hỏi và trả lời  GV cho HS hỏi và trả lời về nt và nd truyện.  ? Trong truyện này, em thấy tác giả đã sử dụng nghệ thuật gì?  ? Truyện này có ý nghĩa như thế nào?  ***Giáo dục kĩ năng sống:***  ? Qua câu chuyện này, em rút ra được bài học gì cho bản thân?  GV:   * Biết sống nhân ái, tình cảm, chan hòa * Biết sống có nghĩa: Biết ơn và biết đền ơn đáp nghĩa đối với những ai đã giúp đỡ, cưu mang mình * Biết làm việc nghĩa: biết giúp đỡ người khác bằng những hành động, việc làm thiết thực khi họ gặp khó khăn mà không toan tính toán. | Tổng kết:  * 1. **Nghệ thuật:** * Nhân hóa, xây dựng hình tượng mang ý nghĩa giáo huấn. * Kết cấu truyện có sự nâng cấp khi nói về cái nghĩa của hai con hổ nhằm tô đậm tư tưởng, chủ đề tác phẩm.   **2. Nội dung:**  Truyện đề cao giá trị làm người: con vật còn có nghĩa huống chi là con người. |

## Hoạt động luyện tập:

\* Bài tập trắc nghiệm:

Câu 1. Lời nhận xét nào sai về truyện trung đại?

A.Đó là những truyện được viết trong thời kì trung đại.

1. Đó là những truyện truyền miệng trong dân gian.
2. Đó là những truyện mang đậm tính giáo huấn.
3. Đó là những truyện có cách viết đơn giản nhưng mang ý nghĩa sâu sắc. Câu 2. Nhận xét nào gần đúng với ý nghĩa truyện?
4. Truyện đè cao tình cảm thuỷ chung giữa con người với nhau.
5. Truyện đề cao tình cảm giữa con người với loài vật.
6. truyện đề cao cái nghĩa và khuyên con người luôn biết trọng ân nghĩa.

C. Truyện ca ngợi phẩm chất tốt đẹp của loài vật.

* Tự luận: Theo em vì sao truyện Con hổ có nghĩa được xếp vào truyện trung đại? Em biết câu chuyện nào tương tự như câu chuyện *Con hổ có nghĩa* không? Hãy kể lại.

## Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn 7-10 câu nêu bài học em rút ra từ truyện.
* GV hướng dẫn.
* Giới thiệu tên tác giả, tác phẩm:

**C1:** “ Uống nước nhớ nguồn, ăn quả nhớ kẻ trồng cây” ... câu thành ngữ đúc kết đạo lí làm nguwoif bao đời làm nhớ đến câu chuyện đầy xúc động: ***Con hổ có nghĩa*** của Vũ Trinh

**C2:** “Sống trong đời sống, cần có một tấm lòng...”. lời bài hát đầy xúc động mang hàm ý sâu xa gợi ta nhờ đến truyện ***Con hổ có nghĩa*** của Vũ Trinh

* Khái quát giá trị nội dung và Nt của truyện: truyện hết sức ngắn gọn xúc tích, qua đó ta thấy được điều mà tác giả gửi gắm: hổ - một loàivật hung dữ gặp khó khăn, hoạn nạn được giúp dỡ k chỉ biết ơn mà còn biết nhớ ơn đấy mà trả.
* Bài học: Mượn chuyện con hổ để nói chuyện con người Truyện đề cao ân nghĩa trong đạo làm người.

+ Truyện k chỉ khuyên ta: Biết sống nhân ái, tình cảm, chan hòa với mọi người

+ mà còn nhắc nhở ta: Biết sống có nghĩa: Biết ơn và biết đền ơn đáp nghĩa đối với những ai đã giúp đỡ, cưu mang mình

+ Và biết làm việc nghĩa: biết giúp đỡ người khác bằng những hành động, việc làm thiết thực khi họ gặp khó khăn mà không toan tính toán.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Tìm đọc các câu chuyện có nội dung đề cao cái nghĩa, cái tình, biết trả ơn và ghi nhớ công lao của người khác đối với mình (Cây khế, ...)
* Soạn bài: Động từ (Đọc bài, tìm hiểu các ví dụ, trả lời các câu hỏi sgk.

## Tuần 17

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 60 – TV:

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

Qua bài học, HS cần:

## Kiến thức:

* Biết được khái niệm động từ:

+ Ý nghĩa khái quát của động từ.

# ĐỘNG TỪ

+ Đặc điểm ngữ pháp của động từ (khả năng kết hợp của động từ, chức vụ ngữ pháp của động từ).

* Các loại động từ.

## Kỹ năng:

* Nhận biết được động từ trong câu.
* Phân biệt động từ tình thái và động từ chỉ hoạt động, trạng thái.
* Sử dụng động từ để đặt câu.

## Thái độ:

* Ý thức sử dụng động từ trong khi nói và viết

## Năng lực, phẩm chất:

* Năng lực: sử dụng ngôn ngữ, giao tiếp, hợp tác, tự học
* Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:**

-Phương tiện: Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng

* Phương pháp: dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở, quy nạp, giảng bình...
  + 1. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* Phương pháp: vấn đáp – gợi mở, hoạt động nhóm
* Kĩ thuật: Thảo luận nhóm, chia nhóm

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Hoạt động khởi động:**
   * **Ổn định lớp:**
   * **Kiểm tra bài cũ:**

* Chỉ từ là gì? Đoạn thơ sau có mấy chỉ từ?

*"Cô kia đi đằng ấy với ai*

*Trồng dưa, dưa héo, trồng khoai khoai hà Cô kia đi đằng này với ta*

*Trồng khoai khoai tốt, trồng cà cà sai"*

**\* Bắt đầu khởi động:** Bên cạnh các từ loại như danh từ, số từ, lượng từ…trong tiếng Việt còn sử dụng một số lượng lớn các động từ. Vậy động từ là gì. có chức năng thế nào trong câu? Hôm nay, chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu

## Hoạt động hình thành kiến thức mới:

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Đặc điểm của động từ   * PP: vấn đáp, hoạt động nhóm * KT: thảo luận nhóm, chia nhóm.   HS đọc ví dụ Sgk  ? Những từ nào dùng để chỉ hoạt động, trạng thái của sự vật?  ? Vậy, em hãy cho biết thế nào là động từ?  ? Những động từ chúng ta vừa tìm được kết hợp với những từ nào đứng trước nó?  HS xác định.  ? Những từ đó thuộc từ loại gì? (Phó từ chỉ sự tiếp diễn, ra lệnh)  ? Qua ví dụ vừa tìm hiểu, em hãy rút ra kết luận về khả năng kết hợp của động từ?  ? Tìm một động từ, đặt câu với động từ đó? Xác định thành phần câu?  ? Động từ giữ chức vụ ngữ pháp gì trong câu?  ? Có khi nào động từ giữ chức vụ chủ ngữ không? Cho ví dụ. Nhận xét về khả năng kết hợp của động từ khi làm chủ ngữ ?  ? Chỉ ra sự khác biệt giữa động từ và danh từ?  Danh từ không kết hợp: sẽ, đang, cũng,vẫn, hãy, chớ, đừng. Danh từ làm chủ ngữ. | **I Đặc điểm của động từ** Khái niệm:  * 1. *Đi, đến, ra, hỏi*  1. *Lấy, làm, lễ* 2. *treo, có, xem, cười, bảo, bán, phải, đề*   Động từ.  Động từ là những từ chỉ hoạt động trạng thái của sự vật.  ***2*. Khả năng kết hợp:**  - Động từ kết hợp với: *đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng*,… để tạo cụm động từ.  **3. Chức vụ ngữ pháp:**   * Có thể được dùng với chức vụ vị ngữ. * Khi động từ làm chủ ngữ thì sẽ mất khả năng kết hợp với các từ đã, sẽ, đang, cũng, vẫn, hãy, chớ, đừng,... |

|  |  |
| --- | --- |
| \* Lưu ý: Động từ không kết hợp với lượng từ, số từ: Một làm, hai làm... |  |
| HĐ 2: Các động từ chính   * PP: trực quan, vấn đáp * KT: đặt câu hỏi   ? Xếp các động từ vào bảng?  ( GV kẻ bảng, chép động từ vào giấy, học sinh lên bảng dán)  ? Dựa vào bảng phân loại, em hãy cho biết động từ có mấy loại chính?  Là những loại nào?  ? Động từ chỉ hành động trả lời câu hỏi gì?  ? Động từ chỉ trạng thái trả lời câu hỏi gì ? | **II Các loại động từ chính**  Nội dung đòi hỏi Không đòi hỏi  động từ động từ khác khác kèm kèm phía sau phía sau (hành động, trạng (Tình thái) thái)  Trả lời câu Đi, chạy, cười,  hỏi: Làm gì? đọc, hỏi, ngồi, đứng  Trả lời câu dám, toan, Buồn, gãy, ghét, hỏi: Làm định, đừng vui, yêu, đau nhức sao? Thế  nào?  Dựa vào vị trí trong cụm động từ và ý nghĩa khái quát của từ, động từ được chia làm hai loại:  + Động từ tình thái ( thường đòi hỏi động từ khác đi kèm).  + Động từ chỉ hành động, trạng thái:   * Động từ chỉ hành động (trả lời câu hỏi Làm gì?) * Động từ chỉ trạng thái (trả lời các câu hỏi Lmà sao?, Thế nào?) |
| **3. Hoạt động luyện tập:**  - PP: luyện tập thực hành, hoạt động nhóm  HS thảo luận nhóm lớn ( phút)  **Nhóm 1,2:** Đọc “ Lợn cưới, áo mới” để tìm động từ ” rồi xác định xem chúng thuộc loại động từ tình thái hay động từ chỉ hành động, trạng thái. **Nhóm 3,4:** Tìm 2 động từ chỉ hành động, 2 động từ chỉ trạng thái và đặt câu với các động từ ấy? | **III. Luỵên tập:**  Bài tập 1:   1. Các động từ:   có, khoe, may, đem, ra, mặc, đứng, hóng, đợi, thấy, hỏi, tức, tức tối, chạy, giơ, bảo.   1. Phân loại:  * Động từ chỉ tình thái: có (thấy) * Động từ chỉ hành động, trạng thái: các ĐT còn lạ. |

## Hoạt động vận dụng:

Hãy đánh dấu (X) vào trước câu trả lời đúng.

**Câu 1**: Nhóm động từ nào đòi hỏi phải có động từ khác đi kèm ở phía sau?

## Định, toan, dám, đừng.

1. Buồn, đau, ghét, nhớ.
2. Chạy, đi, cười, đọc.
3. Thêu, may, đan, khâu.

**Câu 2:** Từ ngữ nào có thể điền vào chỗ trống thích hợp cho câu văn “ Bà cho là hổ……ăn thịt mình, run sợ không…….nhúc nhích”?

a. định.

c. dám

b. đừng

Câu 3: Viết đoạn văn về chủ đề chú bộ đội có sử dụng động từ. GV hướng dẫn HS về nhà làm.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* + Tìm đọc và làm bài tập về động tự trong sách “Ngữ văn nâng cao lớp 6”.
  + Xem lại bài tập.
  + Đạt câu và xác định chức vụ ngữ pháp của động từ trong câu.
  + Luyện viết chính tả một đoạn truyện đã học.
  + Thống kê các động từ tình thái và động từ chỉ hành động, trạng thái trong bài chính tả.
  + Chuẩn bị bài: “Cụm động từ”

## Tuần

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 61

* 1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT: Qua bài học, hs cần:**
     1. **Kiến thức:**

**CỤM ĐỘNG TỪ**

* + Hiểu được nghĩa của cụm động từ .
  + Biết chức năng ngữ pháp của cụm động từ .
  + Biết cấu tạo đầy đủ của cụm động từ .
  + Biết Ý nghĩa của phụ ngữ trước và phụ ngữ sau trong cụm động từ.

## Kĩ năng:

* + Xác định được cấu tạo cụm động từ

## Thái độ:

* + Có thói quen sử dụng cụm chính xác, có hiệu quả cụm động từ

4. Năng lực, phẩm chất:

* + Năng lực: tự học, giao tiếp, sử dụng ngôn ngữ, hợp tác
  + Phẩm chất: tự tin, tự chủ

## CHUẨN BỊ

* + 1. **Giáo viên:** Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng
    2. **Học sinh:** Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## CÁC PHƯƠNG PHÁP, KĨ THUẬT DẠY HỌC:

* + PP: vấn đáp, hoạt động nhóm, luyện tập thực hành.
  + KT: thảo luận nhóm, đặt câu hỏi, lược đồ tư duy.

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

* + 1. **Hoạt động khởi động:**
* **Ổn định lớp:**
* **Kiểm tra bài cũ:**
  + Thế nào là động từ ? Nêu các loại động từ chính? Cho ví dụ từng trường hợp?

**\* Vào bài mới:** Giáo viên cho học sinh quan sát 2 ví dụ: *cắt* (động từ) và *đang cắt* (cụm động từ). Vậy, cụm động từ là gì? Cấu tạo của cụm động từ ra sao? Vai trò của nó như thế nào so với động từ? Chúng ta cùng tìm hiểu qua tiết học này.

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GV – HS** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| HĐ 1: Đặc điểm của động từ   * PP : hoạt động nhóm, gợi mở vấn đáp. * KT: thảo luận nhóm   GV chiếu câu văn trích trong văn bản ***Em bé thông minh*** (147,sgk) | **I Đặc điểm của động từ** *Khái niệm:*  * 1. Ví dụ:   -**đã** *đi* **nhiều nơi** |

? Các từ in đậm bổ sung ý nghĩa cho từ nào ?

?Từ “đi”, “ra” thuộc từ loại gì? TL: thuộc động từ.

- GV: Các ngữ trên chính là cụm động từ.

? Vậy cụm động từ là gì ?

? Thử bỏ các từ ngữ in đậm ở các ví dụ trên được không? Vì sao?

TL: Không bỏ được. Vì các sắc thái ý nghĩa về thời gian, địa điểm, đối tượng mà động từ biểu thị bi mất -> nội dung thông báo thay đổi.

### *Các từ bổ sung ý nghĩa cho động từ nhiều khi chúng không thể thiếu được.*

? Vậy phụ ngữ có vai trò gì trong cụm động từ ?

Phụ ngữ có vai trò rất quan trọng.

Cho Hs ghi câu bị lược bỏ phụ ngữ trước và sau lên bảng : viên quan đi-đến đâu cũng ra (là những câu không thể hiểu được)

GV cho một động từ “học”.

? Em hãy thêm phụ ngữ ở phía trước và phía sau từ “học” để tạo thành *cụm động từ* ?

? Đặt câu với cụm động từ nêu trên và xác định cấu trúc ngữ pháp?

GV cho học sinh xác định cấu tạo ngữ pháp trong câu sau và rút nhận xét.

*Học bài, chuẩn bị bài là nhiệm vụ của học sinh trước khi đến lớp.*

HS thảo luận cặp đôi trả lời câu hỏi.

ĐT

## -cũng *ra* những câu đố oái oăm

**ĐT**

-để hỏi mọi người

ĐT

=> Cụm động từ: là loại tổ hợp từ do động từ với một số từ ngữ phụ thuộc nó tạo thành.

* Bỏ các từ ngữ in đậm thì câu vô nghĩa.

Nhiều động từ phải có các từ ngữ phụ thuộc đi kèm, tạo thành cụm động từ mới trọn nghĩa.

* Động từ: “ ***học***”
* Cụm động từ: đang học bài.

Cụm động từ có ý nghĩa đầy đủ hơn và có cấu tạo phức tạp hơn một mình động từ.

### *Chức vụ ngữ pháp:*

* 1. Ví dụ:

Nga /đang học bài.

C V

Làm vị ngữ trong câu.

VD: Học bài, chuẩn bị bài/ là nhiệm vụ của học sinh trước khi đến lớp.

Làm chủ ngữ: Cụm động từ không có phụ ngữ trước.

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| HĐ2: Cấu tạo của cụm động từ.   * PP: hoạt động nhóm, đặt câu hỏi * KT: thảo luận nhóm   **-** GV vẽ mô hình cụm động từ.   * **HS thảo luận cặp đôi** điền các cụm ĐT vào mô hình (3 phút)   *Gợi ý:*   * Xác định ĐT chính trước (phần TT) * Những phó từ còn lại tuỳ theo ý nghĩa mà nó bổ sung- điền vào phần trước hoặc phần sau. * HS báo cáo -> nx, bổ sung GV chốt bảng. * HS thảo luận nhóm lớn (5 phút)   **? Nêu cấu tạo và ý nghĩa của CĐT?**  **? Tìm thêm những từ ngữ có thể làm phụ ngữ ở phần trước, phần sau cụm động từ. Cho biết những phụ ngữ ấy bổ sung cho động từ trung tâm những ý nghĩa gì?** |  | Cấu tạo của cụm động từ  * 1. **Ví dụ:**   PT TT PS  đã **Đi** nhiều nơi  cũng **Ra** những câu đố…  Cấu tạo đầy đủ của cụm động từ gồm: ba phần:  - **Phụ trước:**  + Bổ sung cho động từ các ý nghĩa quan hệ thời gian: đã, đang, sẽ,…  + Sự tiếp diễn tương tự: cũng, vẫn,…  + Sự khuyến khích hoặc ngăn cản hành động: hãy, đừng, chớ,…  + Sự phủ định hoặc khẳng định hành động: không, chưa chẳng,…  **- Phần trung tâm**: luôn là động từ.  - **Phụ sau**: Bổ sung cho động từ các chi tiết về đối tượng, hướng, địa điểm, thời gian, mục đích, nguyên nhân, phương tiện, cách thức hành động,… |  |
| **3. Hoạt động luyện tập:**   * PP: luyện tập thực hành, hoạt động nhóm * KT: thảo luận nhóm * HS xđ yêu cầu BT 1,2. * GV hướng dẫn * HS thảo luận cặp đôi -> báo cáo, bổ sung * GV nhận xét, chốt kt. |  | **III Luyện tập**  **Bài tập 1, 2:** Các cụm động từ:  **PT TT PS**  Còn đùa ở sau nhà đang nghịch  yêu Mị Nương hết mực thương  muốn cho con người chồng kén thật xứng đáng  đành Tìm cách …… có thì đi Hỏi ….. |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| giờ |  |  |
|  | đi | Hỏi ý kiến …. |

## Hoạt động vận dụng:

* Viết đoạn văn với chủ đề: Em được nhận quà của ông già Noel trong đó có sử dụng cụm động từ.
* GV hướng dẫn HS về nhà làm bài.

## Hoạt động tìm tòi, mở rộng:

* Đọc văn bản: “Con hổ có nghĩa”, tìm các cụm động từ, đưa chúng vào mô hình CĐT
* Chuẩn bị: “Tính từ và cụm tính từ”

## Tuần

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tuần16. Tiết 62

**Hướng dẫn đọc thêm: MẸ HIỀN DẠY CON I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**

* 1. **Kiến thức:**
* Giúp học sinh có được những hiểu biết ban đầu về thầy Mạnh Tử.
* Nhớ Những sự việc chính trong truyện.
* Hiểu ý nghĩa của truyện.
* Biết cách viết truyện gần gũi với viết kí (ghi chép sự việc), với sử (ghi chép sự thật) ở thời trung đại.

## Kỹ năng:

* Đọc hiểu văn bản truyện trung đại Mẹ hiền dạy con.
* Nắm bắt và phân tích được các sự kiện trong truyện.
* Kể lại được nội dung câu chuyện.

## Thái độ:

* Giáo dục cho học sinh sự kính trọng và lòng biết ơn công lao sinh thành, nuôi dưỡng của mẹ vì mẹ là người thầy đầu tiên của cuộc đời mổi con người

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:**

-Phương tiện: Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng

* Phương pháp: dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở, quy nạp, giảng bình...

## Học sinh:

-Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP: 1.Ổn định lớp:

1. **Kiểm tra bài cũ:** Tóm tắt truyện “Con hổ có nghĩa”. Qua đó rút ra bài học cho bản thân .

## Tiến trình bài học

***\* Vào bài:*** Có lẽ trong mỗi chúng ta không ai không biết bài ca dao:

*Công cha như núi Thái Sơn*

*Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra Một lòng thờ mẹ kính cha*

*Cho tròn chữ hiếu mới là đạo con*

Cha mẹ không chỉ là người sinh thành mà còn giáo dục ta nên người. Làm cha làm mẹ ai cũng muốn giáo dục con cái khôn lớn thành người, song không phải những điều cha mẹ mong muốn đều có thể thành hiện thực. Điều đó phụ thuộc nhiều vào cách giáo dục con cái của cha mẹ. Mạnh tử- nhà hiền triết nổi tiếng của Trung Quốc đã may mắn có được người mẹ như vậy. Để hiểu hơn điều đó hôm nay chúng ta học văn bản “Mẹ hiền dạy con”.

### *\* Nội dung dạy học cụ thể:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| ? Trình bày những hiểu biết của em về tác giả Mạnh Tử ?  GV mở rộng (qua hình ảnh trên máy chiếu)-  **SLide** | **I.Đọc và tìm hiểu chung: 1.Tác giả**  - Một bậc hiền triết nổi tiếng của Trung Hoa  **2.Tác phẩm:** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ? Hãy nêu xuất xứ của văn bản ? **SLide**  Hướng dẫn cách đọc: giọng đọc vừa phải, nghiêm trang phù hợp với tình cảm của người mẹ dành cho con vừa yêu thương vừa nghiêm khắc.   * GV đọc mẫu, HS đọc -> GV nhận xét * GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu một số chú thích.   ? Hãy xác định thể loại và phương thức biểu đạt của văn bản ?  ? Nhắc lại đặc điểm truyện trung đại - **SLide**  ? Hãy xác định bố cục của văn bản ? **Slide** | | | a. Xuất xứ: Tuyển dịch từ sách “Liệt nữ truyện”, in trong “Cổ học tinh hoa” b.Đọc   1. Chú thích 2. Thể loại; Phương thức biểu đạt  * Thể loại: truyện trung đại * Phương thức biểu đạt: Tự sự   e. Bố cục: 3 phần   * Phần 1: Từ “ Thầy Mạnh Tử…... ở được đây”: Mạnh mẫu chọn nơi ở cho con * Phần 2: Từ “một hôm… cho con ăn thật”: Mạnh mẫu dạy con chữ tín * Phần 3: còn lại: Mạnh mẫu dạy con chí thú học hành  Phân tích:  * 1. **Mạnh mẫu chọn nơi ở cho con** | | |
| **Nơi ở** | **Ảnh hưởng đến Mạnh Tử** | | | **Thái độ và hành động của Mạnh mẫu** |  |
| 1.Nhà ở gần nghĩa địa | *Bắt chước* : đào, chôn, lăn, khóc… Tâm trạng tang tóc, sầu bi | | | * Suy nghĩ: *Không phải chỗ con ta ở đươc* * Hành động: chuyển nhà |  |
| 2. Khi nhà ở gần chợ | Bắt chước nô nghịch, buôn bán điên đảo.  Xói mòn nhân cách | | |
| 3. Khi nhà ở gần trường học. | *Bắt chước* học tập lễ phép, cắp sách vở.  Học điều tốt, làm diều hay | | | * Tâm trạng: vui lòng: … *con ta ở được đây.* * Hành động: ở lại |  |
| **?** Tại sao mẹ Mạnh Tử không chọn cách khuyên răn hay cấm đoán con không nên bắt chước mà lại quyết định chuyển nhà hai lần tốn kém như vậy?  - *Trẻ thơ chưa phân biệt được đúng sai, tốt xấu, có thói quen bắt chước.* | | -*> hiểu tâm lí trẻ thơ và ý thức sâu sắc vai trò của môi trường sống đối với sự phát triển nhân cách.* | | |  |

|  |  |
| --- | --- |
| *- > Bà hiểu tâm lí trẻ thơ và ý thức sâu sắc vai trò của môi trường sống đối với sự phát triển nhân cách.*  **GV** giảng**:**Từ xa xưa cha ông ta đã có những câu ca dao, tục ngữ để răn dạy con cháu phải biết lựa chọn môi trường sống tốt đẹp nhất.  ? Hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ có nội dung tương tự như thế?  **HS:** *- Gần mực thì đen, gần đèn thì sáng.*   * *Ở bầu thì tròn, ở óng thì dài.* * *Trong đầm gì đẹp băng sen… Gần bùn mà chẳng hôi tênh mùi bùn.*   **GV:** Liên hệ thêm về môi trường sống của học sinh. |  |
| **?** Khi nghe Mạnh Tử hỏi *“Người ta giết lợn làm gì?”*, người mẹ đã trả lời như thế nào?  **HS:** *Mẹ lỡ lời nói đùa -> Nói dối (không cố ý) -*  *> hối hận.*  **?** Biết mình đã lỡ , người mẹ MT cso suy nghĩ gì  ? và hành động thế nào để sửa lỗi?  **?** Me muốn dạy Mạnh tử điều gì  **GV:** Kể cho HS nghe câu chuyện về mẹ thầy Tăng Sâm (người học trò xuất sắc của Khổng Tử) để học sinh hiểu hơn về vai trò của chữ tín)  **?** Vậy em có suy nghĩ gì về chữ ***“tín”*** trong cuộc sống?  **GV:** Liên hệ cho học sinh thấy rằng trong cuộc sống cần phải có sự nhất quán giữa lời nói và việc làm, không được nói một đường, làm một nẻo.  **GV:** Hãy tìm một số câu tục ngữ có ý nghĩa khuyên răn hoặc phê phán nội dung đó?  **HS:** *- Nói lời phải giữ lấy lời….*   * *Nói một đằng làm một nẻo.* * *Hứa hươu hứa vượn.* | **2. Mạnh mẫu dạy con chữ tín**   * Nói đùa: “để cho con ăn đấy” * Suy nghĩ: hối hận vì dạy con nói dối * Hành động: đi mua thịt về cho con ăn   => Làm gương dạy con chữ tín, lời nói phải đi đôi với việc làm |
| **?** Khi *Mạnh Tử bỏ học về nhà Mạnh Mẫu đã có* | **3. Mạnh mẫu dạy con chí thú học hành**  - Mạnh tử bỏ học |

|  |  |
| --- | --- |
| *hành động gì*  **GV:** Em hãy cho biết hành động, lời nói của bà mẹ đã thể hiện động cơ, thái độ, tính cách gì của mẹ khi dạy con?  **GV:** Liên hệ cho HS: cha mẹ nghiêm khắc vì thương con  **Tiểu kết:**  ? Hai lần chuyển nhà, một lần nói đùa phải sửa ngay, con bỏ học cắt đứt luôn cắt tấm vải trên khung. Qua các sự việc trên em thấy mẹ Mạnh Tử là người như thế nào? | - Mạnh mẫu: cắt luôn cắt tấm vải trên khung   * *Là người mẹ thông minh, kiên quyết, cẩn trọng trong việc dạy dỗ, giáo dục con.* * *Thương con nhưng không nuông chiều con, cứng rắn, dứt khoát, kiên quyết.* |
| ? Qua câu chuyện “Mẹ hiền dạy con”, em thấy tác giả muốn nói lên điều gì?  ? Qua câu chuyện mẹ con thầy Mạnh Tử, em có suy nghĩ gì về đạo làm con?  TL: Đạo làm con: phải biết nghe lời dạy bảo của cha mẹ.  ? Em có nhận xét gì về cách viết truyện của tác giả?  GV tích hợp: đặc điểm cốt truyện của truyện trung đại . | Tổng kết:  * 1. **Nội dung:** * Mẹ Mạnh Tử là tấm gương sáng về tình thương con. * dạy con:   + Chọn môi trường sống tốt đẹp  + Dạy con phải có đạo đức, chí học tập.  + Không nuông chiều con.  **2. Nghệ thuật:**   * Xây dựng cốt truyện theo mạch thời gian với 5 sự việc chính về mẹ con thầy Mạnh Tử. * Có nhiều chi tiết giàu ý nghĩa, gây xúc động đối với người đọc. |

## Củng cố:

* + Nắm được năm sự việc trong văn bản.
  + Ý nghĩa giáo dục của các sự việc trong văn bản

## Dặn dò

* + Làm bài tập phần luyện tập ( SGK – trang 153)
  + Soạn bài Thầy thuốc giỏi cốt nhất ở tấm lòng.

## Tuần16.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 63

**TÍNH TỪ VÀ CỤM TÍNH TỪ**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
   1. **Kiến thức:**

* Nắm được đặc điểm cơ bản của tính từ và một số loại tính từ cơ bản.
* Nắm được cấu tạo của cụm tính từ.

## Kỹ năng:

* Luyện kĩ năng nhận biết, phân loại, phân tích tính từ và cụm tính từ, sử dụng tính từ và cụm tính từ để dặt câu, viết đoạn.

## Thái độ:

* Có ý thức sử dụng tính từ trong nói và viết

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:**

-Phương tiện: Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng

* Phương pháp : dạy học hợp tác , đàm thoại gợi mở, quy nạp, giảng bình...

## Học sinh:

-Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP: 1.Ổn định lớp:

1. **Kiểm tra bài cũ:** Nêu khái niệm chỉ từ và cho ví dụ .

## Tiến trình bài học

### *Giới thiệu bài mới:*

* Yêu cầu HS cho ví dụ miêu tả cảnh bình minh

-> Dẫn vào bài học .

### *\* Nội dung dạy học cụ thể:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| - HS đọc ví dụ  ? Bằng hiểu biết của em về tính từ đã được học ở bậc Tiểu học, xác định tính từ trong các VD trên?  ? Em hãy tìm thêm một số tính từ khác (chỉ màu sắc, mùi vị, hình dáng)  TL: + Tình từ chỉ màu sắc: xanh, đỏ, tím, vàng... | 1. **Đặc điểm của tính từ:**    1. **Ví dụ:** SGK - trang 153 Các tính từ:       1. Bé, oai   b, Nhạt, vàng hoe, vàng lịm, vàng ối, vàng tươi. |

|  |  |
| --- | --- |
| + Chỉ mùi vị: chua, cay, mặn...  + Hình dáng: gầy gò, phốp pháp...  ? Những tính từ chúng ta vừa tìm có ý nghĩa gì?  ? Vậy em hiểu thế nào là tính từ?  ? Khả năng kết hợp  ? So sánh khả năng kết hợp của tính từ với động từ  VD: không thể nói: hãy bùi, chớ chua.  ? Chức vụ cú pháp  - Xét 2 VD sau:  + Em bé ngã.  + Em bé thông minh  ? Theo em, tổ hợp từ nào đã là một câu?  ? Để tổ hợp 2 là câu có thể thêm vào đó từ nào?  ? Qua ví dụ vừa phân tích, em hãy nêu nhận xét về khả năng làm chủ ngữ, vị ngữ của tính từ so với động từ  + Tính từ làm vị ngữ trong câu hạn chế hơn.  + Khả năng làm chủ ngữ, tính từ và động từ như nhau.  - Tìm 1 động từ, 1 tính từ đặt câu với tính từ và động từ với chức năng làm chủ ngữ?  ? Cần ghi nhớ điều gì về đặc điểm của tính từ | -> Chỉ đặc điểm, tính chất của hành động, trạng thái.  - Khả năng kết hợp:  + được với: đã , sẽ đang, cũng, vẫn... như ĐT  + Hạn chế nhiều vơi : hãy, đừng chớ...  -Chức vụ cú pháp: vị ngữ, chủ ngữ trong câu .  ***2. Ghi nhớ: SGK trang 154*** |
| ? Trong những tính từ vừa tìm được ở mục I, tính từ nào có khả năng kết hợp được với từ chỉ mức độ rất, hơi, khá, lắm, quá..?  ? Tính từ nào không có khả năng kết hợp được với từ chỉ mức độ rất, hơi, khá, lắm, quá..?  ? Giải thích hiện tượng trên TL: | **II. Các loại tính từ:**  **1. Ví dụ:**   * Các tính từ có khả năng kết hợp được với các tính từ chỉ mức độ: oai, bé, nhạt, héo..   => Tính từ chỉ đặc điểm tương đối   * Tính từ **không** kết hợp được các từ chỉ mức độ : vàng hoe, vàng lịm, vàng tươi, vàng ối =>Tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối |

|  |  |
| --- | --- |
| + Bé, oai, nhạt. héo ... là những tính từ chỉ đặc điểm tương đối => có thể thêm các từ chỉ mức độ để làm rõ mức độ đặc điểm, tính chất.  + vàng hoe, vàng lịm, vàng tươi, vàng ối là những tính từ chỉ đặc điểm tuyệt đối. Mức độ vàng ở đây đx được cụ thể đến mức tuyêt đối k cần, k thể thêm từ chỉ mức độ được nữa.  ? Căn cứ vào đâu người ta phân loại tính từ? Phân làm mấy loại?   * > Căn cứ vào nghĩa tương đối và tuyệt đồi=> chia làm hai loại * Gọi HS đọc Ghi nhớ 2 | ***2. Ghi nhớ- SGK trang 154*** |
| HS đọc ví dụ   * Xác định cụm TT * Xác định TT trung tâm * Đưa vào mô hình * Lấy thêm VD về phụ trước, phụ sau và cho biết phụ ngữ ấy bổ sung cho tính từ trung tâm những ý gì | **III. Cụm Tình từ:**  **1. Ví dụ:** SGk –trang 155   * Vốn đã rất yên tĩnh   -Nhỏ lại   * Sáng vằng vặc ở trên không * Phụ ngữ đứng trước: chỉ mức độ, thời gian, sự tiếp diễn. * Phụ ngữ đứng sau: chỉ vị trí, so sánh, mức độ   **2. *Ghi nhớ: SGK - trang 155*** |
| - Gọi HS lên bảng điền  ? Tìm thên những phụ ngữ đứng trước và sau của cụm tính từ? Cho biết phụ ngữ ấy bổ sung ý nghĩa cho tính từ về mặt nào?  ? Nêu cấu tạo của cụm tính từ ?  ? Tìm cụm tính từ trong các câu trên ?  ? Nhận xét về cấu tạo của các cụm tính từ này?  ? Việc dùng các tính từ và phụ ngữ so sánh | **IV. Luyện tập:**  **Bài 1**: Tìm cụm tính từ   * Sun sun như con đĩa * Chần chẫn như caí đòn càn * Bè bè như cái quạt thóc * Sừng sững như cái cột đình * Tun tủn như cái chổi sể cùn * Các cụm tính từ này đều có cấu tạo 2 phần: phần trung tâm và phần sau.   **Bài 2**: Tác dụng của việc dùng tính từ và phụ ngữ   * Các tính từ đều là từ láy có tác dụng gợi hình ảnh. * Hình ảnh mà các từ láy ấy tạo ra đều là các sự vật tầm thường, thiếu sự lớn lao, |

## Củng cố:

* Nắm được khái niệm, đặc điểm của tính từ
* Nắm được cách phân loại tính từ
* Nắm được cấu tạo của cụm tính từ .

## Dặn dò

* Học bài, thuộc ghi nhớ.
* Hoàn thiện bài tập.
* Chuẩn bị bài: Chương trình địa phương

-

## Tuần16.

Ngày soạn: Ngày dạy:

## Tiết 64

**TRẢ BÀI KIỂM TRA TẬP LÀM VĂN SỐ 3**

1. **MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:**
   1. **Kiến thức:**

* Nắm được: Khái niệm kể chuyện đời thường; cách làm bài văn kể chuyện đời thường…

## Kỹ năng:

* Xác định và nêu vai trò của ngôi kể trong đoạn văn tự sự .
* Viết đoạn văn mở bài cho đề văn kể chuyện đời thường

## Thái độ:

* Ý thức sửa lỗi

## CHUẨN BỊ

* 1. **Giáo viên:**

-Phương tiện: Giáo án, Hướng dẫn thực hiện chuẩn kiến thức kĩ năng

* Phương pháp : dạy học hợp tác, đàm thoại gợi mở, quy nạp, giảng bình...

## Học sinh:

-Học bài cũ, chuẩn bị bài mới

## TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP:

1. **Ổn định lớp:**
2. **Kiểm tra bài cũ:** Kết hợp trong quá trình trả bài .

## Tiến trình bài học

* 1. ***Giới thiệu bài mới:***Hôm nay chúng ta sẽ cùng nhau tìm hiểu đáp án và nhận xét về bài kiểm tra tập làm văn số 3 của các em .

### *\* Nội dung dạy học cụ thể:*

|  |  |
| --- | --- |
| **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH** | **NỘI DUNG CẦN ĐẠT** |
| **Câu 1(1 điểm):**  Câu chủ đề là gì?  Xác định câu chủ đề trong đoạn văn dưới đây:  **Câu 2 (2 điểm) :** Viết đoạn văn khoảng 10-12 dòng kể về một thầy giáo hoặc một cô giáo mà em quý mến  **Câu 3: (6 điểm)** Viết bài văn kể về kỉ niệm một chuyến đi để lại trong em ấn tượng sâu sắc.  ? Thế nào là kể chuyện đời thườn  - G*V yêu cầu hs thảo luận nhóm* | 1. **Tìm hiểu đề, đáp án: Câu 1:**    1. Câu chủ đề là câu văn nêu lên ý chính của toàn đoạn    2. Câu chủ đề của đoạn là: *Dùng cây bút thần, em vẽ cho tất cả người nghèo trong làng* **Câu 2:**  * Giới thiệu được người thầy cô em yêu quý: tên, tuổi * Miêu tả một vài nét về hình dáng, trang phục (nhấn mạnh những nét riêng, những nét gây ấn tượng). * Kể về một vài nét nào đó đặc biệt trong tính cách, tác phong, hoặc tình thương yêu đối với học trò,… * Kể về một kỉ niệm sâu sắc của riêng em với cô   **Câu 3:**  \*Mở bài: Giới thiệu về chuyến đi để lại trong em ấn tượng sâu sắc  \* Thân bài: Kể lại diến biến chi tiết chuyến đi.  + Kể lí do được đi (có thể trình bày ở mở bài).  + Kể một vài nét về cảm xúc, tâm trạng trước khi đi. |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| *trong 3 phút. Trên cơ sở bài viết sẽ lập dàn bài cho đề văn trên .*  GV trả bài cho HS. HS xem lại bài viết , chú ý tới những lỗi mà GV sửa.  -GV nhận xét ưu điểm, nhược điểm khái quát. Sau đó nêu tên 1 số HS làm bài tốt và làm bài chưa tốt  -GV chia lớp thành 2 nhóm và hoàn thiện theo bảng sau:  Nhóm 1: Tìm và sửa lỗi chính tả STT Lỗi chính tả Sửa lỗi 1.  2  3  4 |  | + Kể một vài nét về sự việc, cảnh vật, tâm trạng trên đường đi.  + Kể về những hoạt động em tham gia, những cảnh đẹp, những món ăn mà em được thưởng thức.  \* Kết bài: kể về kết thúc chuyến đi và ấn tượng, bài học về chuyến đi. Trả bài:  1. **Nhận xét:**   **1. Ưu điểm:**  \* Về kiến thức:   * Về cơ bản, HS nắm được khái niệm kể chuyện đời thường * HS xác định được ngôi kể và vai trò của nó trong đoạn văn * Viết được đoạn văn mở bài   \* Về diễn đạt:   * Hầu hết HS không mắc lỗi chính tả * Không còn hiện tượng viết số tự do, không viết hoa danh từ riêng * Lỗi diễn đạt mắc ít hơn   **2. Nhược điểm:**  \* Về kiến thức:  - Một số HS bài viết còn sơ sài, chưa thể hiện được ấn tượng về vấn đề  \* Về hình thức, diễn đạt:   * Một số HS còn viết sai chính tả * Một số HS còn mắc lỗi dùng từ, diễn đạt  Chữa lỗi: Tìm và sửa lỗi chính tả  STT Lỗi chính tả Sửa lỗi   * 1. Từ dã Từ giã  1. Xong nồi Xoong nồi 2. Chải dài Trải dài 3. Giọt xương Giọt sương 5….   Tìm và sửa lỗi diễn đạt | | |  |
| 5…. |  | STT | Lỗi diễn đạt | Sửa lỗi |  |
|  |  |  |  |  |  |
| Nhóm 2: Tìm và sửa lỗi diễn đạt |  | 1. | Trên đường, những bác nông | Trên đường, các bác nông dân đã |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | STT | Lỗi diễn đạt | Sửa lỗi |  |  |  | dân đã mang | mang cuốc ra đồng |  |
|  | 1.  2  3  4  5…. |  |  |  |  |  | cuốc ra đồng  cày  Ông mặt trời đỏ như quả cà | làm việc  Ông mặt trời đỏ như lòng đỏ trứng gà đang từ từ nhô lên từ phía rặng tre |  |
|  | -GV đọc và bình 1 số bài văn đạt điểm cao, có ý tưởng mới lạ và diễn đạt mạch lạc | | |  |  | 2  3  4  5…. | chua chín nấp  sau rặng tre đang từ từ nhô lên  Cảnh bình minh ở đâu cũng đẹp nhưng cảnh bình minh đẹp nhất vẫn là cảnh trên quê hương em  Những tia hồng ngoại đang dần tỏa xuống mặt đất  Mỗi buổi sáng thức giấc em đều ngắm cảnh bình minh nhưng khi xem bình minh thì em lại thấy đẹp nhất cảnh ở quê em | Quê hương có rất  nhiều cảnh đẹp. Trong đó em thích nhất là vẻ đẹp thơ mộng, đầy sức sống vào mỗi buổi bình minh  Những tia nắng ấm áp đang tỏa xuống mặt đất  Tôi luôn giữ sở thích ngắm bình minh vao mỗi buổi sáng. Trong đó, tôi thích nhất là được ngắm nhìn khung cảnh ấy trên quê hương ấy |  |
|  |  |  |  |  |  | **V. Đọc và nhận xét bài làm tốt**  - Bài làm của Lan, trọng, My | | |  |

## Củng cố:

* HS nắm được khái niệm kể chuyện đời thường
* Nắm được đặc điểm của ngôi kể

## Dặn dò

Ôn tập chuẩn bị kiểm tra học kì I